

CHÌM - NỔ - GIẬT - TRÔI

Trên Dòng Sông

Lịch Sử Quê Hương

★
HỒI KÝ

CỦA MỘT SĨ QUAN BÊN CHIẾN BẠI

TỪ MỘT NGƯỜI LÍNH
Q.L.V.N.C.H.

ĐẾN THUYỀN NHÂN
VÀ HÀNH TRÌNH
VƯỢT BIÊN TÌM TỰ DO

VŨ HUY THÁM

Cuốn
Chìm-Nổi-Giạt-Trôi
Trên Dòng Sông Lịch Sử
Quê Hương
được viết để
Tưởng Niệm và Tưởng Nhớ
tất cả
NGƯỜI VIỆT NAM
BÊN CHIẾN BẠI & BÊN CHIẾN THẮNG
Đã Tử Vong Trong Cuộc Nội Chiến
Ý THỨC HỆ
Trước Và Sau Tháng Tư 1975

Mục lục

** Lời Nói Đầu	04
01. Nhớ về làng xưa.....	07
02. Quê tôi tám năm chìm trong khói lửa.....	13
03. Đi học trong vùng kháng chiến	21
04. Cuộc Cách Mạng Ruộng Đất ở làng tôi	36
05. Cuộc trốn chạy từ Bắc vào Nam của gia đình tôi	58
06. Đi học ở miền Nam	72
07. Nhìn lại những năm tháng đi học ở miền Bắc.....	78
08. Tôi là một người lính Việt Nam Cộng Hòa.....	89
09. Sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa	99
10. Ngày buồn nhất đời tôi	114
11. Những trại tù cải tạo đã in dấu chân tôi.....	124
12. Tự do hay chết.....	162
13. Những chuyến vượt biên của gia đình tôi.....	170
14. Ai thắng ai bại? Sau 50 năm nhìn lại	194
15. Cuộc sống mới của gia đình tôi tại Hoa Kỳ....	208
16. Ăn Tết Nguyên Đán Việt Nam tại Hoa Kỳ	216
17. Lời bạt.....	228

Lời Nói Đầu

Vào trưa ngày 30-04-1975 Tổng Thống VNCH Dương Văn Minh tuyên bố:

“Tôi, đại tướng Dương Văn Minh, Tổng thống chính quyền Sài Gòn, kêu gọi Quân lực Việt Nam Cộng hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện quân Giải phóng Miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn. Từ trung ương đến địa phương trao lại cho Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam Việt Nam”

Vì là một sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, nên sau ngày 30-04-1975, tôi bị đẩy đọa trong các trại tù cải tạo từ miền Nam tới miền Trung bởi Quân Giải Phóng Miền Nam Việt Nam về mặt biểu kiến, song trong thực tế bởi Quân Đội Cộng Sản Miền Bắc. Nói khác đi, tôi là một sĩ quan quân đội bên Chiến Bại “được” quân đội bên Chiến Thắng “mời” vào học tập trong các trại cải tạo nằm rải rác từ miền Nam tới miền Trung. Trong thời gian 5 năm học tập trong các trại cải tạo, tôi “được” Đảng và nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN) đối xử như người nô lệ dưới thời trung cổ.

Sau 5 năm được nhồi sọ những giáo điều của chủ nghĩa cộng sản và lao động khổ sai, tôi “được” Đảng và Chính Phủ CHXHCNVN cho về đoàn tụ với gia đình vào đầu năm 1980. Sau khi ra khỏi cá trại tù cải tạo nhỏ hẹp, tôi lại phải sống lang thang, trong cái một cái nhà tù rộng lớn 331.212 km2 có tên là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Vào năm 1986, tôi vượt biên đến được trại tỵ nạn ở Indonesia; rồi vào năm 1987 tôi đến được Hoa Kỳ và sống lưu vong tại đây. Công việc đầu tiên của tôi ở Hoa Kỳ là rửa chén (dishwasher) cho một nhà hàng ở thành phố East Lansing, bang Michigan. Khoảng nửa năm sau đó, tôi được tuyển dụng làm nhân viên tiếp tân (receptionist) rồi cán sự xã hội (assistant caseworker) cho một cơ quan thiện nguyện có tên là Lutheran Social Services of Lansing, thuộc tiểu bang Michigan. Khoảng 10 năm sau tôi bị Lutheran Social Services cho nghỉ việc vì ngân sách bị cắt, tôi làm cho hãng bán vật liệu xây cất The Home Depot như một nhân viên bán hàng cho tới lúc tôi nghỉ hưu vào năm 2001.

Tính đến nay, 2026, tôi đã sống tại Hoa Kỳ gần 40 năm. Trong thời gian nghỉ hưu tôi đã viết và xuất bản được năm ba cuốn sách tiếng Việt lẫn tiếng Anh. Cuốn mới nhất có tựa đề là:

CHÌM - NỔI – GIẶT - TRÔI TRÊN DÒNG SÔNG LỊCH SỬ QUÊ HƯƠNG

Trước khi đưa cuốn sách này đến với độc giả, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với tất cả bạn bè còn sống hay đã khuất đã khích lệ và giúp đỡ tôi trong quá trình viết cuốn sách này. Tôi cũng chân thành biết ơn các người bạn và các con hiếu thảo của tôi, những người đã giúp tôi đọc lại bản thảo, sửa lỗi chính tả và bổ sung những thiếu sót của những bài viết trong cuốn sách này trước khi được gửi đi in ấn.

Sau cùng, tôi xin thừa nhận rằng mục đích chính thúc tôi viết cuốn sách này là để lưu lại cho con cháu của các cựu Quân – Cán – Chính của Việt Nam Cộng Hòa hiểu được rằng: Cha ông họ đã phải chiến đấu gian khổ trong sự nghiệp chống lại chủ nghĩa cộng sản như thế nào? Cha ông họ đã chịu đựng nỗi cay đắng của sự thất bại ra sao khi bị đồng

minh bỏ rơi? Cha ông họ đã phải trải qua cảnh tù đầy và lao động cường bức trong các trại cải tạo như thế nào? Cha ông họ tại sao đã phải rời bỏ quê hương thân yêu trốn chạy sang các quốc gia trong Thế giới Tự do với hai bàn tay trắng tuy gian khổ, nhưng vẫn mang trong lòng ý chí quang phục lại quê hương.

VŨ HUY THÁM

Michigan

Mùa Thu 2026

Chương 1

Nhớ Về Làng Xưa



Không ảnh minh họa xã Bản Nguyên sau năm 1975

Tôi sinh ra và lớn lên trong một ngôi làng nằm bên tả ngạn sông Hồng. Vào thập niên 1940, làng tôi thuộc huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, miền Bắc Việt Nam. Từ thuở xa xưa, làng tôi có tên là làng Á. Dưới triều Nguyễn (1802–1945), tên Á được đổi thành Á Nguyên. Đến thời Pháp thuộc (1884–1945), Á Nguyên lại được đổi thành Bản Nguyên.

Sau cái gọi là Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Việt Minh Cộng Sản nổi dậy giành chính quyền từ tay người Nhật, với khí thế Cách Mạng Tháng Tám, làng Bản Nguyên của tôi, được đổi tên là làng Quyết Thắng. Đồng thời, làng Quyết Thắng hội nhập với làng Thanh Chu và làng Quỳnh Lâm để thành một xã mới mang tên Hùng Tiến.

Đến năm 1964, chính quyền địa phương quyết định khôi phục lại tên cũ của các làng xã; vì vậy Quyết Thắng lấy lại tên Bản Nguyên. Sau năm 1975, chính quyền Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, yêu cầu các làng nên lấy lại tên làng xã có từ ngày xa xưa. Vào dịp này xã Hùng Tiến được đổi thành xã Bản Nguyên. Nói cách khác, ngày nay Bản Nguyên không chỉ là tên riêng của ngôi làng cũ của tôi, mà còn là tên chung của một xã gồm ba làng: Bản Nguyên, Thành Chu và Quỳnh Lâm.

Vào năm 2025, Chính phủ CHXHCN/VN sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, đồng thời bãi bỏ cấp huyện, nên một xã mới được thành lập có tên là **Bản Nguyên**. Xã mới này gồm 3 xã cũ là **Cao Xá, Vĩnh Lại, Bản Nguyên**.

Không rõ làng Bản Nguyên ngày xưa ngày xưa của tôi được hình thành từ khi nào. Có nhiều người cho rằng nó có thể hình thành từ thời các Vua Hùng dựng nước. Lý do là từ làng Bản Nguyên đến làng Cổ Tích thuộc xã Phong Châu, phủ Lâm Thao ngày xưa ngày xưa chỉ cách khoảng 10 cây số theo đường chim bay. Theo truyền thuyết, Phong Châu từng là kinh đô của các Vua Hùng. Nếu giả thuyết này đúng, thì làng tôi có thể có lịch sử hơn bốn nghìn năm.

Phong cảnh quanh làng Bản Nguyên cũ của tôi thật hùng vĩ. Phía Nam là sông Hồng. Đối diện với làng tôi bên kia sông là thị trấn Hưng Hóa. Phía Bắc là núi Nghĩa Lĩnh. Phía Đông Bắc là dãy núi Tam Đảo. Phía Đông Nam là núi Ba Vì hay Tản Viên. Một trong 3 đỉnh cao của núi Ba Vì có hình dạng cổ bóng hình nấm. Người dân sống dưới chân núi cho biết trên đỉnh thất cổ bóng chỉ mọc một loại cây duy nhất là cây mít.

Ở vùng quê tôi có một truyền thuyết huyền thoại gắn với ngọn núi hình nấm này. Truyền thuyết này có thể tóm

lược như sau: Vào mùa mưa, hầu như toàn bộ quạ đen trong vùng quê biến mất. Vài tháng sau chúng trở lại, nhưng hầu hết lông trên đầu chúng không còn nữa. Người dân trong vùng quê tôi giải thích hiện tượng này rằng, chúng được triệu tập đến một nơi bên dòng sông Ngân Hà. Tại đây, chúng đan kết lại với nhau thành một cây cầu không gian bắc qua sông Ngân để Ngưu Lang (chàng chăn trâu bên này sông) và Chức Nữ (nàng dệt vải bên kia sông) qua lại lại thăm nhau vào tháng 7 Âm Lịch. Vì lẽ đó cây cầu không gian này mang tên là Ô-Kiều và để tranh thủ được gặp nhau nhiều lần và không sao lãng bốn phen dệt vải và chăn trâu do Nhà Trời đã giao phó, nên Ngưu Lang và Chức Nữ qua lại Ô Kiếu rất nhiều lần nên chân của họ đã dẫm lên đầu chúng quá nhiều lần nên đám lông trên đầu chúng bị rụng hết.

Trong khi đó, người dân dưới chân núi Tản Viên lại giải thích khác. Quạ biến mất vào tháng 7 Âm Lịch là vì chúng tụ tập trên đỉnh núi hình nắm của núi Tản Viên để ăn mít chín. Trên đỉnh ngọn núi này chỉ có một loại cây duy nhất là cây mít. Khi ăn, chúng khoét vỏ mít rồi chui đầu vào để moi múi ra ăn, nên nhựa mít làm rụng dần lông trên đầu chúng.

Dòng sông chảy qua làng tôi là sông Hồng. Sông này bắt nguồn từ Vân Nam (Trung Quốc), vào Việt Nam tại thị trấn Cốc Lếu thuộc tỉnh Lào Cai, chảy qua Yên Bái, Phú Thọ, Sơn Tây, Hà Nội, rồi đổ ra biển Đông qua các cửa sông ở Thái Bình, Kiến An và Hải Phòng. Vào mùa mưa, sông Hồng chảy dữ dội như thác, thường gây lũ lụt trong vùng. Bề rộng của sông giữa làng tôi và thị trấn Hưng Hóa thay đổi theo mùa. Vào mùa khô, dòng sông thu hẹp lại bởi các bãi cát giữa lòng sông. Vào mùa mưa, nước dâng cao và lan rộng, khiến sông trông như biển cả.

Dọc theo bờ sông là một con đê lớn, ngăn cách làng tôi với sông Hồng. Mùa mưa, mực nước sông ngoài con đê thường dâng cao hơn những mái nhà bên trong con đê. Nếu chẳng may đê vỡ, không chỉ làng tôi mà cả vùng sẽ bị ngập lụt.

Làng tôi có một cây cổ thụ cao ngất trời xanh, song nó không phải cây đa như nhiều làng khác mà là cây Bồ Đề. Có thể cây bồ đề làng tôi có liên hệ dây mơ rễ má với cây bồ đề ở Ấn Độ nơi Đức Phật giác ngộ. Nghe nói Phật Tử các nước Á Châu thường lấy hạt giống hoặc triết cành hay rễ của cây này, rồi mang về trồng ở chùa trong các nước này. Rất có thể cây bồ đề làng tôi đã được trồng vào dịp này. Một đặc điểm của cây bồ đề rất ít người biết là, khi ngồi dưới gốc cây bồ đề, dù không có gió, song vẫn nghe tiếng lá xào xạc. Vì lẽ đó, người ta còn gọi cây bồ đề là cây “ngâm phong diệp”.

Hầu như trong làng tôi không một ai biết rõ cây bồ đề này được trồng từ bao giờ, chỉ biết nó đã hiện diện và tồn tại nơi bìa làng từ thời gian rất xa xưa. Vào một buổi trưa mùa hè vào năm 1945, khi còn là một đứa trẻ chăn trâu mười tuổi, tôi đã được một cụ già trong làng khoảng 60 tuổi kể rằng, khi còn rất trẻ, ông nội của cụ cho biết là đã thấy có cây bồ đề này rồi.

Tôi rời làng vào năm 1955. Tính đến nay đã 70 năm nước chảy qua cầu. Trong thời gian sống trong làng, gia đình tôi cũng như dân làng tôi cùng người dân vùng quê tôi đã phải gánh chịu nhiều gian khổ tàn khốc trong cuộc chiến chống Pháp. Sau khi Hiệp Định Geneve kết thúc cuộc chiến tranh này vào năm 1954, thì Chủ Tịch Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam đã nhập cảng cuộc Cải Tổ hay Cải Cách Ruộng Đất của Chủ Tịch Mao Trạch Đông và đảng Cộng Sản Trung Hoa vào miền Bắc Việt Nam. Trong thời gian

thực thi cuộc Cải Cách Ruộng Đất (CCRĐ) ở làng tôi, gia đình tôi được cụ Hồ “tân phong” là thành phần địa chủ và là đối tượng chính **phải đào tận gốc và tróc tận rễ** bởi thành phần bản cổ nông.

Khi giai đoạn I của cuộc CCRĐ tại làng tôi kết thúc và chuẩn bước vào giai đoạn II, thì tai tôi đã nghe và mắt tôi đã thấy những gì đã xảy ra trong giai đoạn II của cuộc CCRĐ ở làng Sơn Lũng nơi tôi theo học trường Trung Học Xuân Huy. Tại nơi đây học sinh chúng tôi bắt buộc phải tham dự hầu hết những buổi hội họp đấu tố địa chủ và đặc biệt là một phiên xử công khai của Tòa Án Nhân Dân Đặc Biệt (TANDĐB). Trong phiên xử này một ông địa chủ có tên là Nguyễn Viết Đạo bị bắn ngay sau khi TANDĐB tuyên án tử hình. Hình ảnh ông NVĐ gãy chết trên đám cỏ khô ngày hôm ấy tuy đã hơn 70 năm trôi qua song dường như vẫn còn đậm nét trong tôi. Tôi đã mô tả lại những gì mắt tôi đã thấy và những gì tai tôi đã nghe trong phiên xử này, đã khiến gia đình tôi đi đến quyết định phải bỏ làng ra đi với hai bàn tay trắng để được sống còn, thể thôi. Kể từ ngày tôi phải bỏ làng ra đi đã 70 năm nước sông Hồng vẫn chảy qua làng tôi, song tôi vẫn không thể quên ngôi làng cũ, nơi mình sinh ra và lớn lên, với tất cả ký ức yêu thương và đau khổ của tuổi thơ.

Giờ đây làng xưa ra sao? Dòng sông Hồng còn lưu dấu bóng hình một cậu bé bơi lội trong những ngày hè không? Bạn học và bạn chăn trâu của tôi thuở xưa ai còn ai mất? Hai ngôi nhà ngói liền nhau của gia đình tôi còn đứng trơ gan cùng tuế nguyệt hay đã bị dỡ xuống từng cây kèo, từng cây cột để chia chác cho nông dân? Mồ mả ông bà nội ngoại của tôi còn yên nghỉ trên những gò đất hay trên những thửa ruộng của gia đình tôi hay đã bị phá hủy để lấy đất canh tác? Dù 70 năm đã thấm thoát trôi qua, song hình ảnh ngôi

làng cũ vẫn đậm nét trong tôi. Khi gõ phím máy vi tính để ghi lại những gì mà ngôi làng cũ vẫn còn đọng lại trong ký ức của tôi, tôi bỗng nhớ đến hai câu thơ của thi sĩ Chế Lan Viên trong bài Tiếng Hát Con Tàu:

Khi ta ở (đất) chỉ là đất ở

Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn

Tôi rất tâm đắc với câu thơ này, Ngôi làng cũ nơi tôi sinh ra và lớn lên chỉ là mảnh đất tôi đã cư ngụ gần 20 năm. Vì cuộc Cải Cách Ruộng Đất (CCRĐ) 1954, gia đình tôi đã phải bỏ làng ra đi. Tính tới nay đã hơn 70 năm trôi qua, ngôi làng ấy tuy không còn là mảnh đất ngày xưa tôi cư ngụ nữa mà nó đã trở thành một phần tâm hồn không thể thiếu vắng trong tôi.

Tôi tin rằng một ngày không xa, khi không còn cảnh: “*bước đi không thấy phố thấy phường chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ*” là tôi sẽ về, dù về chỉ để gửi nắm xương tàn trong lòng đất mẹ.

Chương 2
Quê Tôi Tám Năm Chìm Trong Khói Lửa



Hình minh họa quang cảnh chiến tranh 1946-1954 trên quê hương tôi

*“Tôi đứng bên này sông
Bên kia vùng lửa khói
Làng tôi đây bao năm dài chinh chiến
Từng lũy tre muôn phiên”*

Âm thanh bản nhạc “Dàn Hoa Thiên Lý” do ca sĩ Mạnh Đình trình bày, phát ra từ chiếc iPad, đã đưa tôi, một ông già khú đế, từ bắc Mỹ trở về ngôi làng cũ của tôi ở miền Bắc Việt Nam, trong tám năm kháng chiến chống Pháp (1946-1954). Vào thời gian đó, dù làng tôi không bị quân Pháp chiếm đóng thường trực, nhưng vẫn là một vùng đất mà quân Pháp có thể bắn phá hay xâm nhập bất cứ lúc nào. Vì vậy, dân làng tôi và người dân trong vùng đã phải chịu đựng vô vàn gian khổ và tàn khốc của chiến tranh.

Sau lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tháng 12 năm 1946, với những lời lẽ hùng hồn: *“Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc...”* ông Hồ cùng chính phủ của ông rời Hà Nội để trở về chiến khu trước tháng 8/1945 trong rừng núi thuộc tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang.

Trong giai đoạn đầu của cuộc chiến, cán cân quân sự nghiêng về phía quân Pháp. Vì vậy, ông Hồ Chí Minh và lực lượng của ông phải thực hiện chính sách “tiêu thổ kháng chiến”. Hậu quả là người dân ở các thị xã, thành phố do Việt Minh kiểm soát phải di tản về vùng nông thôn. Hầu hết các công trình công cộng và nhà cửa tư nhân đều bị phá hủy, ngoại trừ nhà của người nước ngoài hoặc cơ sở tôn giáo. Cây cối dọc các con đường cái quan đều được đốn ngã, nằm dọc ngang trên mặt đường để cản trở sự di động xe cơ giới của quân Pháp.

Người dân nông thôn phải bám vào ruộng đồng để sản xuất và đóng góp lương thực cho kháng chiến. Đồng thời, mỗi khi có tin quân Pháp tiến đến, họ lại phải di tản, thực hiện chiến lược “vườn không nhà trống”. Một số làng

có vị trí thuận lợi và lũy tre bao quanh được biến thành làng chiến đấu. Thanh niên trong làng được tổ chức thành các đội du kích, trang bị gậy gộc, giáo mác, cung tên... sẵn sàng chiến đấu.

Làng tôi nằm bên tả ngạn sông Hồng, cách Hà Nội khoảng 50 km theo đường chim bay. Con sông Hồng ngăn cách làng tôi với thị trấn Hưng Hóa là một tuyến đường thủy quan trọng. Người ta tin rằng sớm muộn gì quân Pháp cũng sẽ tiến chiếm thị trấn này. Điều tiên liệu này khiến cho bầu không khí chiến tranh ở vùng quê tôi càng thêm căng thẳng.

Do làng tôi là một làng cổ, đã có sẵn lũy tre bao bọc, nên Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Lâm Thao ra lệnh củng cố làng tôi thành một làng chiến đấu chống Pháp. Dân làng phải gia cố lại hàng rào tre, xây dựng công kiên cố ở các ngõ xóm, đào hào giao thông và thiết lập các vị trí phòng thủ. Những người đàn ông khỏe mạnh được tổ chức thành lực lượng du kích, trang bị dao, rựa, rìu, gậy gộc, cung tên...

Trong thời gian này, có một trung đội bộ đội chủ lực thuộc Sư Đoàn Thủ Đô, sau khi rút khỏi Hà Nội đã tạm đóng quân tại làng tôi. Hàng ngày, họ huấn luyện du kích làng các kỹ năng chiến đấu như bắn súng, bò, cận chiến, ném lựu đạn, gài mìn, tháo mìn...

Các trục đường giao thông trong vùng đều bị đào hào ngang dọc hoặc đắp ụ đất để cản bước tiến của bằng xe cơ giới của quân đội Pháp. Riêng con đê chạy dọc sông Hồng, vừa là tuyến phòng chống lũ, vừa là đường giao thông quan trọng nên không thể đào hào vì sẽ làm vỡ đê vào mùa nước nổi. Thay vào đó, người dân phải đắp những ụ đất cao khoảng nửa mét, dài hai mét, cách nhau vài mét, trông giống như những ngôi mộ ngổn ngang trong một nghĩa trang.

Người đi trên đê không còn đi thẳng mà phải đi theo hình chữ Z. Cứ vài cây số lại có một ụ đất lớn như căn nhà, có cốt bằng thân cây hoặc thanh sắt tháo gỡ từ đường xe lửa, nhằm chặn xe tăng của quân Pháp. Tuy chưa thấy xe cơ giới và xe tăng của quân Pháp, nhưng chính người dân lại chịu nhiều khó khăn khi đi lại trên con đê. Quảng đường trước kia đi một giờ, nay phải mất hai, ba giờ. Những cây cầu bằng gỗ hay gạch đá bắc qua kinh rạch nối từ làng này tới làng kia trong vùng quê tôi đều bị phá hủy và được thay thế bằng những chiếc cầu tre hay cầu khỉ tre lắt léo gập ghềnh.

Việc vận chuyển vật liệu và hàng hóa trong vùng trở nên cực kỳ khó khăn. Những chiếc cầu tre hay cầu khỉ chênh vênh khiến người đi tay không còn khó, huống hồ là người còn phải mang vác vật liệu nặng. Nhiều khi người ta phải lội hoặc bơi qua kinh suối để vận chuyển. Trên các cánh đồng rộng, người dân cắm dày đặc những cọc tre nhọn chĩa lên trời để chống quân dù của Pháp.



Người dân vùng quê tôi đang chôn cột chống quân nhảy dù của Pháp

Khoảng một năm sau ngày 19/12/1946, quân Pháp mở rộng vùng chiếm đóng theo chiến lược “vết dầu loang”.

Sau khi chiếm Sơn Tây, họ vượt sông Đà chiếm thị trấn Hưng Hóa và vùng hữu ngạn sông Hồng, nên vùng hữu ngạn sông Hồng, trong đó có làng tôi, trở thành tiền tuyến.

Trong thời gian đó, không quân Pháp tận dụng ưu thế trên không, nên trên bầu trời vùng quê tôi, từng cặp máy bay AD-6 bay lượn suốt ngày, bắn phá khắp nơi. Những máy bay này thường bay tuần tra dọc theo sông Hồng và các đường giao thông huyết mạch, hoặc các khu dân cư đông đúc, để thấy mục tiêu nào được coi là có lợi về mặt kinh tế và quân sự cho cuộc kháng chiến chống Pháp là lao xuống bắn phá. Máy bay Pháp bắn phá bừa bãi dù chỉ là một chiếc thuyền mảnh chở vài người qua sông, hoặc một nhóm nông dân cày ruộng tụ lại để hút thuốc Lào, hay một đàn trâu đang gặm cỏ trên cánh đồng...

Người dân làm ruộng ban ngày luôn luôn phải cảnh giác. Khi nghe tiếng máy bay từ xa là phải tìm chỗ ẩn nấp. Trong thời gian này ở quê tôi, các công việc cần phải tụ họp đông người, phải chuyển vào ban đêm. Vùng quê tôi lúc ấy trở thành “âm phủ” của người còn sống”.

Gia đình và họ hàng tôi chịu khá nhiều mất mát trong thời gian này:

-Cuối năm 1949, hai máy bay của quân đội Pháp bắn vào đàn trâu có khoảng trên dưới 20 con của làng tôi đang ăn cỏ trên một cánh đồng và tôi là một trong những đứa trẻ chăn trâu của đàn trâu này. Một một đầu đạn 12.7 suýt kết liễu đời tôi khi tôi mới 13 tuổi, vì một đầu đạn cắm vào vùng đất chỉ cách đầu tôi năm bảy centimet.

-Mùa hè 1950, làng Thạch Cáp phía trong làng tôi bị máy bay ném bom, nhiều nhà bị cháy rụi. Trong số nhà bị cháy rụi này có căn nhà ngói của cụ Chánh Tiếp, một người bạn của Không sân Trình với bố tôi. Hầu hết bàn ghế, tủ

chè, sập gụ chứa trong căn nhà này là của gia đình tôi gửi tại đây.

-Tháng 5/1950, bà Đinh Thị Ba, người chị dâu của bố tôi, bị máy bay Pháp bắn chết, trong một chuyến đi qua sông Hồng tại thị trấn Vũ Yên. Ngay sau đó người thân nhân đã thuê người tìm thi thể của bà nhưng không có kết quả.

-Ngày 24/12/1950, máy bay của Pháp đánh bom xuống thị trấn Thái Nguyên. Một trong những trái bom đã đánh trúng căn hầm trú ẩn của gia đình người em trai của mẹ tôi đang cư ngụ trong thị xã này. Trái bom đã làm sập hầm và giết người vợ và hai đứa con gái của cậu tôi, là Lê Thị Liễu, Lê Thị Mỹ và Lê Thị Tâm.

Trong thời gian chiến tranh, không chỉ người dân vùng nông thôn phải gánh chịu những thảm cảnh của chiến tranh mà cả những người dân trong vùng tạm chiếm của quân đội Pháp cũng phải gánh chịu nhiều oan nghiệt khi họ di tản đến những vùng thôn quê hẻo lánh. Do sự gấp rút phải di tản nên không có thời gian xin chính quyền địa phương nơi họ cư trú cấp phát những giấy tùy thân, nên họ bị chính quyền non trẻ thiếu hiểu biết nơi họ đi qua hay nơi họ tạm trú, xét hỏi giấy tờ tùy thân nếu không có đầy đủ thường bị làm khó dễ. Khi khám xét hành lý mà họ mang theo nếu thấy chiếc mũ, cái khăn quàng hay tấm áo có ba màu xanh-trắng-đỏ tượng trưng cho quốc kỳ của Pháp, thường bị nghi ngờ là Việt gian bán nước, nên bị bắt và bị tra tấn.

Tôi đã chứng kiến hoặc được biết những vụ đánh đập, tra tấn, xét xử oan sai nhiều người tản cư lên vùng quê tôi bởi chính quyền địa phương quá hăng say và ấu trĩ như vụ một phụ nữ từ vùng xuôi tản cư lên vùng quê tôi, khi bị dân quân du kích khám xét hành trang tìm thấy một mảnh vải có ba màu xanh trắng của lá quốc kỳ Pháp nên bị nghi ngờ là

Việt gian bán nước xâm nhập vào vùng kháng chiến làm tình báo cho Pháp. Hoặc trường hợp một cặp vợ chồng di tản lên vùng quê tôi, trong lúc tìm nơi trú ẩn khi thấy máy bay Pháp bắn phá có mang trong túi áo một chiếc gương nhỏ nên bị kết tội là Việt gian đã dùng chiếc gương này chỉ điểm cho máy bay Pháp bắn phá một cơ sở quân sự địa phương

Ngoài ra, dân làng tôi và trong vùng quê tôi còn chịu pháo kích từ các căn cứ hỏa lực của quân đội Pháp. Khi quân Pháp càn quét trong vùng nhiều bị giết vì tên rơi đạn lạc, một vài phụ nữ bị hãm hiếp và nhiều người bị giết dã man.

Mỗi khi dân quân du kích canh gác báo động quân đội Pháp đang vượt sông sang vùng quê tôi là dân làng tôi phải bồng bế con cái, dắt trâu bò chạy vào các làng sâu và xa sông Hồng. Khi quân Pháp tổ chức hành quân lớn, có hải quân và không quân yểm trợ, dân làng tôi cũng như dân các làng khác dọc theo bờ ngạn của sông Hồng phải di tản vào các làng trong vùng núi chập chùng.

Đầu năm 1949, khi quân Pháp bao vây một vùng rộng lớn trong đó có làng tôi. Vì tứ bề thọ địch, không thể di tản được nữa, nên đàn ông còn trẻ và khỏe phải trốn tránh và ẩn núp trong các ruộng lúa xa làng. Ông già, đàn bà và con nít được khuyến tập trung tại nhà ông Mẫn nằm ở cuối xóm trại để tránh bị đánh đập hoặc bị hãm hiếp. Nhưng rất may quân Pháp trong làng đã không tiến chiếm xóm trại. Vào chiều tối hôm đó quân Pháp đã rút khỏi làng tôi.

Trong số những người người đàn bà và trẻ em tập trung tại nhà ông Mẫn Tiệp hôm ấy có mẹ tôi, tôi và đứa em gái của tôi. Vài ngày sau đó, một số vị bô lão hiện diện trong buổi tập trung này bị công an huyện Lâm Thao bắt giữ là ông Mẫn chủ nhà, cụ Bá Hào và ông Ký Thái. Các vị này bị kết

án về tội toan làm Việt Gian cho Pháp và bị cầm tù trong nhiều năm.

Tháng 10/1950, sau thất bại ở biên giới, quân Pháp rút khỏi Hưng Hóa. Dân làng bớt lo, nhưng vẫn bị pháo kích và máy bay oanh tạc, nên cuộc sống chưa thực sự yên bình.

Chỉ đến ngày 27/7/1954, khi Hiệp định Genève có hiệu lực, quân Pháp rút về Hà Nội, người dân quê tôi mới thực sự được sống trong hòa bình—sau tám năm chìm trong khói lửa chiến tranh.

Chương 3

Đi học trong vùng kháng chiến ở Liên Khu Việt Bắc



Một ngôi trường làng dưới thời Pháp thuộc

Trường Sơ Cấp làng tôi bị đóng cửa ngay sau ngày Nhật đảo chánh Pháp (09-03-1945). Ít ngày sau đó, chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim được thành lập, nên dân làng tôi hy vọng chính phủ của cụ Trần sẽ cho mở cửa lại Trường Sơ Cấp làng tôi vào những ngày sắp tới. Song việc mong đợi của dân làng tôi bị chìm vào quên lãng vì các biến cố quan trọng của đất nước đã liên tiếp xảy đến.

Biến cố đầu tiên là nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu (1945) những người khách không mời, quần áo không đến nổi rách rưới nhưng thân hình gầy còm như que củi, từ miền xuôi kéo đến làng tôi để xin ăn. Sáng sáng, ít nhất cũng có vài ba người chết nằm ngay bên thềm đình, hay trong nhà lồng chợ, hoặc trước cửa trường học.

Nạn đói vừa lắng xuống, thì nạn lụt lại ập đến; nước sông Hồng dâng cao chưa từng có, khiến nhiều khúc đê dọc theo sông Hồng bị vỡ, nước tràn ngập quê tôi. Hàng ngàn ngôi nhà, và hàng vạn mẫu lúa mùa bị nhận chìm trong biển nước đỏ ngầu. Hy vọng mở cửa lại trường sơ cấp làng tôi lại một lần nữa bị dòng nước lũ của sông Hồng cuốn ra biển Đông.

Nước chưa kịp rút đi thì Việt Minh lại nổi lên cướp chính quyền. Tỉnh Phú Thọ của tôi được coi là quê hương của Việt Nam Quốc Dân Đảng, nên họ cũng nổi lên giành chính quyền tại một số làng xã và một số thị trấn, thế là một cuộc đụng độ đẫm máu giữa đôi bên bùng nổ. Sự hận thù giữa Việt Nam Quốc Dân Đảng và Việt Minh không còn là những tiếng chửi rửa qua lại nữa, mà được cụ thể hoá bằng những xác chết trôi lều bều trên mặt sông. Nhìn những xác chết trôi ấy, người ta không thể phân biệt được xác nào là Việt Minh, xác nào là Quốc Dân Đảng, và xác nào là thường dân vô tội; song có một điều, mà không một ai có thể chối cãi được là, các xác chết ấy đều là con Rồng cháu Tiên cả.

Trong khi “*Đoàn quân Việt Minh đi chung lòng cứu quốc*” của cụ Hồ vẫn chưa đứng vững được trong lòng người dân Việt, thì “*Đoàn Quân Tàu Ô đi sao mà góm thế*” của cụ Tưởng Giới Thạch từ Trung Quốc tràn sang miền Bắc để tước khi giới quân đội Phù Tang. Đoàn quân Tàu này thật sự là một đoàn quân ô hợp, quần áo rách rưới, chân không giày, dắt díu theo vợ con, khi tới làng nào chúng cũng xông vào nhà dân để xách nhiễu và cướp giật. Những biến cố cứ tiếp tục dồn dập như thế, khiến đời sống dân chúng vùng quê tôi hết sức khốn đốn, dân làng trong vùng quê tôi hầu như không thể an cư nên làm sao có thể lạc

nghiệp được, còn nói chỉ đến việc mở cửa lại trường học cho bọn con nít chúng tôi.

Ngay trong lúc còn đang nhiều nhưn như thể nhờ cướp được chính quyền, Việt Minh đã cho thực thi chính sách “trăm năm trồng người” của ông Hồ. Thế là bọn con nít chúng tôi được gom vào một tổ chức được gọi là “Nhi Đồng Cứu Quốc”. Ngôi trường sơ cấp làng tôi được mở cửa lại, nhưng không phải để bọn trẻ con chúng được thầy giáo dạy:

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”*

mà là để các anh phụ trách thiếu nhi dạy chúng tôi:

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Bác Hồ hơn cả mẹ cha
Mênh mông trời biển, bao la biển trời”*

và dạy hát:

*“Ai yêu bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng
Bác chúng em đáng cao cao người thanh thanh....”*

Trong một chừng mực nào đó người ta có thể nói ông Hồ và đảng CSVN đã thành công lớn trong việc giáo dục nhồi sọ bọn con nít chúng tôi. Bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, hễ há miệng ra là chúng tôi hát: “Ai yêu bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng....” hình ảnh cha mẹ thân yêu cứ mờ nhạt dần đi, và hình ảnh bác Hồ càng ngày càng đậm nét hơn lên trong đầu bọn con nít chúng tôi.

Vào những ngày đầu Cách Mạng Tháng Tám, đối với bọn con nít chúng tôi, ông Hồ như một “Cây Đại Thụ” cao ngất trời xanh, toả bóng rợp trời mát rượi cho tất cả các cháu nhi đồng giữa những buổi trưa hè nóng nực. Chúng tôi thường nghĩ, dường như bác không phải là con người phàm tục, mà là một vị thánh nhân, mỗi lời nói, mỗi bước chân đi, mỗi cử động đứng ngồi của Bác đều được chúng tôi trân quý. Giả thử Bác có xúi bọn nhi đồng chúng tôi ăn cứt gà đi nữa, chắc không có đứa nào dám từ chối.

Chiều chiều chúng tôi vác súng gỗ, đeo guơm cây vừa đi vừa hát trên con đê ngăn cách làng tôi với sông Hồng:

*“Một hai ta đi một hai
Liều thân cho nòi giống
Việt nam mau giải phóng
Tiến lên, tiến lên quân hồng
Nhà ta không cần lo
Đời ta không cần tiếc...”*

Cho tới tháng 12 năm 1946, khi ông Hồ và chính phủ của ông rút ra khỏi thủ đô Hà Nội thì việc cho mở cửa lại các trường học ở vùng quê tôi lại một lần nữa được ông mang theo vào chiến khu, trong vùng rừng núi âm u, thuộc tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang.

Sau khi đã làm chủ thủ đô Hà Nội, quân đội Pháp đã từng bước, từng bước nhanh chóng tiến chiếm Sơn Tây, Trung Hà và toàn bộ khu vực rộng lớn ở hữu ngạn sông Hồng và sông Đà, rồi vượt sông Đà tiến chiếm Hưng Hoá, Thác Gềnh v.v... Một vùng rộng lớn phía tả ngạn sông Hồng khiến nhiều làng năm trong vùng cực nam của huyện Lâm

Thao, trong đó có làng tôi, trở thành tiền tuyến đối diện với các đồn binh của Pháp phía bên kia sông Hồng.

Mãi cho đến tháng 10 năm 1950, khi chiến dịch Cao Bắc Lạng được mở, và hệ thống đồn bót của quân đội viễn chinh Pháp dọc theo quốc lộ 4 bị tiêu diệt, hàng ngàn lính Pháp bị bắt làm tù binh, trong số này có hai viên đại tá Lepage và Charton. Sự thất bại ở Cao Bắc Lạng đã làm cho một số đồn bót của Pháp trong vùng cực nam của tỉnh Phú Thọ đã tự động tháo chạy và co cụm lại để củng cố hành lang phía bên kia sông Hồng thuộc tỉnh Sơn Tây. Cho tới lúc này, Ty Giáo Dục tỉnh Phú Thọ mới cho mở cửa lại các trường tiểu học ở vùng quê tôi.

Trường cấp I xã Hùng Tiến của tôi, được mở cửa lại vào dịp này, nhưng vì không có đủ giáo viên, nên chỉ mở các lớp I, II và III mà thôi, vì thế các học sinh trong làng đã học hết lớp III trước năm 1945, trong đó có kẻ viết bài này, muốn học lớp 4 phải tìm đến các trường cấp I có lớp IV ở các làng khác trong vùng. Trường cấp I duy nhất có lớp 4 trong vùng quê tôi lúc bấy giờ là trường Dục Mỹ tại làng Dục Mỹ

Các lớp học của trường tiểu học Dục Mỹ thường bắt đầu vào 6 giờ chiều, khi máy bay của Pháp không còn khả năng hoạt động nữa, và kéo dài tới 11 hay 12 giờ đêm. Từ làng tôi, làng Bản Nguyên, tới làng Dục Mỹ, nếu tính theo đường chim bay chỉ độ 4 cây số là cùng, song không thể đi theo đường thẳng được, mà phải đi vòng cung qua những cánh đồng và đặc biệt phải đi xuyên qua một làng rộng lớn gồm 5 thôn hợp lại, gọi là Ngũ Xã, tức làng Thạch Cáp.

Vào mùa khô, đường tuy xa đến 7 hay 8 cây số, song việc đi lại còn tương đối dễ dàng, nhưng vào mùa

mưa, những lối đi trong làng Ngũ Xã lầy lội khủng khiếp, nhiều đoạn bùn lầy lên đến đầu gối. Sau những trận mưa lớn, có những khúc đường ngập nước khá sâu đến nỗi chúng tôi phải “thoát y vũ” để lội qua và để giữ cho quần áo không bị ướt khi bước vào lớp học. Lúc đi, mặt trời mới gác non đoàn nên không gặp khó khăn nào đáng kể cả, song lúc trở về, trời đã quá nửa khuya, các lối mòn quanh co trong làng Thạch Cáp bị cây cối che phủ tối đen như mực, nên phải mò mẫm đi từng bước một. Có nhiều đêm khi về tới nhà, chưa kịp rửa chân đi ngủ, đã nghe thấy tiếng gà gọi sáng trời lên từ một ngôi nhà nào đó trong xóm.

Lớp 4 trường Dục Mỹ được đặt trong gian tiền đường của ngôi đình của làng này, và đã khai giảng cả tháng trời trước khi tôi nhập học. Buổi tối đầu tiên bước vào lớp học tôi thấy các học sinh đến trước đã ngồi gần kín các dãy bàn ghế trong gian tiền đường. Trước mặt mỗi học sinh là một đĩa đèn dầu, tim đèn là một cọng bấc nhỏ, nhô lên khỏi mép chiếc đĩa đầy dầu thực vật đang cháy leo lét. Đây là một loại đèn, có từ thời kỳ đồ đá hay đồ đồng, hoặc là vào thời kỳ vua Hùng dựng nước, đã có một thời gần như biến mất, nay được lôi ra dùng lại. Bên cạnh tám bảng đen, cũng có một chiếc đèn tương tự, song lớn hơn và tương đối sáng hơn. Tôi và một vài học sinh khác có được một loại đèn “văn minh” hơn đó là đèn Hoa Kỳ thấp bằng dầu Tây, vì phải mang đi mang về mỗi ngày trên một quãng đường dài hàng chục cây số, nên trong bình chứa dầu chúng tôi nhét đầy bông gòn cho dầu hồi không bị sóng sánh tràn ra ngoài.



Đèn Dầu



Đèn Hoa kỳ

Vì “xếp bút nghiên theo việc chăn trâu” khá lâu rồi, nên ngày đầu bước vào lớp học, tôi ngỡ ngáo như Mán lạc xuống đồng bằng. Ít phút sau khi đã tìm được một chỗ ngồi ở cuối lớp, tôi thấy có một người khá thấp từ bên ngoài bước vào, và thấy mọi người trong lớp vội vàng đứng lên đón chào, tôi cũng đứng theo, và nghĩ có lẽ đó là thầy giáo mới của tôi. Ngay sau đó ông ta bước ngay tới tấm bảng đen, và bắt đầu giảng bài “Khái Niệm Phân Số.”

Học lớp IV trường Dục Mỹ được vài ba tháng thì Ty Giáo Dục và Bình Dân Học Vụ tỉnh Phú Thọ bổ nhiệm một giáo viên mới tốt nghiệp trường sư phạm về xã Hùng Tiến của tôi để mở và dạy lớp IV. Thế là các học sinh trong làng tôi và các làng kế cận, đang theo học lớp IV ở các trường khác trong vùng, kéo nhau về trường làng tôi học cho tiện. Lớp 4 mới của xã Hùng Tiến chỉ có hơn 20 học sinh, cũng tiếp tục học vào ban đêm, trong một căn nhà lá khá rộng rãi của một người dân trong làng. Căn nhà này nằm giữa một vườn chuối khá rộng được bao bọc bởi hàng rào tre với một đường mương khá sâu. Nếu bị pháo kích bất ngờ, đường mương này sẽ là nơi trú ẩn cho lũ học sinh chúng tôi.

Buổi học thường bắt đầu vào lúc 5 giờ chiều ngoài vườn chuối, và khi trời tối hẳn mới vào nhà thấp đèn học tiếp. Ngồi trong lớp học, đôi khi học sinh nghe thấy tiếng xé gió rùng rợn ngay trên đầu của những viên đạn đại bác 105 hay 155 ly từ đồn binh Pháp ở Trung Hà bắn tảo thanh vào một vùng nào đó dọc theo sông Hồng. Tiếng đạn bay làm át cả tiếng thầy giáo giảng bài. Học hành dưới những làn đạn đạo như thế được hơn bốn tháng, thì niên học kết thúc và các học sinh lớp 4 chúng tôi lại phải “lều chõng” đi thi vào lớp 5 trường cấp II Xuân Huy.

Trường Phổ Thông cấp II Xuân Huy là trường cấp II duy nhất của huyện Lâm Thao, cách làng tôi khoảng 20 cây số đi theo con đê chạy vòng vo dọc theo sông Hồng. Tên trường được lấy theo tên mới của làng Sơn Lũng. Nghe tên Sơn Lũng, là người ta có thể hình dung gần đúng được hình thể và địa thế của xã này. Phần chính của làng Sơn Lũng còn tương đối bằng phẳng, song phần sau làng là một vùng đồi núi chập chùng. Mỗi ngọn đồi có diện tích khoảng một cây số vuông, mà chỉ có 4 hay 5 căn nhà với cây cối um tùm và loại cây được thấy trồng nhiều nhất trong khu đồi núi này là cây cọ, lá của nó được dùng để lợp nhà. Những căn nhà tư nhân ở nơi đây, tuy lợp bằng lá cọ, song đều khang trang và rộng rãi, nên việc đặt các lớp học tương đối thuận lợi.

Từ bờ đê sông Hồng rẽ vào một con đường đất xuyên qua một cánh đồng hẹp là vào tới làng Sơn Lũng, rồi theo những lối mòn ngoằn ngoèo dưới chân những nương sơn mới tới được trường Xuân Huy. Các lớp học cũng như văn phòng của trường đều đặt trong những căn nhà mượn của dân chúng.

Văn Phòng trường chỉ có vài ba cái bàn và ghế đơn sơ, và một ông thư ký già bao giằn tất cả các công việc giấy tờ. Mang tiếng là văn phòng của một trường trung học cấp II duy nhất của một huyện lớn, huyện Lâm Thao, mà không có được một cái máy đánh chữ cộc cạch. Công văn, giấy tờ, và sổ sách đều viết bằng tay. Tuy nằm trong khu vực vắng vẻ và có nhiều cây cối, nhưng vẫn học vào ban đêm, dưới những ngọn đèn leo lét.

Đời sống của các giáo sư trường Xuân Huy trong thời gian kháng chiến rất kham khổ, lương tháng là phiếu gạo của Ty Giáo Dục và Bình Dân Học Vụ tỉnh Phú

Thọ cấp phát. Tùy theo số người trong mỗi gia đình mà số gạo lãnh được nhiều hay ít. Mỗi đầu người lớn được cấp 18 kilô gạo và trẻ em 13 kilô gạo một tháng, gia đình nào đông con mới được trên một tạ gạo (100 kilô) mỗi tháng. Đó là lương cơ bản, ngoài ra mỗi năm còn được cấp phiếu mua vải theo tiêu chuẩn mỗi người 4 mét và vào dịp lễ lớn hoặc tết Nguyên Đán mới có tiêu chuẩn phụ trội mua vải ba kilô đường và vải ba kí lô thịt lợn. Nếu giáo sư nào có gia đình khá giả, lâu lâu được tiếp tế còn dễ thở hơn một chút; còn giáo sư nào chỉ trông cậy vào mấy kilô gạo của Ty Giáo Dục thì chỉ có “ngày hai bữa cơm rau với cà”. Có lẽ vì ăn uống quá thiếu thốn, nên hầu như không có vị giáo sư nào của trường Xuân Huy trông có “máu mặt” cả.

Giáo sư Tinh, dạy Pháp văn, người làng Phùng Nguyên cùng huyện Lâm Thao, vì gia đình là địa chủ và vào thời gian ấy chưa bị lôi ra đấu tố, nên ăn uống tương đối đầy đủ và được coi là người hồng hào nhất hay có “máu mặt” nhất trường. Đặc biệt ông ta được gia đình mua cho một chiếc xe đạp, hiệu Sterling mới tinh, từ trong vùng Pháp kiểm soát mang ra. Sự xuất hiện của chiếc xe đạp này được coi là hiện tượng bất thường, làm xôn xao dư luận trong giới giáo sư và học sinh cũng như dân chúng trong vùng. Hầu như mọi người đều ước ao chính mắt mình được nhìn thấy, hoặc chính tay mình được sờ mó vào chiếc xe đạp, cho thỏa mãn sự thèm khát của thị giác cũng như xúc giác đã bị “bung bít” trong nhiều năm trời. Vì sự hiện diện của chiếc xe đạp, mà giáo sư và học sinh đã đến nhà trọ của giáo sư Tinh để thăm ông nhiều hơn. Đến thăm, có lẽ không phải vì có cảm tình sâu xa với ông, mà chỉ vì muốn được ngắm chiếc xe mới toanh của ông thôi. Được bóp vào chiếc chuông mạ kền sáng loáng, và được nghe tiếng kêu “kính coong, kính coong” phát

ra là coi như được nghe tiếng dội lại từ quá khứ xa xưa, hay tiếng ước vọng của một tương lai xa vời.

Giáo sư Định người làng Sơn Lũng, người to lớn và mũi cao trông như Tây lai, nguyên là một sĩ quan trong Quân Đội Nhân Dân, nhưng lại xuất thân từ thành phần địa chủ, nên bị cho về vườn và may mắn có một chút vốn học thức nên xin được một chân dạy học. Ông thường kể cho bọn học sinh chúng tôi nghe về thời kỳ “vàng son” của ông khi còn đi học dưới thời Pháp thuộc, ông cho biết vào thời gian ấy việc ăn sáng với bánh Tây (bánh mì) thịt nguội, và ăn cơm tối với thịt bò bí-tết là chuyện rất thường tình. Khi nói về chuyện ăn uống xa xưa, tôi thấy “cục bấu” nơi cổ ông chuyển động lên xuống một cách liên tục. Ông cũng tâm sự với chúng tôi là, hiện tại ít khi ông được ăn no, dù là cơm độn với sắn (khoai mì) hay ngô (bắp), vì phải nhường cho các con đang lớn của ông. Sau khi kể chuyện, ông không quên dặn dò bọn học sinh chúng tôi không nên nói lại chuyện này với các giáo chức khác, vì e ngại có thể bị phê bình và kiểm thảo.

Các học sinh của trường cấp II Xuân Huy, phần lớn là con em của các gia đình nông dân trong huyện Lâm Thao và các huyện lân cận. Những học sinh ở xa trường dưới 10 cây số thường đi về hàng ngày, nếu gặp những đêm mưa to, gió lớn thì ghé nhà bạn bè ngủ nhờ hay ngủ ngay tại trường. Còn những học sinh ở những làng mạc xa hơn như làng tôi, thường phải trọ học trong những nhà người dân quanh trường; mỗi tuần, hay hai tuần lại cuộc bộ về gia đình một lần để lấy gạo, và mắm muối.

Niên học trong vùng kháng chiến được gói gọn vào từng năm một; có nghĩa là bắt đầu vào tháng Giêng và kết thúc vào tháng 12, mà không còn nằm chằng chằng

giữa hai năm như trước kia nữa. Nghỉ hè không còn vào thời gian hoa Phượng nở, mà do sự sắp xếp và yêu cầu của chính quyền địa phương tùy theo nhu cầu thời vụ để học sinh có thể giúp đỡ gia đình trong công việc đồng áng. Nghỉ hè không có nghĩa là để cho học sinh nghỉ ngơi dưỡng sức sau những ngày học tập nhọc nhằn, mà là cơ hội đặc biệt để “được” tham gia lao động và hiểu được ý nghĩa sâu xa của khẩu hiệu “Lao Động Là Vinh Quang”.

Ngoài vụ nghỉ hè, nhà trường cũng thường thể theo lời yêu cầu cả chính quyền địa phương cho học sinh nghỉ học một hay hai ngày hoặc nhiều hơn nữa để trực tiếp tham gia các công tác có tính chất khẩn thiết tại địa phương, như đắp đê, diệt sâu bọ phá hoại mùa màng, tham gia những buổi đấu tố địa chủ, vận chuyển gạo tiếp tế cho chiến trường v.v...

Vào đầu vào năm 1953 chương trình Cải Cách Ruộng Đất được ông Hồ và đảng CSVN phát động, nên sự phân biệt thành phần xuất thân của học sinh ở trường học cũng bắt đầu được hình thành. Các giáo viên, ban hiệu đoàn, và đoàn thanh niên bắt đầu nâng đỡ và đề cao các học sinh xuất thân từ thành phần bần cố nông và lạnh nhạt hẳn với các học sinh xuất thân là thành phần phú nông, địa chủ. Mỗi khi có tuyển chọn học sinh cho một ngành công vụ nào đó thì các học sinh thuộc thành phần con cái bần cố nông được ưu tiên và các học sinh là con cái địa chủ đều bị loại ra ngoài dù học giỏi và hạnh kiểm tốt.

Vào khoảng giữa niên học 1952, Tỉnh Đoàn Thanh Niên Phú Thọ phối hợp với các đoàn Thanh Niên Cứu Quốc của các trường trung học trong tỉnh tổ chức một khóa học cải tạo tư tưởng đặc biệt dành cho học sinh. Thành phần tham dự khoá học là các học sinh từ các Hiệu Đoàn và Đoàn

Thanh Niên Cộng Sản của các trường trong tỉnh Phú Thọ chọn lựa và đề cử. Khoá học đặc biệt này được tổ chức ngay tại trường trung học cấp III Hùng Vương và trường này cũng là trường cấp III duy nhất của tỉnh Phú Thọ.

Trong khóa học sau những bài thuyết trình và thảo luận tư tưởng của những nhân vật lãnh đạo là những giờ đào sâu suy nghĩ và tự kiểm thảo bản thân của học viên. Trong giờ tự kiểm thảo và suy tư, có nhiều học sinh còn rất trẻ và hầu như chưa từng ra khỏi nhà, đã thành thật tự khai là trong quá khứ đã có đầy dẫy những tư tưởng phản động chống phá cách mạng. Vì ý thức được sự sai trái của mình, nên các học sinh này tự phê bình và kiểm thảo trong những cơn mưa nước mắt. Càng bộc lộ được nhiều tội lỗi bao nhiêu, thì càng được đánh giá là thành khẩn và tiến bộ nhiều bấy nhiêu!

Một học sinh được bầu là “chiến sĩ học tập” trong khoá học này là anh Bùi Ngọc Đào, người làng Kinh Kệ, kế cận với làng Bản Nguyên của tôi. Trong bài tự kiểm thảo, anh Đào đã tự thú là đã có rất nhiều tư tưởng phản động chống lại đảng và chống lại nhân dân; anh Đào vừa đọc bài viết tự kiểm thảo của anh vừa khóc trước hàng trăm các học viên khác vì hối hận. Cuối khoá học tập anh Đào được tuyên dương là chiến sĩ học tập xuất sắc và được lãnh nhiều bằng khen thưởng.

Vào cuối năm 1954, đội Phát Động Cải Cách Ruộng Đất được phối trí về hoạt động tại vùng quê tôi cũng là quê anh Đào. Thân phụ anh “Chiến Sĩ Học Tập” Bùi Ngọc Đào là ông Bùi Ngọc Bích, nguyên là giáo viên hiền lành và tốt bụng trước năm 1945 và cũng là Chủ tịch Ủy Ban Hành Chính Kháng Chiến xã Xứ Nhu bị xếp vào thành phần địa chủ Phản Động Đại Gian Đại Ác. Ông Bích đã thất cổ tự tử

trước khi được đem ra pháp trường đầu tổ và anh Đào bị kết án tù vì tội toan cướp súng chống lại nông dân. Nghe nói sau đột sửa sai, anh Đào được tha về, và gia đình được phục hồi một phần danh dự. Nhưng rất tiếc không có cách chi mà Bác và Đảng sửa sai để cho ông Bùi Ngọc Bích có thể sống lại được.

Vào đầu năm 1954, việc đi học của tôi ở trường trung học Xuân Huy bắt đầu gặp khó khăn, tuy đội phát động chưa được bố trí vào làng tôi nhưng chính quyền địa phương đã liệt gia đình tôi vào thành phần địa chủ. Mỗi khi về nhà lấy gạo thường bị nhìn với con mắt không mấy thiện cảm, và đôi khi còn bị hạch hỏi, vì nghi ngờ là lợi dụng cơ hội này để tẩu tán tài sản. Rất may là sau hiệp định Geneve, một người bà con ở Hà Nội gửi cho tôi một bộ đồ hớt tóc. Tôi dùng bộ đồ nghề này làm “cần câu cơm” trong thời gian đi học. Vào thời gian đầu việc hành nghề hớt tóc của tôi còn có đôi chút vụng về, nhưng vì thông cảm với hoàn cảnh khó khăn của tôi, nên các học sinh trong trường âm thầm hỗ trợ. Mỗi ngày, tôi chỉ cần hớt được ba cái tóc là đủ sống; hớt hai cái tóc được 2 ngàn bạc cụ Hồ đủ để mua 2 bát gạo, và cái tóc thứ 3, được thêm một ngàn nữa để mua một bó rau muống và chút ít mắm ruốc. Như thế là, tôi đã qua được một ngày sách đèn dưới bóng cây đại thụ Hồ Chí Minh. Nhờ bộ đồ hớt tóc mà tôi không cần phải về nhà lấy gạo hàng tuần ở gia đình như trước nữa và cũng tránh được con mắt dòm ngó của dân quân du kích làng tôi.

Đường lối giáo dục trong vùng kháng chiến lúc bấy giờ được thực thi theo sự chỉ đạo của ông Hồ là phải làm thế nào để đạt được hai tiêu chuẩn: “HỒNG” và “CHUYÊN”. Hồng có nghĩa là phải thấm nhuần chủ nghĩa cộng sản, còn chuyên là phải thấu hiểu về môn học hay

ngành học mà mình theo học. Vì “HỒNG” có thứ tự ưu tiên hơn “CHUYỀN”, nên học sinh đôi khi phải nghỉ học để tham dự các sinh hoạt chính trị ở địa phương.

Trong thời gian theo học trường Xuân Huy, tôi đã “hân hạnh” được tham dự một phiên xử của Toà Án Nhân Dân tàn bạo và man rợ trong đợt Cải Cách Ruộng Đất ở làng Sơn Lũng. Trong phiên xử này, tôi đã chứng kiến tên chánh án Tòa Án Nhân Dân tuyên án tử hình địa chủ Nguyễn Viết Đạo và bản án được thi hành ngay tại chỗ, cũng như việc tịch thu tài sản của hầu hết các địa chủ trong làng, rồi chia tại chỗ cho bần cố nông.

Nhìn những địa chủ bị đầu tở và bị giết ở làng Sơn Lũng, tôi không thể không liên tưởng đến bố mẹ tôi và phải chăng đó cũng là điều tất yếu sẽ đến với bố mẹ tôi và gia đình tôi vào những ngày sắp tới. Điều này đã làm cho tôi lo lắng cho một tương lai “đen như mồm chó” đang chờ đón bố mẹ tôi và gia đình tôi. Khi tôi trở về làng vào ngày cuối năm học lớp VII, cũng là những ngày mà đoàn cán bộ Phát Động Quần Cải Cách Ruộng đất đang hoạt động ở làng tôi.

Ngay sau khi bước vào nhà, chưa kịp hỏi han bố mẹ tôi một tiếng nào, thì một ông nông dân đã lù lù vào nhà yêu cầu tôi đi gặp cán bộ của đội phát động ngay. Trong buổi gặp gỡ đầu tiên với một cán bộ của đội, anh ta nói thẳng vào mặt tôi rằng:

“Thằng Quang (bố tôi) con Quán (mẹ tôi) sở dĩ có được sản nghiệp to lớn như ngày hôm nay là do chúng bóc lột lâu dài tận xương tận tủy nông dân trong làng. Việc học hành của anh đến lớp VII là do công lao của nông dân, chứ không phải của thằng Quang và con Quán. Do đó anh phải ý thức đúng đắn và dứt khoát biết ơn nông dân chứ không phải là thằng Quang và con Quán”.

Sau khi đã cho tôi những bài học thấm thía, về mối tương quan giữa địa chủ và con cái, cũng như giữa nông dân và địa chủ, tên cán bộ gốc nông dân này khuyên tôi phải mau chóng đầu hàng giai cấp nông dân, và đừng hẳn về phía giai cấp vô sản để tổ giác, hoặc khuyên bảo bố mẹ tôi không được ngoan cố nữa, và thành thật khai báo tất cả những nơi chôn giấu vàng bạc, châu báu, và mang chúng ra để trả nợ cho nông dân, có như thế mới được tha chết và mới nhận được lòng bao dung và khoan hồng của Đảng và Nhà Nước. Sau đó chúng tiếp tục giữ tôi tại đây với lý do là ngồi lại để “đào sâu và suy nghĩ”, mãi đến một giờ khuya mới cho về. Trên đường từ trụ sở của đội phát động về nhà, bao nhiêu hình ảnh bác Hồ kính yêu và vĩ đại mà tôi đã tích lũy được trong gần 10 năm trời, cũng bao nhiêu lý thuyết Marxist và Leninist mà tôi đã được hấp thụ được trong những tháng năm học hành gian khổ dưới những làn đạn đạo trong vùng kháng chiến, dường như đều bị tổng đuổi ra khỏi đầu tôi và tan biến theo làn gió lạnh lạnh ngược chiều.

Ít ngày sau đó, vì thấy rõ ràng rằng, nếu cứ tiếp tục “TRUNG với ĐẢNG và HIẾU với BÁC” thêm nữa, chẳng khác nào như người tử tù chờ ngày lên máy chém. Do đó, cả gia đình tôi đã cuốn gói ra khỏi làng, trốn về Hà Nội, mặc dù nơi đây đã được Việt Minh tiếp quản. Rồi từ đó lần mò tìm đường trốn về Hải Phòng qua ngã ga Phạm Xá để di cư vào miền Nam, chấm dứt những năm dài học hành vất vả và gian nan dưới những làn đạn đạo và dưới cái gọi là bóng cây đại thụ Hồ Chí Minh.

Chương 4

Cuộc Cải Cách Ruộng Đất Tại Làng Tôi

Khi Hiệp Định Geneve 1954 bắt đầu có hiệu lực, các đồn bót của quân đội Pháp phía bên kia sông Hồng, thuộc tỉnh Sơn Tây, rút hết về Hải Phòng, để chuẩn bị di chuyển xuống vùng đất phía Nam sông Bến Hải. Làng tôi, cũng như các làng khác trong vùng bắt đầu được sống lại những ngày thanh bình như thuở xa xưa, dân làng không còn nơm nớp lo sợ những viên đạn súng cối 81 ly, đại bác 105 ly, hoặc 155 ly từ những đồn này rót lên đầu lên cổ bất cứ nào và cũng không còn bận tâm đến những chiếc AD6, từ phi trường quân sự Cát Bi, bay tới bắn phá như trước nữa.

Thầy me tôi bèn giao khu vườn trại, được tạo lập trong thời gian chiến tranh ở xóm trại cuối làng, cho vợ chồng người con cả trông coi, để trở về ngôi nhà xưa, được xây cất từ nhiều năm trước nằm trong một khu vườn rộng rãi ở trong làng. Song nổi vui mừng được sống trong hoà bình của gia đình tôi, cũng như dân làng tôi chỉ kéo dài được một thời gian ngắn thì ông Hồ và đảng Cộng Sản Việt Nam (CSVN) đã cho thực thi cuộc Cải Cách Ruộng Đất khiến dân làng tôi lâm vào một cuộc đấu tranh mới: đấu tranh giai cấp.

Cuộc cải cách này thật ra không có gì là mới lạ cả, mà chỉ là phó bản một cuộc cải cách ruộng đất có tên là “Thổ Cải” mà ông Mao Trạch Đông và đảng Cộng Sản Trung Quốc (CSTQ) đã và đang thực hiện ở Trung Hoa.

Trong một cuộc họp tay ba tại Mạc Tư Khoa giữa Joseph Stalin (Liên Xô) Lưu Thiệu Kỳ (Trung Quốc) và Hồ Chí Minh (Việt Nam) vào ngày 28/10/1952, Lưu Thiệu Kỳ đã thúc ép và đề nghị Stalin phải thuyết phục Hồ Chí Minh tiến hành CCRĐ một cách triệt để tại Việt Nam theo mô hình CCRĐ ở Trung Quốc. Sở dĩ Lưu Thiệu Kỳ yêu cầu Stalin như thế là vì ông ta đã biết ông Hồ chỉ có ý định thực thi cuộc CCRĐ ở mức độ giảm tô mà thôi. Dưới áp lực của Kỳ và Stalin, ông Hồ đã chấp thuận triển khai chương trình CCRĐ tại Việt Nam rập theo khuôn mẫu của Trung Quốc.

Ngay sau cuộc họp này ông Hồ Chí Minh đã cùng với Lưu Thiệu Kỳ và Vương Gia Tường (phụ tá của ông Lưu) đã soạn thảo chương trình CCRĐ cho Việt Nam. Khi có được bản chương trình CCRĐ này trong tay, ông liền viết thư cho Stalin để xin chấp thuận. Dưới đây là bức thư của ông Hồ viết và gửi cho Stalin:

88

Дорогому товарищу У.В. Сталину

Направил Вам проект аграрной программы партии Трудовика Вьетнама. Проект программы вы составлен лично при помощи товарищей Лю Шао-чи и Ван Чун-сян. Прошу вас ознакомиться с ним и дать Ваши указания по нему.

С коммунистическим приветом!

Ho Chi Minh

31 октября 1952 г.

Stalin

Копия послана в д. Москва,
Москва, 10.11.52, д. с. 37/60

Xin tạm dịch:
Đồng chí Stalin thân mến:
Xin gửi ngài chương trình cải cách ruộng
đất của Đảng Lao Động Việt Nam. Chương trình hành
động này được lập bởi chính tôi với sự giúp đỡ của các
đồng chí Lưu Shao Shi (Lưu Thiếu Kỳ) và Văn Sha San.
Đề nghị ngài xem xét và cho chỉ dẫn.
Gửi lời chào cộng sản.
Hồ Chí Minh,
31/10/1952

Trên đường về nước ông Hồ ghé Bắc Kinh để xin Mao cắt cử một đoàn cố vấn hùng hậu sang Việt Nam để hướng dẫn và giúp đỡ cho cuộc cách mạng cải cách ruộng đất ở Việt Nam. Đảng Cộng Sản Trung Hoa đã cho thành lập đoàn cố vấn này và viên trưởng đoàn là Kiều Hiểu Ba, nguyên phó bí thư tỉnh ủy Quảng Tây. Cuộc CCRĐ khi nhập cảng vào Việt Nam được chia thành hai giai đoạn:

-Giai đoạn I được gọi là **“Phóng Tay Phát Động Quần Chúng Đấu Tranh Chống Địa Chủ”**.

-Giai đoạn II gọi là **“Cải Cách Ruộng Đất Đích Thực”**.

Cuộc CCRĐ được bắt đầu thực hiện ở VN vào năm 1953, song vì vùng quê tôi, nằm kế cận với thị trấn Trung Hà thuộc tỉnh Sơn Tây vẫn do Pháp chiếm giữ, nên mãi đến cuối năm 1954, khi quân đội Pháp đã rút hết tỉnh Sơn Tây, đội cán bộ CCRĐ, mới được phối trí đến hoạt động trong vùng quê tôi.

Khi đội Phát Động được phối trí vào làng tôi và các làng kế cận, một sự việc khá lạ mắt xuất hiện trong vùng là, những hàng cột tre, cao khoảng hai thước Tây, trên

đầu mang những sợi dây nhỏ bọc cao-su, nối tiếp nhau chạy dài dài qua những cánh đồng từ làng này tới làng kia. Lúc đầu, người dân quê mùa vùng tôi không rõ những cây cột và những sợi dây ấy được dùng làm gì. Song ít ngày sau họ mới được biết đó là hệ thống đường dây điện thoại dã chiến nối từ trụ sở của một đội phát động tới một làng nào đó nơi có trụ sở của bộ chỉ huy tiền phương của Trung Ương đảng Lao Động Việt Nam và các cố vấn Vĩ Đại Trung Quốc.

Ngay sau khi được phối trí vào các làng xã, đội phát động bố trí ngay các đội viên của đội thay thế hầu hết các viên chức địa phương đang điều hành Chi Bộ đảng, Ủy ban Nhân Dân, và Nông Hội v.v... Sở dĩ phải làm như thế, là vì trung ương đảng CSVN cho rằng, phần lớn các cán bộ cũ tuy có chút học thức và am tường tình hình địa phương, nhưng không ít thì nhiều đã bị bọn địa chủ trong làng mua chuộc. Chính quyền ở nông thôn, theo đúng đường lối “vô sản chuyên chính”, phải là những thành phần thuộc giai cấp bản cổ nông và đã trải qua những thử thách trong đấu tranh chống địa chủ, mới đáng tin cậy.

Khi một đội phát động được chỉ định tới một xã nào đó hoạt động thì đội này đã được trung ương đảng trao cho rất nhiều quyền hành chẳng hạn như quyền “triệu hồi” bất cứ người nào dính líu hay có liên hệ máu mủ với các gia đình địa chủ nơi họ đang hoạt động, dù những người này có đảng tịch thâm niên và đang giữ một chức vụ quan trọng trong đảng, trong chính quyền, hay là sĩ quan cao cấp trong quân đội nhân dân, để hạch hỏi, đấu tố và có thể bị giết nữa. Vào thời gian này trong vùng quê xuất hiện câu cách ngôn: **“Nhất Đội Nhì Trời”**.

Sau một thời gian tìm hiểu, và tạm nắm vững về mọi mặt trong làng, đội phát động bắt đầu cho nông dân

học tập tài liệu liên quan đến việc phân định thành phần dân chúng rồi tiếp theo sau là những buổi họp để bình bầu thành phần. Trong khi học tập, vì vốn thất học hay ít học, nên các tầng lớp bản cổ nông trong làng thật sự không hiểu được đường lối của Đảng. Do đó, trong những buổi họp bình bầu, họ ù-ù cạc-cạc như vịt nghe sấm, nên đã giơ tay biểu quyết chấp nhận 100% danh sách qui định thành phần cổ nông, bản nông, trung nông, phú nông, và địa chủ do cán bộ đội phát động thiết lập.

Để việc đấu tranh nhắm đúng đối tượng, thành phần địa chủ được phân ra làm nhiều loại khác nhau: Địa chủ nào trước năm 1945 có thoát ly làm việc cho Pháp là địa chủ Việt gian phản động, địa chủ nào dưới thời Pháp thuộc có đảm nhiệm các chức vụ như chánh tổng, lý trưởng, phó lý... là bị liệt vào loại địa chủ cường hào ác bá; địa chủ nào không thuộc một trong hai loại kể trên là địa chủ bóc lột; địa chủ nào sau năm 1945 có trực tiếp tham gia, hay có con cái theo cách mạng là địa chủ kháng chiến. Mỗi loại địa chủ được đối xử theo một chính sách đối xử riêng biệt.

Sự sắp xếp và bình bầu thành phần giai cấp của đội CCRĐ triệt để tuân theo chỉ thị của đoàn Cố Vấn Trung Quốc với tiêu chuẩn 5% tổng số gia đình trong mỗi làng xã phải là địa chủ. Vì lẽ đó, thành phần địa chủ trong làng tôi gia tăng hơn nhiều. Trước đó, có nhiều gia đình cứ đinh ninh rằng theo số ruộng đất và trâu bò hiện có, gia đình họ quá lắm chỉ là trung nông hạng trên là cùng. Nhưng sau những đêm bình bầu của bản cổ nông và cán bộ CCRĐ, gia đình họ bỗng trở thành gia đình địa chủ.

Sau khi một gia đình nào đó được liệt vào thành phần bản nông hay cổ nông “cốt cán”, đội sẽ cử cán bộ đến tận nhà, trước là để **“thăm nghèo hỏi khổ”** và sau là

thăm dò để đi thêm bước thứ hai nữa là “**tam cùng**”. Tam cùng là **cùng ăn, cùng ở, cùng làm**. Cùng ăn không có nghĩa là gia đình bản cổ phải nuôi cơm cán bộ, mà là cán bộ mang phần gạo của mình đến góp với gia chủ để nấu ăn chung, và cũng đóng góp một số tiền nhỏ nữa để mua mắm, muối, rau cỏ. Cùng ở, có nghĩa là cán bộ đến ở luôn trong nhà, ngày cũng như đêm. Cùng làm, có nghĩa là gia chủ làm gì cũng được cán bộ tiếp giúp, mà không phải trả công. Theo lý thuyết, tam cùng là nghệ thuật làm cho nông dân coi cán bộ của đội phát động như một người “tri kỷ”. Để từ đó họ có thể “tâm sự” hay bộc lộ với cán bộ tất cả những nỗi khổ đau thầm kín đã xảy ra trong đời họ, mà trước đây họ không dám bày tỏ cùng ai, hay cũng không có ai đáng tin để bày tỏ.

Cũng từ đó, bất kỳ những khó khăn trở ngại nào đã xảy ra trong gia đình bản cổ này, đều được cán bộ dùng “duy vật biện chứng” để chứng minh rằng, tất cả sự nghèo đói, dốt nát, khổ đau v.v.. trong quá khứ của họ, đều do giai cấp địa gây ra. Rồi từ đó dắt dẫn họ đi đến kết luận rằng, chỉ có một cách duy nhất để họ thoát ra khỏi kìm kẹp và bóc lột ấy là phải triệt để tuân theo sự lãnh đạo của đảng, vùng lên đấu tranh, đào tận gốc, tróc tận rễ bọn địa chủ.

Người dân quê vùng tôi, tuy chất phác, nhưng họ cũng đã thấy được phần nào sự nguy hiểm trắng trợn của các cán bộ phát động, nên một số ít đã tỏ ra hoài nghi. Gặp những trường hợp như thế, cán bộ thường đem quyền lợi ra để dụ dỗ, như hứa hẹn cho họ được nắm giữ các chức vụ trong uỷ ban nhân dân xã, chi bộ đảng, nông hội v.v... hoặc hứa hẹn sẽ cấp phát ruộng đất, cùng nhà cửa do đội tịch thu của địa chủ trong những ngày sắp tới.

Những gia đình bản cổ được chọn để tam cùng đợt đầu, được coi như cái “**rễ**”, và việc phân công cán

bộ đến để tam cùng trong các gia đình này được gọi là “**bắt rẽ**”. Sau khi tuyên truyền móc nối và được gia chủ hưởng ứng và tham gia chiến dịch một cách tích cực, thì gia đình bắt rẽ này được coi là đã “**giác ngộ**” quyền lợi giai cấp và trung thành với Đảng. Tới lúc này cán bộ tam cùng mới yêu cầu gia chủ giới thiệu bạn bè hay thân nhân của họ có cùng thành phần và cảnh ngộ, để lựa chọn đến tam cùng đợt hai. Việc cán bộ chuyển “tam cùng” hay “bắt rẽ” từ gia đình bản cổ này tới gia đình bản cổ kia, được gọi là “**xâu chuỗi**”. Cứ từng bước như thế, dần dà một đội cán bộ phát động có thể bắt rẽ và xâu chuỗi được một số khá đông bản cổ nông làm nòng cốt trong cuộc đấu tranh chống địa chủ. Một số ít trong những người này được chỉ định được nắm giữ thực thụ các chức vụ như Bí Thư chi bộ, Chủ Tịch ủy ban nhân dân xã và các chức trưởng trong các cơ quan đoàn thể trong làng xã, mặc dù có thể họ chưa đọc thông viết thạo chữ Quốc Ngữ.

Khi chiến dịch PT/PĐQC/ĐTCĐC được thực thi tại làng tôi, gia đình tôi và đặc biệt là bố mẹ tôi, là ông Vũ Huy Quang và bà Lê Thị Quán, bị hành hạ, đầy đọa, mắng chửi, sỉ nhục v.v... đến cùng cực.



Ông Vũ Huy Quang



Bà Lê Thị Quán

Gia đình tôi bị bao vây và không được phép liên hệ với bất cứ người nào trong hay ngoài làng. Nếu liên hệ với bà con, họ hàng thì bị nghi là “tẩu tán” tài sản để trốn trả nợ cho nông dân. Nếu liên hệ với phú nông hay địa chủ khác, họ nghi là “cầu kết” với nhau để chống phá chiến dịch cải cách ruộng đất.

Để hạ uy thế và để làm nhục địa chủ, đội phát động đã bắt buộc tất cả địa chủ trong làng không phân biệt tuổi tác, mỗi khi ra khỏi nhà, hễ gặp nông dân, bất kỳ lớn nhỏ, phải đứng lại, nép về một phía bên đường, khoanh tay trước ngực, cúi đầu thật thấp, thưa lỏn: **“Con xin kính chào ông/bà nông dân ạ”**. Mặt khác đội cũng bắt buộc nông dân trong làng không được gọi địa chủ là ông hay bà mà phải kêu là “thằng này” và “con kia”, và cho họ quyền đánh đập, ném đá, ném đất, mắng chửi, xỉ vả ... địa chủ bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào.

Bố mẹ me tôi cũng như các địa chủ khác trong làng, ngoài việc bị đối xử như thú vật, còn thường xuyên bị dẫn giải tới các buổi họp của nông dân để làm đối tượng cho họ “tố khổ”. Tại các buổi họp tố khổ, bản cổ nông thường nêu lên những lý do, nguyên nhân, nguồn gốc... của sự nghèo khó trong gia đình họ như mùa đông thiếu áo, mùa hè thiếu ăn, con cái thất học, ốm đau không tiền thuốc thang, nhà cửa vào những ngày nắng ảm thì trũng gà treo đầy trên vách, vào những ngày mưa thì có thể tắm gội ngay trong nhà v.v... đều là do địa chủ gây ra cả. Nghĩa là hàng trăm ngàn sự việc làm cho bản cổ nông nghèo khổ, đói rách đều đổ lên đầu lên cổ địa chủ. Riêng thầy me tôi bị tố khổ là đã lợi dụng

thời thế hay lợi dụng những khó khăn xảy ra trong các gia đình nông dân để mua ruộng đất của họ với giá rẻ mạt, và khi cho cấy rẽ đã thầu tô cao hơn mức cho phép của chính phủ và bóc lột tá điền đến tận xương tủy.

Số ruộng đất mà thầy me tôi có vào ngày ấy chỉ vào khoảng 50 mẫu ta có 3.600 mét vuông, tính ra mẫu Tây (10.000m²) thì chỉ có vào khoảng 17 mẫu. Một số là do của bà nội tôi để lại, và một số là do công lao của thầy me tôi buôn bán, tần tảo và dành dụm trong nhiều năm mới mua được. Dành dụm hay tiết kiệm được bao nhiêu là mua ruộng bấy nhiêu. Người Việt thời xưa thường nghĩ là “để dành của cải không gì bằng mua ruộng đất”, vì ruộng đất trồng lúa và cấy lúa được thì có giới hạn nhất định, còn con người thì mỗi ngày mỗi đông, nên không bao giờ lo bị mất giá cả, và cũng không ai có thể ăn cắp, ăn trộm, hay khuân vác ruộng đất của mình đi nơi khác được. Thật không ai ngờ, dưới ách thống trị của đảng Cộng Sản, cái chân lý cổ điển ấy đã làm cho gia đình tôi điều đứng, và nếu không nhanh chân bỏ của chạy lấy người vào đầu năm 1955, thì bố mẹ tôi đã cùng chung số phận với hơn 200,000 địa chủ miền Bắc bị Bác và Đảng giết trong cuộc cách mạng ruộng đất này rồi.

Tất cả số ruộng mà thầy me tôi có vào lúc ấy đều được canh tác dưới hình thức thuê mướn thợ cấy, thợ cấy chứ không cho cấy rẽ hoặc giao khoán cho tá điền để thầu tô như phần đông các địa chủ khác mãi đến năm 1947, khi quân Pháp đánh chiếm thị trấn Hưng Hoá, đối diện với làng tôi ở phía bên kia sông Hồng, gia đình tôi phải tản cư, nên buộc lòng phải cho nông dân cấy rẽ.

Khi chiến dịch PT/PĐQC/ĐTĐC thực thi tại làng tôi, thầy me tôi, ngoài việc bị kết tội là cấu kết với thực dân phong kiến và lợi dụng thời cơ để mua ruộng đất

của nông dân với giá rẻ mạt, còn bị lên án là đã vi phạm trầm trọng Sắc Luật Giảm Tô số 78/SL của nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Theo sự giải thích của đội phát động, thì đạo luật này được ban hành vào ngày 14/7/1949 tại một khu rừng âm u nào đó ở Liên Khu Việt Bắc và đã được công bố trên mặt báo Nhân Dân. Vào lúc ban hành đạo luật này, vùng quê tôi đang thi hành chính sách tiêu thổ kháng chiến. Hầu hết đường xá và cầu cống đều bị phá hủy, việc đi lại rất khó khăn nên tờ Nhân Dân, cơ quan ngôn luận của đảng, không được bán cho dân mà chỉ phổ biến trong nội bộ Đảng và các cơ quan nhà nước. Chi bộ xã và Ủy Ban Hành Chính Kháng Chiến ở xã tôi, mỗi số cũng chỉ được phân phối một vài tờ và nhiều khi vì chiến sự, báo gửi cho xã tôi bị thất lạc, nên chi bộ xã cũng không có báo để đọc. Huống chi là người dân thường, làm sao có cơ may được rớ tới tờ Nhân Dân nên các gia đình địa chủ vùng tôi thật sự không biết mặt mũi luật giảm tô méo hay tròn như thế nào nữa còn nói chi đến việc thi hành đạo luật này.

Cũng theo sự giải thích của đội, thì trước khi có luật giảm tô, tá điền phải nộp cho địa chủ 50% tổng số thóc mà họ thuê hoạch được trên thửa ruộng cấy rẽ, và 50% còn lại thuộc về họ. Kể từ khi có đạo luật này, tá điền vẫn được lấy 50% như trước, và còn được giảm tô 25% trong số 50% nộp cho địa chủ, tức là lấy thêm 12,5% trong tổng số thóc thuê hoạch. Như thế là theo luật mới, tá điền được hưởng 62.5%, còn địa chủ chỉ được hưởng có 37.5% trong tổng số thóc thuê hoạch mà thôi.

Theo cách tính bình quân, nhân sản lượng và tỷ lệ giảm tô 25%, cán bộ phát động đã tính trồng treo thế nào mà gia đình tôi đã bội thu của tá điền lên tới con số hàng chục ngàn tấn thóc. Cán bộ nói ra bao nhiêu là chúng tôi

phải chấp nhận bấy nhiêu. Vì không tin vào khả năng tính toán của đám cán bộ dốt nát, nên đã nhiều lần gia đình tôi yêu cầu cho phép chúng tôi tính lại, song chẳng những không được chấp nhận mà bị kết tội là ngoan cố nữa. Tính ra, thầy me tôi chỉ cho cấy rẽ một phần lớn số ruộng đang có trong vòng 6 hay 7 năm thôi, mà số tô bội thu đã lên cao đến nỗi, nếu bán hay gán tất cả số ruộng đất mà gia đình đang đứng tên trong lúc bấy giờ theo thời giá đi nữa, cũng chưa trả đủ được tổng số bội thu mà gia đình tôi đã thu của nông dân. Để truy thu món nợ to lớn này, thầy me tôi bị dẫn giải lúc cả hai lúc riêng rẽ, hết trụ sở của Ủy Ban Nhân Dân xã, tới trụ sở của đội, rồi của nông hội, hay tới những buổi họp của bàn cố nông hầu như mỗi đêm. Chúng thăm vắn, uy hiếp, dọa nạt, thúc ép, dụ dỗ thầy me tôi phải thành thật khai báo và phải mang hết của chìm của nổi ra để trả món nợ trội thu cho nông dân.

Là con cái địa chủ, tôi cũng thường được “mời” tới các buổi học tập do đội tổ chức để được nghe giảng giải về đường lối của Đảng và nhà nước, và đặc biệt là về chính sách đối xử với con cái địa chủ. Vì muốn chia để trị, nên Đảng không coi con cái địa chủ, khi chúng chưa trực tiếp tham gia vào công việc bóc lột nông dân, là địa chủ, và chỉ coi họ là thành phần có liên hệ máu mủ với địa chủ mà thôi. Do đó chúng không gọi chúng tôi là thằng này con kia, và cũng không bị chửi bới thậm tệ như địa chủ. Chúng thường dùng những lời lẽ nhẹ nhàng để thuyết phục và “chiêu hồi” con cái địa chủ đứng về phía nông dân tố cáo thẳng thừng tội ác của bố mẹ chúng.

Riêng tôi, vì đã được bố mẹ tôi cho đi học hết lớp 7 trong vùng kháng chiến (tương đương với lớp đệ tứ trong vùng quốc gia) nên chúng đã khai thác triệt để việc này

để khuyến khích và móc nối tôi đầu hàng giai cấp nông dân nên hết cán bộ đội phát động, đến cán bộ nông hội, rồi cả mấy ông bà bản cổ vừa mới được bắt rồi xâu chuỗi cứ lập đi lập lại như con vẹt tập nói, như con trâu nhai lại rằng, việc tôi được học hết 4 năm bậc tiểu học, và ba năm trung học là công lao và mồ hôi nước mắt của nông dân, mà không phải là của bố mẹ tôi, vì thầy me tôi không trực tiếp tham gia lao động nên không thể sản xuất ra lúa gạo được. Họ bảo tôi phải ý thức rõ điểm này, đừng để lòng yêu thương cha mẹ mù quáng, làm mất sáng suốt trong việc nhận định đúng đắn ai là người đã thực sự nuôi tôi ăn học.

Họ cũng an ủi tôi rằng đừng quá lo lắng về vấn đề con cái địa chủ, vì Đảng rất sáng suốt, và chỉ đánh những kẻ chạy đi, nhưng luôn luôn đề cao và nâng đỡ những kẻ chạy lại. Họ còn nêu ra nhiều thí dụ điển hình về đám con cái địa chủ trong làng tôi và những làng kế cận, đã có nhiều đứa “tiền bộ” đứng hẳn về phía nông dân, tố khổ và tố cáo thẳng thừng bố mẹ của chúng.

Những lời “vàng ngọc” của đám cán bộ rót vào tai tôi lúc ấy khi trầm, khi bổng, lúc chậm lúc nhanh nhưng tất cả đều như “nước đổ lá khoai” hay “vô tai này ra tai kia”. Những lời lẽ “quý báu” mà Đảng đã dạy bảo họ bấy lâu nay, bây giờ họ moi ra để nhai lại đối với tôi, quả thật không thể nào nuốt trôi được, song tôi cũng không tiện phản đối, vì kinh nghiệm trong những năm tháng dài sống với Bác và Đảng cho biết là “nhẫn nhục là vàng”.

Gia đình tôi đã thành thật khai báo của chìm thật sự chẳng còn gì mà chỉ có vài ba chỉ vàng đã đem ra ủng hộ chính phủ ông Hồ vào cuối năm 1945, trong chiến dịch:

“Đổi vàng lấy súng cối xay

Bắn tan giặc nước dơ ngày vinh quang”

Nghe nói ông Hồ đã dùng số vàng thâu được trong chiến dịch này, không phải là để “mua súng cối xay” mà là để hối lộ các tướng Tàu mang quân sang nước ta để giải giới quân đội Nhật hầu mua chuộc sự ủng hộ của họ đối với chính phủ lâm thời của ông ta.

Còn của nôi, ngoài nhà cửa và ruộng vườn là một số đồ cổ và đồ đặc linh kinh khác, trong thời gian chiến tranh, được gia đình tôi gửi tại nhà của những gia đình quen biết trong những làng sâu trong vùng chiêm trũng hay các làng sâu trong vùng đồi trũng điệp. Tất cả đồ đặc gửi trong làng Thạch Cáp đều bị cháy rụi khi không quân Pháp thả bom trái thảm xuống làng này; còn những đồ đặc gửi ở làng Thanh Mai thì may mắn vẫn còn nguyên vẹn.

Để tỏ thiện chí trả nợ, bố mẹ tôi xin đội cấp giấy phép cho tôi và người anh lớn của tôi vào làng Thanh Mai để lấy số đồ cổ còn lại mang về Bản Nguyên bán để trả nợ tô cho nông dân; viên đội trưởng tỏ ra vui vẻ chấp thuận ngay, và yêu cầu chúng tôi phải đi vào ngày hôm sau. Đồ đặc gửi tại làng Thanh Mai phần chính là bộ đỉnh đồng cổ rất lớn, riêng thân đỉnh, không kể chân đế và nắp đậy đã nặng lỏi 50 kg, còn thân cây đèn, nếu lắp ráp đầy đủ các bộ phận với nhau, cao khoảng 1.5 mét và nặng khoảng 25 kg.

Khi chúng tôi vào làng Thanh Mai trình giấy tờ để xin lấy về số đồ đặc mà gia đình tôi đã gửi trước đây, ông chủ nhà vốn là chỗ quen biết từ lâu cho hay là, riêng cá nhân ông thì việc trả lại những đồ đặc này hầu như không có gì trở ngại cả song vì nơi đây chiến dịch PT/PĐQC/ĐTĐC cũng đang được thực thi, nên ông đã phải khai báo số đặc này với đội phát động rồi. Do đó việc trả lại cho chúng tôi, ông cần phải có sự chấp thuận của họ. Ông dẫn chúng tôi tới gặp một cán bộ của đội đang “tam cùng” trong một gia

đình cổ nông gần đó. Cán bộ này giải thích cho chúng tôi hay rằng, Đảng và Nhà Nước đã qui định rõ ràng rằng: “Của cải của địa chủ để ở đâu, thì tịch thu, chia cho nông dân ở đó”, vì thế ông ta không thể cho phép chúng tôi lấy những đồ đạc này mang về làng Bản Nguyên được.

Trước quyết định của ông ta, chúng tôi tuy không dám nói ra nhưng thật sự rất mừng, vì trên quãng đường quanh co hơn 10 cây số, lúc lên đồi, lúc xuống dốc, lúc đi trên những bờ ruộng quanh co gập ghềnh, mà trên vai còn phải khiêng vác 4 hay 5 chục ki lô nữa thì cũng khá mệt. Nếu mỗi ngày chỉ đi một chuyến thôi, thì hai anh em tôi cũng phải mất hai ba ngày mới có thể khuân vác hết số đồ đạc này về làng tôi được. Tuy nhiên để có bằng cứ trình báo với cán bộ phát động làng tôi, nên chúng tôi xin ông ta xác nhận và ký tên vào mặt sau của tấm giấy giới thiệu.

Dù đã hết sức thành thật khai báo về của chìm của gia đình tôi, nhưng cán bộ phát động và các ông bà bản cổ trong làng tôi vẫn không tin vào sự thành khẩn của gia đình tôi, nên đội vẫn thường xuyên cắt cử người rình mò để xem chúng tôi đang giấu của chìm của nổi ở đâu? Khi gọi chúng tôi đến trụ sở của đội hay của nông hội để “làm việc” là những người này xông vào nhà lục soát, chúng dùng những cây xiên bằng sắt soi mói từng tác đất để tìm kiếm vàng bạc, châu báu mà chúng nghi là gia đình tôi đã chôn giấu.

Trong thời gian đội phát động hoạt động trong làng tôi, học trò cũ và bà con họ hàng của thầy me tôi cũng khá đông, và họ cũng không có điều gì hận thù gia đình tôi cả, song nhưng không một ai dám bén mảng tới thăm hỏi và giúp đỡ chúng tôi, vì chính sách cô lập địa chủ và thân nhân của Đảng. Căn cứ vào chính sách này, cán bộ phát động

ra lệnh: không ai được phép nói chuyện, thuê mướn, bỏ thí mua bán, trao đổi với gia đình địa chủ. Bất cứ ai vi phạm lệnh cấm này sẽ bị coi như là địa chủ và bị đối xử như địa chủ. Với chính sách này, địa chủ hay thân nhân của họ muốn trở thành ăn mày cũng không được, vì không ai cho. Muốn đi làm thuê cũng không xong, vì không ai mướn. Chỉ còn có một nước duy nhất là đi lang thang mót hay lượm những củ khoai lang hay khoai mì còn sót lại trên đồi nương hay đồng ruộng để ăn sống, rồi chết dần chết mòn vì đói khát.

Một người anh họ con ông bác của tôi, anh Vũ Huy Cảnh, ở làng Quỳnh Lâm, cùng thuộc xã Hùng Tiến, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, với làng Bản Nguyên của tôi, đã chết trong tình huống đau thương như thế. Cứ mỗi lần nghĩ tới anh, dù đã hơn 60 năm trôi qua, tôi vẫn không cầm được nước mắt. Khi bị đội Phát Động bao vây kinh tế và bỏ đói đến chết, anh mới 25 tuổi đầu. Thực ra, anh Cảnh chưa phải là địa chủ, mà chỉ là người đại diện cho năm anh chị em của anh đảm nhận việc quản trị khoảng hơn 40 mươi mẫu ta ruộng của ông bác tôi đã qua đời để lại.

Làng tôi chỉ cách làng Quỳnh Lâm vài ba cây số thôi, song gia đình tôi cũng không ai dám liên lạc với anh hay đến thăm anh, và ngược lại anh cũng chẳng dám liên lạc với chúng tôi, vì địa chủ cũng như con cái địa chủ luôn luôn bị theo dõi bất kể ngày đêm, và việc liên lạc hay thăm viếng như thế, nếu bị bắt gặp, sẽ bị kết tội là địa chủ cấu kết và thông đồng với nhau để chống phá chính sách Cải Cách Ruộng Đất của Đảng và Nhà Nước. Bố mẹ tôi và tôi sở dĩ có thể sống sót được là nhờ người con cả và cô con gái nuôi cứ đôi ba ngày lại lén lút tới thăm và tiếp tế cho đám ba chén gạo. Mỗi nồi cơm cho thầy me tôi và tôi ăn chỉ có nửa chén

gạo được nấu độn với bốn năm quả chuối xanh tước vỏ và xắt nhỏ như hạt lựu.

Khi để lại cô con nuôi còn vị thành niên, với sự giám hộ của người con cả, thầy me tôi hy vọng họ sẽ giữ được khu vườn trại ấy vì theo chính sách thì con nuôi địa chủ, dù được nuôi dưới bất kỳ hình thức nào, đều được Đảng coi như là nuôi để bóc lột nhân công, chứ không phải nuôi vì lòng thương yêu. Vì thế con nuôi địa chủ được cán bộ phát động ưu tiên chiêu cố. Thầy me tôi cũng không lo ngại sự phản bội của cô con nuôi, như những người con nuôi của những gia đình địa chủ khác, vì lòng trung thành của cô đã hơn một lần được thử thách.

Số là người mẹ sinh ra cô đang sống trong một làng khác, không cách xa làng tôi bao nhiêu và trước chiến dịch phát động quần chúng ở làng bà đồng thời với làng tôi, bà được xếp vào thành phần bần cố nông cốt cán, nên bà đã đến gặp thầy me tôi để xin cho cô con gái của bà được về chung sống với bà. Vì là thành cốt cán và đã được học tập đường lối của Đảng và chánh phủ, đáng lẽ bà phải gọi bố mẹ tôi là “thằng này” và “con kia” mới đúng chính sách. Song có lẽ vì không có sự hiện diện của cán bộ phát động, người dân quê Việt Nam vẫn giữ được bản chất đôn hậu của ông cha, nên bà vẫn gọi bố mẹ tôi là ông bà như trước kia. Bố mẹ tôi cho bà hay là, dù trong hoàn cảnh nào họ cũng vẫn thương yêu cô con nuôi như con ruột, và lúc nào cũng muốn cho cô được sung sướng, do đó việc cho cô về với mẹ ruột, lại là một gia đình thuộc thành phần bần cố nông được chính phủ ưu đãi, là điều thầy me tôi rất mong muốn. Cô con nuôi vào thời gian ấy cũng đã đủ khôn lớn, nên bố mẹ tôi để cho cô tự quyết định lấy việc đi hay ở này. Ngay sau đó bố mẹ tôi chỉ cho bà ra cánh đồng gần nhà, nơi cô

đang chần trầu để bà nói chuyện trực tiếp với cô con gái của bà. Kết quả là cô đã từ chối về sống với bà, dù biết rằng sống với thầy me tôi vào lúc này sẽ gặp nhiều khó khăn. Trong thời gian ấy đội phát động cũng đã cử một nữ cán bộ móc nối và vận động cô tổ khổ bố mẹ nuôi rất nhiều lần nhưng đều thất bại.

Trong thời gian gia đình tôi bị đầu tố, mẹ tôi là người gặp nhiều khó khăn nhất, vì vốn là con gái thành thị thuộc thành phần tiểu thương nên bà chưa từng phải lam lũ, chân lấm tay bùn, tuy là vợ địa chủ nhưng bà chưa bao giờ đặt chân tới những thửa ruộng của gia đình tôi. Bà chỉ quanh quẩn trong nhà trông nom con cái và điều khiển người ăn người làm thế thôi, vào thời gian này bà bị chứng thấp khớp hành hạ ngày đêm, và gia đình đang lâm vào cảnh túng quẫn nên không có tiền để thuốc thang cho bà và suốt ngày bà chỉ quanh quẩn trong nhà. Ấy thế mà mỗi khi có du kích vắc súng tới nhà để dẫn giải bà đi đến Ủy Ban Hành Chính Kháng Chiến xã để truy tố, hay đến các buổi hội họp của nông dân để nhận những lời tố khổ và sỉ vả, vì quá sợ đến nỗi quên hết cả đau nhức và đi lại dễ dàng dù quãng đường từ nhà tôi đến các nơi ấy có khi lên tới hơn một cây số.

Vào thời gian gần cuối chiến dịch, theo nguyên tắc đã được ấn định, mỗi xã phải tuyển chọn ít nhất một địa chủ điển hình để mang ra đầu tố công khai. May mắn là bố tôi không được chọn làm địa chủ loại này, nhưng phải đi tham dự một khoá học tẩy não đặc biệt dành cho địa chủ trong vùng được tổ chức tại làng Cổ Pháp thuộc tỉnh Sơn Tây, nằm ở phía bên kia sông Hồng và chỉ cách làng tôi khoảng 6 cây số.

Người được chọn là địa chủ ác ôn nhất trong xã Hùng Tiến, gồm làng Bản Nguyên, làng Thành Chu và

làng Quỳnh Lâm, để mang ra đấu tố công khai trước đông đảo quần chúng nông dân là cụ Bá Hảo, làng Thành Chu. Cụ Bá Hảo là một người giàu có nhất trong làng Thành Chu và cũng là người có nhiều ruộng nhất của xã Hùng Tiến. Ruộng đất do cụ Bá làm chủ khoảng trên 100 mẫu ta. Càng nhiều ruộng đất bao nhiêu thì càng nặng tội với bản cổ nông nhiều bấy nhiêu. Do đó cụ Bá Hảo được liệt vào loại địa chủ cường hào gian ác nhất trong xã Hùng Tiến, và bị lôi ra đấu tố. Cuộc meeting để đấu tố cụ Bá Hảo được tổ chức trên một khoảnh trống rộng rãi ở Vườn Vải ngay sau làng Thành Chu, và được coi là ngày hội lớn của nông dân trong xã, nên tất cả mọi người đều phải ngưng việc đồng áng để tham gia buổi đấu tố.

Trước khi thật sự bước ra đấu tố, những tá điền và bản cổ được chỉ định bước ra trước khán đài để đấu tố thật sự cụ Bá Hảo đều được cán bộ của đội tập dượt thật nhuần nhuyễn, vì phần lớn những sự kiện đem ra để vạch mặt chỉ tên địa chủ là giả tạo, hoặc chỉ là một việc nhỏ nhoi nhưng được thổi phồng lên để cường điệu hoá sự tàn ác của địa chủ, do đó nếu người đấu tố không được tập dượt kỹ lưỡng thì chắc chắn sự lúng túng và vụng về của bản cổ nông trong khi đấu tố sẽ làm mất uy tín và thanh danh của Bác và Đảng. Buổi đấu tố được sắp xếp và tổ chức có lớp lang rất chu đáo; các thành phần tham dự phải đứng vào những ô dành riêng dành cho họ. Trên tay những người tham dự là những lá cờ đỏ sao vàng lớn nhỏ khác nhau, hay những biểu ngữ mang những khẩu hiệu như “Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm”, “Chủ tịch Mao Trạch Đông vạn tuế” và Đảng Lao Động Việt Nam muôn năm”, “Đả Đảo Địa Chủ Cường Hào Ác Bá”



Một cảnh đấu tố địa chủ trong cải cách ruộng đất

Sau khi chào cờ và mặc niệm, một cán bộ của đội, ngồi ở bàn chủ tọa đoàn đứng lên tuyên bố lý do, sau đó cụ bá Hảo được dẫn ra đứng trước mô đất cao trước khán đài, giữa những tiếng hô đả đảo địa chủ gian ác vang dậy một góc trời. Rồi một tên cán bộ khác đứng lên tóm tắt tiểu sử của tên địa chủ, cùng sơ lược về quá trình bóc lột và gây tội ác cho nông dân trong xã, sau đó hấn lớn tiếng kêu gọi bản cổ nông hãy mạnh dạn đứng lên vạch trần tội ác trời không dung, đất không tha của tên địa chủ đại gian đại ác này. Hàng ngàn cánh tay đưa lên, như muốn tranh giành lấy vinh dự là người đầu tiên đứng ra đấu tố. Như đã được sắp xếp thứ tự ưu tiên, gã cán bộ lần lượt gọi từng người một tiến ra mô đất nơi mà cụ Bá Hảo đang đứng để vạch mặt chỉ tên.

Hầu hết những người ra đấu tố đều mở đầu bằng câu sáo ngữ: “Mày có nhớ ông/bà là ai không?” Và không cần đợi trả lời, người này sơ lược qua về lý lịch ba đời bản cổ của mình như là một thành tích sáng chói, rồi lần lượt kể vanh vách về những tội ác mà cụ Bá Hảo đã gây cho gia đình và cá nhân hấn. Trong khi kể tội, chúng xia xối vào mặt nạn nhân, gào thật to và hét thật lớn như để biểu lộ lòng căm

thù sục sôi và nung nấu đến cùng cực trong tâm can. Phần lớn bản cổ nông tố cáo cụ Bá Hảo là đã lợi dụng uy quyền và thủ đoạn thâm độc để mua rẻ hoặc chiếm hữu ruộng đất của họ và một vài mục bản cổ quê mùa cục mịch tố giác cụ Bá Hảo đã hãm hiếp họ. Cứ mỗi lần một gã hay mục bản cổ nông đóng xong vai tuồng của họ là quần chúng nông dân lại hô “đả đảo địa chủ ngoan cố” vang dội để áp đảo tinh thần và buộc cụ Bá Hảo phải nhận tội.

Tiền đây tôi cũng xin nói đến một cuộc đấu tố khác được tổ chức ở làng Kinh Kệ thuộc xã Xứ Nhu, kề cận với làng tôi và nạn nhân bị mang ra đấu tố là ông Tiêm Tế, vào lúc ấy, ông Tiêm Tế khoảng 60 tuổi, song tóc đã bạc trắng, nên trông ông có vẻ già trước tuổi, song rất trắng kiện. Ruộng đất của ông chỉ có vào khoảng 3 hay 4 mẫu ta thôi, nhưng tất cả đều giao cho nông dân cấy rẽ và thuê tô. Trước đây chính quyền địa phương không biết xếp ông vào thành phần nào cả, vì tổng số ruộng đất mà ông hiện có còn ít hơn cả những người được xếp vào loại phú nông, nên họ tạm thời xếp ông vào thành phần tiểu tư sản nông thôn, đến khi đội phát động được phối trí vào xã Xứ Nhu, họ căn cứ vào chính sách của Đảng là cứ người nào có ruộng cho cấy rẽ thuê tô là địa chủ không cần biết là ruộng nhiều hay ít, nên ông Tiêm Tế bị liệt vào danh sách địa chủ. Mặt khác ông Tiêm Tế là người trực tính, gặp điều trái tai gai mắt là chê bai thẳng thừng với những lời lẽ nhứt nhối, nên làm mất lòng nhiều người. Có lẽ vì thế nên ông Tiêm Tế được bản cổ nông làng Kinh Kệ bình bầu là địa chủ bóc lột rồi mang ra đấu tố.

Khi bị lôi ra đấu trường, ông Tiêm Tế tỏ ra rất can đảm, chẳng những không tỏ ra khiếp nhược như những địa chủ khác, mà còn có thái độ khinh thường đăm cán bộ của đội phát động nữa. Khi bị dẫn ra mô đất dành

riêng cho địa chủ bị đấu, ông đi đứng rất hiên ngang và không chịu cúi đầu trước mặt chủ tọa đoàn; ông Tiêm Tế lần lượt bị những người cấy rẽ ruộng đất của ông tố ông chẳng những ông thù tã quá nặng mà còn có những hành động thô bạo trong khi thù tã nữa, khiến họ phải nghèo khổ và con cái họ phải đói khổ. Đặc biệt có một vụ sồn sồn góa chồng bước tới xỉa xói vào mặt ông và nói lớn:

- *Này thằng Tiêm Tế kia! Mày có nhớ bà là ai không?*

- *Vâng thưa bà, con vẫn còn nhớ bà ạ!*

- *Thế là tốt. Chắc mày còn nhớ, cách đây nhiều năm, vào một buổi chiều nhạt nắng, mày gặp bà một mình, thân cô thế cô ở giữa cánh đồng ngô mày túm lấy bà; mày lôi bà vào giữa ruộng ngô (bắp) rậm rạp; mày đẩy bà nằm xuống; mày tóc vấy bà lên rồi mày chồm lên người bà; mày hiếp bà. Mày có nhận cái tội, Trời không dung, Đất không tha, của mày ngày hôm ấy không?*

- *Vâng. Con đâu dám chối cãi thưa bà, song có điều, bà quên chưa nói hết tội lỗi to lớn của con đấy ạ.*

- *Bà quên điều gì hãy nói đi? Bớ thằng địa chủ ngoan cố kia!*

- *Dạ thưa bà, không phải con hiếp bà chỉ có một lần vào hôm ấy đâu, mà tất cả là năm, sáu lần đấy ạ.*

Tiếng cười vang dội từ đám đông tham dự kể cả các cán bộ trong ban tổ chức bật lên làm mặt tá điền góa chồng đỏ mặt, tức tối đến cứng miệng, không nói được một lời nào nữa, ngúng nguẩy bỏ đi.

Có lẽ trong lúc tập dượt, trước khi ra đấu tố thật sự, cán bộ đội phát động đã không tiên liệu được việc nhận tội một cách “thành thật” và “thâm độc” đến thế, nên ban tổ chức tỏ ra vô cùng lúng túng. Một trong những tên cán bộ điều khiển buổi đấu tố đã lanh trí lấp khoảng trống tai

hại này bằng cách hô to khẩu hiệu: “Đả đảo địa chủ Tiêm Tề ngoan cố”.

Chiến dịch đầu tở ở xã tôi và những xã kế cận kết thúc với nhiều địa chủ phải đi tù, nhưng chưa có ai bị xử tử cả, có lẽ cán bộ chỉ đạo muốn để dành công việc hệ trọng này vào giai đoạn Cải Cách Ruộng Đất Đích Thực cho thêm vẻ hoành tráng.

Vì biết chắc chắn sẽ bị giết hoặc bị tù chung thân vào giai đoạn “cải cách đích thực” sắp tới, nên gia đình tôi đã lợi dụng một đêm tối trời, trốn ra khỏi làng, tìm đường vào miền Nam để sống còn.

Chương 5

Cuộc Trốn Chạy Từ Bắc Vô Nam Của Gia Đình Tôi

Một Hội nghị Quốc tế đã được tổ chức tại Geneva, Thụy Sĩ vào năm 1954 nhằm chấm dứt cuộc chiến giữa Pháp và Việt Nam. Kết quả của hội nghị là một Hiệp định Quốc Tế tạm thời chia cắt Việt Nam thành hai vùng, Bắc và Nam, tại vĩ tuyến 17. Miền Bắc do nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa quản trị và miền Nam do Quốc Gia Việt Nam hay Việt Nam Cộng Hòa (ROV) quản trị. Trong Hiệp định có một điều khoản quy định thời hạn 300 ngày cho việc người dân hai miền được tự do di chuyển và sinh sống. Trong thời gian 300 ngày này người dân đang sinh sống ở miền Bắc, nếu không thích chế độ Cộng Sản có thể di chuyển vào miền Nam, và người dân đang sinh sống ở miền Nam nếu không thích chế độ Quốc Gia có thể di chuyển ra miền Bắc.

Tuy nhiên, làng tôi nằm trong vùng kiểm soát của Hồ và đảng Cộng Sản của ông từ tháng 8 năm 1945. Vì vậy, chúng tôi không có bất kỳ phương tiện truyền thông nào phổ biến về điều khoản này. Mặt khác, chính quyền Cộng sản cũng không muốn cho người dân sống trong vùng của họ biết điều đó. Gia đình tôi chỉ biết đến điều khoản này qua những người thân đang sống trong vùng tự do do Quốc Gia Việt Nam kiểm soát.

Vào thời điểm này, chúng tôi cũng hiểu rõ rằng, trong giai đoạn thứ hai của cuộc Cải Cách Ruộng đất tại làng tôi

sẽ có nhiều điều khủng khiếp xảy ra cho gia đình chúng tôi. Tất cả các thành viên trong gia đình sẽ bị cô lập và bị đối xử như súc vật bởi ông Hồ và những người cộng sản của ông. Toàn bộ tài sản của gia đình tôi sẽ bị tịch thu để phân chia cho nông dân nghèo. Cán bộ cải cách và dân quân sẽ đến nhà, trói cha tôi lại và dẫn ông đến Tòa Án Nhân Dân để tuyên án tù chung thân hoặc tử hình. Vì vậy, gia đình tôi quyết định phải trốn chạy vào miền Nam càng sớm càng tốt. Tuy nhiên, làng tôi nằm trong vùng kiểm soát của ông Hồ và những người của ông; do đó họ không cho phép chúng tôi tự do di chuyển tự do như Hiệp định Geneva đã quy định. Vì thế, chúng tôi phải tìm cách trốn chạy ra khỏi làng trước khi thời hạn 300 ngày kết thúc.

Cuộc trốn chạy từ miền Bắc Cộng Sản vào miền Nam Quốc Gia của gia đình tôi có thể được chia làm ba giai đoạn đầy khó khăn và gian lao:

***Từ Bản Nguyên đi Hà Nội**

Trước khi rời nhà đi Hà Nội, chúng tôi biết rằng Hà Nội chỉ cách làng tôi khoảng 40 cây số theo đường chim bay, nhưng theo đường cái quan thì khoảng cách hơn 50 cây số. Hà Nội vào thời gian này đã được ông Hồ và lực lượng của ông tiếp quản nhiều tháng trước đó. Vì vậy, con đường từ làng tôi đến Hà Nội hoàn toàn thuộc vùng kiểm soát của chính quyền Cộng Sản. Do đó việc trốn chạy từ làng tôi về Hà Nội là một việc không mấy dễ dàng.

Mặt khác, Cải Cách Ruộng Đất của giai đoạn I ở làng tôi vừa kết thúc, tuy đội cải cách đã rút đi nhưng dân quân du kích vẫn thường xuyên theo dõi các thành viên của gia đình tôi. Vì vậy, chúng tôi phải chọn một ngày thích hợp nhất để trốn chạy. Cuối cùng, đêm được chọn là đêm giữa ngày

20 và 21 tháng 1 năm 1955, tức là đêm 27 và 28 tháng Chạp năm Giáp Ngọ. Có ba lý do để gia đình chọn đêm đó:

-Thứ nhất, đó là đêm cuối tháng âm lịch, trên trời chỉ có sao mà không có trăng, nên chúng tôi hy vọng tránh được sự phát hiện của dân quân du kích đang theo dõi các thành viên của gia đình chúng tôi.

-Thứ hai, đó là thời điểm giáp tết Giáp Ngọ nên mọi người trong làng hầu như đều bận rộn chuẩn bị Tết, nên hy vọng vào dịp này dân quân du kích cũng lơ là nhiệm vụ theo dõi gia đình tôi của họ.

-Thứ ba, thời điểm đó vẫn còn trong hạn 300 ngày mà Hiệp Định Geneva quy định.

Để thực hiện kế hoạch trốn chạy, gia đình tôi có 6 người và đang sống ở hai nơi khác nhau, một ở căn nhà trại cuối làng và một ở trong làng. Sáu thành viên của gia đình tôi được chia thành ba nhóm. Mỗi nhóm trốn đi tuy trong cùng một đêm nhưng khác đường và khác giờ:

- Nhóm thứ nhất gồm anh tôi cùng vợ đang mang bầu và đứa em gái của tôi, rời nhà trại vào lúc 2 giờ sáng. Mỗi người gánh trên vai một gánh rau gồm su hào, bắp cải, cà chua, như những người nông dân trong làng mang nông phẩm đi bán chợ Tết.

- Nhóm thứ hai gồm tôi và mẹ tôi rời nhà vào lúc 2:30 sáng. Sở dĩ tôi được phân công đi cùng với mẹ tôi là vì tôi vừa tròn 20 tuổi, nên được coi là người khỏe mạnh nhất nhà. Trong trường hợp cần thiết tôi sẽ đóng vai Lục Vân Tiên công mẹ trên đường trốn chạy.

- Nhóm thứ ba chỉ có một mình bố tôi, rời nhà vào lúc 3 giờ sáng.

Điểm đến của cả ba nhóm gia đình tôi là nhà người chị gái của cha tôi ở phố Cầu Gỗ, Hà Nội.

Trong cuộc trốn chạy, nhóm thứ nhất và nhóm thứ ba hầu như không gặp bất kỳ một trở ngại nào đáng kể. Riêng nhóm thứ ba của tôi đã gặp nhiều khó khăn, song rất tiếc những khó khăn mà tôi và mẹ tôi gặp không do ngoại cảnh mà do chính tôi đã tạo ra do tính toán và suy nghĩ quá kỹ. Vì nghĩ rằng nếu đi theo con đê sau nhà thẳng đến bến đò Vĩnh Lại khoảng 4 cây số, rất có thể gặp nhiều người quen biết ở dọc theo hai bên bờ đê hoặc dân quân du kích đi tuần tiểu trên đê, thì cuộc trốn chạy của gia đình tôi sẽ bị phát giác, nên tôi đã dẫn mẹ tôi đi ra cánh đồng chiêm của làng tôi, rồi từ đó đi xuyên qua cánh đồng chiêm của làng Thành Chu và Quỳnh Lâm để đến bến đò Vĩnh Lại.

Khi đi trên những bờ ruộng của cánh đồng chiêm, tôi đi trước, mẹ tôi theo sau với khoảng cách độ chừng 20 mét. Sở dĩ tôi làm như thế là để đề phòng trường hợp bất thường nếu tôi gặp dân quân du kích tuần tiểu trên cánh đồng, tôi sẽ nói lớn đôi chút, để mẹ tôi ở phía sau kịp thời né tránh. Vì vào thời gian này con cái địa chủ vẫn có quyền đi lại tự do, chỉ có bản thân địa chủ mới bị cấm đoán.

Đường bờ ruộng trên cánh đồng chiêm tuy không hẹp lắm nhưng gồ ghề, mẹ tôi lại mắc chứng thấp khớp nên đi lại trên những bờ ruộng này trong đêm tối nên gặp khá nhiều khó khăn. Cứ đi độ 14 hay 15 phút, tôi lại ngồi thụp xuống và nhìn về phía sau để xem mẹ tôi có theo kịp tôi không. Trên đường đi theo những bờ ruộng tôi thường làm như thế nhiều lần và đều thấy hình bóng gầy gầy của mẹ tôi hiện qua đường chân trời. Song lần ngồi thụp xuống vào khoảng 3 giờ 30 sáng, tôi không thấy hình bóng của mẹ tôi nữa. Tôi ngồi đợi một lúc lâu nhưng vẫn không thấy mẹ tôi đi tới. Tôi liền quay lại phía sau để tìm kiếm mẹ một đoạn khá xa, nhưng vẫn không thấy bà đâu cả. Tôi nghĩ có thể là bờ ruộng mà

chúng tôi đang đi lúc bẻ góc sang trái, lúc bẻ góc sang phải, nên rất có thể mẹ tôi đã rẽ hay bẻ góc về một hướng nào đó. Cát tiếng gọi mẹ tôi ư? Không thể được, vì một tiếng động cát lên giữa một cánh đồng trong đêm thanh vắng sẽ vang dội rất xa. Làm như thế khác nào “lạ ông tôi ở bụi này”. Vì thế tôi đành tìm kiếm loanh quanh hơn 10 phút nhưng vẫn không kiếm được mẹ tôi.

Trước khi rời nhà, tôi đã tiên liệu trường hợp này, nên đã căn dặn mẹ tôi rằng, nếu trên đường trốn chạy chẳng may hai mẹ con lạc nhau thì bà cố gắng tìm đường đến bến đò Vĩnh Lại. Vì lẽ đó tôi quyết định đi thẳng đến bến đò Vĩnh Lại với hy vọng sẽ gặp mẹ tôi tại đây.

Trên đường đi qua cánh đồng hướng về bến đò Vĩnh Lại vào khoảng 4 giờ 30 sáng. Bầu trời mới tờ mờ sáng, tôi nhìn thấy một bóng đen đang đi về phía bến đò Vĩnh Lại. Tôi nghĩ bóng đen đó có thể là mẹ tôi, nên tôi đổi hướng đi để chặn đầu bóng đen. Khi tới gần hơn, tôi thấy bóng đen đó bước đi trên những bờ ruộng gồ ghề một cách dễ dàng, nên nhận ra ngay rằng bóng đen đó không thể là mẹ tôi. Vì mẹ tôi tuy là vợ một địa chủ nhưng ít khi bà bước chân ra đồng ruộng. Trong nhiều tháng trước đây mẹ tôi lại mắc chứng thấp khớp nữa nên việc đi đứng không được dễ dàng. Vì lẽ đó tôi quyết định đi lên đến gần bóng đen hơn vì tôi nghĩ bóng đen đó rất có thể là một dân quân du kích phái đi kiểm gia đình chúng tôi. Thật không ngờ khi đến gần hơn thì tôi nhận ra bóng đen đó lại là bố tôi. Tôi liền chặn ông lại và nói cho ông biết chuyện đi lạc của mẹ tôi và nhắc ông về quyết định của chúng tôi trước khi trốn chạy là, trên đường trốn chạy mạnh ai nấy đi, dù gặp nhau giữa chốn đông người cũng làm như người xa lạ, để tìm đến điểm hẹn, và tôi sẽ ở lại quanh bến đò để tìm kiếm và chờ đợi mẹ tôi.

Sau khi gặp bố tôi, tôi đi loanh quanh trong khu đồng ruộng sau làng Vĩnh Lại để tìm kiếm mẹ tôi, nhưng vẫn không tìm được bà. Đã 8 tiếng đồng hồ trôi qua kể từ lúc rời ngôi nhà trong làng để ra đi mà tôi và mẹ tôi vẫn chưa tới được bến đò Vĩnh Lại. Bình thường nếu đi theo con đê chỉ mất độ hơn một tiếng là cùng. Vì thế tôi quyết định đi thẳng tới bến đò Vĩnh Lại với hy vọng sẽ gặp mẹ tôi tại đây.

Khi tới bến đò Vĩnh Lại, tôi tìm gặp ông lái đò và mô tả với ông hình dáng gầy gầy của mẹ tôi và hỏi ông ta có gặp một người nào như thế đã tới bến đò này chưa? Ông lái đò cho biết là từ sáng đến giờ, ông ta không thấy một ai như tôi mô tả cả. Đã hơn 8 tiếng đồng hồ trôi qua mà mẹ tôi vẫn chưa đến được bến đò Vĩnh Lại. Điều này khiến tôi vô cùng lo lắng. Tôi cầu xin Trời Phật và vong linh tổ tiên bên nội và bên ngoại của tôi phù hộ độ trì cho mẹ tôi đến được bến đò Vĩnh Lại. Trong khi chờ đợi mẹ tôi, tôi suy nghĩ lung tung nào là bà bị kiệt sức nằm chờ chết trên một bờ ruộng nào đó, nào là bà bị dân quân du kích bắt giữ và bị tra khảo để họ tìm bắt thêm các thành viên khác trong gia đình tôi v.v...

Trong khi chờ đợi vô vọng và suy nghĩ miên man như thế, tôi đi đến một quyết định là tôi sẽ chờ đợi mẹ tôi tại bến đò này đến 5 giờ chiều, nếu không thấy bà thì tôi sẽ trở về để tìm xem điều tội tệ nào đã đến với mẹ tôi. Nếu chẳng may bà đã chết thì tôi sẽ chôn cất bà. Nếu bà còn sống tôi sẽ trông nom và săn sóc bà. Vào những ngày trước đây, mẹ tôi ốm đau và bệnh tật đến nỗi không thể lo liệu cho bản thân, nên làm sao bà có sống trong tình huống phải kiếm sống qua ngày, giữa những người nông dân nghèo được được dạy bảo phải đào tận gốc, tróc tận rễ bọn địa chủ.

Sau khi đã quyết định như thế, tôi cảm thấy yên tâm phần nào. Tôi ngồi dưới một tàng cây bên bờ sông, nhìn dòng

nước lững lờ chảy. Khoảng 11 giờ trưa, tôi lại đi ngược con đường mòn từ bến đò lên con đê tìm kiếm mẹ tôi thêm một lần nữa và tôi thấy từ xa một người đàn bà gầy gò tập tễnh đi tới. Khi đến gần hơn tôi nhận ra người đàn bà đi tập tễnh đó chính là mẹ tôi. Tôi mừng đến rơi nước mắt. Tôi dẫn mẹ tôi xuống bến đò và sau đó chúng tôi được ông lái đò đưa qua sông Hồng để đến bến xe Trung Hà đi Sơn Tây.

Tại bến xe Trung Hà vào thời gian quân đội Quốc Gia Việt Nam kiểm soát, nên mỗi ngày có hai chuyến xe chở hành khách đi Sơn Tây, một vào lúc 6 giờ sáng và một vào lúc 10 giờ. Song vào thời gian ấy vùng giải phóng đã nói rộng tới gần sát thành phố Hải Phòng nên xăng dầu trở nên khan hiếm và đắt đỏ vì lẽ đó rất ít khi những chuyến xe này khởi hành đúng giờ mà thường phải đợi có đông đủ hành khách mới khởi hành. Tôi và mẹ tôi đến bến xe Trung Hà vào 12 giờ trưa, song chuyến xe dự định khởi hành vào lúc 10 giờ vẫn còn đậu ở bến xe để đón khách. Tôi và mẹ tôi vội vàng bước lên chiếc xe này.

Chiếc xe hành khách mà chúng tôi bước lên vốn là chiếc xe thùng chuyên chở hàng hóa và vật liệu khi quân đội Quốc Gia còn chiếm đóng vùng này, nay được cải tiến để biến thành một chiếc xe chở hành khách. Buồng tài xế được ngăn cách với phòng hành khách bằng một tấm vách gỗ khá vững chắc. Trên tấm vách ngăn cách có một cửa sổ nhỏ để tài xế có thể nhìn về phía sau để kiểm soát hành khách trong xe. Trong buồng chứa hành khách có 4 dãy ghế dài bằng cây. Hai dãy ghế ở hai bên sườn xe và hai dãy ghế đầu lưng vào nhau ở giữa thùng xe.

Khi tôi và mẹ tôi leo lên xe thì xe đã có gần đủ số hành khách cần thiết, nên chúng phải ngồi ở cuối những chiếc ghế dài gần cửa lên xuống ở cuối xe. Khi đã yên vị

trong xe, tôi nhìn lướt qua những hành khách ngồi ở phía trong. Tại góc trong cùng của hàng ghế dài dọc theo sườn trái của xe, tôi thấy bố ngồi thu gọn ở đó. Có lẽ ông đã nhìn thấy chúng tôi khi leo lên xe, nhưng ông đã lờ đi làm như người xa lạ đúng như quyết định của chúng tôi trước khi ra đi.

Trong khi chờ đợi xe khởi hành, tôi nhìn về phía sau xe, bỗng thấy một thanh niên của làng tôi tên Xuất đang đứng nhìn vào buồng hành khách như thể đang tìm kiếm một người nào đó. Vì có tật giật mình, nên tôi nghĩ anh Xuất có thể là một dân quân du kích của làng tôi được cử đi tìm kiếm chúng tôi. Với ý nghĩ này khiến lòng tôi tràn ngập lo âu cho số phận của bố mẹ tôi. Nhưng chỉ ít phút sau đó, tôi thấy anh Xuất than rằng anh đã đến bến xe vào lúc 9 giờ để đáp chuyến xe 10 để đi Sơn Tây và phải đợi đến hơn 12 giờ mà xe vẫn chưa đủ số hành khách cần và đủ để khởi hành.

Sau khi than phiền, anh Xuất đi quay về phía đầu xe. Tôi liền xuống xe và lên theo dõi anh. Tôi thấy anh Xuất bước đến buồng tài xế, mở cửa xe rồi bước lên xe. Tôi trở về chỗ ngồi cũ bên cạnh mẹ tôi và tin rằng anh Xuất không phải một dân quân du kích của làng tôi được phái đi kiếm chúng tôi, mà chỉ là một hành khách đến trước giờ khởi hành, nên đã dành được một chỗ ngồi tốt bên cạnh tài xế trong buồng lái.

Cuối cùng vào lúc 1 giờ chiều chiếc xe hành khách cũng khởi hành đi Sơn Tây. Khi đến đầu con lộ rẽ vào bến xe Sơn Tây, chúng tôi may mắn gặp được một chiếc xe hành khách chạy đường Sơn Tây – Hà Nội đang đậu để đón khách đi Hà Nội tại đó. Chúng tôi đã lên chiếc xe này để đi Hà Nội và cũng để tránh sự kiểm soát giấy tờ tùy thân của công an ở bến xe Sơn Tây. Sau 2 tiếng đồng hồ chúng tôi đã đến được

điểm hẹn tại nhà bà chị của bố tôi tại phố Cầu Gỗ Hà Nội. Khi bước vào căn nhà người chị của bố tôi, tôi đã thấy anh tôi cùng người chị dâu và đứa em gái của tôi ở đó.

***Hà Nội đi Hải Phòng:**

Trong thời gian tạm trú ở Hà Nội, tôi thường đến thăm các gia đình bà con họ hàng quen biết để tìm đường đi nước bước trốn vào Hải Phòng, trước khi thành phố này hết hạn 300 ngày còn dưới quyền kiểm soát của quân đội Quốc Gia Việt Nam và quân đội Pháp. Một trong những gia đình quen biết mà tôi đến thăm là gia đình người em gái của mẹ tôi ở phố Hàng Gai. Người em gái của mẹ tôi đã từ Hà Nội xuống Hải Phòng nhiều ngày trước đây và đang chờ chuyến bay vào thành phố Saigon, nhưng vẫn còn một vài đứa con lớn còn ở lại trong căn nhà ở phố Hàng Gai.

Khi bước vào căn nhà ở phố Hàng Gai của cô tôi, tôi gặp Lan, người em họ cùng độ tuổi với tôi. Chúng tôi đã không gặp nhau trong suốt thời gian tám năm chiến tranh chống Pháp. Sau khi chào hỏi, Lan cho tôi biết là cô mới trở về sau một chuyến đi thăm mẹ ở Hải Phòng. Chuyện đi thăm mẹ của Lan đã thu hút sự chú ý của tôi, nên tôi bảo Lan cho tôi biết chi tiết về chuyến đi này. Lan kể rằng:

“...Tuyến đường sắt từ Hà Nội đi Hải Phòng được dùng cho chuyến đi của em. Xe lửa từ Hà Nội đi Hải Phòng, cũng như xe lửa từ Hải Phòng đi Hà Nội, được sắp xếp sao cho có thể đến ga Phạm Xá cùng một lúc. Cả hai phải dừng lại tại ga này khoảng một giờ để chỉnh quyền hai bên bàn giao xe và trao đổi nhân viên điều hành. Ga Phạm Xá là giao điểm của tuyến đường sắt và cũng là ranh giới tạm thời phân chia giữa vùng Quốc Gia và Cộng Sản...

Tại ga Phạm Xá, em thấy khá đông công an mặc đồng phục qua lại và họ thường xem xét giấy tờ của những

người ngồi trong những toa xe sắp sửa rời sân ga Phạm Xá để đi Hải Phòng. Những người bị xét hỏi giấy tờ thường là người lớn tuổi ăn mặc có vẻ quê mùa.

Sau khi chăm chú nghe câu chuyện của Lan, tôi bèn hỏi:

“Em đã dùng giấy tờ gì để trình cho công an khi bị kiểm tra tại ga Phạm Xá?”

“Em dùng giấy thông hành do công an Hà Nội cấp, vì có đủ giấy chứng minh em cư trú tại Hà Nội, nên việc xin giấy thông hành đi Hải phòng hầu như không gặp khó khăn nào cả.” Lan trả lời.

“Anh có thể xem giấy thông hành của em được không?” Tôi hỏi thêm.

“Tất nhiên là được.” Lan đáp.

Ngay sau đó, Lan mở túi xách và đưa giấy thông hành của cô cho tôi. Khi xem giấy thông hành của Lan, tôi thấy trong giấy thông hành không có hình của người được cấp và tên trên giấy thông hành tên của cô là “Trần Phương Lan”, mà không phải “Trần Thị Lan” như tôi nghĩ trước đây.

Theo truyền thống Việt Nam, tên đệm hay tên lót của đa số phụ nữ là “Thị”. Vào thập niên 1950 rất hiếm thấy một phụ nữ Việt Nam có tên đệm không phải là “Thị”. Vì thế một người mang giấy thông hành với cái tên là “Trần Phương Lan” lại không có hình của người được cấp nên có thể coi người này là nam hoặc nữ đều được cả.

Mặt khác, giấy thông hành của Lan còn hiệu lực một tuần lễ nữa. Vì vậy, tôi nhận ra rằng mình có thể dùng giấy này cho một chuyến đi thử từ Hà Nội vào Hải Phòng để tìm ra một con đường an toàn cho cả gia đình trốn từ Hà Nội xuống Hải Phòng.

Tôi nói với Lan về ý định mượn giấy thông hành của cô. Không chút do dự, cô đồng ý cho tôi sử dụng. Tôi bày tỏ lòng cảm ơn và vài phút sau đó, tôi trở về nơi tạm trú để chuẩn bị cho chuyến đi thăm dò từ Hà Nội vào Hải Phòng.

Sáu giờ sáng hôm sau tôi đã có mặt tại ga Hàng Cỏ để đáp xe lửa đi Hải Phòng và việc mua vé đi Hải Phòng tại nhà ga này tôi không gặp khó khăn nào cả. Song khi đến ga Phạm Xá, tôi bị công an ở đây hỏi giấy thông hành. Tôi xuất trình tờ giấy thông hành mà mượn của Lan. Viên công an chỉ nhìn qua loa, rồi trả lại cho tôi.

Tại Phạm Xá, tôi đã chứng kiến cảnh công an xem xét giấy tờ rất kỹ lưỡng đối với những ông già và bà già ăn mặc mang vẻ quê mùa, rồi sau đó bỏ đi. Nhưng chỉ vài phút sau lại có một phụ nữ đến hỏi han, chuyện trò thân mật như là thân nhân của những người này. Khi xe lửa hú còi báo hiệu khởi hành đi Hải Phòng thì lập tức những phụ nữ này kéo những ông già hay bà già này xuống xe và miêng kêu gào: *“Bố ơi! Mẹ ơi! Anh ơi! Chị ơi! sao nỡ bỏ con cái cháu chắt hay anh em để đi vào miền Nam...”* trước sự ngơ ngác của các thành viên Ủy Hội Quốc Tế.

Khi đến Hải Phòng tôi tìm đến ngay căn nhà mà cô tôi đang tạm trú để chờ chuyến bay vào Saigon. Bà chủ nhà là bạn thân với cô tôi và có chồng làm đang làm việc cho Sở Công An Bắc Việt. Tôi trình bày với cô tôi cùng bà chủ nhà có cách nào giúp gia đình tôi xuống Hải Phòng được an toàn. Bà chủ nhà cho biết có lẽ chồng bà có thể giúp tôi được. Đến hơn 12 giờ trưa hôn ấy, thì chồng bà chủ nhà trở về nhà để dùng cơm trưa. Không biết bà chủ nhà nói với chồng thế nào mà sau đó ông chồng nói với tôi rằng sau bữa cơm trưa ông sẽ đến Ty Công An Hải Phòng lấy cho tôi một số giấy thông hành có đóng dấu ký tên đầy đủ nhưng chưa có tên người

được cấp cho tôi mang về Hà Nội. Tại Hà Nội, tôi chỉ viết tên của một thành viên nào đó trong gia đình tôi vào một giấy thông hành là thành viên này đã trở thành một cư dân của thành phố Hải Phòng lên Hà Nội thăm bà con rồi trở về. Với những tờ giấy thông hành này các thành viên của gia đình tôi có thể đi vào Hải Phòng một cách an toàn.

Nào ngờ vào phút chót chúng lại gặp một trở ngại. Số là người chị dâu của tôi, khi thấy tên mình đã được điền vào một trong những tấm thông hành và việc trốn chạy vào miền Nam của gia đình tôi hầu như không còn gặp khó khăn nào nữa, thì chị nảy ra ý định muốn quay trở về sống với bố mẹ và anh em của chị ở làng Vĩnh Lại. Bố mẹ tôi và anh tôi đã phải thuyết phục chị trong nhiều giờ và cuối cùng chị đã đồng ý trốn chạy vào miền Nam cùng với chúng tôi.

Khi lên tàu hỏa tại ga Hàng Cỏ, để tránh trường hợp người chị dâu của tôi lại thay đổi quyết định thêm một lần nữa, nên gia đình tôi đã sắp xếp cho anh chị tôi và các thành viên còn lại lên hai toa khác nhau. Chúng tôi cũng đã nghĩ một trường hợp tồi tệ nhất, là anh tôi có thể phải trở về làng cùng với người chị dâu của tôi. Cuối cùng điều tệ hại đã không xảy ra cả gia đình đến thành phố Hải Phòng bình yên và an toàn.

****Hải Phòng đi Sài Gòn***

Sau khi tới Hải Phòng, gia đình tôi được sắp xếp tạm trú trong nhà của một người cháu gọi bố tôi bằng chú và sáng hôm sau chúng tôi đã tới trụ sở của Tổng Ủy Di Cư để ghi danh di cư vào miền Nam. Tại đây gia đình tôi được tiếp đón niềm nở và được giúp đỡ tận tình. Chúng tôi cũng được Phủ Tổng Ủy Di Cư cấp phát lương thực và vật dụng cần thiết cho thời gian chờ đợi được đưa lên tàu đậu ngoài khơi Vịnh Hạ Long để đi vào miền Nam. Khoảng hơn một tuần sau,

chúng tôi được xe của Phủ Tổng Ủy Di Cư đến rước đưa ra bến tàu, xuống một chiếc tàu vận tải nhỏ và được đưa ra Vịnh Hạ Long. Tại đây chúng tôi được chuyển lên chiếc tàu khá lớn mang tên **Marine Adder**.

Sáng hôm sau, tàu Marine Adder hú còi và rời Vịnh Hạ Long. Khi con tàu từ từ rời Vịnh, một nỗi buồn mênh mang bỗng ập đến và tràn ngập tim tôi. Kể từ giây phút này, gia đình tôi đã bỏ lại sau lưng nhà cửa, ruộng vườn, mồ mả của ông cha, để di cư vào miền Nam với một tương lai bất định. Nếu ông Hồ và các đồng chí cộng sản của ông không công con rắn độc mang tên Thổ Cãi mà ông Mao Trạch Đông và đảng Cộng Sản Trung Quốc đã nuôi nấng và huấn luyện thuần thục trong nhiều năm ở Trung Hoa và đã cho nó cắn chết hơn 10 triệu người Trung Hoa về Việt Nam vào năm 1953, thì gia đình tôi đâu đến nông nỗi này. Nỗi buồn trong lòng tôi vào lúc đó, có lẽ cũng tương tự như nỗi buồn của Thúy Kiều trong Truyện Kiều mà thi hào Nguyễn Du đã mô tả khi nàng bị giam lỏng tại lầu Ngưng Bích:

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu
Buồn trông cồn cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm sóng vỗ chung quanh ghề ngoi”*

Trên con tàu Marine Adder chở gia đình tôi từ Hải Phòng đi Saigon, người chị dâu của tôi hạ sinh một bé gái và được ông nội của bé đặt tên là **Vũ Nam Mỹ**:

- “Vũ” là họ của gia đình tôi

- “Nam” tượng trưng cho miền Nam Việt Nam
- “Mỹ” tượng trưng cho con tàu Mỹ đã đưa gia đình tôi vào miền Nam.

Thời gian thấm thoát thoi đưa, bé Vũ Nam Mỹ ngày nào nay đã 71, và người chú của bé nay đã 91. Đã hơn 70 năm trôi qua, song đối với tôi cuộc trốn chạy vào miền Nam của gia đình tôi vào năm 1955 tưởng như mới xảy ra hôm nào.

Chương 6

Đi Học ở Miền Nam

Việc gia đình tôi trốn thoát khỏi miền Bắc, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa để vào miền Nam hay Việt Nam Cộng Hòa đã thành công mỹ mãn. Tuy nhiên, khi rời bỏ làng quê nơi chôn nhau cắt rốn ở miền Bắc để vào miền Nam, chúng tôi phải bỏ lại tất cả. Vì vậy, chúng tôi phải bắt đầu một cuộc sống mới tại thành phố Sài Gòn với tự do trong tâm trí, nhưng không tài sản nào đáng giá trong tay.

Tuy nhiên, nhờ sự giúp đỡ của bà con thân thích và chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, gia đình tôi không bị đói khổ, nhưng cũng không được khá giả. Vì lý do đó, tôi không còn điều kiện thuận lợi để tiếp tục đi học nữa. Hoàn cảnh mới này đã khiến tôi nhớ lại năm học cuối cùng của tôi tại Trường Trung Học Xuân Huy, tôi cũng phải đối diện với tình cảnh tương tự. Vào thời điểm đó, cha mẹ tôi bị Đội Cải Cách Ruộng Đất của làng xếp vào thành phần địa chủ. Vì vậy, gia đình tôi bị dân quân bao vây, không cho mang bất cứ thứ gì ra khỏi nhà. Nếu có thứ gì bị mang ra ngoài, cha mẹ tôi có thể bị buộc tội là tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh việc trả lại khoản tiền mà gia đình tôi bị kết tội là đã thu tô của tá điền cao hơn mức độ mà chính phủ cho phép. Do đó, việc tiếp tục theo học tại Trường Trung Học Xuân Huy trở nên vô cùng khó khăn, đến mức tôi muốn bỏ học.

Trong khi đang phân vân giữa việc tiếp tục học hay bỏ học, một người bà con của tôi ở Hà Nội đã cho tôi một bộ dụng cụ cắt tóc. Tôi dùng bộ dụng cụ này để tự kiếm sống và không cần phải quay về nhà mỗi tuần để lấy gạo tiền nữa. Nhờ bộ đồ hớt tóc, tôi đã kiếm tạm đủ tiền để sống và tiếp tục việc học tại Trường Trung Học Xuân Huy. Những khó khăn mà tôi phải đối mặt ở Sài Gòn năm 1955 cũng tương tự như những gì tôi đã trải qua ở làng quê năm 1954. Vì vậy, tôi mua một bộ dụng cụ cắt tóc và hành nghề dưới bóng một cây cổ thụ lớn ở góc đường Richaud và Largnere. Tôi hành nghề cắt tóc từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Đồng thời, tôi theo học một trường trung học tư thục từ 6 giờ chiều đến 11 giờ đêm.

Khi có khách, tôi cắt tóc cho họ. Khi không có khách, tôi làm bài tập. Tôi chỉ cần kiếm đủ tiền để trả học phí và mua sách vở. Trong thời gian làm nghề cắt tóc dưới gốc cây cổ thụ, thỉnh thoảng cảnh sát Đô Thành Sài Gòn đến chỗ tôi hành nghề để tịch thu bộ đồ nghề của tôi mang về bót. Họ thường làm việc này vài ngày trước khi Thủ Đô đón các phái đoàn ngoại quốc đến thăm. Lúc đó, Sài Gòn được biết đến như “Hòn Ngọc Viễn Đông”, nên họ phải làm mọi cách để thành phố trông có vẻ ngoạn mục đối với khách tham quan. Khi bộ đồ nghề của tôi bị tịch thu, việc hớt tóc của tôi bị thất thu song bù lại tôi lại có vài ngày nghỉ để làm bài tập. Sau khi phái đoàn ngoại quốc đã rời đi, tôi lại đến bót cảnh sát nộp phạt vì vi phạm việc làm “xấu bộ mặt thành phố”. Sau khi nộp phạt, tôi được trả lại đồ nghề và quay lại góc đường Richaud và Largnere để tiếp tục nghề cắt tóc.

Khi gia đình tôi di cư từ miền Bắc vào miền Nam, tôi vừa học xong lớp 7. Hệ thống giáo dục giữa hai miền có sự khác biệt. Hệ thống trung học phổ thông ở miền Nam có 12

lớp; trong khi đó hệ thống trung học phổ thông ở miền Bắc chỉ có 9 lớp. Các môn lịch sử, địa lý, khoa học, hình học, đại số và văn học Việt Nam của lớp 7 ở miền Bắc tương đương với lớp 9 ở miền Nam. Tuy nhiên, có một khác biệt lớn về ngoại ngữ. Học sinh trung học ở miền Nam học tiếng Pháp và tiếng Anh, trong khi đó học sinh miền Bắc không học bất kỳ một ngoại ngữ nào. Vì vậy, khi bắt đầu học ở miền Nam, tôi gặp rất nhiều khó khăn trong việc thích nghi. Mặt khác, trong 8 năm chiến tranh ác liệt giữa Pháp và Việt Minh, tôi đã phải bỏ học nhiều năm, vì lẽ đó muốn bỏ qua lớp 9 và lớp 10 để rút ngắn thời gian và chi phí học tập. Do đó, tôi ghi danh theo học lớp 11 ban toán tại một trường tư thục buổi tối, đồng thời theo học hai khóa ngoại ngữ Pháp và Anh để bù đắp khoảng cách biệt về sinh ngữ của tôi.

Để tốt nghiệp trung học phổ thông, học sinh miền Nam phải vượt qua hai kỳ: Tú Tài I và Tú Tài II. Mỗi kỳ thi gồm hai đợt: đợt một ngay sau khi kết thúc năm học, và đợt hai trước khi năm học mới bắt đầu. Mỗi kỳ thi gồm phần viết và phần vấn đáp. Nếu đậu phần viết, học sinh mới được thi vấn đáp. Muốn được cấp bằng, phải đậu cả hai phần viết và vấn đáp. Kỳ thi Tú Tài I rất khó. Mỗi năm chỉ có khoảng 30% học sinh trường công và 10% học sinh trường tư đậu kỳ thi này. Học sinh thi đậu Tú Tài I mới đủ điều kiện được nhận theo học lớp 12 để chuẩn bị thi Tú Tài II.

Tôi theo học lớp 11 vào ban đêm tại một trường tư ở Sài Gòn để chuẩn bị thi Tú Tài I. Ban ngày làm thợ cắt tóc, ban đêm đi học là một trở ngại lớn. Hầu hết gia đình và bạn bè đều cho rằng tôi khó có thể thành công, trừ bố tôi. Sau một năm học, tôi thi phần viết gồm vật lý, toán, luận văn Việt Nam, một bài dịch Anh văn và một luận văn tiếng Pháp, nhưng bị rớt. Tuy nhiên tổng số điểm vẫn trên mức tối thiểu

để được thi lại đợt hai. Kỳ thi viết đợt hai diễn ra ngày 19 tháng 9 năm 1957. Bài thi mà tôi lo nhất là bài luận tiếng Pháp, vì đó là môn tôi yếu nhất. Tôi chỉ mong đủ điểm tối thiểu.

Ngày 3 tháng 8 năm 1957, tôi đạp xe đến Trường Petrus Ký để nghe báo kết quả. Qua loa phóng thanh, tôi được biết mình đã đậu phần thi viết nên rất vui. Tôi vội vàng đạp xe về nhà để báo tin cho bố tôi. Nhưng khi về đến nhà tôi không thấy ông. Tôi nghĩ ông đi đâu đó và sẽ báo tin sau. Đồng thời, tôi cũng biết vẫn còn nhiều khó khăn ở kỳ thi vấn đáp. Nếu rớt vấn đáp, tôi phải học lại một năm nữa, nên tôi mấy cuốn sách giáo khoa ra để ôn bài. Khi đang chuẩn bị ôn bài, anh trai tôi chạy về báo tin bố tôi bị xe máy tông khi băng qua đường và đã qua đời tại bệnh viện Chợ Rẫy. Tôi không thể học ôn sau khi nghe tin dữ này. Mẹ tôi rất đau đớn trong lòng khi được tin bố tôi tử vong về một tai nạn giao thông, song bà vẫn cố nén trong tim để khuyên bảo tôi cần phải mạnh mẽ trong mọi tình huống và dùng triết lý Phật giáo để an ủi. Bà nói với tôi: *“Theo thuyết luân hồi của Nhà Phật, chết không phải là hết mà chỉ là một sự chuyển hóa từ kiếp này sang kiếp khác thế thôi. Do đó, con cần phải can đảm vượt qua những khó khăn hiện tại để hướng về tương lai.”*

Tôn trọng lời mẹ, tôi đã cố gắng vượt qua nỗi buồn mất bố để ôn bài vở để thi vấn đáp. Dù không hy vọng nhiều, nhưng sau gần một tuần lễ học ôn, tôi đã vượt qua kỳ thi vấn đáp. Có lẽ Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhân, hoặc linh hồn bố tôi đã phù hộ và giúp tôi trong kỳ thi vấn đáp này.

Sau khi đậu Tú Tài I, tôi đã có đủ điều kiện để theo học lớp 12 và để chuẩn bị thi Tú Tài II. Song cái chết của bố tôi đã khiến gia đình tôi lâm vào hoàn cảnh khó khăn về mặt

tài chính. Mặt khác, tại thủ đô Saigon lúc bấy giờ chỉ có hai trường công lập có lớp 12 là trường Petrus Ký và Chu Văn An và chỉ dạy vào ban ngày, nếu tôi theo học lớp 12 của một trong hai trường này tôi phải bỏ nghề cắt tóc. Đang phân vân về sự chọn lựa này, thì may mắn thay, một người trong xóm biết tôi vừa đậu Tú Tài I, nên đã yêu cầu tôi dạy kèm toán cho con ông vào buổi tối. Tôi nhận lời ngay. Học trường công không phải đóng học phí, và tiền thù dạy kèm trẻ buổi tối tuy không nhiều nhưng cũng đủ cho tôi sống và tiếp tục học lớp 12 vào ban ngày tại trường Trung Học Chu Văn An.

Sau một năm dùi mài toán, lý, hóa, sử địa, văn chương, triết học cùng ngoại ngữ học lớp 12 tại Trường Chu Văn An, tôi thi Tú Tài II vào ngày 6 tháng 6 năm 1958 và đậu cả viết lẫn vấn đáp. Lúc đó, người có bằng Tú Tài II được xem là có tương lai sáng sủa và có thể theo học các trường đại học công lập bất cứ ngành nào và sẽ trở thành kỹ sư, luật sư, bác sĩ...

Dù có bằng Tú Tài II, song gia đình tôi vẫn gặp khó khăn về mặt tài chính, nên tôi cần phải đi làm toàn phần hay bán phần nên tôi không thể theo học các trường đại học đòi hỏi sinh viên phải có mặt 100% thời gian tại lớp học. Vì vậy, tôi đành phải chọn theo học Đại học Luật Sài Gòn – nơi đây không bắt buộc sinh viên phải hiện diện 100% trong lớp. Một số bà con họ hàng của tôi nghĩ tôi muốn làm luật sư và trêu chọc rằng ở thiên đàng dưới sự cai quản của thánh Peter người ta không hề tìm thấy một luật sư nào cả. Ý nói luật sư là người chuyên ăn gian nói dối trá, nói có thành không và nói không thành có. Song tôi nghĩ, học luật không nhất thiết là phải hành nghề luật sư mà còn có thể làm nhiều công việc khác. Hơn nữa tôi chọn học luật là vì hoàn cảnh khó khăn của gia đình tôi, gặp thời thế thì phải thế.

Hệ thống trường luật ở miền Nam vào thời gian này vẫn theo chương trình giáo dục của Pháp. Sinh viên muốn theo học trường này phải có bằng tú tài II và phải học 3 năm. Nhưng vì vừa học vừa làm, nên tôi phải mất 6 năm mới tốt nghiệp Cử Nhân Luật.

Trong thời gian học luật tôi có cơ hội đọc và tham khảo các sách báo trong thế giới cộng sản cũng như thế giới tự do, nên hiểu thêm về sự khác biệt giữa hai thế giới này. Đồng thời tôi có dịp nhìn lại nền giáo dục miền Bắc mà tôi là nạn nhân trong thời gian tôi đi học trong vùng kháng chiến chống Pháp tại Liên Khu Bắc Việt.

Chương 7

Nhìn Lại Những Năm Tháng Đi Học ở Miền Bắc

Trong những năm học ở Đại Học Luật Khoa ở miền Nam hay còn gọi là Việt Nam Cộng Hòa (VNCH), tôi đã có nhiều nhiều dịp may hay nhiều cơ hội để nhìn lại những năm tháng đi học ở Liên Khu Bắc Việt dưới cái gọi là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH) mà tôi đã trải qua khi còn là học sinh. Đó là một điều kinh khủng. Mỗi khi nghĩ đến, tôi không khỏi rùng mình.

Ông Hồ Chí Minh là chủ tịch nước VNDCCH và cũng là kiến trúc sư cao cấp nhất về đường lối giáo dục của chế độ. Vào ngày **13 tháng 9 năm 1958**, khi đến dự một lớp học chính trị của các giáo viên cấp II và cấp III, Hồ Chủ Tịch đã phát biểu rằng: “*Vì lợi ích mười năm trồng cây. Vì lợi ích trăm năm trồng người.*”

Câu nói trên đây của ông Hồ bắt nguồn từ câu nói của nhà chính trị thời Xuân Thu là **Quản Trọng** (725 TCN - 645 TCN). Nguyên văn như sau: “*Nhất niên chi kế, mạc như thụ cốc; thập niên chi kế, mạc như thụ mộc; bách niên*

chỉ kẻ, mặc như thụ nhân”. Nói khác đi là ông Hồ chỉ trích dẫn phần II và phần III câu nói của Quản Trọng để dạy bảo các vị giáo viên.

Khi phát biểu: “*Vì lợi ích trăm năm trồng người*”, ông Hồ muốn ám chỉ lợi ích trăm năm nào của nước VCDCH? Chắc chắn đó không phải lợi ích đưa VNDCH trở lại chế độ Phong Kiến hay Thực Dân hoặc Đế Quốc Tư Bản mà là lợi ích đưa nước Việt Nam lên Xã Hội Chủ Nghĩa.

Đối tượng của chữ **người** trong câu nói của Quản Trọng là con người nói một cách chung chung. Song đối tượng của chữ **người** trong lời phát biểu của ông Hồ Chí Minh trong một lớp học chính trị của các giáo viên cấp II và cấp III Trung Học Phổ Thông, không có nghĩa chung chung như Quản Trọng mà có nghĩa đặc thù là em học sinh còn non trẻ đang học trong các trường trung học cấp II và cấp III.

Từ thuở xa xưa, ông cha ta đã dạy con cháu rằng:

Dạy con từ thuở còn thơ

Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về

Có lẽ ông Hồ đã kết nối quan điểm “**vì lợi ích trăm năm trồng người**” của Quản Trọng với quan điểm “**dạy con từ thuở còn thơ**” của ông cha ta ngày xưa để chỉ thị các giáo viên cấp II và cấp III Trung Học Phổ Thông phải dạy bảo các học sinh còn non trẻ của họ những giáo điều của chủ nghĩa Cộng Sản.

Quan điểm của ông cha ta ngày xưa và quan điểm của ông Hồ cùng nhiều nhà chính trị và giáo dục ngày nay cho rằng não bộ của trẻ thơ hay của những người còn non trẻ như những tờ giấy trắng, trên đó người lớn hay giáo viên có thể viết bất cứ điều gì họ muốn, và những thanh thiếu niên hay học sinh này sẽ coi những điều được dạy bảo là chân lý, không chỉ trong hiện tại mà còn có thể trong suốt cuộc đời

của chúng. Vì vậy, ông Hồ và thuộc hạ đã khuyến khích giáo viên lợi dụng đầu óc ngây thơ và non nớt của thanh thiếu niên để đào tạo chúng thành những công dân tuyệt đối tin tưởng và trung thành với chủ nghĩa cộng sản.

Vì lý do đó, các giáo viên không ngần ngại nhét vào đầu óc non trẻ học sinh của họ những giáo điều của chủ nghĩa cộng sản. Họ đã tích cực giảng dạy cho học sinh của họ tin tưởng một cách tuyệt đối rằng, chỉ có Đảng Cộng mới có thể lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành được độc lập, tự do, dân chủ và Hạnh phúc. Họ cũng cố gắng hết sức để dồn học sinh của họ đi đến kết luận rằng: **“Yêu nước là phải yêu chủ nghĩa cộng sản”**.

Không phải ông Hồ hay đảng Cộng Sản Việt Nam (CSVN) có ý định chỉ bảo các giáo viên phải nhồi nhét những giáo điều của chủ nghĩa cộng sản vào đầu óc non nớt của các em học sinh vào ngày 13/09/1958 tại một lớp học chính trị các giáo viên cấp II và II THPT. Thực ra chủ chương này đã được thực hiện ngay sau ngày ông Hồ và đảng CSVN cướp được chính quyền từ tay chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim vào tháng 8/1945.

Sau khi cướp được chính quyền từ tay Chính Phủ thân Nhật của cụ Trần Trọng Kim, tại các trường THPT các giáo viên đã đề cao chủ nghĩa Cộng Sản lên tận mây xanh. Để làm rõ sự lừa dối này, tôi xin nêu một số bằng chứng cụ thể mà chính tôi là nạn nhân và nhân chứng khi còn là học sinh dưới mái trường VNDCCH trước năm 1954.

-Bằng chứng thứ nhất xuất hiện từ năm 1945, khi Nhật Bản đầu hàng Đồng minh. Cả thế giới đều biết rằng lý do chính khiến Nhật đầu hàng là vì Hoa Kỳ đã thả hai quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki vào tháng 8 năm 1945. Tuy nhiên, giáo viên cộng sản Việt Nam lại dạy

học sinh rằng lý do thực sự khiến Nhật đầu hàng là do quân đội Liên Xô, sau khi đã đánh bại lực lượng mạnh nhất của Nhật tại Mãn Châu và đang trên đường tiến về Đông Kinh nên vua Nhật phải đầu hàng vô điều kiện. Từ Changchun, thủ đô của Mãn Châu đến Đông Kinh (Tokyo) thủ đô của Nhật Bản có khoảng cách gần 2.000 cây số. Với khoảng cách xa như thế thì việc quân đội Liên Xô từ Mãn Châu **chuẩn bị** tiến về Đông Kinh chắc chắn không phải là điều kiện Nhật Hoàng phải đầu hàng vô điều kiện với Hoa Kỳ.

-**Bằng chứng thứ hai** là giáo viên cộng sản luôn luôn cố gắng nhồi nhét vào đầu óc non trẻ của các em học sinh những giáo điều của Chủ Nghĩa Cộng Sản (CNCS) để buộc học sinh của họ tin rằng CNCS có một không hai trên thế giới. Liên Xô là một quốc gia áp dụng CNCS để xây dựng đất nước, nên chỉ trong một thời gian rất ngắn đã trở thành một quốc gia giàu mạnh nhất thế giới. Nhờ vào sự giàu mạnh của mình, Liên Xô đã tận tâm giúp các nước khác, trong đó có Việt Nam, trở nên giàu mạnh và tiến bộ như Liên Xô để cùng nhau vai sánh vai, tiến lên “Thế giới Đại Đồng”. Trong thế Đại Đồng không có biên giới giữa các quốc gia, mọi người đều bình đẳng và làm việc theo năng lực và hưởng thụ theo nhu cầu.

Trong thực tế, Liên Xô không phải là quốc gia giàu mạnh nhất thế giới vào thời điểm đó. Nó có thể là một quốc gia giàu mạnh nhất trong thế giới cộng sản, như câu tục ngữ: “Trong xứ mù, thằng chột là vua”. Nếu so với các nước trong Thế Giới Tự Do thì Liên Xô không thể là một trong 10 nước giàu nhất trong thế giới này.

Ông **Hoàng Hữu Quýnh**, một đảng viên cao cấp của đảng Cộng Sản Việt Nam và cũng là một nghiên cứu sinh lâu năm tại Liên Xô. Sau năm 1975, ông Quýnh đã trở thành

một người tị nạn chính trị tại Pháp, và đã viết một cuốn hồi ký có tựa đề là “**Tôi Bỏ Đảng**”. Trong đó ông Quỳnh đã cho biết, đời sống của người dân Liên Xô có rất khó khăn, như phải xếp hàng hàng giờ trước một lò bánh mì chỉ để mua một ổ. Ngay cả ở Moscow cũng đầy trộm cướp, ăn mày và gái mại dâm.

Ông Hoàng Hữu Quỳnh cũng cho biết rằng trước 1975, nước giàu nhất trong thế giới CS không phải Liên Xô mà là Đông Đức. Người dân Đông Đức đủ ăn, đủ mặc và hàng hóa tiêu dùng rất dồi dào. Vì vậy trong thế giới CS vào thời gian đó có câu: “*Một ngày sống ở Đông Đức sung sướng hơn ba tháng ở Liên Xô.*”

Sau 1975, khi Cộng Sản miền Bắc chiếm được miền Nam Việt Nam, thì Đông Đức không còn là một quốc gia giàu nhất trong thế giới Cộng Sản nữa mà là miền Nam Việt Nam. Nơi đây hàng hóa rất phong phú, muốn mua cái gì cũng có và giá cả lại rất thấp. Do đó các phái đoàn ngoại giao của các nước cộng sản tại Hà Nội đổ xô đi Sài Gòn để mua sắm. Từ đó trong thế giới CS xuất hiện câu: “*Một ngày sống ở Sài Gòn, miền Nam Việt Nam, sung sướng hơn ba tháng sống ở Đông Đức.*”

Nếu dùng toán học để so sánh hai câu trên, người ta có thể viết thành phương trình như sau:

- 1 ngày ở Đông Đức = 90 ngày ở Liên Xô
- 1 ngày ở Sài Gòn = 90 ngày ở Đông Đức
- 1 ngày ở Sài Gòn = $90 \times 90 = 8.100$ ngày ở Liên Xô
- $8.100 \text{ ngày} = 22,2 \text{ năm}$
- Nói một cách “tổng cộng” là vào thời gian sau năm 1975, một ngày sống ở Saigon thủ đô cũ của Việt Nam Cộng Hòa, một quốc gia giàu mạnh vào bậc trung của Thế Giới Tự Do trước năm 1975 sung

sống hơn 22 năm ở Liên Xô một nước giàu mạnh nhất trong Thế Giới Cộng Sản.

- Đây là Thiên Đường Hạ Giới?
- Đây là Địa Ngục Trần Gian?

-Bằng chứng thứ ba là việc giáo viên cộng sản tâng bốc Hồ Chí Minh thành một nhân vật siêu phàm. Ông ta không bao giờ phạm sai lầm, và sáng suốt như một vị thánh sống. Trong khi đó tục ngữ của ông cha ta có câu: “Nhân vô thập toàn”

-Bằng chứng thứ tư là việc bộ tuyên truyền và ca tụng ông Hồ xuất thân từ một gia đình có truyền thống cách mạng. Cha của ông là Nguyễn Sinh Sắc, một vị quan huyện đã xin từ chức để phản đối người Pháp, và Hồ đi nước ngoài từ hồi còn trẻ để tìm kiếm con đường giải phóng Việt Nam ra khỏi sự cai trị độc ác của Thực Dân Pháp vì lòng yêu nước.

Sau 1955, khi học ở miền Nam, tôi đọc được nhiều sách báo trung thực cho thấy hoàn toàn trái ngược. Cha của Hồ bị cách chức vì đánh chết người trong lúc say rượu, sau đó vào ông Sắc vào miền Nam sống bằng nghề cắt thầy thuốc nghèo khổ.

Hồ phải bỏ học vì thiếu tiền, đi làm giáo viên tại Phan Thiết rồi vào Sài Gòn làm bồi bàn, rồi là một chân phụ bếp trên một con tàu vận tải của một người Pháp.

Ông không đi tìm đường cứu nước mà đi tìm kiếm sống. Ông từng viết đơn xin vào học Trường Thuộc Địa của Pháp để phục vụ chính quyền Pháp, nhưng bị từ chối.

Dưới đây bản copy lá đơn của ông Hồ khi còn mang tên Nguyễn Tất Thành:



Dưới đây là bản dịch của tờ đơn này:

Marseille, ngày 15 tháng 9 năm 1911

Kính gửi Ngài Tổng Thống

Thưa Ngài Tổng Thống,

Tôi xin trân trọng cầu xin lòng nhân từ của Ngài ban cho tôi được vào học Trường Thuộc địa với tư cách là học sinh nội trú.

Hiện nay tôi đang làm thuê cho hãng Chargeurs Réunis (tàu Amiral Latouche-Tréville) để sinh sống, nhưng tôi rất mong muốn được học tập. Tôi muốn trở nên người hữu ích cho nước Pháp đối với đồng bào tôi, và muốn làm cho đồng bào tôi được hưởng những lợi ích của học vấn.

Tôi là người ở tỉnh Nghệ An (An Nam).

Tôi đã học tiếng Pháp, chữ Quốc ngữ và chữ Hán.

Trong khi chờ đợi câu trả lời mà tôi hy vọng là thuận lợi từ Ngài Bộ trưởng, tôi xin Ngài nhận nơi đây lòng biết ơn sâu sắc của tôi.

Kính thư

NGUYỄN TẮT THÀNH

(Đang ở tại Marseille, nhận thư tại văn phòng hãng Chargeurs Réunis)

Mặt khác đề đề cao ông Hồ các giáo viên hay cán bộ giáo dục của đảng Cộng Sản Việt Nam đã biến những khuyết điểm của ông thành ưu điểm để thần thánh hóa ông ta.

Sau khi được đọc các sách báo trung thực ở miền Nam, tôi nhận ra ông Hồ chỉ là một con người bình thường, nhưng về sự gian dối và tàn nhẫn thì ít lãnh tụ nào trên thế giới sánh bằng. Ông có nhiều vợ không chính thức. Đồng thời, ông cũng là người phạm nhiều tội ác đối với dân tộc. Dưới đây là một số tội điển hình:

-Giết hại hàng nghìn người Việt Nam yêu nước, nhưng không yêu chủ nghĩa cộng sản.

-Gây ra ba cuộc chiến tranh không cần thiết và đã giết hàng triệu người dân vô tội.

-Cống con rắn cực độc có tên là Thổ Cải từ Trung Quốc vào Việt Nam để cho cắn chết khoảng hơn 40.000 người Việt Nam. Trong số này đại đa số là địa chủ.

Ngoài ra, trong tiêu chí vì lợi ích trăm năm trồng người, các cán bộ giáo dục của ông Hồ đã hư cấu hay tạo dựng hai gương thiêu niên anh hùng là Lê Văn Tám và Kim Đồng với mục đích khuyến khích các học sinh non trẻ noi theo những tấm gương anh hùng này.

-Câu chuyện anh hùng thứ nhất có thể được tóm tắt như sau:

“Một cậu bé mười tuổi tên là Lê Văn Tám. Gia đình Tám quá nghèo nên em phải mưu sinh bằng nghề bán rong đậu phộng rang. Vì lòng căm thù và phẫn nộ đối với thực dân Pháp, những kẻ quyết tâm tái chiếm đất nước mình, Lê Văn Tám đã tự tửm xăng lên người. Sau đó, em tự biến mình thành một ngọn đuốc sống, rồi chạy thẳng vào khu vực có bồn nhiên liệu của quân đội Pháp ở Thị Nghè, vùng ven Sài Gòn. Kết quả của hành động anh hùng tại Thị Nghè của cậu bé Tám đã phá hủy nhiều bồn nhiên liệu và kho đạn dược của quân đội Pháp.”

-Câu chuyện anh hùng thứ hai được tóm lược như sau:

“Một đại đội lính Nhật bao vây một khu rừng, nơi có một trung đội bộ đội Việt Minh đang ẩn náu. Lực lượng Nhật đông và mạnh. Vì vậy, trung đội Việt Minh chỉ còn một con đường là chiến đấu đến giọt máu cuối cùng. Trong tình thế vô cùng nguy ngập này, cậu bé liên lạc của trung đội có tên là Kim Đồng, đã quyết định một mình trốn thoát khỏi ra khỏi khu vực bị vây hãm sang một khu vực kế cận. Nhờ là một cậu bé nhỏ tuổi nên Kim Đồng đã trốn thoát thành công. Ngay sau khi đến khu vực mới, cậu bé đã thổi còi gây ra rất nhiều tiếng động. Điều này khiến quân Nhật nghĩ rằng họ có thể đã bao vây nhầm chỗ. Vì vậy, quân Nhật lập tức rời khỏi khu vực bao vây cũ để bao vây khu vực mới, nơi phát ra tiếng động ồn ào. Khi vòng vây được khép chặt, quân Nhật không tìm thấy gì ngoài một cậu bé khoảng mười tuổi với chiếc còi trên tay. Quân Nhật nhận ra mình đã bị một đứa trẻ đánh lừa, nên lập tức giết em. Cuối cùng, trung đội Việt Minh rút lui an toàn, nhưng cậu bé liên lạc đã bị hy sinh.”

Hai tấm gương anh hùng hư cấu hay bịa đặt này đã được giảng dạy trong các trường học ở Liên Khu Bắc Việt

thời bấy giờ. Điều này chứng tỏ rằng các nhà giáo dục Việt Nam dưới sự chỉ đạo của ông Hồ, đã cố tình khai thác đầu óc non nớt của trẻ em Việt Nam để nhồi nhét vào đó những điều tệ hại. Các nhà giáo dục trong các quốc gia tự do và dân chủ không bao giờ dám làm điều tối kỵ này với con em của họ.

Một học sinh trong cái gọi là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, giống như một con ngựa kéo xe, hai mắt bị che, chỉ thấy qua khe, cảnh vật phía trước, của miếng da che, nên chẳng thấy gì dọc hai bên đường.

Người Việt Nam vốn có một truyền thống rất tốt đẹp tôn trọng thầy giáo qua các tục ngữ, thành ngữ như: *Tôn sư trọng đạo - Nhất tự vi sư, bán tự vi sư* – Nên mỗi khi thấy thầy giáo giảng dạy điều gì đều được học sinh tin tưởng và coi như “khuôn vàng thước ngọc”. Trong cái xã hội của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, dưới sự lãnh đạo anh minh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các giáo viên đã dạy học sinh:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Bác Hồ hơn cả mẹ cha

Công lao trời biển bao la biển trời

Trong vùng kiểm soát của ông Hồ ở Liên Khu Bắc Việt cán bộ giáo dục hay giáo viên luôn luôn tô son điểm phấn Liên Xô và bôi tro trát trấu Hoa Kỳ. Liên xô là thiên đàng hạ giới và Hoa Kỳ là địa ngục trần gian. Họ mô tả người Mỹ như một con quái vật. Trong một bài viết tuyên truyền được phát sóng vào năm 1954 từ Hà Nội, Việt Minh Cộng Sản mô tả người Mỹ như sau:

“Đầu hấn là một lô cốt. Râu hấn là dây kẽm gai. Mắt hấn là bom. Răng hấn là đạn dum-dum. Hai tay hấn là súng và từ mũi hấn tuôn ra lửa. Hấn là ma cà rồng, hút máu trẻ

con. Trán hấn là ổ pháo, thân thể hấn là sân bay. Ngón tay hấn là lưỡi lê, bàn chân hấn là xe tăng. Hấn nhe nanh để hăm dọa, nhưng trong cái miệng góm ghiếc ấy hấn chỉ có thể nhai sắt vụn, bởi vì hấn đang phải đối đầu với sức mạnh hùng hậu của nhân dân Việt Nam anh dũng chiến đấu. Tóm lại, người Mỹ chỉ là một gã khổng lồ bằng giấy.”

Vì truyền thống tôn sư trọng đạo, nên tôi tin mọi điều do giáo viên dạy là đúng và là chân lý. Chính sách giáo dục này là lừa dối và sẽ làm đất nước suy vong. Ông Hồ chắc hẳn biết câu nói của Abraham Lincoln: “*Bạn có thể lừa một số người mãi mãi, và tất cả mọi người trong một thời gian, nhưng không thể lừa tất cả mọi người mãi mãi.*”

Cách trồng người của ông Hồ như thế sẽ biến học sinh, những con người mà tổ quốc mong cho mai sau thành những con người bị nhồi sọ, chỉ biết vâng lệnh và làm theo lệnh của nhà cầm quyền, tương tự như những Zombies ở Haiti.

Lão Tử từng nói: “Thầy thuốc sai giết một người; lãnh đạo chính trị sai hại cả quốc gia; lãnh đạo văn hóa sai hủy diệt cả dân tộc.”

Tôi đã đi học dưới chế độ này từ 1945 đến 1954. Đã hơn 70 năm trôi qua, nhưng mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn rùng mình. Chính sách giáo dục đó không chỉ đầu độc thế hệ trẻ mà còn phá hoại tương lai của cả một dân tộc có gần 5.000 năm văn hiến.

Chương 8

Tôi là một người lính Việt Nam Cộng Hòa

Năm 1963, trong khi tôi đang làm việc như một thí nghiệm viên cho một phòng thí nghiệm thuộc Chương Trình Diệt Trừ Sốt Rét tại thành phố Qui Nhơn và cũng trong thời gian này, tôi học năm thứ III, năm cuối cùng chương trình Cử Nhân Luật, tại Đại Học Luật Khoa Sài Gòn, thì tôi nhận được một lá thư của Nha Tổng Động Viên Bộ Quốc Phòng của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa. Lá thư này gọi tôi nhập ngũ và theo học Khóa 16 Trường Võ Bị Thủ Đức.

Thành thật mà nói, khi nhận được lá thư này, tôi cảm thấy bối rối, bởi vì tôi biết kỷ luật quân đội rất khắt khe. Vì vậy, tôi lo lắng rằng mình có thể gặp nhiều khó khăn trong việc thích nghi với một đội ngũ có kỷ luật nghiêm minh. Mặt khác, tôi cũng cảm thấy một chút phấn khởi, bởi vì đây là cơ hội để tôi làm một điều gì đó có lợi ích cho chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, một chính quyền đã giúp gia đình tôi di cư từ miền Bắc cộng sản hay từ miền đất Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH) vào miền Nam quốc gia hay Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) vào năm 1955.

Như bạn đã biết, Hiệp định Genève năm 1954 đã tạm thời chia Việt Nam thành hai vùng, miền Bắc cộng sản và miền Nam quốc gia, với vĩ tuyến 17 là ranh giới phân chia. Hiệp định cũng cho phép một thời hạn 300 ngày để người

dân hai miền có thể tự do di chuyển sang miền Bắc cộng sản hoặc miền Nam quốc gia tùy theo lựa chọn của họ.

Vào năm 1954, gia đình tôi đang sống trong làng Bản Nguyên thuộc huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, Liên Khu Bắc Việt dưới quyền kiểm soát của ông Hồ và Đảng Cộng Sản Việt Nam từ tháng 8 năm 1945. Vào cuối năm 1954, ông Hồ và các đồng chí cộng sản của ông đã phát động chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất tại miền Bắc, trong đó có làng Bản Nguyên của tôi. Mục đích của chiến dịch này là: **Đào tận gốc, tróc tận rễ Trí – Phú – Địa – Hào**. Trong chiến dịch này, bố mẹ tôi “được” bình bầu là địa chủ. Điều đó có nghĩa là, trong giai đoạn I của chiến dịch, bố tôi sẽ bị lôi cổ ra đấu tố, bởi bản cổ nông. Và trong giai đoạn II của chiến dịch, bố tôi sẽ bị lôi cổ ra xét xử bởi Tòa Án Nhân Dân Đặc Biệt (TAND/ĐB) và sẽ bị tòa án này kết án tù chung thân hay tử hình. Tất cả đất đai và tài sản của gia đình tôi đều bị tịch thu để chia cho bản cổ nông.

Trước hoàn cảnh bi đát này cộng với tình trạng đất nước bị chia đôi và người được quyền chọn lựa miền đất mà họ muốn sinh sống, nguy kịch tình thế cấp bách, nên gia đình tôi buộc phải thực hiện một cuộc trốn chạy đầy nguy hiểm từ làng Bản Nguyên của tôi ra Hà Nội, rồi đến Hải Phòng. Vào thời gian này, Hà Nội đã được ông Hồ và lực lượng của ông tiếp quản, nhưng Hải Phòng vẫn còn trong tay quân đội Pháp và quân đội quốc gia Việt Nam.

May mắn thay, cuộc trốn chạy của gia đình tôi đã thành công, và chúng tôi đã đến được Hải Phòng an toàn. Khoảng hơn một tuần sau, chính quyền quốc gia Việt Nam đã giúp gia đình tôi di chuyển từ Hải Phòng vào Sài Gòn. Nếu chính quyền Quốc Gia Việt Nam hay Việt Nam Cộng Hòa không mở rộng vòng tay giúp gia đình tôi trốn chạy vào

Sài Gòn, thì chắc chắn bố tôi đã bị Tòa Án Nhân Dân Đặc Biệt trong Cải Cách Ruộng Đất kết án tử hình hay tù chung thân. Các con của họ chắc chắn đã bị đối xử như súc vật ở miền Bắc Việt Nam.

Từ ngày tôi đặt chân lên đất Sài Gòn cho đến ngày tôi nhận được giấy gọi nhập ngũ, gia đình tôi đã sống gần mười năm ở miền Nam. Cha tôi thoát khỏi án tử hình hoặc tù chung thân ở miền Bắc cộng sản. Mẹ tôi khỏi bệnh thấp khớp và sống thoải mái và yên vui cùng con cháu. Anh em tôi được sống tự do, đi làm, đi học và nhân phẩm được tôn trọng. Do đó, tôi nhận ra rằng nhờ sự giúp đỡ của Việt Nam Cộng Hòa, gia đình tôi đã có một cuộc sống hạnh phúc ở miền Nam.

Ngoài ra, sau hơn 10 năm sống và đi học ở miền Bắc hay VNDCCH và gần 10 năm sống và đi học ở miền Nam hay VNCH, tôi có cơ hội so sánh hai chế độ chính trị này với nhau. Vì thế, tôi nhận ra rằng chế độ chính trị ở miền Nam hay VNCH, tuy không hoàn toàn hoàn hảo, nhưng vẫn đáng sống hơn gấp ngàn lần so với chế độ cộng sản ở miền Bắc hay VNDCCH. Mặt khác, tôi cũng nhận ra rằng gia đình tôi đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ từ chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, nhưng chúng tôi chưa hề đền đáp được một chút nào cả. Vì vậy, tôi không còn do dự để trở thành một người lính của miền Nam quốc gia hay Việt Nam Cộng Hòa.

Vài tuần trước ngày tôi phải trình diện tại Phòng Quân Vụ Đô Thành Sài Gòn để được chuyển đến Trường Võ Bị Thủ Đức, Đại học Luật Sài Gòn tổ chức kỳ thi viết lần thứ hai cho sinh viên năm thứ ba. Vì vậy, tôi gấp rút ôn lại bài vở để dự thi. Vào ngày cuối cùng của kỳ thi viết, sau khi hoàn tất bài thi cuối, tôi trở về nhà lấy một số đồ cá nhân rồi đi thẳng đến phòng Quân Vụ để được chờ đi Thủ Đức. Tôi

không thể chờ kỳ thi viết được công bố kết quả, vì ngày cuối của kỳ thi viết cũng là hạn chót để tôi trình diện tại phòng Quân Vụ. Một giờ sau khi trình diện, tôi được chuyển đến Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung.

Trong thời gian chờ đợi tại Trung Tâm Quang Trung để được chuyển đến Trường Võ Bị Thủ Đức, tôi được thông báo đã đậu tất cả các môn thi viết tại Đại học Luật Sài Gòn. Tôi đến văn phòng Bộ Chỉ Huy xin phép trở lại Sài Gòn để thi vấn đáp. Thật đáng tiếc, tôi đã rớt phần thi vấn đáp. Có lẽ vì tôi không có đủ thời gian ôn bài trước kỳ thi vấn đáp. Điểm thi vấn đáp của tôi vào năm 1963 không đủ cao để giúp tôi đậu năm thứ ba cử nhân luật năm. Tuy nhiên, tổng số điểm thi vấn đáp trong kỳ thi này cho phép tôi được miễn thi viết vào năm 1964. Nói cách khác, vào năm 1964, tôi chỉ phải thi lại phần vấn đáp mà thôi.

Sau khi trở lại Trung Tâm Huấn Luyện, tôi được chuyển đến Trường Võ Bị Thủ Đức để theo học Khóa 16. Khi được chuyển đến trường Võ Bị Thủ Đức, Khóa 16 đã bắt đầu giảng dạy gần một tháng rồi. Vì vậy, những người trình diện trễ như tôi được sắp xếp vào một đại đội đặc biệt và đại đội này phải trải qua một chương trình huấn luyện cực kỳ khắc nghiệt để theo kịp các đại đội khác. Hơn một tháng sau, chương trình huấn luyện đặc biệt của đại tôi kết thúc và Đại đội đặc biệt của tôi được chia thành nhiều nhóm khác, mỗi đại đội đến trước nhận một nhóm. Nhóm của tôi được Đại đội 3 tiếp nhận.



Ngày đầu tiên của tôi tại trường
Vũ Khoa Thủ Đức

Khóa 16 của tôi là một khóa rất đặc biệt. Trong thời gian huấn luyện, có nhiều biến cố chính trị xảy ra tại Thủ Đô Sài Gòn. Một trong những sự kiện đáng chú ý nhất là phong trào Phật giáo, tập hợp tín đồ tại Sài Gòn để biểu tình chống lại chính quyền Tổng thống Ngô Đình Diệm. Phong trào này lên án chính quyền của Tổng Thống Diệm phân biệt và đàn áp Phật Giáo. Trong thực tế, các cuộc biểu tình được dẫn dắt bởi các cán bộ cộng sản đội lốt tu sĩ Phật giáo. Những người cộng sản này lợi dụng nhược điểm của ông Diệm để kích động Phật tử gây rối trật tự, nhằm tạo cơ hội giúp Việt Cộng lật đổ chính quyền.

Cùng vào thời gian này Tổng thống Kennedy đề nghị Tổng thống Diệm cho phép đưa quân Mỹ vào trực tiếp chiến đấu chống lại lực lượng cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã từ chối. Vì vậy, Kennedy bị các cố vấn thuyết phục rằng đây là cơ hội thuận tiện để loại bỏ ông Diệm nhằm thực hiện kế hoạch của mình. Do đó, một kế hoạch đảo chính được vạch ra, và Henry Cabot Lodge, một chuyên gia về đảo chính của Hoa Kỳ, được cử đến Saigon làm Đại Sứ thay thế Đại Sứ Frederick Nolting để thực hiện kế hoạch.



ĐS Lodge và TT Diệm

Trung tá Lucien Conein, một thành viên của toán CIA tại Sài Gòn, đã bí mật liên lạc với một nhóm tướng lĩnh của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa và kích động họ lật đổ chính quyền ông Diệm. Cuộc đảo chính diễn ra ngày 1 tháng 11 năm 1963 với sự hỗ trợ của Đại sứ quán Hoa Kỳ. Kết quả là ông Ngô Đình Diệm và em trai ông là Ngô Đình Nhu bị giết. Sau cái chết của Tổng thống Diệm, một loạt chính phủ mới được thành lập nhưng không đủ uy tín và tài năng để điều hành đất nước. Mỗi chính phủ chỉ tồn tại vài tháng rồi sụp đổ. Mỗi khi chính quyền trung ương thay đổi, chỉ huy Trường Võ Bị Thủ Đức cũng bị thay đổi, vì đây là một căn cứ quân sự quan trọng gần Sài Gòn có ảnh hưởng đến việc tồn vong của một tân chính phủ ở Thủ Đô Saigon. Trong thời gian huấn luyện trong gần một năm, khóa 16 chúng tôi đã chứng kiến ba lần thay đổi chính phủ trung ương tại Saigon cùng với ba lần thay đổi Chỉ Huy Trường của học viện.



Trung Tá Lucien Conien và 5 vị tướng

Mặt khác, một tai nạn nghiêm trọng đã xảy ra với Khóa 16. Trong một buổi huấn luyện về súng cối, một sinh viên đã liệng một quả đạn súng cối được coi đã hư thối vào một đồng đạn súng cối cũng được coi là đã hư thối. Sự va chạm của quả đạn này với những quả đạn khác đã gây ra phản ứng nổ dây chuyền khiến nhiều sinh viên sĩ quan bị thương và tử vong. Đây là nỗi đau buồn lớn đối với khóa 16 của chúng tôi.

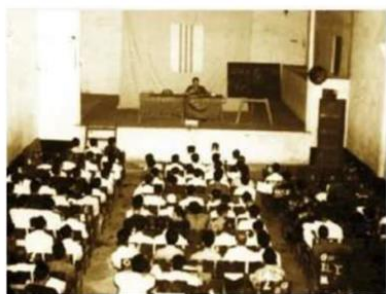
Sau một năm huấn luyện, hầu hết các sĩ quan tốt nghiệp Khóa 16 được phân công phục vụ trong Chương Trình Bình Định và Phát Triển Nông Thôn. Mỗi người được gửi đến một quận để đảm nhiệm chức vụ Phụ Tá Quận Trưởng về Bình Định và Phát Triển Nông Thôn. Một nhóm đặc biệt gồm 50 sĩ quan, trong đó có tôi, được phân phối về Ủy Ban Bình Định Trung Ương. Sau một tháng huấn luyện, 42 người được gửi đi 42 tỉnh, còn 8 người, trong đó có tôi, ở lại Sài Gòn phục vụ cho Ủy Ban Bình Định Phát Triển Trung Ương. Vài tháng sau, hai tỉnh Châu Đốc và Bạc Liêu được tái lập. Vì vậy, hai trong số tám sĩ quan còn lại được điều đến hai tỉnh mới này. Tôi được gửi đến Châu Đốc, cách Sài

Gòn 160 dặm về phía tây nam. Tôi làm việc tại đây từ 1965 đến 30/4/1975.

Khi tôi đến Châu Phú, Trung tá Lý Bá Phẩm là tỉnh trưởng. Ông Anton Cistaro là cố vấn của tỉnh Châu Đốc, và Thiếu tá Ann là cố vấn của Tiểu Khu Châu Đốc. Năm 1966, đoàn xe của họ từ thị xã Châu Đốc đi thị trấn Tri Tôn, khi đi qua vùng chân núi Két bị Việt Cộng phục kích, Thiếu tá Ann tử trận, ông Cistaro bị thương. Tiễn đây tôi xin bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với Thiếu tá Ann, người đã dạy tôi nhảy dù và đã cấp phát cho tôi bằng nhảy dù của Quân Đội Hoa Kỳ.



Trong 10 năm làm việc tại đây, tôi là Trưởng Phòng Kế Hoạch BDPTNT của tỉnh, tôi phụ trách việc lập kế hoạch xây dựng các tiện ích công cộng tại các làng xã do chính quyền VNCH kiểm soát và kế hoạch tái chiếm và tái thiết các làng xã đang bị cộng sản kiểm soát, giúp đỡ người dân các xã này tái thiết nhà cửa và phát triển đời sống. Đồng thời tôi cũng thường thuyết trình cho các viên chức trong tỉnh về Chương Trình Bình Định và Phát triển Nông Thôn. Tôi tự hào đã góp phần xây dựng nhiều công trình như trường học, trạm xá, cầu đường, chợ, kênh rạch trong tỉnh Châu Đốc.



Tôi đang giảng giải về Chương Trình BĐPTNT
trước những viên chức trong tỉnh Châu Đốc

Tôi cũng gặp vợ tôi, Lê Thị Nguyệt-Hồng, tại đây.
Sau thời gian quen biết, chúng tôi đã kết hôn vào đầu năm
1966.



Hình được chụp trong ngày hôn lễ của chúng tôi.
Bên phải chúng tôi là anh trai và chị gái, bên trái
là anh trai và em trai của nhà tôi.

Trong thời gian làm việc tại Châu Đốc, tôi luôn luôn
cố gắng hoàn thành nhiệm vụ đã được giao phó. Tôi từng
sống ở Liên Khu Bắc Việt dưới quyền kiểm soát của ông Hồ
và đảng Cộng Sản Việt Nam, nên hiểu rõ cộng sản độc ác và
gian trá, nói một đằng làm một nẻo. Tôi nhận thấy họ đã phá
hoại đạo đức truyền thống của người Việt Nam và gieo rắc
lòng nghi ngờ trong xã hội để người dân mất lòng tin lẫn
nhau hầu dễ bề kiểm soát. Tôi tin rằng Đảng Cộng Sản Việt

Nam là tai họa cho đất nước. Vì lẽ đó tôi cố gắng hết sức mình nói cho người miền Nam biết sự thật về cộng sản.

Trước 30/4/1975, tôi chỉ là một sĩ quan bình thường và theo nhận định riêng của cá nhân tôi, tôi thấy miền Nam hay VNCH rất có thể sẽ thất bại trước miền Bắc hay VNDCCH, vì tinh thần chống cộng chưa đủ mạnh của Quân Dân Cán Chính của VNCH. Họ dường như chỉ lo làm tròn bổn phận mà thôi. Đứng trước một đối thủ hăng say đánh chiếm miền Nam để giải phóng đồng bào của họ vì tin một cách mù quáng rằng đồng bào miền Nam của họ đang bị bóc lột và đàn áp của Ngụy Quân Ngụy Quyền và đế quốc Mỹ. Trong thực tế đại đa số những người này bị tuyên truyền dối trá và nhồi sọ nên không nhận ra sự thật, nên cứ lao đầu vào miền Nam để thực thi những gì mà bọn chóp bu đảng CSVN mong muốn.

Những gì mà riêng tôi đã cố gắng làm ở tỉnh Châu Đốc chỉ như một hạt muối bỏ biển, nó không thể làm cho nước biển mặn thêm lên được, song tôi vẫn tự hào là đã làm tròn bổn phận của một người lính và bổn phận của một công dân VNCH. Tôi đã trả giá cho công việc của tôi đã làm bằng 5 năm bị giam giữ và đầy ải trong những trại tù lao động khổ sai của Cộng Sản rải rác từ miền Nam ra tới miền Trung. Tuy nhiên, tôi luôn tự hào đã là một người lính Việt Nam Cộng Hòa. Trong di chúc cuối đời, tôi dặn các con của tôi phải quen khắc trên mộ bia của tôi:

**ĐÂY LÀ MỘ PHẦN
VŨ HUY THÁM
(1935 – 20XY)
MỘT NGƯỜI LÍNH
VIỆT NAM CỘNG HÒA**

Chương 9

Sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Tướng William C. Westmoreland, một vị tướng cao cấp và cũng là Tư Lệnh Tổng Chỉ Huy quân đội Hoa Kỳ trong Chiến Tranh Việt Nam, đã đưa ra một tuyên bố đầy xúc động. Trong tuyên bố đó, ông viết: *“Thay mặt cho Quân Lực Hoa Kỳ, tôi xin gửi lời xin lỗi đến các cựu chiến binh của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa vì đã bỏ rơi các bạn”*.

Rất rõ ràng rằng qua lời tuyên bố này, Tướng Westmoreland đã thừa nhận một sự thật phũ phàng, trần trụi, cay đắng, đau đớn và nhục nhã rằng, Lực lượng Vũ trang Hoa Kỳ đã bỏ rơi Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Lời xin lỗi của Tướng William C. Westmoreland đã khiến mọi người trên thế giới biết rằng sự sụp đổ của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa vào tháng 4 năm 1975 không do tinh thần chiến đấu của họ yếu kém mà do Quân Đội Hoa Kỳ đã cố tình bỏ rơi họ. Do đó, tôi nghĩ rằng chúng ta cần phải tìm hiểu những nguyên nhân nào hay lý do tại sao Hoa Kỳ đã bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) vào tháng 4 năm 1975.

Như mọi người đều biết, vào tháng 4 năm 1975, quân đội Cộng sản Bắc Việt (CSMB) hay quân đội Việt Nam Dân

Chủ Cộng Hòa (VNDCCH) dưới danh hiệu Giải Phóng Quân của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) đã tấn công và chiếm Sài Gòn, thủ đô của Việt Nam Cộng Hòa (VNCH). Tình thế này đã buộc Tổng thống VNCH Dương Văn Minh phải đầu hàng vô điều kiện.

Ngay sau khi chiếm đoạt được toàn bộ vùng lãnh thổ của VNCH dưới vĩ tuyến 17, quân đội CSMB hay VNDCCH bắt đầu trả thù dã man và tàn bạo tất cả các sĩ quan quân đội, sĩ quan cảnh sát các viên chức hành chánh và cán bộ cùng với những người có liên hệ hay đã hợp tác với chính quyền VNCH bằng cách tống họ vào nhà tù còn gọi là trại cải tạo. Là một sĩ quan quân đội của VNCH, nên tôi đã bị đưa vào nhà tù hay trại cải tạo.

Trong thời gian 5 năm trong các trại tù cải tạo của đảng Cộng Sản Việt Nam, tôi cũng như các sĩ quan khác của quân đội VNCH bị đối xử tàn tệ. Sau 5 năm bị đầy đọa trong những trại tù nhỏ, tôi được chuyển sang một trại tù lớn có tên là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Điểm đầu của nhà tù lớn này là Ái Nam Quan và điểm cuối của nó là Mũi Cà Mau. Trong 6 năm sống trong nhà tù CHXHCNVN tôi bị phân biệt đối xử và phải đấu tranh gian khổ để có thể sống còn, dưới sự cai trị hà khắc và phân biệt đối xử của chính quyền cộng sản.

Sau 6 năm đấu tranh gian khổ trong cái nhà tù lớn CHXHCNVN, nhờ may mắn tôi đã thoát ra khỏi cái nhà tù khổng lồ CHXHCNVN và đến được Hoa Kỳ. Tính tới ngày tôi ngồi gõ phím chiếc máy vi tính của tôi để viết những dòng chữ này, tôi đã có hơn 39 năm được sống dưới chân tượng Nữ Thần Tự Do. Trong 3 giai đoạn sống sau năm 1975 của tôi, tôi đã cố gắng tìm đọc các sách báo và tài liệu khách quan và trung thực để tìm hiểu lý tại sao, VNCH dù được

quân đội Hoa Kỳ, một lực lượng hùng mạnh nhất thế giới và nhiều quốc gia khác trong Thế Giới Tự Do tận tình giúp đỡ và hỗ trợ, nhưng vào ngày 30-04-1975 vẫn rơi vào tay Thế Giới Cộng Sản.

Cuối cùng, tôi đã nhận ra rằng có rất nhiều lý do khiến Hoa Kỳ phải bỏ rơi VNCH vào tháng 4 năm 1975. Để hiểu rõ về điều này, tôi thiết nghĩ trước khi điếm danh những lý do này, chúng ta cần phải tìm hiểu những nguyên nhân nào, khiến cho các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ gửi quân đến miền Nam Việt Nam cũng như những nguyên nhân nào khiến cho HK đã bỏ rơi VNCH.

***Bối cảnh của cuộc chiến tranh Việt Nam:**

-Trước Chiến tranh Thế giới thứ II, Việt Nam bị thực dân Pháp thống trị. Trong Chiến tranh Thế giới thứ II, Quân Phiệt Nhật xâm nhập vào VN và lật đổ sự cai trị của người Pháp rồi chiếm đóng Việt Nam.

-Sau khi Hoa Kỳ thả 2 quả bom nguyên tử, một xuống đảo Hiroshima vào ngày 06/08/1945 và một xuống đảo Nagasaki vào ngày 09/08/1945, khiến vua Nhật phải đầu hàng Hoa Kỳ vô điều kiện và Thế Chiến II kết thúc.

-Lợi dụng thời cơ này, Mặt Trận Việt Minh (MTVM) dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam (VCP) đã nổi dậy cướp chính quyền và thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

-Sau khi Chiến tranh Thế giới thứ II kết thúc, quân đội Anh được phe Đồng Minh giao nhiệm vụ giải giáp quân Nhật ở khu vực phía nam vĩ tuyến 16, và quân đội Trung Hoa Dân Quốc được giao nhiệm vụ giải giáp quân Nhật ở khu vực phía bắc vĩ tuyến 16.

-Nhân dịp quân Anh tiến vào khu vực phía nam vĩ tuyến 16, quân Pháp theo chân họ vào khu vực này để tái lập

chế độ thuộc địa. Do đó, chiến tranh giữa Việt Minh hay VNDCCH và Pháp đã bùng phát trên vùng đất dưới vĩ tuyến 16.

-Không lâu sau đó, chính quyền Pháp nhượng lại một số nhượng địa của họ ở lục địa Trung Quốc cho Trung Hoa Dân Quốc để đổi lấy việc quân đội Trung Hoa Dân Quốc thỏa thuận để quân Pháp thay thế trong việc giải giáp quân Nhật ở khu vực phía bắc vĩ tuyến 16.

-Sự hiện diện của quân Pháp ở miền Bắc khiến cuộc chiến giữa Pháp và Việt Minh Cộng Sản trước đây chỉ xảy ra ở phía nam vĩ tuyến 16 nay đã lan rộng khắp lãnh thổ Việt Nam.

-Vào lúc ban đầu, ưu thế quân sự nghiêng về phía quân Pháp, nhưng sau đó ưu thế này dần dần chuyển sang phía quân đội VNDCCH.

-Trước tình thế đó, các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ nhận ra rằng nếu họ không viện trợ quân sự cho Pháp ở VN, thì sớm hay muộn gì, quân đội Pháp cũng sẽ thất bại và Việt Nam sẽ hoàn toàn rơi vào tay thế giới cộng sản.

-Vì lẽ đó, Hoa Kỳ cung cấp nhiều viện trợ quân sự cho Pháp. Sự trợ giúp này không có nghĩa là Hoa Kỳ muốn duy trì chế độ thuộc địa trên thế giới, mà vì Hoa Kỳ nghĩ rằng thà để Việt Nam là thuộc địa của Pháp còn hơn là để Việt Nam rơi vào tay Thế Giới Cộng Sản.

-Vào năm 1954, một hội nghị quốc tế tại Geneva, thủ đô của Thụy Sĩ, đã chấm dứt chiến tranh giữa Pháp và Việt Nam bằng cách chia Việt Nam thành hai phần, Bắc và Nam, tại vĩ tuyến 17. Miền Bắc do VNDCCH cai trị. Miền Nam do chính phủ Quốc Gia Việt Nam hay VNCH quản lý.

-Sau khi quân Pháp rút hoàn toàn khỏi miền Nam Việt Nam hay VNCH theo quy định của HĐ Geneva, Hoa

Kỳ tiếp tục viện trợ quân sự cho VNCH. Tuy nhiên, viện trợ lúc đó chỉ giới hạn trong việc huấn luyện và trang bị để quân đội VNCH đủ mạnh để tự vệ và ổn định tình hình nội bộ.

***Lý do khiến các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ gửi quân đến VNCH:**

-Trong bài diễn văn nhậm chức ngày 20 tháng 1 năm 1961, Tổng thống Kennedy đã long trọng tuyên bố: *“Hãy để mọi quốc gia biết rằng, dù mong điều tốt hay xấu, chúng ta sẽ trả bất kỳ giá nào, gánh vác bất kỳ gánh nặng nào, đối mặt với bất kỳ khó khăn nào, ủng hộ bất kỳ người bạn nào, chống lại bất kỳ kẻ thù nào để bảo đảm sự tồn tại và thành công của tự do”*. Vì vậy, ông muốn chứng minh với thế giới rằng tuyên bố của ông vào ngày 20 tháng 1 năm 1961 không phải là lời hứa suông.

-Trong cuộc gặp thượng đỉnh giữa Tổng thống John F. Kennedy và Thủ tướng Liên Xô Nikita Khrushchev tại Vienna ngày 3 tháng 6 năm 1961, Kennedy đã bị Khrushchev lấn át. Kết thúc cuộc gặp, Khrushchev nói thẳng với Kennedy rằng: *“Việc có chiến tranh hay hòa bình là tùy thuộc vào Hoa Kỳ”*. Sau cuộc gặp này, Kennedy đã nói về Khrushchev như sau: *“Tôi chưa bao giờ gặp người nào như vậy”*, *“Ông ta đã đánh bại tôi hoàn toàn”* và *“Ông ta đã làm nhục tôi”*. Do đó, Kennedy quyết định gửi quân Mỹ đến Việt Nam để chứng minh rằng Hoa Kỳ luôn tôn trọng cam kết và không khuất phục trước Liên Xô.

***Lý do Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã từ chối việc gửi quân Mỹ đến miền Nam Việt Nam:**

Sở dĩ TT Ngô Đình Diệm đã từ chối đề nghị của HK là vì các lý do sau đây:

-Khi biết quân Mỹ có mặt trên lãnh thổ VNCH, Hồ Chí Minh và những người cộng sản ở miền Bắc sẽ lợi dụng

cơ hội này để tuyên truyền rộng rãi rằng, quân Mỹ thực sự đã xâm lược miền Nam Việt Nam và chính quyền Ngô Đình Diệm chỉ là tay sai của Mỹ.

-Khi biết quân Mỹ có mặt trên lãnh thổ VNCH, Hồ Chí Minh và đồng chí của ông sẽ lấy đó làm lý do chính đáng để kêu gọi và thúc đẩy người dân miền Bắc tham gia quân đội nhân dân để chống lại quân Mỹ nhằm cứu nước và giải phóng đồng bào miền Nam.

-Khi biết quân Mỹ có mặt trên lãnh thổ VNCH, Hồ Chí Minh và những người của ông sẽ lợi dụng cơ hội này để tuyên truyền rằng đế quốc Mỹ và chính quyền VNCH cấu kết với nhau để đàn áp và bóc lột đồng bào miền Nam.

-Hậu quả của việc Tổng thống Diệm từ chối đã khiến các cố vấn của chính quyền Kennedy tức giận. Vì vậy, họ đã lợi dụng cuộc khủng hoảng Phật giáo năm 1963 để khuyến Tổng thống Kennedy sắp xếp một cuộc đảo chính. Trong cuộc đảo chính này Tổng Thống Diệm đã bị giết.

-Sau khi Tổng thống Diệm bị giết và chính quyền của ông sụp đổ, các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đã lợi dụng sự non yếu của chính phủ Phan Huy Quát để đưa quân Mỹ vào Việt Nam mà không có sự đồng ý trước của chính phủ này.

-Trong cuốn sách *In the Jaws of History* (trang 131), ông Bùi Diễm, cố vấn của Thủ tướng Phan Huy Quát lúc bấy giờ, đã viết: “Vào sáng sớm ngày 8 tháng 3 (1965), tôi nhận được điện thoại của bác sĩ Quát, giọng ông căng thẳng, yêu cầu tôi đến nhà ông ngay lập tức vì có việc khẩn cấp. Khi tôi đến, tôi thấy Melvin Manfull đã có mặt ở đó. Nhà ngoại giao Mỹ trông rất nghiêm túc, nhưng Quát thì rõ ràng có điều gì đó khiến ông lo lắng. Không mời tôi ngồi, Quát nói rằng lính thủy đánh bộ đang đổ bộ lên Đà Nẵng để đảm nhận việc phòng thủ quanh phi trường Đà Nẵng. Quát bảo tôi và

Manfull phải soạn một thông cáo chung công bố việc đổ bộ.” Rồi sau đó ông thêm “Hãy viết thật ngắn gọn và cần nêu lên sự kiện và xác nhận sự đồng thuận của chúng ta.”

-Đoạn trích dẫn trên cho thấy việc gửi quân đội Hoa Kỳ đến miền Nam Việt Nam là do quyết định đơn phương của Hoa Kỳ, và chính phủ Phan Huy Quát đã phải miễn cưỡng hợp thức hóa sự triển khai quân sự này.

***Lý do khiến các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đã bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa:**

-Khi gửi quân tham dự vào cuộc chiến tranh Việt Nam, Tổng Thống Kennedy và nội các của ông đã không suy nghĩ hay tính toán kỹ lưỡng trước sau. Rất có thể là khi quyết định đưa quân đội Mỹ vào miền Nam Việt Nam để tham chiến TT Kennedy đã không hiểu rõ về nước Mỹ và người Mỹ; đồng thời cũng không hiểu rõ người dân và chính phủ cộng sản miền Bắc cũng như người dân và chính phủ quốc gia miền Nam. Nói khác đi là TT Kennedy và bộ sậu của ông chẳng hiểu mình cũng chẳng hiểu người.

-Trong cuốn sách The Art of War của Tôn Tử (một thiên tài quân sự Trung Hoa sống vào giai đoạn 771–256 trước Công nguyên), ông viết: *“Trong chiến tranh, Nếu hiểu rõ mình và hiểu rõ kẻ thù, thì 100% bạn sẽ thắng. Nếu bạn hiểu mình nhưng không hiểu kẻ thù, bạn có 50% thắng và 50% thua. Nếu bạn không hiểu mình cũng không hiểu kẻ thù, bạn sẽ 100% thua.”*

-Nếu đem nghệ thuật chiến tranh của Tôn Tử trên đây để đối chiếu với việc tham chiến của Hoa Kỳ trong chiến tranh Việt Nam, người thấy sự thất bại của Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh này là điều khó tránh.

-Khi gửi quân Mỹ tham chiến ở miền Nam Việt Nam, dường như các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đã không hiểu đầy đủ

về lịch sử chống ngoại xâm của người Việt Nam. Họ chỉ đơn giản nghĩ rằng, Hoa kỳ là một quốc gia giàu mạnh và tân tiến nhất thế giới về kinh tế và quân sự, nên Hoa Kỳ sẽ dễ dàng giành được chiến thắng ở Việt Nam vì miền bắc VN là một quốc gia vừa nghèo lại vừa lạc hậu. Theo thiện ý của tôi, các nhà lãnh đạo quân sự Hoa Kỳ, trước khi quyết định gửi quân đội của họ tham dự vào cuộc chiến tranh Việt Nam, họ chỉ hiểu lơ mơ về Cộng Sản miền Bắc.

-Nếu hiểu rõ lịch sử chống ngoại xâm của Việt Nam, họ đã thấy rằng dân tộc VN có truyền thống đấu tranh kiên cường chống ngoại xâm. Vào đầu thế kỷ 13, quân Mông Cổ là một đội quân tinh nhuệ nhất thế giới và đã chinh phục nhiều quốc gia từ châu Âu đến châu Á. Quân Mông cũng đã xâm lược Việt Nam ba lần, vào các năm 1258, 1285 và 1287. Mặc dù ban đầu giành được thắng lợi, nhưng cuối cùng cả ba lần họ đều bị quân Việt Nam đánh bại và phải rút về Mông Cổ. Nếu các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ hiểu rõ điều quan trọng này, họ đã không gửi quân sang miền Nam Việt Nam. Không dễ để chinh phục một dân tộc có truyền thống chống ngoại xâm.

-Nếu hiểu rõ về lịch sử VN, họ sẽ nhận ra rằng sự hiện diện của bất kỳ quân đội nước ngoài nào trên lãnh thổ Việt Nam, đều bị người Việt coi là lực lượng này đã đến để xâm chiếm đất nước của họ. Trong suốt lịch sử trường tồn của dân tộc Việt Nam, hầu như chưa từng có một đội quân ngoại quốc nào đến Việt Nam với thiện chí thực sự để giúp đỡ. Vì tin như thế, nên người Việt kiên cường chiến đấu cho đến khi đánh đuổi được quân xâm lược ra khỏi bờ cõi của họ bất chấp mọi hy sinh và gian khổ. Không dễ gì để khuất phục được một quốc gia mà người dân quốc gia, mà người quốc

gia này luôn luôn coi quân đội của các quốc gia khác hiện diện trên đất nước là quân xâm lăng.

-Nếu hiểu rõ người dân miền bắc Việt Nam đang sống dưới chế độ toàn trị và độc tài của Đảng Cộng Sản Việt Nam bị kiểm soát và bưng bít khắt khe như thế nào, thì các lãnh tụ Hoa Kỳ có lẽ đã không gửi quân đội của họ tham chiến ở Việt Nam. Người dân miền bắc không được phép nghe đài phát thanh trung thực hay xem truyền hình từ các quốc gia khác. Họ chỉ được phép đọc báo *Nhân Dân*, *Quân Đội Nhân Dân*, *Cứu Quốc* ... do đảng CSVN kiểm soát và phát hành. Không một gia đình nào ở miền bắc Việt Nam sở hữu một cái máy thu thanh hay máy thu hình. Họ chỉ có thể nghe tin tức trong nước và thế giới qua loa phóng thanh công cộng của chính quyền địa phương gắn ở một chòm cây đầu ngõ hay cuối xóm. Do đó, chính quyền miền Bắc tha hồ bóp méo, vo tròn các tin tức trong nước và thế giới. Vì vậy, chính quyền cộng sản miền Bắc dễ dàng xuyên tạc sự thật, tuyên truyền sai lệch và buộc người dân làm mọi điều mà đảng Cộng Sản muốn người dân phải làm. Rất khó để chiến thắng một đối thủ gồm những con người bị mê hoặc trở thành những xác sống (Zombi) song lại biết sử dụng thành thạo các loại vũ khí tối tân.

-Sau khi đã chiếm hoàn toàn khu vực phía bắc vĩ tuyến 17 vào năm 1954, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam bắt đầu đẩy mạnh miền Bắc tiến nhanh và mạnh lên chủ nghĩa xã hội. Bước đầu tiên để đạt mục tiêu này là họ phải phá bỏ tận gốc rễ cơ cấu **kinh tế thị trường** hiện có và thực thi cơ cấu **kinh tế kế hoạch**. Trong cơ cấu kinh tế kế hoạch, chính quyền Cộng Sản miền Bắc nắm độc quyền sản xuất, phân phối và vận chuyển lương thực và hàng hóa. Vì thế, người dân miền Bắc chỉ có thể mua thực phẩm tại các

cửa hàng quốc doanh. Nếu họ tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ do chính quyền địa phương giao phó, họ sẽ được chính phủ cho phép mua đủ lương thực cho gia đình. Nếu không, họ sẽ không được phép mua lương thực, nên sớm muộn gì họ sẽ chết đói. Nói khác đi là chính quyền cộng sản đã dùng lương thực như một vũ khí hiện đại để buộc người dân làm theo ý họ. Nếu một thanh niên đến tuổi nhập ngũ mà trốn tránh thì gia đình anh ta sẽ không còn được phép mua lương thực. Nếu anh ta đào ngũ hoặc đầu hàng khi chiến đấu ở miền Nam, gia đình anh ta ở miền Bắc cũng sẽ bị cắt lương thực. Rất khó đánh bại một đội quân gồm những người bắt buộc và sẵn sàng hy sinh mạng sống của mình để cứu toàn bộ gia đình mình khỏi chết đói.

***Khi gửi quân Mỹ vào miền Nam Việt Nam, các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đã không có chiến lược phù hợp:**

-Chiến lược mà quân đội Mỹ sử dụng vào thời gian này là **“Tìm và Diệt”** (Search and Destroy). Chiến lược này dù đã gây thiệt hại đáng kể cho các lực lượng cộng sản, nhưng không thể ngăn chặn các cuộc tấn công lớn của họ như các nhà lãnh đạo HK mong muốn. Lý do là nhân lực và vũ khí bị tiêu diệt và phá hủy bởi quân đội Mỹ và quân đội VNCH trong chiến lược **“Tìm và Diệt”** đã được nhanh chóng bổ sung từ miền Bắc qua đường mòn Hồ Chí Minh.

-Trong nhiệm kỳ tổng thống 1963–1969, TT Lyndon B. Johnson đã nhận được đề xuất chiến lược **“Cắt và Diệt”** từ một số lãnh đạo quân sự Hoa Kỳ, nhưng ông ta đã không chấp nhận. Theo chiến lược này, quân đội Mỹ sẽ tiến vào lãnh thổ Lào để cắt đứt hoàn toàn hệ thống tiếp vận của cộng sản ở miền Bắc Cộng Sản cho miền Nam Cộng Sản qua đường mòn Hồ Chí Minh. Sau khi chiến tranh VN kết thúc, nhiều chiến lược gia của HK đã nhận định rằng nếu không

có nguồn tiếp tế kịp thời về người và vũ khí, lực lượng cộng sản ở miền Nam sẽ bị tiêu diệt. Nếu chiến lược này được thực hiện ở VN trước năm 1975, Hoa Kỳ có thể đã giành chiến thắng ở VN.

-Bằng chứng rõ ràng nhất về hiệu quả của chiến lược “Cắt và Diệt” được nêu ra ở đây là cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 của lực lượng cộng sản. Cuộc tấn công bắt đầu ngày 30 tháng 1 năm 1968, đúng dịp Tết Nguyên Đán – ngày lễ thiêng liêng của người Việt. Hai bên đã thỏa thuận ngừng bắn 3 ngày, nhưng phía cộng sản đã lợi dụng để tấn công hơn 100 thị xã, 36/44 tỉnh lỵ và Sài Gòn. Mặc dù là bất ngờ, song quân đội VNCH đã đẩy lui hầu hết các cuộc tấn công của quân cộng sản và họ đã phải nhận rất nhiều tổn thất nặng nề về nhân mạng và khí tài. Trong số 85.000–100.000 quân tham gia, khoảng 40.265 người bị chết và bị thương. Tổn thất này lớn đến mức họ không thể mở các cuộc tấn công nào ra hồn trong một thời gian dài sau đó. Hai năm sau, khi hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh hoàn chỉnh, họ mới phục hồi lực lượng và mới có những cuộc tấn công tương đối ra hồn.

-Nói cách khác, nếu Hoa Kỳ áp dụng chiến lược “Cắt và Diệt”, họ có thể đã thắng cuộc chiến này.

***Các Tổng Thống Hoa Kỳ luôn đặt quyền lợi của nước Mỹ lên trên quyền lợi của các quốc gia đồng minh:**

-Dù Tổng thống Kennedy từng tuyên bố sẽ “trả bất kỳ giá nào”, đó chỉ là lời hứa chính trị, không mang tính ràng buộc tuyệt đối. Nói một cách khác là các vị Tổng Thống HK luôn luôn đặt lợi ích lâu dài của Hoa Kỳ lên trên lợi ích của đồng minh. Dường như các nhà lãnh đạo HK hiểu rất rõ câu nói của Winston Churchill: *"Không có bạn bè vĩnh viễn, không có kẻ thù vĩnh viễn, chỉ có lợi ích Quốc Gia là vĩnh*

viễn". Trường hợp Việt Nam năm 1975 và Afghanistan năm 2020 đã minh chứng điều này.

***Hoa Kỳ là một quốc gia dân chủ thực sự:**

-Tổng thống HK được bầu mỗi 4 năm, và thường chỉ có hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa tranh giành nhau chức vụ này. Hễ đảng nào được đại đa số người dân trong nước ủng hộ sẽ giành được ghế Tổng Thống.

-Vì vậy, các vị tổng thống đương nhiệm phải đáp ứng ý muốn của người dân thì mới hy vọng đắc cử nhiệm kỳ II hoặc giành được ghế này cho đảng của mình trong kỳ bầu cử tới. Do đó mà họ sẵn sàng bỏ rơi đồng minh. Việc Tổng thống Richard Nixon bỏ rơi VNCH năm 1973 và Donald Trump bỏ rơi Afghanistan năm 2020 là những thí dụ điển hình.

***Khi gửi quân sang Việt Nam, Hoa Kỳ dường như không muốn giành chiến thắng:**

-Một số người, trong đó có Tướng Moshe Dayan (1915-1981) của Israel, cho rằng trong chiến tranh Việt Nam người Mỹ chỉ muốn phô trương sức mạnh của mình chứ không có ý định giành chiến thắng. Mosh Dayan đã viết vào năm 1966 rằng: *“Người Mỹ tham chiến không phải để đánh Việt Cộng mà để chứng minh sức mạnh với thế giới.”*

***VNCH không còn là tiền đồn chống Trung Cộng:**

-Henry Kissinger gặp Chu Ân Lai năm 1971, Nixon gặp Mao Trạch Đông năm 1972. Qua đó, Hoa Kỳ đã cải thiện quan hệ với Trung Quốc. Vì thế VNCH không còn được Hoa Kỳ coi là tiền đồn trong việc chống lại Trung Cộng bành trướng ở Đông Nam Á Châu nữa. Do đó việc bảo vệ VNCH là điều không còn cần thiết.

***Truyền thông Mỹ khuynh loát tin tức về Chiến Tranh Việt Nam, khiến người dân chống đối mãnh liệt cuộc Chiến Tranh này:**

-Nhiều nhà báo và phóng viên các đài truyền thông Hoa Kỳ đã chỉ trích miền Nam hay VNCH và đề cao tinh thần chiến đấu của quân đội HK, đồng thời đánh giá thấp tinh thần chiến đấu của quân đội VNCH. Hành động này của giới truyền thông Mỹ đã làm gia tăng phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam trên đất Mỹ đến nỗi giới cầm quyền Mỹ phải than vãn rằng: *“Trong khi quân đội HK đã giành được nhiều thắng lợi ở chiến trường Việt Nam, song quân đội HK lại thua quân đội cộng sản trên mặt trận truyền thông ngay trên đất HK.”*

-Sự thất bại về mặt trận truyền thông của quân đội HK trong nội địa nước Mỹ đã được tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng Tham Mưu Trưởng quân đội Cộng Sản Việt Nam viết trên tấm bia đá đặt trước viện bảo tàng Chiến Tranh Việt Nam tại Hà Nội như sau: *“Chúng tôi rất hãnh diện khi được biết giới truyền thông Mỹ đã giúp chúng tôi giành được nhiều thắng lợi trên đất Mỹ nhiều hơn những thắng lợi mà chúng tôi thực sự đã giành được trên chiến trường Việt Nam.”*

***Biến thất bại nhỏ thành thắng lợi:**

-Sau một thời gian khá dài tham chiến ở VN, với sự phản đối của dân chúng ngày càng gia tăng và lan rộng khắp nước Mỹ, nên giới lãnh đạo chớp bu HK đã nhận ra rằng họ không thể kéo dài cuộc chiến tranh này lâu hơn nữa và phải tìm một giải pháp thoát khỏi cuộc chiến tranh này càng sớm càng tốt với điều kiện là giải pháp này không làm HK mất mặt trên trường quốc tế và mang hết tù binh từ Việt Nam về Mỹ. Vào thời gian này Kissinger đang là cố vấn an ninh quốc

gia cho TT Nixon, nên được TT Nixon giao phó cho trọng trách này.

-Vào thời gian này đang có sự tranh chấp vị trí lãnh đạo trong thế giới cộng sản giữa Liên Xô và Trung Quốc, nên Kissinger là người nhìn xa trông rộng, nên đã lợi dụng và khai thác mỗi bất hòa giữa hai quốc gia cộng sản này để chia Thế Giới Cộng Sản thành hai khối riêng biệt: Cộng Sản Trung Quốc và Cộng Sản Liên Xô. Mặt khác Kissinger cũng muốn nhân cơ hội này biến Trung Quốc từ kẻ thù nguy hiểm thành đồng minh thân thiết của HK.

-Để có thể đạt được mục đích thâm kín này, Kissinger đã bí mật gặp Thủ Tướng Chu Ân Lai ở Bắc Kinh vào tháng 7 năm 1971 và TT Nixon đã gặp Chủ Tịch Mao Trạch Đông cũng tại Bắc Kinh vào tháng Hai năm 1972. Trong các cuộc gặp gỡ này Kissinger và Nixon đã trao VNCH cho Trung Quốc để đổi lấy việc Trung Quốc tách ra khỏi khối Thế Giới Cộng Sản và trở thành đồng minh của HK. Nhân cơ hội này quân đội HK có thể rút ra khỏi vùng lầy chiến tranh VN trong hòa bình và danh dự.

Sau tháng 4/1975, tôi biết rất rõ rằng Kissinger là kiến trúc sư của Hiệp Định Hòa Bình Paris 1973. Trong Hiệp Định này Kissinger là kẻ chủ mưu bán đứng VNCH, đất nước thân yêu của tôi cho Trung Quốc. Thực tình mà nói, sau tháng 04/1975, tôi ghét cay ghét đắng Kissinger, vì ông ta chính người đã bức tử VNCH, đất nước thân yêu của tôi. Sau khi Hiệp Định Hòa Bình Paris 1973 được ký kết, Thượng Nghị Sĩ Ronald Regan đã phá biểu rằng:

“Kết thúc một cuộc xung đột không hề đơn giản, không chỉ là tuyên bố chấm dứt rồi trở về nhà. Bởi vì cái giá phải trả cho kiểu hòa bình đó có thể là một nghìn năm tăm tối đối với các thế hệ người Việt Nam sinh ra sau này.”

Tuy nhiên sau 50 năm nhìn lại, tôi không thể không cảm phục Kissinger là người đã có tầm mắt nhìn xa về toàn bộ cục diện thế giới. Kissinger đưa HK ra khỏi vũng lầy Chiến Tranh Việt Nam và văn hồi Hòa Bình Thế Giới một cách khôn ngoan. Kissinger xứng đáng nhận được giải Nobel Hòa Bình. Nhiều người đã cho rằng việc Kissinger bán đứng VNCH cho Trung Cộng vào đầu thập kỷ 1970, được coi là một hành động thả một con cá nhỏ VNCH với 20 triệu dân, để bắt một con cá khổng lồ Trung Quốc với gần một tỷ dân.

Hiện nay lại có nhiều người cho rằng sau khi nắm bắt được Trung Quốc, các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đã không kiểm soát và kiểm chế được sự phát triển của nó. Vì thế ngày nay Trung Quốc đã trở thành một quốc gia giàu mạnh về quân sự lẫn kinh tế vào hàng thứ nhì của thế giới và Trung Quốc đang hăm he chiếm đoạt địa vị thứ nhất của Hoa Kỳ. Vì lẽ đó đã có nhiều người cho rằng Kissinger, một người Mỹ gốc Do Thái, tuy có tầm nhìn xa vào đầu thập niên 1970, nhưng cái tầm nhìn xa ấy đã không đủ xa để thấy được những gì mà Trung Quốc đã có được hiện nay. Rồi đây lịch sử Hoa Kỳ và Thế Giới sẽ quy kết Kissinger là người có công hay có tội với đất nước Hoa Kỳ và Thế Giới?

Chương 10
Ngày Buồn Nhất Trong Đời Tôi



Một bạn trẻ cắc có hỏi tôi: “*Năm nay cụ đã 90 tuổi rồi, theo nhận định riêng của cụ, thì ngày nào trong đời cụ, mà cụ cho là ngày buồn nhất?*”

Không một chút do dự, tôi đáp: “**Ngày 30 tháng 04 năm 1975 là ngày buồn nhất đời tôi**”. Cho đến lúc này (2026), tôi đã bước qua ngưỡng cửa không phải là “thất thập”

mà là “cửu thập” cổ lai hy. Tuy nhiên, mỗi khi kiểm nghiệm lại những ngày buồn trong đời tôi, tôi vẫn thấy ngày 30/04/1975, quả thật là ngày buồn nhất đời tôi. Từ ngày ấy đến nay đã hơn 50 năm trôi qua, song ký ức của tôi về ngày 30/04/1975 dường như vẫn canh cánh trong tôi. Ngày ấy tôi là một sĩ quan của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và đơn vị mà tôi phục vụ là Tỉnh & Tiểu Khu Châu Đốc.

Ngày 30/04/1975 tại thị xã Châu Đốc là một ngày khá đẹp trời. Ánh nắng chan hòa trải dài trên dòng sông Hậu. Chim nhầy nhót liu lo trên những chòm cây. Bướm lượn tung tăng trên những bông hoa. Xe cộ tấp nập ngược xuôi trên con đường Gia Long, song song với dòng sông Hậu, băng ngang qua Tòa Hành Chánh tỉnh, rồi xuyên vào khu phố chợ sầm uất nhất của Thị Xã.

Khoảng 9 giờ sáng hôm ấy, sau một đêm ứng chiến tại nhiệm sở của tôi - Trung Tâm Điều Hợp Bình Định và Phát Triển Tỉnh & Tiểu Khu Châu Đốc trong khuôn viên Tòa Hành Chánh Tỉnh, tôi trở về nhà riêng ở khu cư xá sĩ quan trên đường Gia Long để ăn sáng. Bước vào nhà là tôi mở ngay radio để nghe tin tức chiến sự. Ít phút sau đó, Đài Phát Thanh Sài Gòn thông báo: *“Xin chú ý, xin chú ý, xin đồng bào chú ý! Tổng Thống Dương Văn Minh sẽ ngỏ lời cùng đồng bào. Xin theo dõi...”*

Dựa vào tình hình chiến sự lúc ấy, tôi phỏng đoán vị Tân Tổng Thống cũng là Tân Tổng Tư Lệnh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa sẽ tuyên bố TỔ QUỐC LÂM NGUY, rồi nhân đây kêu gọi toàn dân và toàn quân đoàn kết chiến đấu đến giọt máu cuối cùng. Ngồi vào bàn ăn, vừa ăn vừa chờ đợi đón nhận những lời “gang thép” của vị Tân Tổng Tư Lệnh. Ít phút sau từ chiếc radio phát ra: *“Tổng Thống chính quyền Sài Gòn kêu gọi Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà hạ vũ*

khí, đầu hàng vô điều kiện quân Giải Phóng Miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố, chính quyền Saigon từ trung ương đến địa phương, trao lại cho chính quyền Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam.”

Thật không ngờ lại là lệnh buông súng đầu hàng vô điều kiện, khiến tôi ngẩn ngơ, ngỡ ngàng, hụt hẫng, chói với. Miếng bánh mì tôi đang nhai trong miệng, bỗng mắc nghẹn nơi cuống họng. Miệng tôi lắp bắp: *“Không! không! không thể đầu hàng nhục nhã như thế được”*. Tôi đứng bật dậy, lao đảo bước tới chiếc giường, thấy mình lên đó, đau đớn, buồn bã, vật vã, rã rời.

Khi bố tôi mất vào năm 1957 và mẹ tôi từ trần vào năm 1962, tôi rất buồn, buồn đến nỗi, ngày quên ăn, đêm quên ngủ, nhưng tôi chưa buồn đến nỗi muốn quyên sinh.

Ngày mà người tôi yêu lên xe hoa về nhà chồng, tôi cũng buồn man mác, nhưng chưa buồn nỗi tan tác cả cõi lòng, khiến tôi phải *“mua ngay thuốc chuột uống cho rồi đời”*.

Khi thi tú tài I và II cũng như cử nhân luật I, II và III, tôi cũng hỏng thi đôi ba lần, và mỗi lần hỏng thi tôi cũng buồn lắm, nhưng chưa một lần hỏng thi nào mà tôi coi là “đệ nhất buồn” của đời tôi như cụ Tú Xương đã mô tả khi cụ hỏng thi:

*“Bụng buồn còn muốn nói năng chi
Đệ nhất buồn là cái hỏng thi
Một việc văn chương thôi cũng nhảm
Trăm năm thân thể có ra gì”*

Song vào ngày 30.04.1975, sau khi nghe Tổng Thống Dương Văn Minh hạ lệnh buông súng đầu hàng, tôi buồn ghê gớm, chẳng những buồn đến nỗi tan tác cả cõi lòng, mà còn buồn đến nỗi muốn quyên sinh nữa. Giá hôm ấy tôi ở nhà

một mình, chắc tôi đã kết liễu đời tôi bằng một viên đạn súng Colt 45 mà quân đội VNCH đã cấp phát cho tôi, treo ngay ở đầu giường. Tôi có thừa can đảm cầm khẩu Colt bắn một viên đạn vào đầu mình, nhưng lại thiếu can đảm làm công việc này trước mặt người vợ hiền hòa và ba đứa con còn thơ dại của tôi.

Không buồn làm sao được, khi thấy hàng trăm ngàn người sống ở miền Nam như tôi đã không tiếc xương máu, chiến đấu chống lại Cộng Sản Bắc Việt xâm lăng miền Nam, để bảo vệ nhân dân miền Nam được sống trong tự do, dân chủ, hòa bình và no ấm. Cuộc chiến đấu cao cả của hàng triệu con người quốc gia ấy, trong đó có tôi, đã thất bại trong đấng cay, nhục nhã, tức tưởi, ngậm ngùi. Tất cả những công lao và sự hy sinh to lớn của những người này trong đó có một phần nhỏ nhoi của tôi, bỗng tan biến vào khoảng không như:

*“Dã tràng xe cát biển Đông
Nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì”*

Không buồn sao được, khi nhận ra rằng, cuộc sống của tôi, của vợ con tôi, của bạn bè tôi, của đồng đội tôi, của đồng bào miền Nam thân thương của tôi sắp sửa bước vào một giai đoạn cực kỳ bi thảm.

*Sở dĩ tôi nhận ra được những điều này ngay vào ngày 30.04.1975, không phải vì tôi quá bi quan hay hoang tưởng với hiện tình miền Nam tự do đang sụp đổ trước mắt mà vì những gì chính tai tôi đã nghe, chính mắt tôi đã thấy, và chính gia đình tôi và bà con họ hàng của tôi đã phải gánh chịu, trong suốt thời gian mười năm sống ở Liên Khu Bắc Việt. Vùng này còn được gọi là vùng “kháng chiến chống

Pháp” của của ông Hồ và các đồng chí của ông ở miền Bắc trước năm 1954.

*Tôi đã thấy những gì trong thời gian hơn mười năm sống vừa đi học vừa đi cày dưới những làn bom đạn trong cuộc chiến tranh Pháp Việt ở Liên Khu Bắc Việt mà buồn đến thế?

-Tôi đã thấy, ngay sau khi cướp được chính quyền từ tay người Nhật vào tháng 8/1945, ông Hồ và các đồng chí của ông đã giết một cách không thương tiếc hàng ngàn người mà họ kết tội là chó săn của Nhật, tay sai của Pháp, tay chân của triều đình phong kiến nhà Nguyễn. Trong số này, có những nhà văn, nhà báo, nhà giáo nổi tiếng như Phạm Quỳnh năm 1945, Tạ Thu Thâu năm 1945, Dương Quảng Hàm năm 1946, Khái Hưng năm 1947 v.v...

-Tôi đã thấy ông Hồ và các đồng chí của ông bắt cóc và thủ tiêu hàng nghìn người mà họ coi là thành phần phản động, dưới nhiều hình thức vô cùng dã man tàn ác, như trói chân tay bỏ vào bao bố, hay cột vào một thanh tà-vẹt đường xe lửa, rồi thả xuống dòng sông hay ao hồ.

-Tôi đã thấy, ông Hồ và tay chân của ông bắt bớ, giam cầm và giết hại hàng trăm ngàn người được cho là đảng viên của các đảng phái quốc gia, vì cho họ là một lực lượng cản đường ngăn lối ông Hồ và đảng Cộng sản của ông thực thi chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam. Vì lẽ đó cần phải giết họ sớm chừng nào tốt chừng ấy, để trừ hậu họa.

-Tôi đã thấy, sau khi giành được chiến thắng quân sự ở Điện Biên Phủ, ông Hồ và các đồng chí của ông tin rằng ngày chiến thắng cuối cùng đã gần kề, nên đã cho thực thi ngay cuộc cách mạng ruộng đất: ĐÀO TẬN GỐC, TRÓC TẬN RỄ thành phần TRÍ – PHÚ – ĐỊA – HÀO. Trong cuộc cách mạng ruộng đất “**Trời Long Đất Lở**” này, ông Hồ và

đồng bọn đã giết khoảng hai trăm ngàn Trí, Phú, Địa, Hào và tịch thu hàng triệu mẫu ruộng của họ để chia cho nông dân nghèo. Trong số nạn nhân của cuộc cách mạng ruộng đất này có gia đình tôi và thân nhân của tôi.

-Tôi đã thấy, khi được ông Hồ và đảng Cộng Sản “bổ thí” một vài sào ruộng cướp được của địa chủ, đám nông dân nghèo này hồ hởi, hân hoan, hớn hờ. Song chẳng bao lâu sau khi cây cấy như là **sở hữu chủ** thật sự của mảnh đất ấy, ông Hồ và đảng Cộng Sản lại buộc họ phải “cống nạp” cho Hợp Tác Xã Nông Nghiệp, rồi ban hành sắc lệnh đất đai thuộc quyền sở hữu của tập thể, của toàn dân. Người nông dân nghèo tay trắng lại trở về với trắng tay, rồi trở thành người làm công, làm thuê cho hợp tác xã, tính ngày trả công rẻ mạt, nên phải sống trong cảnh bần hàn đói rách hơn cả những ngày là tá điền cho địa chủ trước đây. Họ đã than thở việc đi làm thuê cho hợp tác xã bằng những lời lẽ vô cùng chua chát và cay đắng:

“Đi làm hợp tác hợp te

Không đủ mua vải mà che cái lờ”

*Sau khi bức màn sắt tại sông Bến Hải được buông xuống, tôi vẫn tiếp tục tìm hiểu những gì đã và đang xảy ra nơi quê cũ của tôi ở miền Bắc, qua những người tỵ nạn, và qua những tên bộ đội cộng sản Bắc Việt hời chánh hoặc bị bắt làm tù binh, nên tôi được biết thêm rằng:

-Ông Hồ và các đồng chí của ông đã áp dụng chế độ hộ khẩu khắc nghiệt trên toàn lãnh thổ miền Bắc để quản lý và kiểm soát khâu sản xuất và phân phối thực phẩm. Từ củ khoai lang đến củ khoai mì, từ hạt bắp đến hạt gạo, từ lạng muối tới cân đường, từ mớ rau đến ký thịt vân vân... đều do đảng và nhà nước nắm độc quyền phân phối và cung cấp cho từng đầu người trong mỗi gia đình. Số lượng thực phẩm được

cung cấp, hay phân phối, hoặc bán cho mỗi nhân khẩu hoàn toàn tùy thuộc vào sự định đoạt của đảng và nhà nước chứ không tùy thuộc vào nhu cầu thật sự của của người tiêu thụ. Vì thế gia đình nào không tuân thủ những mệnh lệnh và chỉ thị của đảng và nhà nước, thì lập tức nhà nước và đảng không cung cấp và phân phối thực phẩm nữa, họ sẽ phải chết đói mà không có lối thoát nào khác.

-Chế độ hộ khẩu đã trở thành một vũ khí vô cùng hữu hiệu của ông Hồ và các đồng chí của ông trong việc ép buộc dân chúng miền Bắc phải triệt để tuân hành tất cả những gì mà đảng cộng sản muốn người dân phải làm. Đảng gọi thì dân phải dạ. Đảng bảo thì dân phải vâng. Một nhà văn miền Bắc đã ví von rằng, người miền Bắc vào những năm tháng ấy tương tự như những con chó ngoan ngoãn một mực tuân theo lời chủ: “*Bảo vẫy đuôi, vẫy; bảo sủa, sủa; bảo cắn, cắn; bảo ăn cỏ, ăn.*”

-Một điều vô cùng đau lòng của người miền Bắc vào thời gian này là, khi con cái của họ đến tuổi nhập ngũ, chính quyền địa phương không cần nhắc nhở, mà bố mẹ của chúng tự động ép buộc con cái họ phải “hăng hái” lên đường đi làm nhiệm vụ, dù họ biết rõ rằng, một khi con cái họ ra đi “đã mấy người trở lại”. Song đó là chuyện “hạ hồi phân giải”. Còn chuyện trước mắt là, nếu con cái họ trốn tránh nhập ngũ thì “sổ mua gạo” sẽ bị Đảng và Nhà Nước cắt ngay tức thì, và cả gia đình già trẻ bé lớn sẽ chết đói.

Vào ngày 30-04-1975, hầu hết những điều mà tôi đã tai nghe mắt thấy về ông Hồ và các đồng chí cộng sản của ông thực thi ở miền Bắc trước và sau năm 1945, đã lướt qua đầu tôi như một cuốn phim chiếu chậm. Hình ảnh, của cuốn phim chiếu chậm này đã bảo tôi rằng, tất cả những đường lối và chính sách mà đảng Cộng Sản Việt Nam đã thực thi ở

miền Bắc sẽ được áp đặt lên đầu nhân dân miền Nam là điều chắc chắn như đinh đóng cột vào những ngày sắp tới.

Do đó tôi tin rằng, vào những ngày sau ngày 30-04-1975, những người có dính líu hay liên hệ với chính quyền Việt Nam Cộng Hòa như tôi và các bạn đồng ngũ của tôi sẽ bị thủ tiêu, giết hại hay bị tổng vào những trại tù cải tạo cho chết dần chết mòn. Vợ con tôi và đồng bào miền Nam tôi sẽ khôn đốn ê-chề và sẽ trở thành những con chó mới của đảng cộng sản Việt Nam. Nói một cách khác là, gia đình tôi và đồng bào miền Nam dưới vĩ tuyến 17 của tôi sẽ bắt đầu bước vào một giai đoạn khôn nạn nhất chưa từng có trong lịch sử trường tồn của dân tộc.

Sau ngày 30.04.75, không ít người từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau, vì nông cạn, ngây ngô, khờ khạo, đui mù, nên đã hồ hởi, hân hoan, hớn hờ, vui mừng đón chào ngày này như một ngày khai hoàn của dân tộc. Đối với tôi, đó là ngày CUỒNG BẠO thắng CHÍ NHÂN, ngày PHI NGHĨA thắng CHÍNH NGHĨA, ngày CHẾ ĐỘ MAN RỘ thắng CHẾ ĐỘ VĂN MINH, ngày NƯỚC MẮT và NHÀ TAN.

Ngày 30.04.1975, đối với những người có lương tri và hiểu biết ở miền Nam cũng như ở miền Bắc không thể nào coi là ngày mà toàn thể dân tộc Việt Nam, sau bao nhiêu năm hy sinh xương máu đã giành lại được độc lập và thống nhất, mà chỉ là ngày đảng Cộng Sản cướp được trọn vẹn nước Việt Nam từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau, sau bao nhiêu năm lợi dụng chiêu bài chống Mỹ để khai thác lòng yêu nước mù quáng và vắt ép cạn kiệt xương máu của người dân Việt để hoàn tất cuộc cách mạng dân tộc và đưa Việt Nam vào quỹ đạo Cộng Sản Quốc Tế. Nói một cách khác, ngày 30.04.1975 chỉ là ngày mà những tên Cộng Sản Việt

Nam đã làm tròn được phân nửa bổn phận tay sai của chúng, đối với Cộng Sản Quốc Tế.

*Ngày mà những tên Việt Cộng hồ hởi, hân hoan dự dỗ một đám con nít, và một đám người lớn “mù lòa” xuống đường phổ hoan ca: “*Như có bác Hồ trong ngày vui đại thắng*” là ngày tôi đau đớn, đóng cửa ngòi khóc thầm cho số phận hẩm hiu đen như mồm chó của cá nhân tôi, của gia đình tôi và đồng bào miền Nam của tôi và của cả dân tộc tôi.

*Sự kiện 30/04/1975 đã xảy ra khi tôi vừa tròn 40 tuổi. Sau sự kiện này, cũng đã có nhiều ngày buồn khác đến với tôi, song thật sự tôi thấy chưa có một ngày buồn nào mà tôi buồn hơn ngày 30/04/1975.

*Tuy nhiên đã có một ngày mà tôi không mong đợi nó đến, song nó đã đến với tôi, đó là ngày **05/09/2018**, ngày mà nhà tôi vĩnh viễn ra đi. Ngày hôm ấy, tôi cảm thấy buồn lắm, buồn hụt hẫng như đã mất đi một nửa cuộc đời. Nỗi buồn của tôi vào ngày 05/09/2018, không thuần túy là buồn vì đã mất đi người vợ đầu gối, tay ấp trong thời gian hơn 50 năm trời, mà còn buồn vì đã mất đi một người vợ ân tình với hai bàn tay trắng, sau ngày 30/04/1975, đã tàn tảo, ngược xuôi nuôi 3 con còn nhỏ dại khôn lớn và nuôi chồng sống sót sau nhiều năm bị tù đầy trong các trại tù cải tạo lao động khổ sai của cộng sản. Nếu nhà tôi không phải là một người phụ nữ can đảm đã hy sinh cả cuộc đời cho chồng, cho con, có lẽ sau tháng Tư năm 1975, các con tôi đã phải sống cầu bơ cầu bất nơi đầu đường xó chợ, và bản thân tôi đã chết mất xác trong một trại tù cải tạo nào đó nằm rải rác trong vùng rừng thiêng nước độc từ miền Nam tới miền Trung.

Khi viết về sự hy sinh khổ cực cho chồng cho con của nhà tôi, tôi không thể không nhắc tới một đoạn trong bài

thơ có tựa đề là “**Cô Gái Việt Nam Ơi**” của thi sĩ Hồ Dzếnh, nguyên văn như sau:

*Cô gái Việt Nam ơi!
Nếu chữ hy sinh có ở đời
Tôi muốn nạm vàng muôn khổ cực
Cho lòng cô gái Việt Nam tươi*

Có lẽ vì sự hy sinh cao thượng của nhà tôi, mà tôi tưởng là nỗi buồn của tôi vào ngày 05/09/2018 lớn hơn nỗi của tôi vào ngày 30/04/1975. Song trong thực tế nó đã không xảy ra như thế. Ngày mà nhà tôi qua đời thực sự chỉ là ngày buồn to lớn của riêng tôi, các con của tôi và của các anh chị em ruột nhà tôi..., mà không phải là nỗi buồn chung của cả một dân tộc trong đó có tôi, các con cháu của tôi, và bà con họ hàng của tôi cũng như của nhà tôi. Nói khác đi, **ngày 30/04/1975 vẫn là ngày buồn nhất của đời tôi.**

Chương 11

Những Trại Tù Cải Tạo

Đã In Dấu Chân Tôi

Sau ngày 30/04/1975, hầu hết các sĩ quan thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa từ cấp thiếu úy trở lên đều bị Cộng Sản Bắc Việt tổng vào các Trại Tù Cải Tạo rải rác từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau. Một trong số các sĩ quan đó có tôi. Dưới đây là những trại tù cải tạo đã lần lượt in dấu chân tôi:

-TRUNG TÂM CẢI HUẤN CHÂU ĐỐC

Trại tù cải tạo đầu tiên, mà tôi “hân hạnh” được “mời” vào, là Trung Tâm Cải Huấn Châu Đốc. Hôm ấy là ngày 09-05-1975, Ủy Ban Quân Quản huyện Châu Phú, cho mời tất cả sĩ quan “ngụy quân” của tiểu khu Châu Đốc, từ cấp Thiếu Úy trở lên tới họp tại trại Thượng Đăng Lễ, và tất cả các viên chức “ngụy quyền” từ cấp trưởng phòng và chủ sự trở lên của tỉnh Châu Đốc, tới họp tại Tòa Hành Chánh vào lúc 2 giờ chiều để nghe phổ biến lệnh mới. Vì Trung Tâm Điều Hợp Bình Định Phát Triển của tôi là một cơ cấu

chàng hăng giữa Tỉnh và Tiểu Khu nên tôi có thể tới họp chỗ nào cũng được, nên tôi chọn Tòa Hành Chánh Tỉnh cho gần nhà.

Tại phòng họp trong Tòa Hành Chánh, sau một vài thủ tục thường lệ, một thành viên của Ủy Ban Quân Quản bước tới bục thuyết trình, rồi cho biết là dân chúng đang chuẩn bị nổi dậy để trả thù chúng tôi, vì trước đây chúng tôi đã gây ra vô vàn tội ác cho họ. Vì thế sinh mệnh của đám ngụy quân và ngụy quyền chúng tôi đang bị đe dọa trầm trọng. Song vì chính sách khoan hồng của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, nên Ủy Ban Quân Quản có nhiệm vụ phải **bảo vệ sinh mạng** chúng tôi.

Trong lúc chúng tôi còn ngơ ngác vì chưa hiểu sẽ được bảo vệ dưới hình thức nào, thì được yêu cầu đứng dậy, theo hàng một bước ra khỏi phòng họp, rồi đi theo một lối đi bắt buộc giữa hai hàng bộ đội “dàn chào” với súng cầm tay có gắn lưỡi lê và đạn đã lên nòng. Đi quanh co theo hàng rào “danh dự” chỉ ít phút sau, chúng tôi bước vào một tòa nhà đá lớn, và trên cổng vào có hàng chữ đen nổi bật trên nền vàng TRUNG TÂM CẢI HUẤN CHÂU ĐỐC (TTCH/CD). Khoảng 15 phút sau, các vị sĩ quan tiểu khu được mời tới họp tại trại Thượng Đẳng Lễ cũng được đưa đến nơi này để hội ngộ với chúng tôi.

Khi cánh cổng sắt của Trung Tâm này khóa lại, thì cũng là lúc mặt trời đã xế bóng; chúng tôi đứng tùm năm, tùm ba với nhau trong sân, bàn tán xôn xao và tiên đoán về những gì sẽ xảy ra cho chúng tôi vào những ngày sắp tới. Cho tới lúc này chúng tôi mới hiểu được đầy đủ ý nghĩa của cụm từ “bảo vệ sinh mạng” mang đầy tính chất nhân đạo và

cao thượng mà một thành viên của UBQQ đã nói với chúng tôi trong buổi họp.

Khi những tia nắng cuối cùng không còn vắt ngang trên vòm trời được bao bọc bởi những bức tường đá dày và cao của Trung Tâm Cải Huấn nữa, chúng tôi được lừa vào phòng giam, rồi cửa được khóa lại ngay tức khắc. Bước qua chiếc cửa duy nhất khá rộng của phòng giam, là chúng tôi phải đương đầu ngay với hàng ngàn chi muỗi cái đang phục kích trong phòng giam xông ra tấn công chúng tôi như bão táp bằng chiến thuật biển muỗi. Tất cả những chỗ da thịt của chúng tôi không được quần áo che phủ đều bị tràn ngập bởi các chi muỗi cái. Tuy những bàn tay thô bạo của chúng tôi đã giáng trả những đòn phản công mãnh liệt nhưng cũng không hề làm chùn bước được đám giặc muỗi cái hung hãn này.

Bước qua cửa phòng giam là bước vào một lối đi hẹp ngăn cách bức tường phía trước với nền phòng giam. Khoảng giữa bức tường phía sau phòng giam có một khung cửa hẹp chỉ vừa đủ cho một người ra vào. Đó là chiếc cầu tiêu duy nhất trong phòng giam này. Tuy nhà tù đã bỏ trống cả tuần lễ rồi, song mùi hôi thối của phân và nước tiểu trong nhà cầu vẫn bốc ra không kém phần nồng nặc. Ngồi hay nằm thành những nhóm nhỏ trên nền nhà nhor nhóp, chúng tôi tiếp tục bàn tán về tương lai đen như mồm chó đang chờ đón chúng vào những ngày sắp tới.

Càng về khuya, tiếng bàn tán càng giảm dần. Một vài bạn trẻ vô tư đã chìm vào những giấc ngủ lè loi. Những tiếng động của toán du kích canh gác bên ngoài phòng giam, vẫn lọt vào tai chúng tôi lúc nhật, lúc thưa. Khoảng một giờ khuya, dường như cổng TTCH được mở ra, vì chúng tôi nghe thấy tiếng khung sắt cọ sát vào nền xi-măng kêu ken két, tuy

không lớn lắm, nhưng cũng đủ phá vỡ màn đêm tĩnh mịch nơi trại giam. Một lát sau, chúng tôi lại nghe thấy những tiếng lẹp xẹp, được phát ra từ những đôi dép râu mỗi lúc một gần, rồi bỗng ngừng lại ngay trước cửa phòng giam. Tiếng mở khóa lách cách. Tiếng then cửa cọ vào những khoen sắt kéo kẹt. Tiếng lưỡi lê lấp vào đầu súng lách cách. Tiếng đạn lên nòng lạch cạch. Rồi cánh cửa nhà giam từ từ hé mở. Một hòng súng đen ngòm chìa vô. Một tiếng nói khô khan cất lên: *“Ai nằm đâu, nằm đó, không được nhúc nhích, bất tuân sẽ bị bắn bỏ”*

Sau mấy giây đồng hồ im phăng phắc, dường như để kiểm tra và tin chắc rằng không một thằng Ngụy Quân hay Ngụy Quyền nào dám hó hé cả, cửa phòng giam được mở rộng hơn và hai chú du kích bước hẳn vào lối đi. Súng cấp bên hông, nòng súng có gắn lưỡi lê chìa thẳng vào thân hình đám ngụy quân và ngụy quyền đang nằm ngổn ngang trên nền nhà. Bốn con mắt lướt nhanh từ đầu phòng đến cuối phòng, dường như muốn tính toán xem nên bắt đầu nổ súng từ một hướng nào đó, để có thể bắn xâu tảo giết được nhiều người nhất và nhanh nhất. Một lần nữa, giọng khô khan lại cất lên: *“Ai nằm đâu nằm đó. Nhúc nhích tui bắn ráng chịu nghe!”*

Không một tiếng động nào, dù nhỏ bé, từ đám tù nhân được phát ra, ngay cả những tiếng thở bình thường dường như cũng được cố hãm lại cho nhỏ bớt đi. Không khí yên lặng đến ngột ngạt bao trùm toàn bộ phòng giam, khiến người ta có thể nghe được cả tiếng vo ve của mấy chị muỗi trong phòng giam phát ra và tiếng than thở của giun, dế từ bên ngoài vọng vào.

Một trong hai chú du kích, dù là đã quá nửa đêm, nhưng vẫn đội chiếc nón tai bèo nghiêng nghiêng trên đầu,

đường như muốn tỏ cho đám tù nhân biết rằng, ta đây là du kích thứ thiệt, chứ không phải thứ giả cầy 30/4, cất tiếng oai vệ hỏi:

-Ai là Trưởng Ty Nội An đứng lên?

Trong tổ chức chính quyền cấp tỉnh của VNCH, mỗi tỉnh có một cơ cấu gọi là Hội Đồng An Ninh Tỉnh, chuyên phạt tù những tên Cộng Sản nằm vùng bị bắt mà không cần phải đưa ra trước toà xét xử. Tỉnh Trưởng là Chủ Tịch, Trưởng Ty Nội An là Tổng Thư Ký, còn các cơ quan khác như Trung Tâm Điều hợp, Trung Tâm Phụng Hoàng, Phòng Nhì Tiểu khu, Tỉnh Đoàn Cán Bộ Xây Dựng Nông Thôn...là hội viên thường trực. Tổng Thư Ký Hội Đồng An Ninh Tỉnh là nhân vật nắm toàn bộ hồ sơ và toàn quyền sắp xếp đưa những kẻ đã bị bắt và đang bị giam giữ vì tình nghi là hạ tầng cơ sở của Việt Cộng ra trước những phiên họp của Hội Đồng để xét xử và ông Trịnh Xuân Đồng đang giữ chức vụ này. Một khi có đủ nguồn tin từ ba thành viên khác nhau của Hội Đồng, là kẻ tình nghi có thể bị Hội Đồng An Ninh tuyên án từ 6 tháng đến ba năm tù ở. Với vai trò quan trọng như thế, nên Trưởng Ty Nội An bị Việt Cộng lên án là một trong những tên ác ôn nhất trong cơ cấu quyền lực ở cấp tỉnh. Vì lẽ đó, nên khi nghe tên du kích kêu tên Trưởng Ty Nội An, là hầu hết anh em chúng tôi đều lo lắng cho số phận của ông Đồng, và cũng đều nghĩ rằng hai tên du kích được lệnh vào nhà giam bắt ông Đồng đem đi thủ tiêu.

Năm mươi giây sau, vẫn chưa thấy người được gọi là Trưởng Ty Nội An đứng lên, tên du kích đội nón tai bèo lại một lần nữa đồng dục:

-Ai là Trưởng Ty Nội An đứng lên ngay?

Từ cuối phòng giam, một người mập mạp, khá thấp, hai tay chống đầu gối dường như đang cố gắng lấy hết can đảm để đứng dậy:

- *D a a, d a a a tôi.*

- *Có phải anh là Trịnh Xuân Đồng không?*

- *Dạ dạ phải.*

Một vật đen đen to hơn trái bưởi được ném thẳng về phía ông Đồng, thoát trông, ai cũng tưởng là một gói chất nổ ném tới để kết liễu cuộc đời của một tên “ngụy quyền ác ôn” nhất tinh Châu Đốc. Nhưng ngay sau đó, chú du kích hạ giọng:

- *Đây là cái mùng, vợ anh gửi cho anh!*

Sau đó, cả hai đều vội vàng rút ra ngoài và khoá cửa lại. Những tiếng thờ bị nén lại trước đây được tự do thoát ra ngoài ì xèo; ông TXĐ hỏn hển nói:

- *Đù mẹ! Con vợ tui nó hại tui. Nó làm tôi muốn rụng tim!*

Cả phòng giam cùng cất tiếng cười ồ, đó là tiếng cười đầu tiên mà chúng tôi có được kể từ khi bước chân vào nhà tù này. Tiếng cười đó cũng đã giúp cho một số đồng chúng tôi tạm thời quên được nỗi buồn hiện tại, và tìm được một giấc ngủ muộn màng, hầu phục hồi được đôi chút sinh lực để đón chờ tương lai “đen như mồm chó” đang chờ đợi chúng tôi ở phía trước.

Sáng ngày hôm sau, chúng tôi được yêu cầu bầu một vị đại diện, để tiện việc liên hệ với UBQQ. Người được bầu làm đại diện là Thiếu Tá Triệu, một người nho nhã thuộc Phòng Tâm Lý Chiến Tiểu Khu trước đây. Nghe đâu ông Triệu có một người anh hay em gì đó đã thoát ly theo VC từ lâu. Trong những ngày đầu bị giam giữ, ngoài các công việc liên hệ lật vật, vị đại diện của chúng tôi, đã làm được một

việc rất ư là ngoạn mục và đáng khâm phục. Ông xin giấy, xin vải, mượn kéo ... rồi kêu gọi một vài tù nhân khéo tay tụ lại, để cắt và dán một tấm biểu ngữ lớn khá đẹp: “HỒ CHỦ TỊCH VĨ ĐẠI SỐNG MÃI TRONG SỰ NGHIỆP CỦA CHÚNG TA”.

Sau khi tác phẩm “văn hóa và nghệ thuật” này hoàn tất, ông Triệu đem treo vào một chỗ trang trọng nhất trong Trung Tâm Cải Huấn Châu Đốc. Nếu tấm biểu ngữ này được treo trong một nhà hội của các đảng viên cộng sản thì rất thích hợp. Song trớ trêu thay, nó lại treo trong một nhà tù toàn là ngục quân và ngục quyền và SỰ NGHIỆP VĨ ĐẠI của đám ngục quân và ngục quyền này là “làm chó săn cho Đế Quốc Mỹ”. Phải chăng ông thiếu tá phòng Tâm Lý Chiến của Tiểu Khu Châu Đốc muốn nâng bi ông Hồ, nhưng lại nâng không đúng chỗ, hoặc muốn chơi xỏ lãnh tụ cao cấp nhất của đám Việt Cộng từ rừng sâu mới xâm nhập vào thị xã Châu Đốc?

Một vài thành viên của UBQQ có lẽ vì ít học nên không nhận ra được điều nghịch lý này, nên ngắm nghía tấm biểu ngữ và tỏ ra rất hài lòng. Tuy nhiên, chỉ trong một thời gian ngắn sau đó, một thành viên của UBQQ khác, có lẽ có đôi chút học thức, vào thăm nhà tù, nhìn thấy tấm biểu ngữ, liền nổi giận lôi đình, to tiếng mắng chửi tù nhân, rồi bắt tháo gỡ ngay tức khắc.

Cũng từ nhà tù này, vào một buổi chiều không xa ngày 30/04 là bao, chúng tôi bỗng nghe thấy nhiều loạt AK47 từ bên ngoài vọng vào. Vài ngày sau, khi một vài bạn tù được thân nhân thăm gặp, chúng tôi mới biết tin là, UBQQ huyện Châu Phú đã lập Tòa Án Nhân Dân ở sân vận động, và đã tuyên án tử hình Dân Biểu Huỳnh Văn Lầu và Trung Ủy Bảo. Những tiếng súng, mà chúng tôi nghe được, là

những loạt đạn đã kết liễu hai vị anh hùng khả kính, Trung Ủy Bảo và Dân Biểu Lầu ở sân bay Châu Đốc.

-TRÀ NÓC CẦN THƠ

Sau một thời gian giam giữ ở TTCH/CD chúng tôi được UBQQ cho biết là, sẽ được đưa đi một nơi khác để học tập về đường lối và chính sách của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, và còn căn dặn thêm là, phải chuẩn bị đầy đủ giấy bút, mừng mền, chiếu gối và lương thực hay tiền bạc đủ dùng cho một tháng trời. Đồng thời chúng tôi cũng được phép viết thư cho gia đình vào thăm gặp và tiếp tế những thứ ấy, để mang theo tới chỗ học tập mới. Song họ không cho biết chỗ học tập mới ở đâu và chúng tôi sẽ ra sao sau một tháng học tập ấy. Nhiều người trong chúng tôi đã lạc quan nghĩ rằng, sẽ được tha về.

Vài tuần sau, một đoàn xe vận tải gồm GMC và Molotova cùng binh lính hộ tống tới bốc tất cả các sĩ quan từ cấp Thiếu Tá trở lên. Rồi một vài ngày sau, đoàn xe này trở lại bốc đi tất cả các sĩ quan cấp Đại Úy, trong đó có tôi. Khi đoàn xe ra đến gần cổng Tòa Hành Chánh Tỉnh, chúng tôi thấy rất đông người đứng lố nhố hai bên vệ đường. Thoạt đầu, chúng tôi nghĩ đó là đám người được gọi là quần chúng phần nộ sục sôi, được UBQQ gọi đến để tiễn biệt chúng tôi bằng một màn gạch đá, nhưng khi đến gần hơn một chút, mới nhận ra đó là thân nhân và bạn bè của chúng tôi đang đứng đợi để tiễn đưa chúng tôi đi về một phương trời vô định nào đó. Những cánh tay giơ lên vẫy vẫy đón chào, và những bộ mặt tươi cười hơn hờ vì được gặp lại nhau sau nhiều ngày xa cách. Rồi cũng liền sau đó, cũng những bộ mặt ấy đã méo xệch, méo máo cùng với những giọt nước mắt lã chã tuôn rơi. Thoáng nhìn thấy nhau, rồi lại xa cách nhau không biết đến bao giờ, và cũng có thể đây là lần cuối cùng được nhìn

thấy nhau. Nhìn những bộ mặt thiếu não ấy thật khó biết được “*lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai*”.

Sau nhiều tiếng đồng hồ, đoàn xe chạy ngang qua thành phố Long Xuyên, thị trấn Thốt Nốt, thị trấn Ô Môn, rồi chạy vào một căn cứ quân sự của “ngụy quân” trước đây ở Trà Nóc. Nhiều người trong chúng tôi cho biết đó là hậu cứ của Trung Đoàn 33, Sư Đoàn 21 Bộ Binh.

Khi đoàn xe dừng lại trong sân của hậu cứ này, chúng tôi thấy cảnh hoang tàn đổ nát đường như mới xảy ra rất gần đây thôi. Một số lớn những dãy nhà tôn của trại gia binh này bị sập, những viên gạch bể, những miếng tôn cong queo, những thanh cây gãy nát vẫn còn nằm rải rác khắp đó đây. Những dãy nhà còn lại, tuy vẫn đứng thi gan cùng tuế nguyệt, song với những bức tường xiêu vẹo, với những mái nhà tôn tróc nóc. Xa xa trong những dãy nhà còn đứng vững, ló nhô nhiều người qua lại, và lác đác có một vài người mang băng cứu thương trắng toát trên đầu, trên mặt, trên ngực hay trên cánh tay.

Chúng tôi được lệnh xuống xe, mang theo tất cả đồ đạc cá nhân, và cứ 10 người ghép thành một tổ, chiếm một căn phòng trong những dãy nhà trống còn lại và được cho biết đây là nơi trú ngụ trong thời gian học tập. Sau khi dọn dẹp gạch bể và quét tước đất cát và bụi bặm, rồi chia nhau chỗ nằm. Một vài người đang cư trú trong những dãy nhà kế cận cũng đã mò tới thăm hỏi, nên được biết họ cũng đều là sĩ quan “ngụy”, cấp bậc đại úy, từ một vài Tiểu Khu khác thuộc Quân Khu IV cũ đã được áp giải đến đây ba bốn ngày trước đó. Họ cũng cho biết thêm là hai ngày trước, Kho Đạn ở khu vực kế cận đã bốc cháy và những tiếng nổ khủng khiếp đã phát ra, khiến nhà cửa trong khu vực này tan hoang, nhiều người trong bọn họ đã bị gạch đè hay bị tôn chém và nhiều

người khác bị thương nặng đã được gửi đi bệnh viện chữa trị.

Ít ngày sau đó chúng tôi bắt đầu công việc thu dọn doanh trại và thiết lập hội trường để chuẩn bị học tập. Một tháng trời trôi qua, tiền ảm thực mà chúng tôi đã nộp cho trại tính ra đã hết và một hội trường lớn cũng sắp hoàn thành, song việc học tập vẫn chưa thấy nhúc nhích. Một số trong anh em chúng tôi đã đề cập vấn đề này với cán bộ trại và được giải thích là cứ an tâm, và trước sau gì chúng tôi cũng sẽ được học tập về đường lối và chính sách của Đảng và Chính Phủ. Chúng tôi cũng được giải thích thêm rằng, số tiền và gạo một tháng mà chúng tôi đã đóng góp cho trại, chỉ là tiền ảm thực cho thời gian đầu, khi trại chưa có đủ điều kiện cung ứng, và cứ yên tâm, trại không bắt gia đình các anh phải đóng thêm nữa đâu mà lo.

Vào dịp này, một vài người trong chúng tôi cũng đã đề cập với cán bộ của trại về thời gian học tập. Một số cán bộ thẳng thắn trả lời là không biết rõ. Một số khác lại trả lời lấp lửng nước đôi rằng: *“Thời gian học tập không dài lắm và cũng không ngắn lắm”*. Song cũng có những cán bộ trả lời huych toẹt rằng: *“Các anh là sĩ quan của ngụy quân, một thành phần đánh phá cách mạng điên cuồng, đều đáng tội tử hình, song vì chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà Nước, nên các anh chỉ phải đi học tập cải tạo mà thôi. Cải tạo không có nghĩa là đi tù mà là đi học để nhận ra những sai lầm của mình và học để trở thành những công dân lương thiện sau này. Đồng thời để hiểu thêm về đường lối và chính sách của Đảng và Nhà Nước. Sau khi gặt hái được những tiến bộ cần thiết, các anh sẽ được cho về sum họp với gia đình, vì thế thời gian học tập cải tạo không thể đóng khung vào một thời gian nhất định nào cả, mà tùy thuộc vào sự tiến*

bộ mà các anh đạt được trong quá trình học tập cải tạo tư tưởng và lao động sản xuất.”

Cuối cùng thì chúng tôi được gọi lên hội trường để học tập, các bài học được mang ra để giảng dạy và nhồi nhét vào đầu cho chúng gồm những đề tài sau đây:

-Đế Quốc Mỹ xâm lăng Việt Nam

-Chính phủ VNCH là tay sai của đế quốc Mỹ

-Quân đội VNCH là công cụ của Chính phủ VNCH

-Đế quốc Mỹ là con đĩa hai vôi, một vôi hút máu nhân dân trong nước, một vôi hút máu nhân dân nước

-Đánh cho Mỹ cút đánh cho Ngụy nhào

-Đảng Cộng Sản Việt Nam là nhân tố dẫn đến thắng lợi

-Chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà Nước đối với ngụy quân và ngụy quyền.

-Lao động là vinh quang

-Bốn phận hiện tại của Ngụy quân và ngụy quyền

Mỗi bài học tùy theo dài ngắn thường được cán bộ chính trị thuyết trình từ 4 giờ đến 2 ngày tại hội trường, rồi tù nhân cải tạo trở về trại chia thành từng toán nhỏ độ 9 hay 10 người để học chung với nhau. Trước hết là mỗi người phải đào sâu suy nghĩ một cách riêng rẽ, kể đến là thảo luận chung với nhau cho đến khi nào vấn đề được thông suốt. Sau đó là phần tự kiểm thảo và kiểm thảo với sự chứng kiến của cán bộ trại. Cuối cùng là phần liên hệ những bài đã học với bản thân để viết tự kiểm.

Trong tự kiểm, tù nhân phải kê khai tất cả những công việc mà mình đã làm trước tháng 4/75, rồi suy diễn những công việc ấy thành những tội lỗi “trời không dung đất không tha” đối với cách mạng, đồng thời phải tỏ ra hết sức ăn năn hối cải để xin Đảng và Nhà Nước khoan hồng. Bản

kiểm điểm được coi là bản thú tội, phải nộp cho cán bộ trại phán xét. Cũng trong thời gian này chúng tôi phải khai đi khai lại lý lịch rất nhiều lần và cứ mỗi lần tìm thấy sự khác biệt trong những bản khai lý lịch hay điều gì mờ ám trong bản tự kiểm là cải tạo viên được mời lên “làm việc” với cán bộ.

Có rất nhiều tù nhân phải viết đi viết lại bản tự kiểm, nhiều người trước đây phục vụ trong ngành quân bưu, quân y, tuyên úy v.v... của chính quyền cũ đã khai trong bản tự kiểm rằng công việc trước tháng 4/75 của họ không hề đụng chạm, hoặc cản trở, hay làm gì thiệt hại cho cách mạng cả, nên tự khai là vô tội và xin sớm được về sum họp với gia đình.

Hầu hết những người này chẳng những được gọi lên làm việc mà còn bị kết tội là man khai nữa. Cán bộ trại giảng giải cho họ biết rằng hễ đã đứng trong hàng ngũ Ngụy Quân là đều đắc tội với cách mạng và nhân dân, vì thế các sĩ quan tuyên úy phải thú nhận là đã thần thánh hóa cuộc chiến để nâng cao tinh thần chiến đấu cho đám ngụy quân. Các sĩ quan chiến tranh tâm lý phải thú nhận là đã tuyên truyền, đầu độc để thúc đẩy đám ngụy quân chém giết bộ đội cách mạng một cách điên cuồng. Các sĩ quan quân y phải thú nhận là họ đã chữa cho đám ngụy quân bị thương tật mau chóng lành mạnh để sớm trở lại chiến trường, và còn là chỗ dựa tinh thần cho đám ngụy quân hăng say chém giết bộ đội cách mạng. Các sĩ quan quân bưu phải thú nhận là đã mang đến những món ăn tinh thần từ hậu phương đến tiền tuyến hầu giúp cho đám ngụy quân an tâm và hăng say chiến đấu v.v... Nói tóm lại, theo sự hướng dẫn của cán bộ, thì không một người nào trong hàng ngũ ngụy quân mà không phạm trọng tội cả.

Một trong số những cải tạo viên ở trại cải tạo Trà Nóc, khi viết bản tự kiểm đã tự cho là mình không có tội tình gì với cách mạng cả, là một Bác Sĩ ngành sản khoa, bác sĩ Sang. Do đó, bác sĩ Sang được mời lên làm việc với một cán bộ của trại là Trung Úy Lộng. Sau đây là nội dung mẫu đối thoại giữa trung úy Lộng và bác sĩ Sang:

-Anh Sang, trước tháng 4/75 anh làm gì trong bộ máy nguy quân?

-Thưa! Tôi là bác sĩ sản khoa!

-Là bác sĩ sản khoa mà anh dám khai trong bản tự kiểm của anh là anh không có tội tình gì với cách mạng, thế là thế nào?

-Dạ thưa cán bộ, trước 30/04/1975, thật sự tôi không hề làm bất cứ điều gì có hại cho cách mạng cả.

-Anh nghĩ là chúng tôi dốt lắm phải không? Sản khoa có nghĩa là anh thuộc ngành chuyên môn đi kiểm kê tài sản của dân chúng để tịch thu chứ gì. Tội của anh đối với nhân dân rành rành và to lớn đáng xử tử mà anh còn ngoan cố chối cãi nữa hả.

-Dạ dạ dạ... Không không không ... Tôi không có đi kiểm kê và tịch thu tài sản của ai đâu, mà chỉ đi đỡ đẻ cho vợ binh sĩ mà thôi!

-Đỡ đẻ thì anh khai đỡ đẻ mẹ nó cho rồi lại còn bày vẽ sản khoa với sản khiết.

Trong thời gian học tập, theo lời giảng huấn của các giảng viên, cải tạo viên càng thú nhận nhiều tội lỗi bao nhiêu, thì càng được coi là tiến bộ nhiều bấy nhiêu, và càng tiến bộ nhiều bao nhiêu thì càng hy vọng được Đảng và Nhà Nước cho về sum họp với gia đình sớm bấy nhiêu. Cán bộ giảng huấn chính và cao cấp nhất của trại cải tạo Trà Nóc lúc bấy giờ là Ba Song, Trung Tá Chính Ủy. Cũng như hầu hết

những tên chính ủy các cấp trong quân đội cộng sản, Ba Song ăn nói rất lưu loát, song căn bản vẫn chỉ là một tên ít học nhưng rất bẻm mép. Mỗi khi thuyết trình trên bục giảng thì hẳn thường thường thao thao bất tuyệt và nếu không để ý người ta khó có thể nhận ra trình độ học vấn thấp kém của hắn. Nhưng cái kim dù có giấu giếm rất kỹ trong bọc vải đi nữa, song lâu ngày cũng lòi ra. Vì lẽ đó, Ba Song dù khôn khéo đến đâu đi nữa cũng không thể giấu giếm mãi cái dốt của hắn được. Trong thời gian giảng huấn ở trại cải tạo Trà Nóc, một hôm hắn ta cao hứng khoác lác về sự tài giỏi của Bộ Đội Tên Lửa Cộng Sản Bắc Việt:

“Cứ mười tên lửa của Xô-viết phóng đi, bởi chính các chuyên gia Liên-Xô, cũng chỉ hạ tới đa được 5 hay 6 phi cơ phản lực là cùng. Nhưng khi những tên lửa này viện trợ cho Trung Quốc, các chuyên gia của Quân Đội Nhân Dân Trung Quốc đã sửa đổi lại đôi chút trong bộ phận cơ hành, kiến mười tên lửa phóng đi hạ được từ 7 đến 8 phi cơ của địch. Đến khi những tên lửa này viện trợ cho Quân Đội Nhân Dân Việt Nam trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước, Thiếu Tướng Trần Đại Nghĩa lại một lần nữa sửa đổi lại bộ phận cơ hành, khiến 10 tên lửa phóng đi không phải chỉ hạ 10 mà là 11 máy bay phản lực của Mỹ. Sở dĩ 10 tên lửa phóng đi bắn hạ được tới 11 cái máy bay phản lực của Mỹ là vì trong số 10 tên lửa bắn đi có một tên lửa hạ được 2 máy bay phản lực của Mỹ cùng một lúc. Nhờ vậy mà hễ máy bay của Mỹ xâm nhập vào vùng trời của ta là bị bắn hạ như sung.”

Cả hội trường có tới gần 500 sĩ quan VNCH đều ngo ngác và dường như không một ai có thể tin được những lời khoác lác của ông ta. Có lẽ cũng vì biết như thế, nên ông bèn giải thích thêm rằng:

“Như các anh đã biết trong không gian thường có những cái túi chân không rất lớn, khi một chiếc phi cơ bay lọt vào túi chân không này, vì là không có không khí nên chiếc phi cơ bị rút cho tới khi nào gặp lớp không khí ở đáy túi mới ngưng lại và mới bay bình thường trở lại được. Sở dĩ một mũi tên lửa của ta có thể hạ được hai máy bay là vì mũi tên lửa ấy khi bắn ra đã được bộ đội tên lửa tài giỏi của ta tính toán rất kỹ lưỡng để phóng ra ngay vào lúc hai phản lực cơ của đế quốc Mỹ bay vào vị thế trên cùng một đường thẳng đứng với mặt đất, nhưng khác nhau ở độ cao. Ta bắn một tên lửa vào đường thẳng đứng này và cho nổ ở vị trí khoảng giữa hai chiếc phản lực. Khi tên lửa này nổ tuy không bắn trúng một chiếc máy bay nào cả nhưng tạo ra một túi chân không lớn bao trùm cả không phận hai chiếc phi cơ, khiến những tên giặc lái ngay sau khi nghe thấy tiếng nổ kinh hoàng lại thấy phi cơ của mình rút nữa, nên tưởng là phi cơ của họ đã bị trúng đạn rồi, nên vội vàng bấm nút ghé lái để ghé lái có sẵn dù tự động bung ra khỏi phi cơ, vì thế cả hai chiếc phản lực cơ không người lái rơi xuống đất còn nguyên vẹn. Bộ đội ta liền kéo về phi trường để sử dụng lại.”

Đám tù nhân chúng tôi cười thích thú và vỗ tay vang dội, khiến cho Ba Song đứng trên bục giảng cũng hớn hờ ra mặt. Thực ra chúng tôi cười để “tán thưởng” cái tài nói phét của hắn ta mà thôi. Phần đầu những lời viện dẫn của hắn về túi chân không trong không gian có phần nào hợp lý, song phần sau nói về việc bộ đội phòng không tên lửa tính toán và chờ đợi cho tới lúc hai chiếc phản lực bay lượn trong lúc oanh tạc cùng nằm trên một đường thẳng đứng với mặt đất là điều chỉ có trên lý thuyết, song không thể có trong thực tế. Về phương diện lý thuyết, trong túi chân không cục sắt hay quả bóng bay đều mất trọng lượng vì lực nâng không còn

nữa. Biết và hiểu được điều này, Ba Song cũng là loại cán bộ cộng sản có đôi chút kiên thức đấy.

Các cán bộ cấp dưới của Ba Song cũng dốt nát và khoác lác không kém. Họ ca tụng không quân của cộng sản Bắc Việt một cách hết sức ngu dốt không thể nào tưởng tượng được. Họ kiêu hãnh khoe khoang với chúng tôi rằng:

“Bộ đội không quân của chúng tôi lái những chiếc máy bay phản lực MIG tối tân nhất của Liên-Xô bay lẫn vào những đám mây mù dày đặc, rồi tắt máy để động cơ không còn phát tiếng nổ nữa, nằm yên lặng phục kích máy bay của Mỹ. Khi thấy máy bay Mỹ bay ngang qua phi công của ta lập tức mở máy, phóng ra bắn hạ chúng liền. Với chiến thuật phục kích trên mây này không quân của ta đã bắn hạ một cách rất dễ dàng không biết cơ man nào máy bay của đế quốc Mỹ nữa.”

Trong thời gian học tập cải tạo, các cán bộ chính trị của trại này đã cố gắng nhồi nhét vào đầu chúng tôi về đường lối của Đảng và Nhà Nước cùng một mớ lý thuyết và giáo điều của chủ nghĩa cộng sản để cuối cùng họ thuyết phục hay buộc chúng tôi phải đi đến kết luận rằng: Chúng tôi là những tên phản quốc đáng bị xử tử, song nhờ chính sách khoan hồng của bác Hồ và của đảng CSVN, nên chúng tôi được tha chết. Vì lẽ đó chúng tôi phải biết ơn Bác Hồ và đảng CSVN.

Tôi không rõ những tên lý thuyết gia cao cấp của đảng Cộng Sản Việt Nam như Trường Chính, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng v.v... có khả năng thuyết phục người khác đến mức nào? Chứ cái hạng chính ủy cấp Trung Đoàn như Ba Song ở trại cải tạo Trà Nóc, thật sự chẳng thuyết phục được ai trong đám tù cải tạo chúng tôi cả. Trên bục giảng, họ nói như những con vẹt, những gì mà ông Hồ và đảng Cộng Sản đã nhồi nhét vào đầu họ, toàn những lời lẽ

ngu dốt không thể lọt vào lỗ tai được, và nếu nó có lọt được vào lỗ tai này thì nó sẽ chui ra bằng lỗ tai kia ngay thôi.

Có một điều đặc biệt là các cán bộ chính trị của cộng sản, tuy trình độ học vấn và sự hiểu biết rất thấp kém nhưng lại rất tự tin và tự ái rất cao. Họ luôn luôn tin rằng tất cả những gì mà đảng Cộng Sản hay các lãnh tụ của Đảng đã dạy bảo họ đều là chân lý tuyệt đối, nên không cần phải bàn cãi hay suy nghĩ gì nữa, cứ việc học thuộc lòng 100%. Vì tin như thế, nên khi thuyết giảng họ thường hãnh diện viện dẫn, Bác nói thế này. Đảng nói thế kia. Đồng chí Mao Trạch Đông dạy thế này. Đồng chí Staline dạy thế kia, vân vân và vân vân... Đặc biệt khi diễn giảng họ cố gắng moi móc những gì Bác và Đảng đã dạy họ để nhồi nhét vào đầu các cải tạo viên chúng tôi. Một khi bị chê bai là dốt nát hay sai lầm, thì họ vô cùng tức tối, bởi vì những lời giảng giải không phải là ý kiến hay sáng kiến riêng của họ, mà toàn là chân lý do Bác và Đảng đã võ trang cho họ. Chê bai họ dốt nát đồng nghĩa với việc chê bai Bác và Đảng dốt nát vậy.

Ngồi trong lớp học tập cải tạo nghe những lời thuyết giảng ngô nghê, khoác lác, tự hào và kiêu căng của bọn cán bộ cộng sản lúc lúc cứt đá muốn lộn ngược lên đầu, song đại đa số anh em cải tạo chúng tôi phải cắn răng chịu đựng để sống còn. Một vài anh em trong chúng tôi, có lẽ vì quá tức tối hay vì quá hăng say, đã vạch trần những chỗ ngu dốt của chúng và những sai lầm của chủ nghĩa cộng sản, nên đã bị chúng đẩy đoạ và hành hạ cho đến chết.

Trại tập trung cải tạo Trà Nóc là nơi chúng tôi đón xuân Bính Thìn, và cũng là cái Tết đầu tiên của chúng tôi trong tù. Tết nhất mà phải xa nhà là điều bất hạnh cho mọi người, song chúng tôi chẳng những phải xa nhà mà còn phải sống nhục nhã trong cảnh tù tội nữa, nên bất hạnh còn được

nhân lên gấp bội. Để làm cho vui đi phần nào nỗi bất hạnh vào dịp đầu xuân. Vào đêm mùng hai Tết, một số anh em trong các lán quanh lán nhà bếp đã âm thầm tụ lại với nhau trong lán này để hút thuốc, ăn mứt, uống trà, và nâng ly nước lạnh thay chén rượu nồng, mời nhau cạn chén 100% để mừng xuân và chúc Tết lẫn nhau, rồi hát nho nhỏ cho nhau nghe những bài ca tâm tình. Lúc đầu chỉ có vài lán kế cận khu nhà bếp tụ lại với nhau hát hò đón xuân mà thôi, song có lẽ vì “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” nên chẳng mấy chốc các lán ở xa hơn cũng quy tụ lại ở khu này mỗi lúc một đông hơn.

Đêm văn nghệ ĐÓN XUÂN tự phát này, lúc đầu chỉ là loại bỏ túi, nhưng đã mau chóng leo thang thành một đêm văn nghệ tự phát đông đảo. Tuy không kèn trống ồn ào, và không đàn sáo dập dìu, nhưng tiếng hát mộc mạc của những người “hát không hay” và cũng “không hay hát” đã cất lên trong đêm và đã thấm sâu vào tận đáy lòng của những tù nhân xa nhà vào dịp đầu Xuân. Người hát, tuy hát không hay, nhưng đã hát bằng con tim. Người nghe, cũng nghe bằng con tim. Nên cả hai đã cảm thông sâu xa với nhau, đến nỗi tự động ôm nhau nước mắt giàn giụa. Mãi đến gần sáng anh em mới tản mát về lán của mình.

Trong đêm văn nghệ đón Xuân buồn thảm ấy, ngoài những bài ca náo ruột lòng người, chúng tôi đặc biệt còn được nghe một cải tạo viên đóng vai ký giả thể thao Huyền Vũ, trực tiếp truyền thanh về một trận đá banh tưởng tượng đã diễn ra trên một sân cỏ nào đó. Anh ta đã thuyết minh trận cầu tưởng tượng ấy, không thua kém Huyền Vũ thật là bao. Người tù cải tạo thuyết minh này anh Quách Dực Thanh, giảng viên trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt.

Trong thời gian học tập, Bộ Chỉ Huy của trại cải tạo Trà Nóc cũng đã tổ chức một đêm văn nghệ cho cải tạo viên. Trong đêm văn nghệ này các tù cải tạo chỉ được hát những bài hát của cách mạng. Tuy hát không đến nỗi quá dở, nhưng nó gò bó, đơn điệu và nhạt nhẽo, vì người hát không thể cảm thông được nội dung bài ca, thì làm sao có thể truyền cảm cho người nghe được. Đến khoảng gần 10 giờ đêm, Ba Song, trưởng trại bước lên sân khấu khen ngợi tài ca hát của cải tạo viên, rồi hấn bông nổi hứng và bốc đồng cho phép cải tạo viên hát những bài hát do chúng tôi phổ nhạc qua những bài thơ mà chúng được biết sau ngày “giải phóng”. Vào dịp này anh Phạm Trung Cang, (Đại Úy thuộc phòng Tâm Lý Chiến Tiểu Khu Châu Đốc, hiện định cư tại Atlanta, Georgia) đã lên sân khấu vừa đàn vừa hát bài thơ của cụ Phan Khôi do anh phổ nhạc. Nếu tôi nhớ không lầm thì bài thơ ấy như sau:

*“Làm sao cũng chẳng làm sao
Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi
Làm chi cũng chẳng làm chi
Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao*”

Sau nghe xong bài này, mặc dầu mới chưa tới 10 giờ đêm, Ba Song đã vội vã bước lên sân khấu tuyên bố giải tán đêm văn nghệ với lý do là các cải tạo viên cần phải đi ngủ sớm để có thể học tập tốt hơn vào ngày hôm sau. Song lý do đích thực là vì bài thơ của cụ Phan Khôi mà anh Cang phổ nhạc và hát có hàm ý thách đố đối với chính sách cải tạo của Đảng và Nhà Nước đối với các sĩ quan VNCH.

Trong thời gian bị giam giữ ở trại cải tạo Trà Nóc đã có một số anh em trốn trại, có người thoát được, song cũng có người bị bắt lại. Một trong số những người bị bắt lại và bị đưa ra Tòa Án Quân Sự Lưu Động Quân Khu IX xét xử và bị tuyên án tử hình là Trung Úy Trương Văn Tեն, nguyên là

sĩ quan tùy viên của Đại Tá Tỉnh Trưởng An Giang, quê ở xã Vĩnh Xương quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc. Tất cả các cải tạo viên trong trại hôm đó đều phải tham dự phiên tòa này. Vài giờ sau phiên xử, Trung Úy Tեն bị dẫn giải ra một gò đất cao ngoài cánh đồng phía sau trại để hành quyết. Các cải tạo viên trong trại tuy không được chứng kiến cảnh bộ đội Cộng Sản nổ súng trực tiếp vào người Trung Úy Tեն, nhưng đều nghe thấy tiếng nổ của những viên đạn đã kết liễu viên Trung Úy can đảm này.

Hai trong số người trốn trại bị bắt là Đại Úy Nguyễn Huệ Ánh và Đại Úy Nguyễn Văn Bảo, là những người được đưa từ Trung Tâm Cải Huấn Châu Đốc đi Trà Nóc cùng một ngày với kẻ viết bài này. Đ/U Bảo bị bắt ngay sau khi vừa thoát ra khỏi hàng rào thứ nhất và bị còng tay nhốt vào conex cho đến chết. Còn Đ/U Ánh đã thoát ra được ngoài một thời gian dài, mới bị an ninh địa phương bắt giải giao lại cho trại.

Sau thời gian học tập về đường lối và chính sách của Đảng và Nhà Nước, tù cải tạo trại Trà Nóc được chia thành hai nhóm, Nhóm I, gồm các sĩ quan thuộc các đơn vị trực diện chiến đấu với cộng sản như Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, các Sư Đoàn Bộ Binh, Địa Phương Quân cùng các sĩ quan tham mưu thuộc phòng Ba, phòng Nhì Quân Khu và các Tiểu Khu v.v... Nhóm II, gồm những kẻ còn lại, trong đó có kẻ viết bài này. Ngay sau đó, mỗi nhóm được chỉ định cư trú trong hai khu vực riêng rẽ. Khoảng một tuần sau, nhóm I bị đánh thức vào lúc 2 giờ sáng để chuyển trại. Vào lúc đầu, chúng tôi không rõ họ được chuyển đi đâu. Song vài ngày sau đó, khi một số anh em trong nhóm còn lại được gia đình thăm nuôi, chúng tôi mới biết tin họ bị chuyển ra Bắc.

-U MINH HẠ

Ít lâu sau đó, nhóm ở lại được chia ra làm nhiều toán và được đưa đi lao động khổ sai tại các nông trường ở U Minh Hạ. Một tuần lễ trước khi ra đi, chúng tôi được lệnh, mỗi người phải lấy một tấm tôn lợp nhà bằng kẽm bị hư hỏng vào dập nổ kho đạn, đập cho phẳng ra, rồi đóng khung lại thành một chiếc giường cá nhân để mang theo nằm. Toán ra đi đầu tiên trong đó có tôi được đưa ra bờ sông Cần Thơ rồi đôn xuống những chiếc ghe chài. Sau hơn một ngày trời chạy lòng vòng trên các sông rạch miền Tây, đoàn ghe chài chở chúng tôi tới một khúc sông gần cửa biển. Tại đây chúng tôi lại được chuyển sang những chiếc tàu “há mồm”. Sau đó đoàn tàu Há Mồm trực chỉ ra biển Đông. Một người trong nhóm chúng tôi thấy thế bèn thì thầm với anh em rằng: *“Phen này anh em ta có thể được cho đi ‘mò tôm’ dưới đáy biển Đông.”* Câu thì thầm tiên đoán bi quan này cũng đã làm cho nhiều anh em chúng tôi không khỏi lo lắng cho số phận đen tối đang chờ đợi phía trước.

Nhiều tiếng đồng hồ sau, chúng tôi thấy một hòn đảo nhỏ hiện lên ở phía trước. Khi tới gần hòn đảo này, nhiều người trong nhóm chúng tôi nhận ra đó là Hòn Đá Bạc thuộc Mũi Cà Mau. Khi tới sát hòn đảo này đoàn tàu chúng tôi bị đơn vị bộ đội canh giữ tại đây bắn chặn trước mũi tàu để ngăn không cho tiến vào con rạch kế bên. Đơn vị trên đảo và đơn vị trên tàu hầu như không hề có bất kỳ một phương tiện vô tuyến nào để thông tin và liên lạc với nhau. Anh bộ đội có chức vụ và quân hàm cao cấp nhất trên tàu chúng tôi, vội vàng lấy chiếc nón cối đang đội trên đầu, rồi dùng một cây sào đưa chiếc nón cối lên cao, lắc đi lắc lại nhiều lần. Có lẽ là anh ta có ý muốn nói cho những người trên đảo biết rằng: *“Chúng tao cũng là Việt Cộng nón cối đây”*. Liền sau đó một

tên du kích trên đảo cời quần áo lộ ra gần tàu để hỏi thêm những thông tin cần thiết. Sau khi biết tàu chúng tôi là cái giống gì rồi, đoàn tàu được phép tiến vào lòng con rạch, nhưng chỉ đi sâu thêm được khoảng 200 mét nữa thì mắc cạn. Chúng tôi được lệnh đổ bộ cùng với đồ đạc cá nhân. Tuy mực nước biển chỉ cao đến ngang bụng, song bùn lầy bên dưới lớp nước thì khá dày, chỗ mỏng nhất cũng lên tới gần đầu gối, còn thường là trên đầu gối, nên khoảng cách hơn 200 mét lội vào bờ cũng làm cho một số anh em chúng tôi mệt thở hơi tai.

Chúng tôi được lệnh tạm trú qua đêm trong những căn nhà lợp xệp của dân chúng dọc theo hai bên bờ rạch. Đây lần đầu tiên tôi được thưởng thức cảnh “*muối kêu như sáo thổi*” nhưng không có cảnh “*đĩa lèn như bánh canh*” với đầy đủ ý nghĩa của nó. Mặt trời vừa khuất sau chòm cây là muối bay ra đen ngòm dày đặc như một đám mây. Quơ tay một cái là có thể tóm được một nắm muối. Giăng mừng xong, rồi chui vào mừng, hầu như không có cách chi để có thể ngăn chặn được hàng chục chị muối cái lén chui theo vào mừng đòi ngủ chung. Dân cư ở đây giăng mừng rất sớm. Vào lúc chạng vạng tối là vợ chồng con cái dắt díu nhau chui vào mừng ngủ và mãi cho đến sáng bạch, khi vòng vây của muối tan tác hết mới dám mở mừng chui ra. Có sống trong vùng này mới thật sự hiểu được vai trò của muối trong việc nâng cao dân số trong vùng Cà Mau như thế nào. Theo nhà văn Sơn Nam, vì trong vùng có quá nhiều muối, nên vợ chồng và con cái người dân vùng Cà Mau phải chui vào mừng rất sớm và chui ra khỏi mừng rất trễ, vì lẽ đó vợ chồng có quá nhiều thời giờ để hú hí với nhau, nên con cái đầy nhà là lẽ đương nhiên.

Sáng hôm sau vẫn còn là con nước ròng, nên đám tù nhân chúng tôi được sử dụng vào việc kéo những chiếc tàu há mồm từ miệng kinh chạy trên bùn lầy dọc theo lòng kinh tới một một vùng đất cao và khô ráo, tạm dùng làm bến tàu, để bốc dỡ dụng cụ và vật liệu. Sau đó chúng tôi được giao liên dẫn theo đường tắt lội qua các kinh rạch và những cánh đồng sậy và rừng tràm để tới một Nông Trường thuộc ấp Cơi Năm, xã Khánh Hưng B, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nằm trong vùng U Minh Hạ.

Nơi mà chúng tôi được lệnh dừng chân là một vùng đất hoang vu, chỉ có một bờ đất cao bề ngang khoảng ba mét chạy dọc theo một con rạch nhỏ. Trên bờ rạch được trồng chuối sứ. Có lẽ đây là một vùng đất màu mỡ, nên những cây chuối sứ ở đây rất to cao và mập mạp. Sau khi nghỉ ngơi được ít phút, chúng tôi lại được lệnh để lại tất cả đồ đạc cá nhân tại chỗ để đi trở lại bến tàu lấy dụng cụ nông nghiệp cùng vật liệu cất lều trại. Tại bến tàu mỗi người trong chúng tôi phải đóng một cái bè chuối để chắt vật liệu lên, rồi đẩy bè dọc theo lòng kinh rạch trở về chỗ cũ.

Khi vừa trở về tới chỗ cũ, chưa kịp nấu cơm ăn thì trời đã nhá nhem tối và một trận mưa thật lớn ập tới, rồi kéo dài gần như bất tận. Mỗi người trong chúng tôi tranh thủ lấy 2 tấm tôn dựng chéo vào nhau theo chiều dài thành một mái nhà nhỏ thấp và hẹp rồi chui vào ngủ. Nằm trong căn nhà tạm bợ này, tôi có cảm tưởng như nằm trong một chiếc quan tài hình lăng trụ chật hẹp để chuẩn bị mang đi chôn. Một cảm nghĩ chợt đến với tôi là, dường như ông Trời cũng đã đứng về phía Cộng Sản độc ác để hành hạ sĩ quan Quân Lực VNCH chúng tôi. Phần lớn chúng tôi phải chịu lạnh lẽo cùng mưa gió và sấm sét suốt đêm hôm đó.

Một vài ngày sau, mỗi tổ cất xong một căn lều bằng tôn, bề ngang vừa đủ kê chiếc giường dọc theo bờ đất. Sau khi đã có chỗ ăn ở, chúng tôi bắt đầu được chỉ dẫn cách dùng phảng để phát quang những ruộng sậy hay cỏ dại. Vì chưa biết cách dùng phảng thành thạo, nên tiêu chuẩn dành cho mỗi người vào những ngày đầu thật khó hoàn tất được, nhưng chỉ một vài ngày sau quen với việc sử dụng phảng thì việc đạt được chỉ tiêu không mấy khó khăn. Thì giờ còn lại chúng tôi được phép dùng vào việc cải thiện ăn uống. Nhờ trong vùng U-Minh Hạ có khá nhiều rau hoang dã, cá, chuột, rắn v.v... nên chúng tôi không đến nỗi đói khó.

Trong vùng hầu như không có nước ngọt, mà chỉ có một loại nước mưa hòa tan với lá trà trôi rửa, nên có màu nâu đỏ như nước trà, không thể uống hay nấu ăn được. Dân trong vùng dùng nước mưa tích trữ trong những chum vại lớn quanh nhà, còn tù cải tạo chúng tôi phải hện và đợi đôi ba ngày mới có ghe chở nước đến bán. Lúc đầu chúng tôi gọi những ghe này là ghe “bán nước”, nhưng về sau dân địa phương yêu cầu chúng tôi gọi là ghe “đổ nước”.

Sau thời kỳ phát quang lau sậy và cỏ dại chúng tôi được phân công người đi nhổ mạ, kẻ đi cấy lúa. Cách cấy lúa trong vùng Cà Mau hoàn toàn không giống như các nơi khác. Trước khi cấy, nhà nông trong vùng không cần phải cày và bừa trước mà chỉ việc cắm mạ thẳng vào mặt ruộng có mực nước xăm xấp. Để việc cắm mạ được dễ dàng, người cấy dùng một cây nọc thọc mạnh xuống đất, và khi cây nọc “nhỏ đi rồi” sẽ cho một cái “lỗ bỏ không”. Người cấy chỉ việc “đú dí” năm ba cây mạ vào cái lỗ ấy, rồi lấy tay bóp miệng lỗ lại, hoặc vơ lấy một nhúm đất quanh đáy nhét vào lỗ để giữ cho cây lúa đứng thẳng.

Đất trong vùng Cà Mau khá màu mỡ nên chỉ ít lâu sau khi cấy, từ khóm lúa lều tều năm ba cây mạ đã trở thành một cụm lúa con gái xanh tươi mơn mớn cao ngang bụng, rồi ít ngày sau, cây lúa đã đâm bông cao ngang ngực. Khi lúa bắt đầu chín, chúng tôi lại được phân công đi đuổi chim để chim không ăn lúa. Trong vùng Năm Căn có rất nhiều loại chim khác nhau, chúng thường tập hợp thành từng đàn lớn rất bạo dạn. Hò hét, đánh trống, gõ mõ xa xa, chúng coi như pha. Phải tới thật sát, miệng la tay múa chúng mới chịu bay đi và chỉ bay đi một quãng ngắn là lại sà xuống ăn tiếp.

Khi lúa chín, chúng tôi bắt đầu đi cắt lúa ở một vài khu vực cây sớm. Vùng Cà Mau đất rất màu mỡ nên thường được gọi là vùng đất “làm chơi ăn thật”. Mỗi công lúa ở đây, nếu không gặp tai ương gì thì thu hoạch được từ 20 tới 25 gạ lúa.

- U MINH THƯỢNG

Sau khi cắt được ít công lúa chín ở vùng U Minh Hạ, chúng tôi lại được chuyển trại tới một nông trường khác. Sau một ngày di chuyển qua rừng tràm chúng tôi tới được vùng đất mới gọi là Kinh Tám Ngàn, huyện Kiên Lương thuộc U Minh Thượng.

Tại Kinh Tám Ngàn, khởi đầu là việc cất lán trại để trú ngụ, rồi sau đó mới bắt tay vào việc đào những con kinh nhỏ thẳng góc và ăn thông ra kinh Tám Ngàn. Trong thời gian đào kinh ở vùng Kiên Lương, tù cải tạo chúng tôi được giao chỉ tiêu khá cao, nên phải làm việc rất cực nhọc, có nhiều tổ vì ban ngày trời nắng quá gay gắt nên không thể đạt được chỉ tiêu vì thế chúng tôi phải đốt đuốc đào vào ban đêm. Cảnh tượng tù cải tạo phải đào kinh quá vất vả ở Kinh Tám Ngàn vào giai đoạn 1977-1978, đã làm cho tôi nhớ đến một bài về của dân phu đào Kinh Vĩnh Tế vào thời gian 1820-

1824. Tuy thời gian cách nhau khoảng 150 năm, song về không gian vẫn chỉ là một, vì kinh Tám Ngàn nằm ngay phía sau kinh Vĩnh Tế một khoảng cách theo đường chim bay chẳng bao xa. Một đoạn ngắn của bài về này viết như sau:

*“Việc mần cực khổ
Mệt đổ hết hơi
Không dám nghỉ ngơi
Cực đà quá cực”*

Cũng trong thời gian này bọn bộ đội cư xử và đối đãi với chúng tôi không đến nỗi quá tệ. Chúng tôi được thân nhân thăm gặp và tiếp tế hàng tháng và sau khi làm đủ chỉ tiêu hay vào những ngày nghỉ còn được phép đi sâu vào những vùng hoang dã còn rậm rạp bắt chuột, bắt rắn, bắt cua và bắt cá để cải thiện bữa ăn hàng ngày, nên chúng tôi không đến nỗi đói khó.

Sau khi hoàn tất được một số kinh nhỏ trong vùng Tám Ngàn, nhóm cải tạo chúng tôi lại được điều động đến vùng kinh Mười Ngàn tiếp tục vừa đào kinh vừa sạ lúa. Loại lúa sạ này có đặc tính là nước dâng cao bao nhiêu thì cây lúa mọc cao theo mực nước bấy nhiêu. Nhưng nếu mực nước dâng cao hơn 10 centimet một ngày thì cây lúa sẽ trốc rễ để nổi theo mực nước. Vào mùa thu hoạch lúa sạ, trời nắng khủng khiếp đến nỗi có một vài sân phơi lúa cùng rom rạ bốc cháy, khiến bọn cán bộ của trại nghỉ ngơi là có âm mưu phá hoại, nên một số cải tạo viên đã bị bắt và bị đánh đập và tra khảo rất dã man.

Đến tháng 5 năm 1977, khi quân Khmer Đỏ bắt thần tấn công vào các làng xã dọc theo Kinh Vĩnh Tế thuộc tỉnh An Giang và Kiên Giang trong đó có trại cải tạo ở Kinh Mười Ngàn, đã giết một số cán binh Cộng Sản và làm bị thương một số cải tạo viên. Cuộc tấn công này đã buộc Việt Cộng

phải “di tản” đám tù binh cải tạo vào sâu trong vùng phía Nam của kinh. Rồi sau đó chúng tôi lại được đưa tới vùng chân núi Salon thuộc xã Lương Phi thuộc quận Tri Tôn. Xã Lương Phi và vùng phụ cận là vùng đất mà tôi biết khá rõ, vì trước năm 1975 tôi đã thăm viếng vùng này rất nhiều lần, đặc biệt là khi chương trình “Tát Nước Bắt Cá” và “Dành Dân Lấn Đất” của Tỉnh và Tiểu Khu Châu Đốc đã được thực thi tại đây. Ít ngày sau đó chúng tôi được dẫn ra quận lỵ Tri Tôn để được đưa đi một trại cải tạo khác nằm sâu trong nội địa cho an toàn.

Trên đường ra quận lỵ Tri Tôn để đón xe đi trại cải tạo khác, toán cải tạo của tôi đã đi ngang qua một ngôi chợ chồm hổm, thuộc ấp Cây Me. Vừa ra khỏi ngôi chợ một đoạn ngắn, tôi thấy một thiếu phụ hấp tấp chạy theo, khi bắt kịp tôi, bà ta chặn tôi lại, rồi dúm cho tôi một gói lá chuối. Tôi chưa kịp nhận ra bà ta là ai, và cũng chưa kịp ngỏ lời cảm ơn thì bà ta đã vội vã bỏ đi. Vì e ngại bị cán bộ phát giác và còn có thể bị ghép vào tội vi phạm nội quy vì liên hệ bất hợp pháp với dân chúng, nên tôi không dám chạy theo để cảm ơn mà chỉ nhìn theo bóng dáng của người thiếu phụ phúc hậu ấy khuất dần vào đám người đông đảo trong lòng chợ. Một lát sau tôi mới nhớ được người phụ nữ hảo tâm ấy trước năm 1975 là Thư Ký của Ủy Ban Hành Chánh một xã thuộc quận Tri Tôn. Có lẽ bà ta đã gặp tôi nhiều lần trước năm 1975 khi tôi thăm viếng các xã của quận Tri Tôn, hay những lần mà bà ta tham dự những khóa huấn luyện nghiệp vụ do Tòa Hành Chánh tỉnh tổ chức tại thị xã Châu Đốc mà tôi là một trong số giảng viên. Tôi không nhớ được bà ta, nhưng bà ta đã nhận ra tôi, khi tôi đi qua ngôi chợ chồm hổm này. Mãi cho tới khi ra tới bãi đón xe, tôi mới âm thầm và kín đáo mở gói quà ra coi. Trong đó chỉ có vài ba miếng tàu hũ và mấy

con cá khô thôi, song tôi cảm động đến nỗi rung rung nước mắt. Tính từ lúc nhận được gói quà mộc mạc ấy (1978) cho tới lúc ngồi viết những dòng chữ này (2026) đã gần 50 năm trôi qua, nhưng dường như những miếng tàu hũ và mấy con khô cá ấy vẫn còn nguyên vẹn trong lòng tôi.

Sau khoảng một tiếng đồng hồ chờ đợi, một đoàn xe hàng tiến vào bãi đậu để đón và đưa chúng tôi đến một trại tù cải tạo nào đó.

-VƯỜN ĐÀO CAI LẬY

Đoàn xe chờ tù cải tạo chúng tôi từ Tri Tôn chạy hướng về Ngã Ba Lộ Tẻ, rồi ngoẹo mặt chạy qua thị xã Long Xuyên, qua Bắc Vàm Cống, rồi Bắc Mỹ Thuận. Khi qua hai cái Bắc này, mấy em nhỏ và mấy bà bán bánh kẹo và trái cây rong đã chạy theo để thấy lên đoàn xe chở anh em cải tạo chúng tôi những chùm bánh kẹo hay trái cây, có người thấy nguyên cả rổ hàng của họ nữa.

Sau khi qua Bắc Mỹ Thuận đoàn xe tiếp tục chạy về hướng Bắc theo Quốc Lộ IV và khi đến quận lỵ Cai Lậy mới ngoẹo trái chạy về hướng Mộc Hóa. Chạy được khoảng nửa đoạn đường Cai Lậy – Mộc Hóa thì đoàn xe ngoẹo trái tiến vào một trại cải tạo nằm bên lề trái của con đường có tên là “Trại Cải Tạo Vườn Đào”.

Chính Ủy hay là Thủ Trưởng của trại cải tạo Vườn Đào là một tên Thiếu Tá khét tiếng là thâm hiểm, Hai Thâu. Những ngày đầu nhập trại này, cải tạo viên lại một lần nữa được các cán bộ của trại cho nhai lại hầu hết những bài học đã được học trong những trại cải tạo trước đây. Trong suốt thời gian bị giam giữ ở Vườn Đào cải tạo viên hầu như không phải đi lao động khổ sai như ở Cơi Năm, Kinh Tám Ngàn và Kinh Mười Ngàn, mà chỉ làm các công việc tạp dịch quanh doanh trại. Một tháng đôi ba lần tù cải tạo được lôi lên hội

trường để “xi vả và mắng chửi” về cái tội “làm tay sai cho đế quốc Mỹ” đã được Đảng và Nhà Nước khoan hồng song vẫn “ngoan cố không chịu học tập cải tạo tốt”. Trong khi bị giam giữ tại đây, cải tạo viên đã có một thời gian dài phải ăn bo-bo thay gạo. Dường như dạ dày của con người không mạnh bằng dạ dày của lợn heo, nên không thể tiêu hóa được loại thực phẩm này, khi chúng còn nguyên hạt dù đã nấu chín.

Trong các ao nuôi cá tra dùng làm nơi đại tiện cho tù cải tạo, dường như loại cá này cũng không mấy yêu thích loại phân người có chứa hạt bo-bo nữa, nên trên mặt ao một lớp khá dày bo đã được nấu chín phủ kín cả mặt ao. Trại cải tạo Vườn Đào có một nhà kỷ luật, gọi là NHÀ SẮT, được thiết lập trên một mô đất lớn nổi lên như một hòn đảo nhỏ giữa một cái ao vuông khá rộng. Sở dĩ gọi là Nhà Sắt có lẽ là vì mái được lợp bằng tôn và vách được đan kết bằng nhiều lớp kẽm gai với nhau dày đến nỗi một con chuột cống cũng khó lòng chui qua. Nhà sắt được nối với trại tù bên ngoài bằng một chiếc cửa nhỏ và một cây cầu khỉ lắt lẻo. Trong lòng Nhà Sắt còn có một dãy cùm dài nữa, nơi đây được dùng để giam giữ những tù cải tạo nào vi phạm nội qui của trại. Nếu hoành tráng hóa hoặc hoa mỹ hóa cảnh tượng nhà sắt nằm giữa ao và nối với bờ ao bằng một chiếc cầu tre lắt lẻo, người ta có thể tưởng tượng nhà sắt là đền Ngọc Sơn, chiếc ao nhỏ bé là hồ Hoàn Kiếm và chiếc cầu tre lắt lẻo là cầu Thê Húc.

Ngoài nhà sắt lại còn có một số thùng sắt chứa quân dụng do quân đội Mỹ để lại (US Army Containers) được gọi là conex đặt gần các trạm gác phía sau trại để biệt giam những tên tù cải tạo ngoan cố. Một cải tạo viên bị nhốt vào nhà sắt hay bị cùm trong nhà này, ban ngày có thể phải hứng

chịu cái nóng như thiêu như đốt và ban đêm có thể phải chịu lạnh giá thấu xương, song còn có chút ít hy vọng một ngày nào đó được ra khỏi nhà sắt để gặp lại bạn bè và về sum họp với gia đình. Còn cải tạo viên nào bị đưa từ Nhà Sắt ra nhốt vào thùng sắt conex thì sớm hay muộn gì cũng được Hai Thâu, bằng một phương cách nào đó, cho “tiêu diêu miền cực lạc”. Điển hình trong số này là Nguyễn Đức Xích, nguyên Thiếu Tá Tỉnh Trưởng Gia Định dưới thời Đế Nhất Cộng Hòa, và Quách Dược Thanh, nguyên giảng viên trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt.

-GIA TRUNG PLEIKU

Vào đầu năm 1979, dường như Đảng và Nhà Nước muốn cho quân đội của họ được rảnh tay trong việc xâm lăng Cambốt cũng như trong việc chống Trung Quốc xâm lăng Việt Nam, nên đã cho lệnh chuyển giao tất cả tù binh cải tạo đang do Bộ Quốc Phòng quản lý sang cho Bộ Nội Vụ. Vào dịp này tù cải tạo của trại Vườn Đào được chia thành hai nhóm. Nhóm I chuyển giao trước, trong đó có kẻ viết bài này, được gọi tập trung trong sân trại cùng với đồ tể nhuyển của riêng tây, vào một buổi sáng. Nếu tôi nhớ không lầm, là vào tháng 04/79. Sau khi gọi tên từng người một theo một danh sách đã lập sẵn, bước ra sắp hàng đôi, rồi cứ hai người được còng chung với nhau bằng một dây còng số 8. Sau đó từng cặp lần lượt dồn lên xe có bộ đội mang súng hộ tống. Một trong số những người được gọi tên ra đi ngày hôm ấy, nhưng không có mặt, đó là anh Quách Dược Thanh, vì anh vừa mới chết trong một conex vào buổi sáng. Sau đó đoàn xe rời khỏi trại, chạy về hướng Cai Lậy.

Cũng như tất cả những lần di chuyển trước đây, tù cải tạo không bao giờ được biết trước là sẽ đi về đâu. Khi tới Cai Lậy, đoàn xe ngoẹo trái vào quốc lộ 4, rồi hướng về

thành phố mang tên ông Hồ. Sau khi chạy vòng qua ngoại vi thành phố này, đoàn xe nhập vào Quốc Lộ I, qua Phan Thiết, Phan Rang, Tuy Hòa, Nha Trang, Đèo Cả, Đèo Cù Mông, rồi Diêu Trì. Khi tới Diêu Trì thì đoàn xe rời Quốc Lộ I đi về hướng Qui Nhơn – Pleiku. Vào buổi sáng ngày thứ ba, kể từ ngày rời Vườn Đào, đoàn xe chỉ còn cách thị xã Pleiku khoảng trên dưới 20 cây số nữa, thì rẽ vào một con lộ đất đỏ xuyên qua một khu núi đồi trùng điệp, để đi vào một doanh trại có công an canh gác và cũng có rất nhiều người mặc đồng phục màu xám nhạt nữa. Cho tới khi đoàn xe vào hẳn trong sân trại, chúng tôi mới được biết đó là trại cải tạo K3 Gia Trung. Vài ba tháng sau, khi một vài người trong nhóm đi Gia Trung, được thăm nuôi, chúng tôi mới được tin nhóm còn lại được đưa đi Long Khánh và Trại Vườn Đào đã đóng cửa.

Trại Cải Tạo Gia Trung là một trong những trại tù chính quy khá lớn chiếm hàng chục ki-lô-mét vuông, và được chia thành 6 K, từ K1 tới K6, và hàng chục ngàn tù hình sự và tù cải tạo, trực thuộc Bộ Nội Vụ, do ngành công an chuyên nghiệp coi tù, nổi tiếng là ác ôn, quản lý. Trong số tù nhân đã ở đây từ trước có rất nhiều người thuộc nhóm Phục Quốc Vinh Sơn Sài Gòn, và rất nhiều vị trước năm 1975 là nhà văn, nhà báo, giáo sư đại học và viên chức cao cấp của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa.

Trong buổi học tập đầu tiên về nội quy của trại Gia Trung, một tên Thượng Sĩ công an nhãi con đã “đánh phủ đầu” chúng tôi bằng những lời lẽ hăm dọa và khoác lác rằng: *“Tất cả các chiến sĩ công an trong trại này đều đã được học về nghiệp vụ chuyên môn nhiều năm liền, đặc biệt về môn tâm lý học, nên có trình độ hiểu biết tương đương với những người đã tốt nghiệp bậc đại học. Đó đó các anh (tù cải tạo)*

không thể làm bất cứ điều gì qua mặt chúng tôi được cả. Chỉ cần nhìn thoáng qua thôi, là chúng tôi đã biết các anh muốn gì rồi....”

Tất cả tù hình sự cũng như tù cải tạo trong trại đều phải mặc đồng phục màu xám nhạt do Nhà Nước cấp phát. Phía trước và phía sau áo và quần đều được đóng một con dấu to tướng mang hai chữ GT (Gia Trung) đen như mồm chó. Vì quản lý tù theo phương thức chính quy, nên hàng ngày cải tạo viên được điểm danh điểm số rất nhiều lần: khi vừa thức dậy; trước giờ xuất trại đi lao động, trong khi đang lao động; khi trở về trại, trước khi vào phòng giam ngủ nghỉ, đôi khi còn bị đánh thức vào lúc nửa đêm để kiểm tra đột xuất nữa.

Mỗi khi một đội (khoảng 40 tù nhân) xuất trại lao động là có một cán bộ quân giáo súng ngắn và hai cán bộ quản chế súng dài đi theo để kiểm soát và đốc thúc. Một điều nên biết là trại Gia Trung đã được Bộ Nội Vụ tuyên dương là một trại tù gương mẫu trên toàn quốc rất nhiều lần. Không cần phải nói gì nhiều về thành tích của trại này, mà chỉ cần biết như thế là đủ hiểu rằng trại này đã kìm kẹp tù hình sự và tù cải tạo khủng khiếp, dã man, tàn bạo, khốc liệt đến mức độ nào. Có lẽ không có một người Việt Nam nào mà không biết rằng: Một trại tù càng được khen thưởng nhiều bao nhiêu, thì tù nhân trong trại đó lại càng khổ nạn bấy nhiêu. Một trại cải tạo càng được tuyên dương công trạng nhiều bao nhiêu, thì cải tạo viên trong trại ấy đã chết đói vì thiếu thực phẩm, chết bệnh vì thiếu thuốc men, chết vì phải lao động khổ sai kiệt sức, chết tức tưởi vì bị đánh đập tàn nhẫn, càng nhiều bấy nhiêu.

Sau khi học nội quy, nhóm tù cải tạo từ Vườn Đào chuyển ra được “nhai lại” những bài học về đường lối và

chính sách của Đảng Cộng Sản và của Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Trong những ngày đầu ở trại này, có lẽ vì muốn nhóm tù cải tạo chúng tôi có ấn tượng “đẹp” về những nhà tù do Bộ Nội Vụ quản lý, nên trại đã cho chúng tôi ăn tương đối no với cơm không độn. Song rất tiếc thời kỳ “trăng mật” này chẳng kéo dài được lâu, Chỉ ít ngày sau, khi bắt đầu đi lao động, là khẩu phần ăn hàng ngày bắt đầu giảm dần. Buổi sáng, trước khi lao động, mỗi tù nhân được ăn lưng chén khoai mì-khô-hầm hầm, hoặc thay thế bằng hai củ nhỏ hay một củ vừa phải khoai lang, đôi khi lại đổi thành hai khúc nhỏ hay một khúc vừa phải khoai mì. Hai bữa cơm hàng ngày đều độn khoai mì tươi hay khô với gạo hầm theo tỷ lệ 1/1 hay 2/1. Dù tỷ lệ độn khá cao như thế, nhưng chúng tôi cũng không bao giờ được ăn no cả.

Khi còn ở trong những cải tạo ở miền Tây Nam Bộ do bộ đội trông coi, chúng tôi vừa được gia đình tiếp tế, lại vừa được đi cải thiện tự do kiếm rau cỏ, bắt cá, bắt cua, bắt rắn, bắt chuột v.v... nên không đến nỗi đói khó. Khi bị đưa ra miền Trung, vùng đất cày lên sỏi đá, phần vì gia đình thanh bạch, phần vì đường xá xa xôi, phần vì phương tiện di chuyển thiếu thốn, nên những cải tạo viên từ Vườn Đào ra Gia Trung, rất ít người được gia đình tiếp tế thăm nuôi, vì thế hầu hết chúng tôi chỉ trông cậy vào phần cơm nhỏ bé do trại cấp phát hàng ngày, trong khi lại phải lao động nặng nhọc, nên người nào người ấy ốm tong ốm teo như que củi. Sau giờ lao động, cải tạo viên được phép cởi quần áo lội xuống suối tắm, chúng tôi nhìn thân hình tiều tụy của nhau mà thương hại cho nhau, vì thân hình chúng tôi chỉ còn da bọc xương, trông giống như những bộ xương cách trí biết đi.

Trong khi lao động nếu thấy rau cỏ hay côn trùng hoặc thứ gì có thể giúp cho đỡ đói là chúng tôi ăn sống nuốt

tươi tại chỗ cho sốt dẻo, hoặc giấu giếm để mang về trại ăn vào lúc thuận tiện. Khi ăn khoai lang điểm tâm hay trừ bữa, hầu như không một ai trong chúng tôi “nỡ lòng nào” hay “đang tâm” bỏ vò cả. Nếu một tù nhân nào đó “xài sang” bỏ vò, thì những tù nhân kế cận, chụp liền nhét vào miệng. Riêng tôi, một hôm lao động, làm công tác vệ sinh quanh khu nhà của cán bộ cư ngụ, tôi đã “ăn đồ thừa của chó”.

Hôm ấy là một buổi sáng mùa thu khá đẹp trời, tôi đang quét sân sau của khu nhà của cán bộ cư ngụ, tình cờ tôi thấy một con chó mực, do cán bộ trại nuôi không phải là để giữ nhà mà là để giết thịt liên hoan vào một dịp lễ lạc nào đó sắp tới, đang lặng lẽ và ể oải gặm một chiếc bánh mì luộc ở đầu hôi. Khi thấy tôi với chiếc chổi chà trong tay tới gần, con chó hốt hoảng bỏ đi không kịp cắn theo chiếc bánh mì luộc mà nó đã ăn gần hết phân nửa. Tiếp tục quét đến sát miếng bánh mì, nhìn trước, nhìn sau không thấy cán bộ quản chế hay quản giáo nào để ý đến tôi cả, tôi cúi xuống lượm miếng bánh mì như lượm rác thay vì bỏ vào đồng rác tôi lặng lẽ bỏ vào túi áo.

Chờ tới lúc nghỉ trưa, tôi mới dám móc ra, ngắt bỏ một lớp mỏng những chỗ còn in dấu răng chó lởm chởm. Không phải vì tôi lo sợ miếng bánh mì bị nhiễm vi khuẩn, mà vì e ngại là con chó ấy, rất có thể là buổi sáng hôm đó đã điểm tâm bằng một bãi phân còn nóng hổi của một anh chàng cán bộ nào đó. Chó có bao giờ súc miệng và xỉa răng sau khi ăn đâu, nên tôi nghi là những kẽ răng của nó còn dính ít nhiều phân người và từ kẽ răng đã lây lan sang mẩu bánh mì. Sau khi phỉa bớt phần đất cát bám quanh miếng bánh mì, tôi tìm đến anh bạn tù phụ trách việc nấu nước cho đội, nhờ nướng lại giùm, rồi mới dám ăn. Ngon ơi là ngon! Cho tới bây giờ đã hàng chục năm sống trên đất Mỹ, mà dường như tôi chưa

bao giờ tìm lại được cái hương vị thơm ngon độc đáo của mẩu bánh mì nướng, mà tôi đã tước đoạt của chó, ở trại cải tạo Gia Trung năm nào.

Trong thời gian tù đầy và lao động khổ sai ở các trại cải tạo, tuy nhục nhã, kham khổ, và đói khát tột cùng, song cũng đã cho tôi cơ hội tìm được những người bạn rất tốt, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào vẫn giữ được tư cách. Một trong những người ấy là đại úy Nguyễn Tấn Tổ. Trước 4/75, anh làm ở Phòng Nhân Dân Tự Vệ Tỉnh, còn tôi làm ở Trung Tâm Điều Hợp Bình Định và Phát Triển Tỉnh. Chúng tôi chỉ gặp nhau trong công việc thường ngày, và chào hỏi nhau khi gặp gỡ thể thôi. Song khi vào tù tại Trung Tâm Cải Huấn Châu Đốc, thì tôi và anh vào cùng một ngày, rồi sau đó chuyển hết từ trại này đến trại khác, chúng tôi lại đi chung với nhau. Khi ra đến trại Gia Trung hầu hết chúng tôi đều đói khát như nhau, song gia đình anh có điều kiện thăm nuôi nhiều hơn gia đình tôi, và cứ mỗi lần anh được thăm nuôi là anh lại “cả gan” chia xẻ cho tôi những phần quà khá lớn, dù anh biết chắc rằng phần chia sẻ đó, tôi không thể trả lại cho anh dù chỉ là một phần nhỏ.

Trong thời gian ở trại tù Gia Trung, tôi cũng có dịp nhìn một số bạn bè đã lặn lẽ ra đi về Nước Chúa. Nhìn người rồi nghĩ đến ta, tôi tin rằng sớm hay muộn gì thì cũng đến lượt mình thôi. Trong số những người bạn tù ở Trại Gia Trung ra đi có một anh nằm kế bên tôi là anh Lê Văn Cửu và tôi có làm một bài thơ khóc anh:

*Hôm rồi còn cùng anh
Nhớ cỗ nướng khoai mì
Anh thì thăm hỏi nhỏ
Thắm ơi!*

Bao giờ ta được về?

Tôi nhìn anh ái ngại
Rồi đưa mắt phía trời xa
Cửu ơi!
Chân trời cải tạo bao la
Ngày về vô định biết là có không?

Tôi về anh kêu mệt
Rồi bệnh xá đưa anh
Chiếc giường bên cạnh lạnh tanh
Đêm đêm như có tiếng anh thì thầm

Vài ba bữa sau thôi
Được tin anh chết rồi
Bạn bè thương tiếc ngậm ngùi
Âm thầm nhỏ lệ tiễn người ra đi

Rồi một hôm lao động
Kế bên tù nghĩa trang
Vào giờ nghỉ rảnh rang
Tôi xin tên cán bộ
Vào thăm mộ của anh

Ngậm ngùi tôi bước chân đi
Viếng anh mà chẳng có gì tặng anh
Tôi bèn tìm kiếm loanh quanh
Bông rừng vài đóa lá xanh vài cành
Bước vào nghĩa địa lạnh tanh
Quạnh hiu hoang vắng mộ anh nơi nào?

Tôi tìm ngôi mộ mới
Song cũng thật khó khăn
Vì không phải mình anh
Mà còn nhiều tù khác
Cũng mới chết như anh
Và nhiều ngôi mộ cũ
Cỏ mọc đã xanh rì

À mộ anh ở đây
Tấm bia cây nguêch ngoạc
Lê Văn Cửu chết ngày...

Đặt bó hoa lên mộ
Chấp hai tay trước ngực
Tôi trịnh trọng cúi đầu
Rồi lâm thâm nguyện cầu

Lạy Chúa!
Con là người ngoại đạo
Song tin có Chúa ở trên Trời
Xin dâng lên Chúa một lời
Rằng anh Lê Cửu là người hiền lương
Xin Chúa hãy nủ lòng thương
Mở cổng Thiên Đường để đón anh lên.

Cũng trong thời gian ở trại tù Gia Trung, một anh bạn tù cho tôi một mảnh nhôm lấy từ một chiếc máy bay của không quân VNCH bị đối phương bắn rớt trong vùng rừng núi thuộc tỉnh Pleiku trước năm 1975. Tôi cưa cắt mảnh

nhôm này thanh hình một chiếc lược, rồi mài, giũa, khắc hoa văn và khắc chữ đề tặng nhà tôi. Chiếc lược được coi như một kỷ vật trong thời gian tôi bị giam cầm trong trại tù cải tạo. Dưới đây là hình mặt trái và mặt phải của lược kỷ vật:



Vào ngày 12/02/1980 tôi nhận được GIẤY RA TRẠI. Tôi mừng vô hạn, như người đã chết được sống lại. Cùng với mấy người bạn cầm GIẤY RA TRẠI trong tay, chúng tôi lặng lẽ bước ra khỏi cổng trại, rồi từ đó vừa đi vừa chạy như bị ma đuổi, và không một ai trong chúng tôi dám ngoái cổ nhìn lại trại Gia Trung một lần cuối.

Tính từ ngày bước chân vào cổng Trung Tâm Cải Huấn Châu Đốc (09/05/75) cho đến lúc bước chân ra khỏi cổng Trại Cải Tạo Gia Trung (12/02/80) tôi đã phải “nằm gai nếm mật” tất cả là 1.773 ngày đêm trong 6 Trại tù CẢI TẠO để trả cho cái tội “ngụy quân làm tay sai cho đế quốc Mỹ”.

Chương 12

Tự Do Hay Chết

Vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, Việt Nam Cộng Hòa rơi vào tay miền Bắc Cộng Sản Việt Nam hay Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Ngay sau khi chiếm Việt Nam Cộng Hòa, miền Bắc Cộng Sản đã đưa các sĩ quan quân đội, sĩ quan cảnh sát và các viên chức hành chánh cấp cao của Việt Nam Cộng Hòa vào các Trại Tù Cải Tạo. Là một sĩ quan trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, nên tôi bị đưa vào trại cải tạo chỉ ít ngày sau đó.

Trong thời gian bị giam giữ, tôi đã bị chuyển qua sáu trại cải tạo khác nhau. Trại cải tạo Gia Trung ở tỉnh Gia Lai – Kontum miền Trung là trại cuối cùng tôi được cho về đoàn tụ với vợ và ba đứa con của tôi ở thành phố Cần Thơ. Bước vào nhà, tôi cảm thấy vô cùng hạnh phúc vì được đoàn tụ với gia đình sau nhiều năm xa cách. Tuy nhiên, niềm vui ấy không kéo dài lâu, vì tôi được biết rằng trong thời gian tôi ở tù, vợ con tôi đã phải chịu đựng rất nhiều gian khổ.

Để kiếm đủ tiền mua thực phẩm, vợ tôi đã phải trở thành một người thợ may làm việc mười giờ mỗi ngày và bảy ngày mỗi tuần cho một hợp tác xã may mặc với đồng lương chết đói. Con trai lớn của tôi, 9 tuổi, phải đi bán bánh cam dạo và con trai thứ hai của tôi, 8 tuổi, phải đi bán sương sáo dạo. Tổng số thu nhập của vợ tôi và hai con không đủ để mua gạo ăn hàng ngày, vì thế họ phải nấu độn khoai lang hay khoai mì mới có một bữa ăn tạm gọi là đủ no.

Tôi không cầm được nước mắt khi nghe các con kể rằng chúng thường phải ăn khoai mì hoặc khoai lang thay cơm. Đồng thời, các thành viên trong gia đình tôi còn bị chính quyền cộng sản phân biệt đối xử. Họ bị xem như thành phần căn bản của xã hội. Các con tôi đã được báo trước rằng chúng chỉ được phép học hết bậc trung học và không được phép vào đại học, vì cha của chúng là sĩ quan ngụy quân, người mang nhiều nợ máu với nhân dân.

Vài ngày sau khi đoàn tụ với gia đình, tôi phải đến trình diện tại trụ sở công an phường với một quyển sổ tay hoàn toàn mới. Viên công an trực kiểm tra Giấy Ra Trại Cải Tạo của tôi rồi loay hoay ghi điều gì đó vào quyển sổ. Sau đó ông ta ngược lên nhìn tôi và nói:

“Từ nay cho đến ngày anh được phục hồi quyền công dân, mỗi tuần anh phải mang quyển sổ này đến trình diện tại trụ sở này. Anh phải ghi vào sổ tất cả những gì anh làm trong tuần. Anh không được phép đi xa hơn năm cây số tính từ nhà của anh. Nếu anh không tuân theo các quy định này, chúng tôi sẽ đưa anh trở lại trại cải tạo.”

Sau khi nghe những lời “giáo huấn” của viên công an, tôi rời trụ sở công an với cảm giác rằng mình vừa bước ra khỏi một nhà tù nhỏ thì lại bước vào một nhà tù lớn hơn.

Trên đường từ trụ sở công an phường trở về nhà, tôi nhận thấy phần lớn cư dân thành phố Cần Thơ đều xanh xao và gầy gò. Quần áo họ rách rưới. Gương mặt họ buồn bã và ủ rũ. Chính quyền cộng sản Việt Nam đã kéo mức sống của người dân miền Nam từ mức sung túc trước năm 1975 xuống mức nghèo khổ vào năm 1980. Tôi cũng nhận ra rằng nhiều điều khủng khiếp không chỉ đổ lên đầu các sĩ quan và viên chức “ngụy”, mà còn đổ lên đầu tất cả đồng bào miền Nam của tôi, ngoại trừ cán bộ, đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam và gia đình họ.

Hãy nhìn kỹ hơn những gì các lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã làm sau cái gọi là “giải phóng” đồng bào miền Nam yêu quý của họ ra khỏi ách “Ngụy Quyền” và “Đế Quốc Mỹ”. Lúc bấy giờ, Đảng Cộng Sản Việt Nam và Chính phủ Cộng Sản Việt Nam giải thích với người dân miền Nam rằng: Về mọi mặt, miền Nam chậm tiến hơn miền Bắc với khoảng cách là hai mươi năm. Vì vậy, họ phải cố gắng hết sức để giúp người miền Nam bắt kịp người miền Bắc. Nhưng trên thực tế, các lãnh đạo cộng sản đã cố gắng hết sức để kéo cuộc sống khá giả của người miền Nam xuống ngang bằng với cuộc sống nghèo đói của người miền Bắc. Dưới đây là những việc mà Đảng Cộng Sản Việt Nam đã làm ở miền Nam sau ngày 30 tháng 4 năm 1975:

- Tất cả các sĩ quan quân đội, sĩ quan cảnh sát, viên chức hành chánh từ trung cấp trở lên, các lãnh tụ chính trị và tôn giáo, khoa trưởng và viện trưởng đại học cùng rất nhiều nhà văn, nhà báo... của VNCH bị coi là thành phần phản động nguy hiểm, nên cần phải đưa vào các trại tù cải tạo.

- Tất cả các đảng phái chính trị đều bị cấm hoạt động, ngoại trừ Đảng Cộng Sản Việt Nam và một số ít các đảng phái do đảng CSVN thành lập để che mắt dân gian.

-Tất cả các hãng thông tấn tư nhân, báo chí, tạp chí, nhà xuất bản, hiệu sách v.v... đều bị đóng cửa.

-Tất cả các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, công ty tư nhân v.v... đều bị quốc hữu hóa.

-Tất cả các doanh nhân, kỹ nghệ gia, thương gia, quản lý nhà máy v.v... đều bị buộc tội là tư sản mại bản cấu kết với tư bản ngoại quốc để bóc lột công nhân trong nước và làm giàu trên lưng người nghèo, nên phần lớn họ bị đấu tố công khai và bị kết án tù chung thân hoặc tử hình. Tài sản và cơ sở kinh doanh của họ bị tịch thu.

-Tất cả các gia đình sống ở thành phố mà có một hay nhiều thành viên đang ở tù hoặc trong trại cải tạo đều bị ép buộc đi vùng Kinh Tế Mới để chiếm đoạt nhà cửa và tài sản của họ.

-Tất cả người dân Việt Nam, từ nông thôn đến thành thị, chỉ được phép đọc báo chí, tạp chí và sách do chính quyền cộng sản xuất bản.

-Tất cả sách báo được xuất bản trước tháng 4 năm 1975 dưới thời Việt Nam Cộng Hòa đều bị tịch thu và đốt bỏ vì bị xem là đồi trụy và phản động.

-Tất cả người dân Việt Nam chỉ được phép nghe đài phát thanh và xem truyền hình của nhà nước. Công an truy lùng những người nghe đài hoặc xem truyền hình của các nước thuộc Thế Giới Tự Do. Nếu bị phát hiện vi phạm điều cấm này, người đó sẽ bị đưa vào trại tù cải tạo.

-Tất cả người dân Việt Nam ngày này qua ngày khác phải nghe những lời tuyên truyền ngạo mạn và bóp méo sự thật của chính quyền cộng sản. Họ luôn huênh hoang rằng chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa siêu việt nhất của nhân loại và chỉ có Đảng Cộng Sản Việt Nam mới có thể đưa Việt Nam trở thành một quốc gia giàu mạnh.

-Tất cả các gia đình ở miền Nam sau ngày 30/04 đều phải đăng ký với công an để có Sổ Hộ Khẩu. Trong sổ Hộ Khẩu ghi tên từng thành viên và chi tiết lý lịch cá nhân. Chính quyền cộng sản dùng hộ khẩu như một thứ vũ khí để kiểm soát dân chúng. Công an địa phương có thể kiểm tra hộ khẩu của bất kỳ gia đình nào và truy tìm những người cư trú bất hợp pháp.

Các cuộc kiểm tra thường diễn ra vào lúc nửa đêm vì giờ đó được cho là mọi người đều có mặt ở nhà. Nếu một thành viên vắng mặt mà không có phép của chính quyền địa phương thì bị nghi làm việc phi pháp. Nếu có người hiện diện trong nhà nhưng không có tên trong hộ khẩu và cũng không có giấy tạm trú thì sẽ bị bắt giam.

-Tất cả người dân miền Nam muốn rời tỉnh của mình để sang tỉnh khác vì một việc gì đó, đều phải xin giấy phép công an quận/huyện nơi mình cư trú thường trực. Nếu không có giấy phép này, họ không được đi xa quá ranh giới tỉnh hoặc thành phố của mình.

-Tất cả người dân Việt Nam rời nhà một vài ngày để đi thăm bà con hoặc để làm một việc gì đó phải xin Giấy Phép Tạm Vắng của chính quyền nơi thường trú. Khi đến một nơi nào đó, nếu muốn ở lại qua đêm tại nhà bạn bè hoặc thân nhân, phải xin Giấy Phép Tạm Trú.

-Tất cả các khu phố hoặc làng xã đều bị chia thành từng khu vực nhỏ. Mỗi khu phố hay khu xóm nào đó có khoảng 40 hay 50 gia đình là có một công an phụ trách kiểm soát toàn bộ cư dân trong khu đó. Người công an này phải biết rõ lý lịch của từng gia đình và từng người trong khu vực mình quản lý.

-Tất cả lương thực và hàng hóa do nông dân hay doanh nhân sản xuất đều phải bán cho chính quyền cộng sản

địa phương. Giá cả không do quy luật cung cầu quyết định mà do chính quyền địa phương áp đặt. Những mức giá này thường thấp hơn nhiều so với giá thị trường tự do.

-Tất cả nông dân hoặc doanh nhân nào không chấp nhận những quyết định hay mệnh lệnh đơn phương của chính quyền về sản xuất nông nghiệp hay hàng hóa đều có thể bị quy kết là “phản động” và bị bỏ tù.

-Tất cả lương thực và hàng hóa đều được chính quyền cộng sản kiểm soát chặt chẽ và độc quyền mua bán, trao đổi, vận chuyển, cung cấp và phân phối.

-Tất cả thực phẩm gạo, bắp, thịt, sữa, đường, muối, nước mắm, xà phòng, kem đánh răng, vải, kim, chỉ v.v... chỉ được bán tại các cửa hàng quốc doanh.

-Tất cả lương thực và hàng hóa mà người dân cần mua cho nhu cầu sống hàng ngày không tùy thuộc nhu cầu của người dân mà tùy thuộc quyết định đơn phương của chính quyền địa phương. Nếu một gia đình làm đúng mọi điều mà chính quyền yêu cầu, họ sẽ được mua đủ lương thực cần thiết. Nếu không làm theo ý chính quyền, họ sẽ không được phép mua đủ thực phẩm cần dùng.

-Tất cả những ai muốn mua lương thực hay hàng hóa mà chính quyền cho phép phải mang theo Sổ Gạo Gia Đình đến cửa hàng quốc doanh được chỉ định. Tuy nhiên, lượng hàng cung cấp cho các cửa hàng này không bao giờ đáp ứng đủ nhu cầu của dân chúng. Vì vậy, nếu ai đến trễ thì chẳng còn gì để mua vì mọi thứ đã bán hết. Do đó đã xảy ra một “cuộc chiến tranh lạnh” giữa những người cùng được chỉ định mua hàng ở một cửa hàng. Họ cạnh tranh nhau để đến sớm nhất. Nếu cửa hàng dự định mở cửa lúc 8 giờ sáng thì người dân đã bắt đầu xếp hàng từ 2 hoặc 3 giờ trước đó. Nếu ai đến lúc 6 giờ sáng cũng đã thấy một hàng người dài cả cây

số đứng trước cửa tiệm chờ đợi. Mọi thực phẩm mua từ cửa hàng quốc doanh, dù nhỏ đến đâu, đều phải được ghi vào Sổ Gạo Gia Đình.

-Tất cả công dân Việt Nam không có quyền được sống ở nơi họ muốn. Nếu một gia đình muốn chuyển từ làng cũ sang làng mới, họ phải được sự chấp thuận trước của cả hai chính quyền địa phương cũ và mới. Nói cách khác, công dân Việt Nam không có quyền tự do chọn nơi cư trú mà mình muốn sống.

-Tất cả công dân Việt Nam không có quyền bầu chọn đại biểu Quốc Hội cũng như địa phương. Họ chỉ được bỏ phiếu cho những người đã được Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam chấp thuận trước. Mặt trận này cho phép 99% ứng cử viên là đảng viên Đảng Cộng Sản và 1% còn lại là những người có cảm tình với Đảng. Đảng gọi họ dạ, Đảng bảo họ vâng. Vì vậy, trong Quốc Hội không hề có tiếng nói đối lập nào. Mọi đạo luật hay dự án do Đảng hoặc Chính phủ cộng sản đề nghị đều được Quốc Hội thông qua với tỷ lệ 100%.

-Tất cả công dân Việt Nam cũng không có quyền tự do ứng cử vào Quốc Hội cũng như các chức trường ở địa phương. Nếu ai muốn ứng cử, người đó phải được Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam chấp thuận trước.

-Tất cả những người dân miền Nam Việt Nam đã từng sống trong tự do và dân chủ dưới thể chế Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975 đều cảm thấy cuộc sống của họ dưới chế độ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam sau tháng 4 năm 1975 giống như đang sống trong một nhà tù khổng lồ tuy không có hàng rào kẽm gai, nhưng đầy đặc những cai tù tàn nhẫn và độc là các đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nói cách khác, sau năm 1975, người dân sống dưới cái gọi là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam như

đang sống trong “Trại Súc Vật” trong tác phẩm “Animal Farm” (Trại Súc Vật), được viết bởi nhà văn Anh, George Orwell, mô phỏng theo Xã Hội Liên Xô dưới thời Lenin, xuất bản tại Anh ngày 17 tháng 8 năm 1945. Xã hội trong “Animal Farm” được cai trị bởi những con heo già nua, độc ác và ngu dốt, nhưng lại tự cho mình là đỉnh cao trí tuệ của loài người.

-Hầu hết người miền Nam đều muốn trốn khỏi nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam để đến các quốc gia thuộc Thế Giới Tự Do nhằm tìm tự do. Tình trạng ấy được mô tả bằng một câu nói phổ biến thời đó: *“Nếu cột đèn biết đi, chúng cũng sẽ rời khỏi đất nước này.”*

Gia đình tôi, cũng như hàng trăm ngàn gia đình khác ở miền Nam Việt Nam sau năm 1975, đều cảm thấy như vậy. Vì lý do đó, chúng tôi đã quyết định phải trốn sang một quốc gia thuộc Thế Giới Tự Do càng sớm càng tốt với bất cứ giá nào. Nói cách khác, gia đình tôi đã đi đến một quyết định dứt khoát rằng: **Tự Do Hay Chết.**

Chương 13
**Những Chuyến Vượt Biển
của Gia Đình Tôi**

Sau khi quyết định rời bỏ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam để tìm tự do bằng bất cứ giá nào, vợ chồng tôi bắt đầu tìm kiếm các phương thức có thể giúp chúng tôi đạt được mục tiêu. Vào thời điểm đó, chỉ có hai con đường để trốn khỏi Việt Nam sang một quốc gia thuộc Thế Giới Tự Do: một là đường bộ, hai là đường biển. Dù đi theo con đường nào, người vượt biên cũng phải đối diện với vô vàn hiểm nguy.

Nếu vượt biên bằng đường biển, người vượt biên có thể bị chính quyền cộng sản địa phương bắt giữ và bỏ tù ngay khi còn ở trên đất liền hoặc khi thuyền vẫn còn trong hải phận Việt Nam. Khi ra tới vùng biển quốc tế, họ có thể bị

hải tặc Thái Lan cướp bóc, hãm hiếp, bắt cóc hoặc giết chết; hoặc thuyền có thể bị sóng to gió lớn đánh chìm. Vì vậy, hy vọng đến được bến bờ tự do chỉ khoảng 50%.

Nếu vượt biên bằng đường bộ, người vượt biên phải đi qua lãnh thổ Campuchia. Đất nước Campuchia lúc đó đang có nội chiến và bị quân cộng sản Việt Nam xâm nhập. Vì vậy, có nhiều vùng do các lực lượng đối nghịch kiểm soát, và những lực lượng này thường bắt giữ người vượt biên khi họ đi ngang qua vùng kiểm soát của họ. Ngoài ra, người vượt biên bằng đường bộ còn có thể bị cướp bóc hay hãm hiếp bởi bọn thảo khấu hoạt động trong các vùng rừng núi mà họ phải băng qua. Do đó, người vượt biên bằng đường bộ cũng phải đối diện với vô vàn hiểm nguy khó lường, và hy vọng đến được một quốc gia thuộc Thế Giới Tự Do cũng chỉ khoảng 50%.

Sau khi cân nhắc ưu điểm và khuyết điểm của hai con đường, chúng tôi nhận thấy vượt biên bằng đường biển thuận tiện hơn cho hoàn cảnh gia đình mình. Vì vậy, chúng tôi phải tìm một tổ chức vượt biên bằng tàu phù hợp với hoàn cảnh khó khăn của gia đình. Qua tìm hiểu, chúng tôi được biết rằng:

- Có những người mua tàu biển để tổ chức vượt biển cho gia đình họ. Những người này đã mua tàu và bí mật chuẩn bị cho gia đình trốn đi. Tuy nhiên, vì tàu của họ có sức chứa lớn hơn số người trong gia đình, nên họ nhận thêm hành khách để kiếm thêm tiền trang trải chi phí chuyến đi.

- Có những thương gia lương thiện nhận thấy vào thời gian này có rất nhiều người muốn vượt biên bằng đường biển, nên việc mua tàu để tổ chức vượt biên là cơ hội tốt để kiếm tiền. Vì vậy, họ mua tàu, tổ chức vượt biên, rồi chiêu

dụ những người muốn trốn khỏi Việt Nam để kiếm lợi nhuận.

- Lại cũng có những thương gia bất chính và những kẻ bất lương lợi dụng tình trạng bất thường này để tổ chức những chuyến vượt biên giả nhằm lường gạt những người muốn vượt biên để kiến tiền. Những vụ lừa đảo như thế tương đối an toàn, vì nạn nhân không dám tố cáo với chính quyền địa phương. Nếu chính quyền biết được, kẻ lừa đảo lẫn nạn nhân đều bị bỏ tù vì cùng phạm tội. Kẻ phạm tội lường gạt, kẻ phạm tội chống phá nhà nước.

- Mặt khác, chính quyền cộng sản Việt Nam biết rõ những gì đang xảy ra. Vì vậy, họ tăng cường kiểm soát khắp mọi nơi, đặc biệt là vùng ven biển. Do đó, rất nhiều người vượt biên bị bắt khi còn di chuyển trong nội địa hoặc khi tàu của họ vẫn còn trong hải phận Việt Nam.

- Vào thời điểm ấy, mỗi người muốn vượt biên bằng tàu từ Việt Nam sang một nước thuộc Thế Giới Tự Do phải có ít nhất bốn lượng vàng để trả cho chủ tàu hoặc người tổ chức. Hai lượng trả trước, hai lượng còn lại trả sau khi đến được trại tị nạn quốc tế hoặc một nước thuộc Thế Giới Tự Do.

- Tại Việt Nam lúc ấy, vàng là trở ngại lớn nhất đối với người nghèo muốn vượt biên tìm tự do, trong đó có gia đình tôi. Nếu năm thành viên gia đình tôi muốn ra đi, chúng tôi cần ít nhất mười lượng vàng để trả trước cho chủ tàu trước khi đặt chân lên tàu. Làm sao gia đình tôi có được số vàng ấy? Tài sản duy nhất còn lại của gia đình sau tháng Tư năm 1975 là một căn nhà nhỏ mái tôn trị giá khoảng bốn lượng vàng. Việc bán căn nhà ấy không dễ, vì giữa trưa nắng nó nóng như một lò lửa. Mà nếu có người chịu mua, chúng tôi cũng không thể bán, vì sẽ không còn nơi nào để ở. Rõ ràng

là chúng tôi không có đủ điều kiện để biến giấc mơ thành hiện thực.

- Tuy nhiên, nhờ sự giúp đỡ của thân nhân và bạn bè, gia đình tôi đã có tổng cộng sáu lần vượt biên bằng tàu để tìm tự do. Trong số đó, hai lần thất bại và kết thúc bằng tù tội, hai lần bị kẻ gian lừa đảo, một lần bị hủy bỏ, và lần cuối cùng một mình tôi đã đến được trại tị nạn của Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc tại Indonesia. Sau đây là những lần vượt biên của gia đình tôi:

***Lần thứ nhất:**

Vào tháng Tư năm 1981, một cặp vợ chồng sống gần nhà chúng tôi ở thành phố Cần Thơ đến thăm. Sau vài câu chào hỏi, họ cho biết gia đình và bà con của họ đã mua một chiếc tàu để vượt Biển Đông tìm tự do. Tuy nhiên, họ cần thêm tiền để mua thiết bị điện tử và lương khô cho chuyến đi. Vì vậy, nếu gia đình tôi muốn cùng đi với họ, chúng tôi chỉ cần trả trước hai lượng vàng để họ mua thiết bị và lương thực. Sau khi tới được trại tị nạn Liên Hiệp Quốc hoặc một nước thuộc Thế Giới Tự Do, mỗi người trong gia đình tôi sẽ trả thêm cho họ một lượng vàng nữa.

Chúng tôi đã quen biết cặp vợ chồng này nhiều năm, nên tin rằng họ là người lương thiện, không có ý lừa đảo. Vì vậy, chúng tôi thành thật nói rằng gia đình hiện không có nổi một lượng vàng, huống hồ là hai lượng. Tuy nhiên, nếu vay được hai lượng vàng từ thân nhân ở Sài Gòn, chúng tôi sẽ cùng vượt biển với họ.

Vài ngày sau, vợ tôi lên Sài Gòn gặp bà chị dâu của tôi để vay số vàng ấy. Người chị dâu của tôi đồng ý cung ứng hai lượng vàng với điều kiện là chúng tôi phải cho đứa con trai 16 tuổi tên Thao của bà đi cùng.

Sau khi vợ tôi trở về Cần Thơ, chúng tôi báo lại với chủ tàu điều kiện mới là chúng tôi sẽ trả trước hai lượng vàng, còn mười hai lượng còn lại (hai lượng cho cháu tôi và mười lượng cho năm người trong gia đình) sẽ được trả trong vòng hai năm sau khi định cư tại một nước thuộc Thế Giới Tự Do. Họ chấp thuận đề nghị ấy. Khoảng một tháng sau, cặp vợ chồng ấy báo cho chúng tôi biết nơi hẹn, thời gian và cách đi đến khúc sông nơi tàu neo đậu. Họ cũng chỉ cho chúng tôi biết những trạm kiểm soát của công an và cách tránh né.

Gia đình năm người của tôi cùng cháu Thao cuối cùng chúng tôi cũng tới được điểm hẹn. Khi bước lên tàu, tôi không thể không cảm thấy thất vọng, vì nó chỉ là một chiếc ghe đi trên sông nhỏ bé, dài khoảng mười mét và rộng hơn một mét. Tôi nghĩ chiếc ghe này nó hoàn toàn không thích hợp cho một hành trình dài ngày trên biển cả.

Tôi liền bày tỏ sự lo lắng của tôi với chủ tàu. Ông ta đã an ủi tôi: *“Anh Sáu ơi! Đừng quá lo như vậy vì hiện nay là mùa biển yên, không có bão tố hay cuồng phong. Người ta thường nói: Tháng Ba bà già đi biển, nên ghe của chúng ta chắc chắn sẽ đến bến bờ an toàn.”*

Tôi không hoàn toàn tin lời giải thích ấy, nhưng lúc đó cũng là lúc không an toàn cho chúng tôi quay trở về, vì chúng tôi có thể bị công an bắt trên đường về. Hơn nữa, người chủ tàu và thân nhân của ông ta trên con tàu ấy lo sợ rằng, sự trở về của gia đình tôi có thể làm lộ bí mật chuyến vượt biên của họ, khiến họ lo sợ và tức giận nhận chìm cả gia đình tôi xuống đáy sông.

Hoàn cảnh lúc ấy của gia đình tôi, khiến tôi nhớ tới câu tục ngữ: *“Cười lên lưng cọp đã khó, nhưng xuống khỏi lưng cọp còn khó gấp trăm lần.”* Mặt khác nếu gia đình tôi

trở về thì việc đòi lại hai cây vàng mà gia đình tôi đã trả trước khi ra đi, kể như không bao giờ còn đòi lại được nữa và tôi phải ăn nói với bà chị dâu của tôi thế nào đây? Gia đình tôi lúc ấy như người đã lờ trôi trên lưng cọp rồi, thật khó để có thể xuống khỏi lưng cọp một cách an toàn, nên đành phải: *“Một liều ba bảy cũng liều, cầm bằng như trẻ chơi diều đứt dây.”*

Ngay sau đó, chúng tôi được yêu cầu chui xuống khoang ghe. Khi bước xuống, chúng tôi vô cùng sửng sốt khi thấy bên trong đã có rất nhiều người lớn và trẻ em nằm chen chúc sát bên nhau như cá mè trong hộp. Trên ghe, chủ ghe xếp đầy những lớp đồ sành để ngụy trang. Nếu công an nhìn thấy chiếc ghe này, họ sẽ nghĩ đây chỉ là ghe buôn đồ sành và hy vọng họ sẽ cho ghe đi qua trạm kiểm soát.

Sáng hôm sau, khi giờ giới nghiêm chấm dứt, chiếc ghe “buôn đồ sành sứ” của chúng tôi bắt đầu di chuyển. Ghe phải chạy khoảng tám mươi cây số dọc theo sông Hậu mới ra tới cửa biển. Trên đường ra cửa biển, ghe của chúng tôi bị chặn lại tại nhiều trạm kiểm soát của công an, nhưng họ chỉ nhìn sơ qua rồi cho đi tiếp. Đến lúc trời bắt đầu nhá nhem tối, chiếc ghe của chúng tôi tới cửa sông. Chủ ghe tuyên bố rằng chúng tôi đã vượt qua tất cả các trạm kiểm soát của công an. Mọi người đều cảm thấy nhẹ nhõm và vui mừng. Tất cả hành khách đều ngồi dậy hoặc đứng lên. Chúng tôi ném toàn bộ đồ sành sứ ngụy trang xuống sông.

Tuy nhiên, đúng lúc mọi người hân hoan như thể sắp đặt chân đến Thế Giới Tự Do, một loạt đạn bắt ngờ nổ vang trên đầu chúng tôi và một chiếc tàu công an đường thủy xuất hiện. Ánh đèn pha của họ chiếu thẳng vào mặt mọi người. Một giọng nói lớn từ tàu công an quát lên: *“Ngừng máy ngay*

lập tức! Giơ tay lên và ngồi xuống! Ai không tuân lệnh sẽ bị bắn bỏ!”

Chiếc tàu công an tiến sát ghe của chúng tôi, rồi hai công an nhảy xuống ghe của chúng tôi. Tất cả đàn ông trưởng thành, trong đó có tôi, đều bị trói hai tay ra sau lưng và ngồi xuống lòng ghe. Sau khi trói chúng tôi xong, một viên công an nhìn chiếc ghe từ đầu đến cuối rồi nói: “*Các người bị bắt là may mắn lắm đó! Nếu không thì tất cả các người sẽ trở thành mồi cho cá biển rồi. Chiếc ghe đi sông nhỏ như thế này không thể nào sống sót ngoài biển cả được.”*

Cho đến bây giờ, hơn bốn mươi năm đã trôi qua, những lời ấy đôi khi vẫn còn vang vọng bên tai tôi. Nghe qua có vẻ nghịch lý, nhưng thật ra lại rất hợp lý. Nếu chúng tôi không bị bắt, rất có thể cả gia đình tôi đã chết chìm ngoài biển. Tôi không biết việc bị bắt hôm ấy là may mắn hay bất hạnh cho gia đình mình.

Chiếc ghe của chúng tôi bị kéo về đồn Công An Biên Phòng 904, và sáng hôm sau tất cả mọi người trên ghe bị đưa vào nhà tù Tà Niên thuộc tỉnh Kiên Giang.

Một tuần sau, ba đứa con của tôi và Thao được cho về, vì đều dưới 18 tuổi, nhưng vợ chồng tôi vẫn tiếp tục bị giam. Cháu Thao dẫn ba đứa con tôi lên Sài Gòn sống với gia đình của bà chị dâu của tôi.

Ba tháng sau, tất cả người lớn bị bắt trên ghe đều được thả, ngoại trừ chủ ghe và người lái ghe. Khi khai lý lịch với công an sau khi bị bắt, vợ và các con tôi khai đúng tên thật và địa chỉ thật. Riêng tôi dùng tên giả và địa chỉ giả. Vì nếu tôi khai tên thật, công an sẽ phát hiện tôi là cựu sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, mới được thả khỏi trại cải tạo một năm trước và vẫn còn trong thời gian quản chế. Như vậy, tôi có thể bị phạt ít nhất ba năm tù nữa. Nhờ dùng tên

giả, tôi được thả khỏi nhà tù Tà Niên sau ba tháng cùng lúc với vợ tôi.

Sau khi được thả, chúng tôi lập tức đón xe lên Sài Gòn thăm các con. Chúng đang sống tại nhà chị dâu tôi. Sáng hôm sau, vợ và ba đưa con trở về Cần Thơ mà không có tôi đi cùng. Khi nhìn họ bước lên chiếc xe đồ tại Xa Cảng Miền Tây để trở về Cần Thơ, tim tôi như ngừng đập và nước mắt tuôn rơi trên má. Việc dùng tên giả và địa chỉ giả giúp tôi được ra tù sớm, nhưng đồng thời lại không cho phép tôi trở về Cần Thơ cùng vợ con. Nếu tôi trở về với họ, dĩ nhiên tôi phải đến trình diện công an địa phương và giải thích lý do vì sao vắng mặt trong thời gian bị quản chế. Tôi không thể trình công an Cần Thơ giấy ra tù mang tên giả và địa chỉ giả, vì đó sẽ là bằng chứng cụ thể để họ kết tội tôi khai man lý lịch và đưa tôi trở lại tù hay trại cải tạo ít nhất thêm ba năm nữa. Vì thế, tôi buộc lòng phải sống chui lủi tại Sài Gòn nhờ sự cưu mang của thân nhân và bạn bè.

Dĩ nhiên, tôi không thể có tên trong bất cứ sổ hộ khẩu nào hay xin giấy phép tạm trú. Nếu công an đột kích vào căn nhà nơi tôi đang ở bất hợp pháp, tôi có thể bị bắt và tổng giam ngay lập tức. Do đó, tôi không dám ở quá vài ngày với bất cứ gia đình nào. Tôi phải lang thang từ nhà này sang nhà khác như một kẻ vô gia cư giữa thành phố Sài Gòn. Tuy nhiên, tôi chưa bao giờ từ bỏ hy vọng rằng một ngày nào đó trong tương lai, tôi sẽ đến được Thế Giới Tự Do.

Để biến giấc mơ ấy thành hiện thực, tôi phải cố gắng tìm mọi cách để ra đi. Tôi cũng quyết định rằng trong những lần vượt biên sau này, tôi sẽ đi một mình. Nếu tôi bị giết ngoài biển bởi bão tố hay hải tặc Thái Lan, thì chỉ một mình tôi chết. Nếu thành công, tôi sẽ bảo lãnh vợ con sang đoàn tụ tại Thế Giới Tự Do. Vì vậy, tôi cố gắng tìm kiếm những

người quen và bạn bè hoặc họ mua ghe để tổ chức vượt biên cho gia đình họ, rồi cho tôi đi kè, hoặc họ quen biết với những người tổ chức vượt biên bằng ghe và bảo lãnh việc cho tôi đi trên ghe của họ và tôi và gia đình tôi sẽ trả tiền sau.

****Lần thứ hai:***

Khoảng giữa năm 1982, khi tôi đang sống lang thang, cầu bơ, cầu bắt, nhờ và bạn bè và bà con ở Saigon thì nhà tôi từ Cần Thơ lên Sài Gòn thăm tôi. Khi gặp nhau, nhà tôi cho biết là kẻ có một người đàn ông thấp nhỏ đến nhà xưng danh là Luân Vũ và là cháu họ của tôi. Anh ta nói muốn gặp tôi càng sớm càng tốt, và còn cho biết thêm là anh ta có thể giúp tôi rời Việt Nam sang một nước thuộc Thế Giới Tự Do.

Tôi biết Luân từ khi anh ta còn nhỏ, nhưng không hiểu nhiều về anh lúc trưởng thành. Cha anh ta và tôi cùng chung ông nội, và cha anh là một người đảng hoàng từng giúp gia đình tôi rất nhiều khi chúng tôi chạy trốn từ miền Bắc cộng sản vào miền Nam quốc gia vào năm 1955. Vì vậy, tôi tin rằng Luân cũng là người tử tế như cha của Luân. Việc Luân cho biết có thể giúp tôi trốn chạy sang một quốc gia trong Thế Giới Tự Do, khiến tôi, tôi thu xếp đi Cần Thơ ngay trưa hôm ấy. Khoảng nửa đêm chúng tôi tới nhà Luân. Anh ta sắp xếp cho tôi ngủ lại nhà anh, còn vợ tôi trở về nhà với các con.

Sáng hôm sau, Luân cho tôi biết rằng anh ta và vài người bạn thân đã mua một chiếc tàu biển để chuẩn bị vượt biên cho gia đình họ. Chiếc tàu hiện đang neo tại một con sông trong làng của vợ anh ta, gần vùng ven biển, và đang được một người bạn của anh ta trông coi. Tuy nhiên, Luân và bạn anh ta không đủ tiền để mua các thiết bị điện tử cần thiết cũng như thực phẩm khô cho chuyến đi. Vì vậy, anh ta muốn gặp tôi để hỏi xem tôi có muốn tham gia chuyến vượt

biên này không. Nếu muốn, tôi chỉ cần góp một ít tiền hoặc vàng vừa đủ để mua thiết bị và thực phẩm khô, rồi một vài người trong gia đình tôi có thể cùng đi với họ trên chiếc tàu ấy.

Tôi lập tức từ chối lời đề nghị của Luân và cho Luân biết rằng gia đình tôi thật sự rất muốn vượt biên tìm tự do, nhưng hoàn cảnh hiện tại vô cùng nghèo khó nên tôi không có tiền hay vàng để giúp anh ta thực hiện việc này. Sau khi suy nghĩ một lúc, Luân nói với tôi:

“Cháu biết chú là người giao thiệp rộng rãi nên quen biết rất nhiều người. Vì vậy, chú hãy tìm gặp bạn bè và những người quen biết của chú, xem ai có thể góp một số tiền hoặc vàng đủ để mua thiết bị điện tử và thực phẩm khô cho chuyến đi không? Nếu họ đóng góp được khoản tiền cần thiết này thì một vài người trong gia đình họ sẽ ra đi trên chiếc tàu này. Và nếu chú thành công trong việc này, cháu sẽ cho chú và một đứa con của chú cùng vượt biên trên tàu.”

Vì Luân là con trai của người anh họ tử tế của tôi nên tôi tin anh ta là người thật thà, không nỡ lòng lừa gạt bà con thân thích của mình. Vì vậy, tôi chấp nhận lời đề nghị ấy. Ngay sau đó, tôi trở về Sài Gòn để thực hiện lời hứa của tôi.

Sau khi về Sài Gòn, tôi bắt đầu đi thăm một số gia đình quen biết thân thiết và cho họ biết về chuyến đi này. Trong số những gia đình mà tôi thăm viếng có người chị một người bạn thân tôi tên Kinh là người quen biết tôi nhiều năm. Chồng bà và ba người khác trong gia đình bà đang tìm đường trốn khỏi Việt Nam sang một nước thuộc Thế Giới Tự Do. Vì thế khi tôi kể cho bà nghe về chiếc tàu của Luân, bà đồng ý ngay. Sở dĩ bà không ngần ngại chấp nhận lời đề nghị là vì bà tin tôi là người trung thực và là một người bạn thân của em trai bà suốt nhiều năm thời còn đi học. Do đó, bà đồng ý

trả trước hai lượng vàng và sẽ trả thêm hai lượng vàng nữa khi bốn thành viên trong gia đình bà đến được một nước thuộc Thế Giới Tự Do, với điều kiện Luân phải cho bốn người trong gia đình bà đi trên tàu.

Tôi báo tin này cho Luân. Vài ngày sau, Luân đến căn nhà nơi tôi đang sống chui lủi. Tôi kể cho anh ta nghe về gia đình bà Kinh cùng những điều kiện mà bà đưa ra. Luân rất vui và chấp nhận đề nghị này. Luân nói anh ta không cần nhiều tiền, mà chỉ cần đủ để mua thiết bị điện tử và thực phẩm khô cho chuyến đi. Vì vậy, tôi dẫn Luân đến nhà bà Kinh để anh ta trực tiếp nói chuyện với bà Kinh, bởi tôi chỉ muốn đóng vai trò trung gian mà thôi.

Tuy nhiên, trước khi giao hai lượng vàng trả trước cho Luân, bà Kinh nhìn tôi và nói: *“Tôi không biết cậu này, nhưng tôi biết cậu. Tôi không tin cậu này nhưng tôi tin cậu. Tôi giao cho cậu này hai lượng vàng vì tôi tin cậu. Vì tin cậu là người tốt nên tôi cũng tin cậu này là người tốt như cậu.”*

Những lời nói của bà Kinh, khiến tôi bối rối. Thực ra tôi không biết Luân là người tốt hay xấu. Sở dĩ tôi tin Luân là một người tốt vì Luân là con trai một người anh họ rất tốt bụng của tôi.

Ba tuần sau khi nhận vàng, Luân trở lại Sài Gòn. Anh ta cho bà Kinh và tôi biết rằng chiếc tàu đã được trang bị đầy đủ, thực phẩm khô cũng đã sẵn sàng xuất phát. Sau đó, Luân dẫn bốn người trong gia đình bà Kinh và tôi xuống Cần Thơ. Chúng tôi ngủ lại nhà cha vợ của Luân. Sáng hôm sau, khi Luân chuẩn bị đưa chúng tôi đến làng của vợ anh ta, nơi chiếc tàu đang neo đậu, thì một thanh niên đến thì thầm điều gì đó với Luân rồi nhanh chóng rời đi. Ngay sau khi người thanh niên bỏ đi, Luân cho biết đó là người bạn thân của Luân, đồng thời cũng là người đang trông coi chiếc tàu.

Sau khi người bạn rời khỏi, Luân nói rằng người này vừa báo cho anh ta biết có vài công an xuất hiện tại ngôi làng nơi chiếc tàu neo đậu, nhưng anh ta không rõ lý do thật sự vì sao họ có mặt ở đó. Vì vậy, người bạn đề nghị phải hoãn chuyến vượt biên sang ngày khác. Ngay sau đó, Luân khuyên chúng tôi nên quay về Sài Gòn và anh ta sẽ liên lạc với chúng tôi. Chúng tôi đã trở về Sài Gòn ngay sau đó.

Hai tuần sau, Luân đến gặp chúng tôi tại Sài Gòn và nói rằng nhóm công an xuất hiện ở làng của vợ anh ta hai tuần trước là để điều tra một vụ cướp chứ không phải vì chuyến vượt biên của chúng tôi.

Sau đó, anh ta dẫn bốn người gia đình bà Kính và tôi đến Bến Xe Miền Tây ở Sài Gòn đi Cần Thơ để bắt đầu một chuyến vượt biển dài ngày trên con tàu của anh ta. Khoảng 8 giờ 30 tối, Luân dẫn chúng tôi đến một xóm nhỏ nằm trong vùng quê hẻo lánh và cho biết là ngôi làng kế cận và không xa với làng của vợ anh ta, nơi con thuyền vượt biên đang đậu. Rồi Luân dẫn chúng tôi vào một căn nhà của một người bạn của Luân, và nói với chúng tôi rằng, khoảng 2 giờ sáng anh ta sẽ quay lại đưa chúng tôi ra tàu để khởi hành. Sau khi thì thầm điều gì đó với chủ nhà, Luân rời đi.

Khoảng 1 giờ sáng hôm đó, Luân quay lại với vẻ mặt đầy lo lắng. Anh ta nói rằng người giữ tàu vừa báo cho anh ta biết có công an đang lảng vảng quanh khu vực con sông nơi tàu neo đậu và Luân thêm rằng rất có thể chuyến vượt biên bí mật bằng tàu của chúng tôi có thể đã bị lộ, và toàn công an đang chờ lúc chúng tôi xuống tàu để bắt giữ cả tàu lẫn người vượt biên. Vì vậy, tàu không thể khởi hành đêm nay được và chúng tôi nên rời khỏi ngôi làng này ngay bây giờ để tránh hậu họa.

Sau đó, Luân dẫn chúng tôi băng qua một cánh đồng lúa rộng lớn phía sau làng. Qua một quãng đường đi bộ khá dài, chúng tôi đến một con đường liên tỉnh và lên một chiếc xe đò đi về thành phố Cần Thơ.

Sau khi tới bến xe Cần Thơ, Luân lại dẫn chúng tôi lên một chiếc xe đò khác để trở về Sài Gòn. Trước khi chiếc xe khởi hành, Luân nói rằng trong vòng vài tuần nữa anh ta sẽ đến gặp lại chúng tôi. Khoảng bốn tuần trôi qua nhưng chúng tôi không nghe được bất kỳ tin tức nào từ Luân. Điều đó khiến chúng tôi bắt đầu nghi ngờ về sự trung thực của Luân. Bà Kính yêu cầu tôi phải xuống Cần Thơ gặp Luân càng sớm càng tốt.

Trong lúc chuẩn bị chuyến đi xuống Cần Thơ để gặp Luân, có một người bà con tên Đắc đến thăm tôi. Đắc và tôi là con cô con cậu. Đắc và Luân cũng là con cô con cậu, nên biết Luân nhiều hơn tôi. Nhân dịp này, tôi kể cho Đắc nghe, việc tôi sắp đi Cần Thơ và mục đích chuyến đi của tôi là để gặp Luân về vụ vượt biên. Sau khi nghe xong câu chuyện, Đắc quả quyết rằng, tôi đã bị Luân lừa. Đắc còn cho biết thêm là Luân nghèo đến mức không đủ tiền mua gạo ăn cho gia đình Luân, thì làm sao có tiền để mua tàu vượt biển được?

Sau khi nghe Đắc nói, cộng thêm việc hai chuyến đi liên tiếp đều bị hoãn với những lý do mập mờ, tôi không còn nghi ngờ gì nữa mà tin chắc tôi và gia đình bà Kính đã bị Luân lừa. Nhưng dù sao đi nữa, tôi cũng phải gặp Luân cho ra lẽ.

Khi gặp Luân tại nhà anh ta ở ở Cần Thơ, Luân cho biết lý do anh ta không lên Sài Gòn gặp chúng tôi nữa là vì chiếc tàu đã bị công an địa phương tịch thu do nghi ngờ gia đình bên vợ Luân dùng tàu này để tổ chức vượt biên. Luân còn cho biết thêm rằng bản thân anh ta đang bị chính quyền

địa phương theo dõi vì họ nghi anh ta là người cầm đầu một tổ chức đưa người vượt biên. Luân còn thêm rằng: “*Chú không nên đến nhà cháu nữa, vì khi thấy chú đến nhà cháu, chính quyền địa phương nghi ngờ chú là một thành viên trong tổ chức vượt của cháu.*”

Nghe những lời đó, tôi hiểu ngay rằng việc Luân bảo tôi đừng quay lại nhà hắn nữa thực chất là muốn cắt đứt mọi liên hệ giữa kẻ lừa đảo và nạn nhân. Tôi giận dữ đến mức muốn đứng dậy đâm thẳng vào khuôn mặt trơ tráo của Luân cho hả giận, song tôi phải cố sức kìm hãm cơn nóng giận của tôi và trước khi rời nhà Luân, tôi đã nói thẳng vào mặt Luân rằng:

“Ban đầu cháu tưởng chú giàu, nên giả làm chủ tàu để lừa gạt tiền bạc của chú. Sau khi biết rõ chú nghèo rớt mòng tơi không còn tiền bạc để lường gạt tiền bạc nơi chú được; song cháu biết chú là người lương thiện và có uy tín đối với người thân quen, nên cháu đã dùng chú để lường gạt tiền bạc từ những người thân quen của chú. Cháu là một người tồi bại, tận lương tâm đã lừa gạt một người chú họ đang ở trong hoàn cảnh khốn cùng và chẳng còn tiền bạc trong tay mà chỉ còn lại một chút danh dự của một con người có học. Nay chút ít danh dự còn lại ấy lại bị cháu tước đoạt nốt. Kể từ đây, chú không muốn nhìn bộ mặt đốn mạt và trơ trẽn của cháu nữa. Cháu không xứng đáng là con của người anh họ lương thiện của chú, mà chỉ là một kẻ lưu manh.”

Nói xong, tôi liền bước ra khỏi nhà Luân để trở về Sài Gòn và kể lại cho bà Kính những điều Luân đã nói với tôi, cùng tất cả những gì tôi đã nói với Luân, dù biết rằng gia đình bà Kính có thể coi tôi như một kẻ lừa đảo. Tôi giận chính bản thân mình vì đã làm một chuyện ngu ngốc như thế.

Tôi cảm thấy vô cùng xấu hổ về việc mình đã gây ra, nên tôi hầu như không còn muốn gặp thân nhân hay bạn bè nữa.

Sau năm năm bị giam trong các trại tù cải tạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam và hơn một năm sống chui sống ngủ ở Sài Gòn, dù là một người trắng tay, song tôi vẫn giữ được chữ TÍN để sống không hổ thẹn với thân nhân và bạn bè. Nhưng giờ đây, chữ TÍN ấy đã bị Luân, một người cháu họ, vùi dập tan nát mất rồi. Trước khi quyết định vượt biên bằng đường biển, tôi đã biết rõ rằng có rất nhiều kẻ lưu manh lợi dụng thời cơ có nhiều người muốn vượt biên tìm tự do, để tổ chức những chuyến tàu vượt biên lừa đảo và giả tạo để kiếm tiền. Vì thế, tôi rất thận trọng đối với công việc này. Song không ngờ tôi lại bị lường gạt bởi một thằng con trai của người anh họ cùng chung đầu ông với tôi.

Lần thứ ba:

Năm 1983, một người cô của tôi biết rất rõ rằng tôi đang gặp vô vàn khó khăn trong cuộc sống tại Sài Gòn, nên bà muốn giúp tôi thoát khỏi hoàn cảnh ấy. Vì vậy, bà gọi tôi đến nhà. Khi tôi bước vào nhà, bà nói rằng nếu tôi muốn vượt biên tìm tự do, bà sẽ giúp tôi thực hiện điều đó. Tôi quá đỗi ngạc nhiên đến mức tưởng mình nghe lầm. Sau khi xác nhận rõ điều bà nói, tôi lập tức nhận ngay lời giúp đỡ ấy. Sau đó, bà cho biết bà đã sắp xếp cho các con của bà vượt biên bằng tàu, và bà muốn tôi đi cùng với các con bà.

Vào một buổi sáng sớm, tôi và các con của cô tôi được một người của một tổ chức vượt biên dẫn đến bến xe đò Sài Gòn. Tại đây, chúng tôi được dẫn đến một chiếc xe ba bánh đã đậu sẵn và lên chiếc xe này. Sau khoảng bốn mươi phút chạy vòng vèo, chiếc xe dừng trước một căn nhà hai tầng nằm ở vùng ngoại ô Sài Gòn.

Chủ nhà cho chúng tôi vào và căn dặn: “*Các ông bà và các em phải giữ im lặng trong nhà tôi. Khoảng 11 giờ đêm sẽ có một chiếc taxi-boat tới đón. Trong thời gian ở đây, tuyệt đối không được ra ngoài vì bất cứ lý do gì. Nếu thấy có nhiều người lạ xuất hiện trong nhà tôi, công an địa phương có thể nghi ngờ, nhà tôi có chữa chấp nhiều người lạ. Họ sẽ đến kiểm tra hộ khẩu và phát hiện âm mưu vượt biên của các bạn. Khi đó cả các bạn lẫn tôi đều sẽ bị bỏ tù.*”

Sau khi nghe lời dặn dò ấy, tôi đi quanh nhà tìm một góc yên tĩnh để nghỉ ngơi, và tôi phát hiện trong nhà đã có rất nhiều người vượt biên khác đang ngồi lặng lẽ trong các phòng khác nhau. Có lẽ họ đã đến trước chúng tôi vài phút. Vào khoảng 11 giờ đêm, một chiếc taxi-boat cập bến phía sau nhà và chúng tôi lên tàu. Sau bốn giờ chạy dọc theo sông Sài Gòn, chúng tôi đến được điểm hẹn nơi chiếc tàu lớn đang chờ. Trong lúc người lái taxi-boat đang cho chiếc Taxi-boat chạy chậm chậm để tìm chiếc tàu lớn, chúng tôi nhìn thấy một ngọn đèn của một con tàu nào đó bên phải chiếc taxi-boat của chúng tôi chớp tắt năm lần. Người lái taxi-boat cho biết tín hiệu ấy xác nhận rằng chúng tôi đã tìm đúng con tàu lớn đang chờ đợi chúng tôi, rồi ông ta bắt đầu lái taxi-boat hướng về phía chiếc tàu lớn.

Khi chiếc taxi-boat của chúng tôi còn cách chiếc tàu lớn khoảng năm bảy mét, một loạt súng từ chiếc tàu lớn bắt ngờ nổ vang ngay trên đầu chúng tôi. Một ngọn đèn pha cực sáng rọi thẳng vào mặt mọi người, và một giọng nói lớn quát lên: “*Giơ tay lên! Ngồi yên tại chỗ! Không được cử động!*”

Chiếc taxi-boat của chúng tôi được lệnh từ từ đến sát chiếc tàu lớn. Phụ nữ và trẻ em được phép bước sang tàu lớn trước. Tất cả đàn ông trưởng thành, trong đó có tôi, đều bị trói hai tay ra sau lưng rồi bị áp giải từng người một sang tàu

lớn. Khi bị đưa sang tàu lớn, tôi nhận ra rằng đã có rất nhiều người đến tàu lớn trước chúng tôi bằng các taxi-boat khác đang bị giam trên tàu lớn.

Khi gặp những người trên tàu lớn, họ cho chúng tôi biết rằng chiếc tàu lớn đã bị công an chiếm giữ từ trước, rồi họ dùng chính con tàu ấy làm nơi phục kích để bắt những người vượt biên khi các taxi-boat tìm đến con tàu lớn. Khoảng nửa giờ sau, chiếc tàu lớn bị áp tải về thị trấn Cần Giờ. Sau đó chúng tôi bị đưa vào nhà tù Cần Giờ.

Khi bước vào nhà tù này, tôi nhận ra đây là nơi cực kỳ dơ bẩn. Trước khi bị đưa vào đây, tôi đã từng trải qua bảy nhà tù và trại cải tạo khác nhau của Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, nhưng chưa thấy nhà tù dơ bẩn và ghê tởm như nhà tù Cần Giờ. Có lẽ đây là nhà tù dơ bẩn nhất của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Vệ sinh môi trường trong nhà tù này thật khủng khiếp. Các lối đi giữa những buồng giam đầy phân và nước tiểu. Trước cửa mỗi buồng giam người ta phải đắp một bờ cát nhỏ để ngăn phân và nước tiểu tràn vào trong phòng. Mọi lỗ hổng, khe nứt trên sàn nhà, tường và trần đều đầy rệp. Mùi hôi thối nồng nặc đến mức nhiều tù nhân cảm thấy ngột thở.

Không có giường cho tù nhân nằm, vì vậy mọi người phải ngủ trực tiếp trên nền nhà dơ bẩn và ghê tởm ấy. Rất may mắn tôi không phải ở trong nhà tù này nhiều ngày. Sau vài tuần, cô tôi đã hối lộ viên trại trưởng để tôi và một vài người khác được thả.

Lần thứ tư:

Đầu năm 1984, cô tôi lại gọi tôi đến nhà. Khi tôi tới nơi, bà cho biết bà sẽ giúp tôi và một trong các con trai tôi vượt biên bằng tàu cùng với các con của bà. Dĩ nhiên, tôi nhận lời ngay. Vài tuần sau, tôi và con trai tôi tên Thức được

gọi đến nhà cô tôi, tại đây, người tổ chức vượt biên sẽ đến đón chúng tôi đến một ngôi làng gần biển để chuẩn bị xuống tàu vượt biển.

Hai cha con tôi tới nhà cô khoảng 10 giờ sáng hôm ấy. Chỉ vài phút sau, một người đàn ông thấp, gầy nhưng gương mặt sáng sủa xuất hiện và dẫn chúng tôi đến Bến Xe Miền Đông ở Sài Gòn. Sau đó, chúng tôi lên một chiếc xe đồ đi về hướng Bà Rịa. Trên đường đi, người tổ chức cho biết tên ông ta là Mười và kể cho chúng tôi nghe về chiếc tàu của ông ta và ngôi làng nơi tàu đang neo đậu. Ông ta còn nói thêm rằng thực phẩm khô và đồ hộp dùng cho chuyến đi đã được giấu tại căn nhà nơi chúng tôi sẽ tới và nghỉ lại qua đêm.

Khoảng 3 giờ chiều cùng ngày, chiếc xe đồ dừng ngay trước một quán cà phê bên đường và chúng tôi xuống xe. Sau đó xe tiếp tục chạy về thị xã Bà Rịa, còn chúng tôi rẽ vào một con đường mòn để đi vào một ngôi làng nhỏ, cách con lộ Saigon-Bà Rịa khoảng nửa cây số rồi bước vào một căn hộ. Ông Mười cho chúng tôi biết là căn nhà không xa nơi chiếc tàu đang neo đậu là bao. Khi bước vào nhà, chúng tôi được chủ nhà và một người đàn ông trẻ khác là thuộc hạ của ông Mười đón tiếp.

Sau khi nói chuyện vài câu với chủ nhà và người của mình, ông Mười quay sang dặn chúng tôi rằng không được rời khỏi căn nhà. Nếu chính quyền địa phương phát hiện có người lạ trong nhà, chúng tôi sẽ gặp rắc rối. Ông Mười còn cho biết ông ta và người của ông phải quay lại Sài Gòn để đón các con của cô tôi cùng một số người khác cho chuyến đi vào sáng hôm sau.

Chủ nhà chỉ là một người nông dân chất phác. Trong bữa cơm tối, tôi có dịp trò chuyện với ông ấy. Khi tôi nhắc

tới chiếc tàu, ông ta nói ông hoàn toàn không biết gì về nó. Khi tôi hỏi về thực phẩm khô và đồ hộp được giấu trong nhà, ông ta trả lời rằng trong nhà ông chẳng có thứ gì như vậy cả.

Sau khi nghe những điều ấy, tôi biết chắc rằng ông Mười đang lừa cô tôi. Vì vậy, hai cha con tôi muốn lập tức trở về Sài Gòn để báo cho cô biết điều mình vừa phát hiện. Nhưng lúc đó đã 8 giờ tối và không còn xe đồ chạy trên đường Saigon Bà Rịa nữa, nên việc trở về ngay là điều không thể thực hiện được. Do đó, chúng tôi đành phải ở lại qua đêm trong căn nhà ấy với tâm trạng đầy lo lắng. Sáng hôm sau, tôi khê dặn Thúc hãy xin phép tôi trước mặt chủ nhà để đi ra quán cà phê mua đồ ăn sáng, rồi tìm xe trở về Sài Gòn. Thúc làm đúng như lời tôi dặn. Khoảng nửa giờ sau, tôi giả vờ sốt ruột trước mặt chủ nhà vì con trai đi mua đồ ăn sáng quá lâu chưa trở lại, nên nói rằng tôi phải ra quán cà phê tìm nó. Sau đó tôi đi thẳng ra quán cà phê rồi lên xe đồ trở về Sài Gòn.

Thúc, đến nhà cô tôi ở Sài Gòn khoảng 11 giờ sáng. Nó kể cho cô nghe những điều ông Mười đã nói cũng như những gì hai cha con tôi khám phá được từ chủ nhà. Cô tôi lập tức hiểu ngay rằng mình đã bị ông Mười lừa.

Bà cho Thúc biết rằng sau khi đi cùng chúng tôi tới ngôi làng nơi chiếc con tàu ma đang neo đậu, ông Mười đã quay trở lại nhà bà để lấy hai lượng vàng và hứa sáng hôm sau sẽ quay lại đón các con bà ra tàu. Tôi về tới nhà cô lúc 1 giờ chiều, nhưng ông Mười vẫn chưa tới đón các người con của cô tôi như đã hứa. Tất cả chúng tôi đều tin chắc rằng chúng tôi đã bị ông Mười lừa, nhưng vẫn muốn làm thêm một việc cuối cùng để xác nhận điều đó. Vì vậy, Thúc và tôi đạp xe tới địa chỉ mà ông Mười cư ngụ mà ông đã đưa cho cô tôi.

Khi tới căn nhà mà ông Mười cho địa chỉ, chúng tôi gõ cửa, chủ nhà bước ra chào hỏi. Khi tôi hỏi về ông Mười, ông ta trả lời rằng trong gia đình ông không có ai tên Mười cả, và ông cho biết là chúng tôi đã gõ cửa nhầm nhà. Sau đó, hai cha con tôi quay lại nhà cô tôi và kể cho bà nghe những điều vừa phát hiện.

Lần thứ năm:

Năm 1985, một người Việt gốc Hoa bạn thân của tôi là ông Lý Tạc đã gặp lại tôi tại Sài Gòn sau gần mười năm xa cách. Sau khi biết tôi đang sống bất hợp pháp trong thành phố này và đang tìm đường vượt biên tìm tự do, ông bày tỏ ý muốn giúp tôi đạt được mục đích ấy. Ông Tạc đã liên hệ với một vài người bạn Hoa thân thiết của ông và sắp xếp cho tôi đi vượt biên cùng với họ trên một chiếc tàu thuộc về một nhóm gia đình người Hoa.

Ông không yêu cầu tôi phải trả bất cứ khoản gì trước cho nhóm này. Tuy nhiên, nếu chuyến đi thành công, tôi sẽ phải trả cho họ một ngàn Mỹ kim. Chính ông sẽ đứng ra bảo kê món nợ ấy cho tôi. Ông Tạc cũng đã dẫn tôi đi gặp vài người giữ vai trò lãnh đạo trong nhóm tổ chức, và tôi được bảo là phải chuẩn bị sẵn sàng cho ngày khởi hành. Tuy nhiên, đến đúng ngày dự định lên đường, tôi được báo rằng chuyến vượt biên bị hoãn vì có trục trặc trong việc mua bãi đáp. Vài tuần sau nữa, tôi lại được báo rằng chuyến đi bị hủy bỏ vì xảy ra mâu thuẫn giữa những người trong ban tổ chức. Mặc dù chuyến vượt biên không thực hiện được, nhưng tôi vẫn tin đó là một tổ chức vượt biên thật tình, và tôi sẽ không bao giờ quên tấm lòng tốt của ông Lý Tắc — người bạn thân của tôi suốt nhiều năm trước 1975. Ông thật sự là một người bạn tốt. Ông Tạc đã không bỏ rơi bạn mình khi biết tôi đang ở trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn.

Lần thứ sáu:

Đầu năm 1986, cô tôi lại gọi tôi đến nhà một lần nữa. Khi tôi bước vào, bà giới thiệu tôi với một người đàn ông khoảng ngoài bốn mươi tuổi và cho biết ông ta là chủ một chiếc tàu, đồng thời cũng là người tổ chức vượt biên bằng đường biển để đến một nước thuộc Thế Giới Tự Do cho gia đình ông ta. Vì chiếc tàu khá lớn nên ông ta muốn nhận thêm một số khách vượt biên nữa. Cô tôi bảo tôi nói chuyện thẳng với ông ta để xem ông ta có thể giúp tôi cùng vượt biên với gia đình ông ấy không.

Sau khi bàn bạc, người đàn ông đồng ý cho tôi và con trai tôi là Thức đi cùng gia đình ông ta với điều kiện mỗi người phải trả trước một lượng vàng, và sau khi đến được trại tị nạn, vợ tôi ở Cần Thơ phải trả thêm bốn lượng vàng nữa cho cha ông ta tại Sài Gòn và cô tôi sẽ là người bảo lãnh món nợ ấy. Tôi thú thật với ông rằng gia đình tôi nghèo rớt mồng tơi. Chúng tôi không có vàng để trả trước cũng như để trả sau khi tới trại tị nạn và tôi đã cố gắng thuyết phục ông ta cho hai cha con tôi đi cùng mà không cần trả trước. Nếu đến được Thế Giới Tự Do, vợ tôi sẽ trả cho cha ông ta sáu lượng vàng, và cô tôi sẽ đứng ra bảo lãnh khoản nợ ấy.

Sở dĩ tôi dám hứa như vậy là vì một khi hai cha con tôi tới được trại tị nạn, vợ tôi ở Cần Thơ có thể dễ dàng vay số vàng đó từ bà con thân thuộc để trả cho ông ta ở Sài Gòn. Một khi hai cha con tôi đã tới được trại tị nạn hay một nước thứ ba nào đó thuộc Thế Giới Tự do, thì việc trả cả vốn lẫn lời của món nợ ấy không còn khó khăn nữa. Ngoài ra, cô tôi cũng đã đứng ra bảo lãnh cho khoản nợ này. Tuy nhiên, cuối cùng đề nghị của tôi vẫn bị người chủ tàu từ chối.

Vài tuần sau, chủ tàu quay lại nhà cô tôi để gặp tôi. Ông ta cho biết là ông ta đã đổi ý và đồng ý cho hai cha con

tôi vượt biên cùng gia đình ông ta với điều kiện là nếu chuyển đi thành công, mỗi người chúng tôi phải trả cho ông ta 3.000 Mỹ Kim. Vào thời gian này ở Việt Nam 1.000 Mỹ Kim có thể mua được ba lượng vàng. Điều đó có nghĩa là mỗi người chúng tôi phải trả chín lượng vàng Việt Nam nếu tới được trại tị nạn hay một nước thuộc Thế Giới Tự Do.

Dù biết số tiền ấy quá lớn, tôi không do dự chấp nhận lời đề nghị ông ta. Bởi vì tôi biết rằng một khi đặt chân tới nước Mỹ rồi thì việc kiếm được 6.000 đô-la để trả nợ sẽ không phải là điều quá khó khăn nữa. Đây là lần vượt biên thứ ba của Thức và là lần thứ sáu của chính tôi.

Một tuần sau đó, chủ tàu yêu cầu tôi gia nhập thủy thủ đoàn và phải lên tàu chính càng sớm càng tốt để chuẩn bị cho ngày khởi hành. Còn Thức sẽ được đưa tới điểm hẹn với tàu lớn bằng taxi-boat cùng với những người khác vào đêm tàu ra đi.

Hai tuần sau, chiếc tàu được ấn định sẽ khởi hành lúc 4 giờ chiều ngày 15 tháng 3 năm 1986 từ một khúc sông thuộc sông Sài Gòn. Khoảng 11 giờ đêm ngày 15 tháng 3 năm 1986, chiếc tàu chính của chúng tôi đến điểm hẹn, nơi chúng tôi dự định đón các thành viên gia đình của chủ tàu cùng những người vượt biên trên ba chiếc taxi-boat. Sau khoảng hai mươi phút chờ đợi, hai chiếc taxi-boat đã tới tàu chính. Chúng tôi đưa tất cả mọi người từ hai chiếc ấy lên tàu lớn.

Sau khoảng 20 phút chờ chiếc taxi-boat thứ ba nhưng chúng tôi vẫn không thấy chiếc này xuất hiện, nên chúng tôi cho rằng đã có điều bất thường xảy ra với chiếc taxi-boat này. Mặt khác, tàu lớn của chúng tôi còn phải chạy theo sau một chiếc tàu lớn khác có nhiệm vụ dẫn tàu chúng tôi ra biển Vũng Tàu, nên chúng tôi quyết định bỏ lại phía sau chiếc

taxi-boạt thứ ba và khởi hành. Một điều đáng buồn là chiếc taxi-boạt này có Thức con trai tôi và em trai của người bạn gái ông chủ tàu.

Sau hai giờ lênh đênh theo chiếc tàu dẫn đường với ánh đèn nhấp nháy chỉ lối phía trước, rồi đột nhiên động cơ tàu chúng tôi ngừng hoạt động vì trục trặc máy móc. Sau hơn ba mươi phút sửa chữa, máy tàu hoạt động trở lại. Tuy nhiên, lúc ấy chúng tôi không còn nhìn thấy ánh đèn dẫn đường của chiếc tàu kia nữa. Vì vậy, chủ tàu quyết định tiếp tục đi thẳng.

Khoảng một giờ sau, tàu chúng tôi tới một ngã ba sông, nhưng chủ tàu không biết phải rẽ hướng nào. Sau vài phút bàn bạc với thủy thủ đoàn, ông quyết định tìm một nơi tối tăm dọc bờ sông để ẩn náu, tránh các tàu tuần tra của công an địa phương và chờ tới lúc trời sáng, khi chúng tôi có thể nhìn rõ hơn để quyết định hướng đi. Đến 6 giờ 30 sáng, cho máy tàu nổ và chúng tôi rẽ sang trái.

Khoảng 7 giờ 30 sáng, tàu chúng tôi tới cửa sông Vũng Tàu. Vào lúc ấy chúng tôi nhìn thấy một chiếc tàu tuần tra của công an ở phía bên kia sông. Tất cả chúng tôi đều lo sợ rằng chiếc tàu ấy sẽ đuổi theo và bắt giữ tàu chúng tôi, mặc dù chủ tàu trước đó đã hối lộ công an đường sông và họ đã cho phép hai chiếc tàu của chúng tôi đi qua trạm kiểm soát của họ trong khoảng thời gian từ nửa đêm đến 4 giờ sáng. Tuy nhiên, tàu của chúng tôi hư máy nên phải dừng lại để sửa chữa nên tới 7 giờ chúng mới đi qua trạm kiểm soát này. Rõ ràng là chúng tôi đã vi phạm thỏa thuận. Không rõ chiếc tàu tuần tra không nhìn thấy tàu chúng tôi hay họ nhìn thấy nhưng đã cho đi qua.

Khi ra khỏi hải phận Việt Nam, tàu chúng tôi hướng về phía Tây Nam Biển Đông để tránh Vịnh Thái Lan, bởi nơi

đó có rất nhiều hải tặc Thái Lan hoạt động. Chúng cướp bóc, hãm hiếp và giết hại hàng trăm ngàn đồng bào Việt Nam khi các con tàu vượt biên đi ngang qua vùng vịnh ấy.

Trong thời gian lênh đênh giữa đại dương, trước mắt chúng tôi chỉ có trời, mây và nước. Vào lúc này tôi nhận ra rằng chiếc tàu dài khoảng hai mươi feet và rộng bảy feet của chúng tôi thật quá nhỏ bé — giống như một hạt cát nhỏ giữa một sa mạc mênh mông. Mỗi khi nhìn qua ống nhòm và phát hiện một chấm đen ở phía xa, chủ tàu lập tức ra lệnh cho người lái đổi hướng vì chúng tôi nghi đó có thể là tàu hải tặc Thái Lan.

Nếu đem chiếc ghe sông mà gia đình tôi dùng trong lần vượt biên đầu tiên so với chiếc tàu biển mà tôi đi trong lần thứ sáu này, tôi chắc chắn rằng chiếc ghe đầu tiên khó có thể đi đến bến bờ và rất có thể bị sóng biển đánh lật tàu. Toàn bộ gia đình tôi cùng những người khác hẳn đã trở thành mồi cho cá biển nếu hôm đó chiếc ghe không bị công an bắt giữ.

Tóm lại, từ năm 1982 đến năm 1986, sau khi được thả khỏi các nhà tù và trại cải tạo của cộng sản, tôi đã tổng cộng sáu lần tìm cách trốn khỏi cái gọi là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam để tới một quốc gia thuộc Thế Giới Tự Do. Trong sáu lần ấy, tôi bị bắt và bị giam tù hai lần. Có lẽ *“Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhân”* nên, sau bảy ngày bảy đêm lênh đênh trên biển, chiếc tàu của chúng tôi đã cập trại tị nạn trên đảo Kuku vào ngày 20 tháng 3 năm 1986. Vài tuần sau, chúng tôi được chuyển tới trại tị nạn chính thức trên đảo Galang.

Cả hai hòn đảo này đều thuộc Indonesia.

Chương 14
Ai Thắng? Ai Bại?
Sau 50 Năm Nhìn Lại

Cuộc chiến tranh giữa miền Nam Việt Nam hay Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) và miền bắc Việt Nam hay Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH) đã chấm dứt hơn 50 năm rồi, song thực chất bên nào thắng? bên nào bại? dường như vẫn chưa được rõ nét đối với một số đông người vốn dĩ thường suy nghĩ sâu xa. Để có một cái nhìn thấu đáo, chính xác và trung thực cho cuộc chiến này, thiết nghĩ ta cần phải tìm hiểu rõ ràng về thực chất của cuộc chiến này. là gì, thì dường như người ta chưa có một định nghĩa rõ ràng. Trong thời gian 50 năm qua, ta thấy có nhiều định nghĩa khác nhau cho cuộc chiến tranh này.

-Nhiều người cho rằng đó là cuộc **NỘI CHIẾN**. Họ cho rằng cuộc nội chiến này, tương tự như cuộc nội chiến vào thế kỷ 17 giữa Nhà Nguyễn còn gọi là Đàng Trong và Nhà Trịnh còn gọi là Đàng Ngoài.

-Nhiều người khác cho rằng cuộc chiến tranh giữa Nam và Bắc VN vào thời gian 1955-1975, không hẳn là nội chiến, vì nó có sự “tác động” từ thế giới bên ngoài, Thế Giới Tự Do (TGTD) và Thế Giới Cộng Sản (TGCS). Hai thế lực này đã đóng vai trò quan trọng trong cuộc chiến ở Việt Nam. Do đó, họ gọi cuộc chiến tranh này là cuộc chiến tranh **ỦY NHIỆM**. Một bên được sự ủy nhiệm của TGTD và một bên được sự ủy nhiệm của TGCS.

-Cũng có nhiều người khác nghĩ rằng cuộc chiến tranh này là một chiến tranh **XÂM LƯỢC**. Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa hay Cộng Sản miền Bắc xâm lược Việt Nam Cộng Hòa hay Quốc Gia miền Nam. Họ lập luận rằng Hiệp Định Quốc Tế Geneve 1954 đã chia đôi Việt Nam làm hai miền Bắc và Nam tại vĩ tuyến 17 với mục đích là để chấm dứt cuộc chiến tranh Pháp-Việt đã kéo dài nhiều năm. Hiệp định này cũng qui định việc thống nhất Việt Nam sẽ được giải quyết bằng một cuộc Trưng Cầu Dân Ý một năm sau đó. Tuy việc thống nhất bằng Trưng Cầu Dân Ý bất thành, nên Cộng Sản miền Bắc hay VNDCCH nhất quyết đánh chiếm miền Nam bằng được để hoàn thành nhiệm vụ mà Quốc Tế Cộng Sản đã giao cho chúng. Do đó Cộng Sản miền Bắc đã thành lập ở miền Nam cái gọi là Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam để che mắt quốc tế và để quốc tế tin rằng Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam là do sự tự phát của dân chúng miền Nam, nhưng nhân tố đứng sau mặt trận này là Cộng Sản miền Bắc.

-Lại cũng có nhiều người khác nữa cho rằng cả ba “định nghĩa” trên đây đều không sai, nhưng chỉ cho thấy một mặt nào đó của cuộc chiến, song không phải là thực chất của cuộc chiến. Họ cho rằng cuộc chiến tranh

giữa VNDCCH và VNCH thực chất là một cuộc chiến tranh **Ý THỨC HỆ**. Một bên mang **ý thức hệ cộng sản** (Communist Ideology) và một bên mang **ý thức hệ chống cộng sản** (Anti-Communist Ideology). Những người này đã lập luận rằng:

Bên Ý Thức Hệ Cộng Sản (YTH/CS) thì tin rằng, Chủ Nghĩa Cộng Sản (CNCS) là đỉnh cao trí tuệ của nhân loại và chỉ có CNCS mới có thể giải phóng dân tộc Việt Nam thoát khỏi sự kìm kẹp và bóc lột của các đế quốc tư bản, và tạo cơ hội cho nhân dân Việt Nam sánh vai cùng nhân dân các nước trên thế giới, tiến lên Thế Giới Đại Đồng(TGĐĐ). TGĐĐ là thiên đường hạ giới. Trong thế giới này không ranh giới quốc gia và dân tộc, không có người bóc lột người, và mọi người làm việc theo khả năng và hưởng thụ theo nhu cầu.

Bên Ý Thức Hệ Chống Cộng Sản (YTH/CCS) thì tin rằng, CNCS là một chủ nghĩa **không tưởng**, nó được hình thành từ đầu óc của những kẻ không bình thường, và cũng chỉ có những người **đọc mà không hiểu** CNCS, mới tin tưởng vào chủ nghĩa sẽ đưa dân tộc Việt Nam đến bến bờ vinh quang. Bên YTH/CCS cũng tin rằng nếu không chống lại CNCS thì đất nước này sẽ mãi mãi đắm chìm trong đói nghèo và dân tộc này sẽ mãi mãi đắm chìm trong tăm tối triền miên.

Theo thiên ý của tôi thì quan điểm thứ tư có lẽ hợp lý hơn cả. Một khi đã thừa nhận cuộc chiến tranh này là **chiến tranh ý thức hệ** thì người ta cũng phải thừa nhận các hệ quả tất yếu của nó:

-Ngày 30-04-1975, không phải là ngày kết thúc cuộc chiến, mà chỉ là ngày thay đổi hình thức đấu tranh từ

đấu tranh có vũ khí sang đấu tranh không vũ khí hay từ đấu tranh bạo lực sang đấu tranh bất bạo lực.

-Nhìn lại cuộc chiến tranh YTH, người ta không thể không chối cãi được rằng, trong giai đoạn chiến tranh có vũ khí, Quân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa (QCC/VNCH) đã thất bại nặng nề, và nguyên nhân của sự thất bại, không phải vì họ hèn nhát, hay thiếu tổ chức như một người đã phát biểu, mà vì một lý do đơn giản và dễ hiểu là vũ khí của họ bị cạn kiệt.

-Trong một cuộc chiến tranh bằng vũ khí, tất nhiên vũ khí đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc thắng hay bại của mỗi bên. Khi cuộc chiến bước vào một giai đoạn quyết liệt nhất, thì bên VNDCCH được đồng minh Liên Xô và Trung Cộng viện trợ và cung cấp vũ khí vô cùng dồi dào; còn bên VNCH lại bị đồng minh Hoa Kỳ cắt bỏ hoàn toàn viện trợ vũ khí. Do đó việc thất bại của VNCH trong giai đoạn này là một điều không thể tránh.

-Sau thất bại 30/04, Quân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa (QCC/VNCH) bị CSVN trả thù một cách vô cùng dã man tàn bạo. Hãy nghe ông Nguyễn Hộ, một trung ương ủy viên của đảng CSVN, đã tuyên bố trắng trợn về những nét đặc thù của sự trả thù này tại đại hội mừng chiến thắng ở Saigon vào ngày 17-05-1975: ***“Bọn Ngụy, nhà cửa, tiền tài, ruộng vườn của chúng ta tịch thu, con của chúng ta sai, vợ chúng nó ta xài, chồng của chúng nó ta đầy đi tù rục xương nơi rừng thiêng nước độc để chúng trả nợ máu cho nhân dân.”***

-Tuy thất bại và bị trả thù không thương tiếc, song không có nghĩa là QCC/VNCH cùng ý thức hệ chống cộng của họ để bảo vệ độc lập, tự do, dân chủ và nhân quyền cho nhân dân miền Nam nói riêng và nhân dân cả nước nói

chung đã hoàn toàn bị triệt tiêu. Tinh thần và ý chí chiến đấu chống ý thức hệ cộng sản của QCC/VNCH chẳng những vẫn tồn tại mà còn đâm chồi nảy lộc khắp đó đây, ở hải ngoại cũng như ở trong nước, mỗi ngày một nảy nở rộng lớn hơn.

Trong suốt thời gian từ năm 1955 tới năm 1975, QCC/VNCH vừa phải chiến đấu chống cộng sản xâm lược, vừa phải vận dụng các phương tiện truyền thông để làm cho dân chúng miền Nam thấy rõ được cuộc chiến tranh chống cộng sản xâm lược là cần thiết và hoàn toàn có chính nghĩa, vì mục đích của nó là bảo vệ dân chúng miền Nam được sống trong một xã hội có nhân phẩm, có tự do và dân chủ, đồng thời cũng thấy rõ được cuộc chiến tranh xâm lăng miền Nam của Cộng Sản Miền Bắc (CSMB) là hoàn toàn phi nghĩa.

Một câu hỏi được đặt ra ở đây là sự cố gắng này của QCC/VNCH trong 20 năm trong lãnh vực truyền thông đã thuyết phục được bao nhiêu phần trăm dân chúng miền Nam thấy rõ được mục tiêu tranh đấu của QCC/VNCH là hoàn toàn chính nghĩa, và mục tiêu đánh chiếm miền Nam của CSMB là hoàn toàn phi nghĩa? Có lẽ là không có câu trả lời chính xác, song theo sự ước tính của nhiều người, thì kết quả của sự cố gắng này chỉ đạt được vào khoảng trên dưới 50% là cùng. Như thế có nghĩa là, còn có khoảng 50% dân chúng miền Nam đã không thấy được bộ mặt độc ác và phi nghĩa của đảng CSVN, cũng như không thấy được mục tiêu tranh đấu vì chính nghĩa của QCC/VNCH. Hậu quả của sự “không thấy được” này là đại đa số dân chúng miền Nam đã thờ ơ với cuộc tranh đấu chống CS của QCC/VNCH, và một số không nhỏ dân chúng miền Nam kể cả những thành phần trí thức lại còn ngấm ngấm

hoặc công khai tiếp tay cho CSMB và đó cũng là một trong những nguyên nhân đưa đến sự thất bại của QCC/VNCH vào ngày 30-04-1975.

Sau khi chiếm được miền Nam, CSMB đã cho thực thi ngay những gì mà họ đã và đang thực thi ở miền Bắc từ năm 1954, với mục đích gọi là để nâng cao trình độ “thấp kém” về mặt dân trí và “lạc hậu” về mặt xã hội của nhân dân miền Nam cho ngang bằng với trình độ “ưu việt” về mặt dân trí và “tiên tiến” về mặt xã hội của nhân dân miền Bắc. Chỉ ít tháng sau khi được “ưu ái” cho học tập về đường lối và chính sách của đảng CSVN và cho tham gia vào công việc thực thi những biện pháp “siêu việt” để cải thiện xã hội tư bản thối nát miền Nam dưới hình thức như tù cải tạo, đổi tiền, đánh tư sản, kiểm kê tài sản, tờ khai hộ khẩu, vùng kinh tế mới, vân vân và vân vân, đã làm cho người dân miền Nam chẳng những đã “sáng mắt” và “sáng lòng” mà còn “tá hỏa tam tinh nữa”.

Cũng nhờ được Cộng Sản Miền Bắc (CSMB) “giải phóng” miền Nam, và chung sống với họ trong một thời gian, mà đại đa số người dân miền Nam đã nhận ra rằng, lời nói của TT Thiệu: ***“đừng nghe những gì cộng sản nói, mà hãy nhìn những gì cộng sản làm”***, mà trước đây họ nghĩ đó chỉ là những lời lẽ tuyên truyền bôi bẩn đối phương, song chẳng bao lâu sau ngày 30/04 họ đã nhận ra đó là một sự thật, một trăm phần trăm (100%), không thể chối cãi.

Mặt khác, người dân miền Nam cũng nhận ra được một sự thật khác nữa là, trước ngày 30-04-1975, QCC/VNCH chiến đấu chống lại CSMB không phải đánh thuê cho Mỹ như là Việt Cộng tuyên truyền mà là để tránh cho nhân dân miền Nam phải hứng chịu những điều xấu xa

và tội tệt mà CSMB sẽ áp đặt lên đầu lên cổ họ trong tương lai.

Chỉ sau một thời gian ngắn sống dưới ách thống trị hà khắc và man rợ của CSMB, hầu hết người dân miền Nam đã nhận ra rằng: “***Thà chết còn sướng hơn sống với cộng sản***”. Vì thế người dân miền Nam đổ xô nhau đi tìm đường vượt biên, từ thành thị đến thôn quê, từ hang cùng đến ngõ hẻm, đâu đâu người ta cũng thấy dân chúng tùm năm, tùm ba thì thầm tính chuyện vượt biên. Người chọn đường biển, kẻ chọn đường bộ, dù biết rằng đường nào cũng nguy hiểm cả và tỷ lệ đến được bến bờ tự do chỉ độ 50%, phần còn lại là bị đắm tàu, bị cướp biển Thái Lan giết, hoặc nhà cầm quyền CS cầm tù. Cũng từ đó thành ngữ “***nếu cái cột đèn biết đi nó cũng vượt biên***” đã nảy sinh.

Một thanh niên miền Nam trước khi bước xuống thuyền vượt biên đã căn dặn người mẹ thân yêu của mình một câu dặn rằng:

*“Nếu đến được bến bờ tự do, con nuôi má
Nếu chết ngoài biển cả, con nuôi cá
Nếu bị công an bắt, má nuôi con”*

Một sự kiện khác đã nói lên được đại đa số người dân miền Nam, sau ngày 30-04-1975, đã sáng mắt, là một tin đồn lan ra một cách nhanh chóng và rộng rãi trên toàn cõi miền Nam là: “*Nhờ bác và đảng vào giải phóng miền Nam mà nhạc sĩ Văn Vĩ đã sáng mắt*”.

Danh cầm cổ nhạc Văn Vĩ, tên thật là Đinh Văn Dậm sinh năm 1929, bị khiếm thị vì bệnh đậu mùa khi mới ba tuổi. Cho tới nay tại các nước có một nền y học tiên tiến nhất thế giới vẫn chưa tìm được cách cứu chữa cho trường hợp khiếm thị này. Vì lẽ đó, tin đồn này theo nghĩa đen hoàn toàn vô lý, song theo nghĩa bóng quả là nó đã mang

một ý nghĩa vô cùng sâu sắc về sự thức tỉnh của đại đa số dân chúng miền Nam sau những năm tháng dài mơ hồ về con người và chủ nghĩa cộng sản.



Nhạc sĩ Văn Vĩ

Trong vụ giải tỏa khu đất gần chợ Tuyên Nhơn huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, một toán cán bộ thị trấn Thạnh Hóa thay mặt cho chính quyền địa phương đã tới nơi cư trú của gia đình ông bà Nguyễn Trung Can và Mai Thị Kim Hương, vào ngày 13-04-2015, để thông báo lệnh giải tỏa. Trước mặt đám cán bộ này, bà Mai Thị Kim Hương đã thẳng thừng nói như tát nước vào mặt đám cán bộ này rằng:



“Ngày xưa gia đình nhà tao làm đường lạc lối, ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản. Bây giờ để cộng sản cướp đất cướp nhà tao.... Bây giờ bốn mươi năm rồi... tao quyết tâm tiêu diệt cộng sản...”

Nói khác đi là nhờ vào việc thất bại đáng cay của QCC/VNCH vào 30-04-1975 mà đại đa số nhân dân miền Nam đã nhận ra được cuộc chiến đấu chống lại CSMB của họ là hoàn toàn chính nghĩa, và trong cuộc đánh chiếm miền Nam của CSVN là hoàn toàn phi nghĩa.

Mặt khác cũng nhờ việc thất bại của QCC/VNCH vào ngày 30//75 mà người dân miền Bắc cũng đã nhận ra được là họ đã bị đảng CSVN lừa gạt và bịp bợm một cách vô cùng cay đắng và những lời dấy bảo nhân dân miền Bắc của ông Hồ và đảng CSVN về miền Nam chỉ là những lời lẽ tuyên truyền giả dối, láo khoét để khai thác lòng yêu nước mù quáng của người dân miền Bắc và để thúc đẩy họ lao đầu vào miền Nam không phải là giải phóng mà là chém giết anh em và đồng bào miền nam của họ để phục vụ cho mục tiêu bỉ ổi của đảng CSVN là làm tay cho Liên Xô và Trung Cộng như chính bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam, Lê Duẩn, đã long trọng xác nhận; **“Ta đánh Mỹ là đánh cho Trung Quốc và Liên Xô”**.

Dưới đây là nhận thức của một số nhà văn, nhà báo, nhà thơ, cán binh, cán bộ ở miền Bắc đã vào công tác, tham quan miền Nam sau ngày 30/04/1975:

-Nhà văn Dương Thu Hương:

Theo bà Hương thì *“Ở miền Bắc tất cả mọi báo đài, sách vở đều do nhà nước quản lý. Dân chúng chỉ được nghe đài Hà Nội mà thôi; và chỉ có những cán bộ được tin tưởng lắm mới được nghe đài Sơn Mao, tức là đài phát thanh Trung Quốc. Còn toàn bộ dân chúng chỉ được nghe loa phóng thanh tập thể; có nghĩa là chỉ được nghe tiếng nói một chiều. Vào Nam tôi mới hiểu rằng, chế độ ngoài*

Bắc là chế độ man rợ vì nó chọc mù mắt con người, bịt lỗ tai con người.”

-Nhà thơ Phan Huy:

Theo ông Huy thì trước ngày 30-04-1975, người dân ở trên vĩ tuyến 17 bị đảng CSVN bịt bọm đến nỗi:

“Chẳng biết gì ngoài bác, đảng kính yêu

Xã hội sơ khai tầy nào một chiều

Con người nói năng như chim vẹt

Mở miệng ra là: ‘Nhờ ơn Bác và Đảng

Chế độ ta ưu việt nhất hành tinh”

Nói khác đi là thi sĩ Phan Huy đã cho ta thấy rõ dân chúng miền Bắc sống trong một xã hội bưng bít và bịt bọm bởi đảng CSVN, nên chỉ thấy những gì mà đảng CSVN muốn cho họ thấy, chỉ được nghe những gì mà đảng CSVN muốn cho họ nghe, và chỉ được làm những gì mà đảng CSVN bảo họ làm.

Trong bài thơ có tựa đề là **“Tâm sự một đảng viên”**, ông Phan Huy cũng đã cho biết là người dân miền Bắc nhìn đâu đâu cũng chỉ thấy bác và đảng vĩ đại và trong cái khung trời bít bùng người dân đã được bác và đảng nhồi nhét và dạy bảo:

“Rằng tại Miền Nam, nguy quyền bách hại

Đim nhân dân dưới áp bức bạo tàn

Khắp nơi nơi cảnh đói rách cơ hàn

Đang rên siết kêu than cần giải phóng”

Sau ngày 30-04-1975, Phan Huy có cơ hội bước chân vào miền Nam, ông nhận ra rằng, cuộc sống của người dân miền Nam hoàn toàn khác với những lời dạy bảo dối trá của bác và đảng, khiến niềm tin của ông vào đảng và bác sụp đổ hoàn toàn:

“Đến Sài Gòn, tưởng say men chiến thắng

Nào ngờ đâu sụp đổ cả niềm tin

Khi điều ngoa dối trá hiện nguyên hình

Trước thành phố tự do và nhân bản.”

-Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang

Tiến sĩ NTG, đã viết một lá Thư Ngỏ gửi nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam vào ngày 03-02-2010 từ nhà riêng của ông ở Hà Nội, trong thư ông NTG tuyên bố ông sẽ tự thiêu nếu nhà cầm quyền Hà Nội tiếp tục có những hành vi xúc phạm tới ông và gây áp lực lên những người thân quen của ông. Dưới đây là một trích đoạn vạch mặt những người CSVN trong lá thư này:

“Cảm ơn các đồng anh linh đã cho tôi hưởng đến nay đã 74 tuổi trời. Tôi không còn ân hận, cũng không nuối tiếc gì nhiều nữa mà sẵn sàng bật cháy lên ngọn lửa căm phẫn ngất trời để mọi người nhanh chóng nhìn rõ những bộ mặt, những tâm địa xảo trá bất lương của những kẻ bất chấp công lý, đạo lý, đầy đọa mãi nhân dân tôi trong những nỗi đắng cay, oan khuất trường cửu.”

-Nhạc sĩ Việt Khang

Việt Khang tên thật là Võ Minh Trí, sinh năm 1978 tại Định Tường. VK sáng tác nhiều bản nhạc có giá trị. Trong số những bản nhạc này, có hai bản rất nổi tiếng và đã được dịch sang nhiều thứ tiếng khác nhau là “Anh Là Ai” và “Việt Nam Tôi Đâu”. Trong hai bản nhạc này, Việt Khang đã thẳng thắn vạch trần bộ mặt thật của CSVN, thực chất chỉ là những kẻ tay sai bán nước, khiến nhà cầm quyền CSVN vô cùng tức giận, nên đã kết án Việt Khang ba năm tù ở và hai năm quản chế.

Trong bản “Anh Là Ai”, Việt Khang đã nói thẳng là CSVN là tay sai của Trung Cộng và đã hỏi ngay vào mặt chúng rằng:

“Dân tộc anh ở đâu?

Sao đang tâm làm tay sai cho Tàu?

Để ngàn sau ghi dấu

Bàn tay nào nhuộm máu đồng bào”

Trong bài “Việt Nam Tôi Đâu”, Việt Khang đã gọi đích danh CSVN là quân bán nước và kêu gọi dân chúng vùng lên chống lại chúng:

*“Từng đoàn người đi chẳng nề chi
Già trẻ gái trai giờ cao tay
Chống quân xâm lược, chống kẻ nhu nhược
Bán nước Việt Nam”*

-Nguyễn Vũ Sơn

Nguyễn Vũ Sơn sinh năm 1991 tại Saigon, có bằng cử nhân về marketing tại Singapore, hiện nay đang là sinh viên du học tại Mỹ với ý định học lên nữa để lấy bằng Thạc Sĩ và Tiến Sĩ. NVS là tác giả nhiều bản nhạc rap nổi tiếng, trong đó có một bài mang tựa đề là “Địt Mẹ Cộng Sản” (ĐMCS) tuy tục tĩu, song chính những từ ngữ không mấy thanh lịch này đã lọt tả được đầy đủ mức căm giận tột đỉnh của lớp trẻ trong xã hội Việt Nam hiện nay. Dưới đây là một trích đoạn mà cụm từ ĐMCS được NVS dùng như một điệp khúc được lấy đi lấy lại sau mỗi lời ca và câu hát.



*Tao không vào địa ngục thì ai? ĐMCS
Muốn thay đổi đất nước là sai? ĐMCS
Mày dám bán đất đai tổ tiên? ĐMCS
Giết người, bịt mắt, bịt miệng? ĐMCS
Thăm sát đồng bào tại Huế? ĐMCS
Tao đéo chịu làm nô lệ. ĐMCS*

Tụi mày sẽ sớm bị lật. ĐMCS

Tất cả sẽ biết sự thật. ĐMCS.

-Người dân miền Bắc cũng đổ xô tìm đường vượt biên

Sau năm 1975, khi đã nhận ra được bộ mặt trơ trẽn và dối trá của ông Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam, người dân miền Bắc cũng đổ xô tìm đường vượt biên không thua kém gì người dân ở miền Nam cả. Khách quan mà nói, trong việc tìm đường trốn chạy khỏi nanh vuốt lũ thú rừng cộng sản Việt Nam, người dân miền Bắc thật sự đáng thương hơn người dân miền Nam rất nhiều, vì ít ra người dân miền Nam cũng đã được hưởng tự do, dân chủ và no ấm dưới thể chế pháp trị VNCH đã hơn hai mươi năm (1954-1975). Còn người dân miền Bắc đã phải sống dưới chế độ độc tài đảng trị và lường gạt gần ba mươi năm (1945-1975). Trong thời gian dài sống với bác và đảng, hầu như người dân miền Bắc không có được một ngày nào sống trong tự do, no ấm như người dân miền Nam.

Nếu QCC/VNCH không bị thất trận vào 30-04-1975, thì nhân dân miền Bắc có lẽ đến “Tết Congo” mới nhận ra được “bác và đảng kính yêu” thực chất chỉ là tay sai của Liên Xô và Trung Cộng.

-QCC/VNCH thật sự đã dành được chiến thắng trong chiến bại 30-04-1975

Hơn 500 năm trước Tây Lịch, Tôn Tử, một thiên tài quân sự Trung Hoa, đã nói: ***“Chiếm được thành quách mà không chiếm lòng người thì cũng kể là thất bại”***.

Nhìn lại cuộc chiến sau gần nửa thế kỷ và qua một số ít dẫn chứng kể trên, người ta không thể chối cãi được một điều là, CSVN tuy chiếm được miền Nam, song hoàn toàn không chiếm “lòng người” miền Nam nói riêng và dân

chúng trong cả nước nói chung. Nói khác đi là trong cuộc chiến tranh giữa VNCH và VNDCH ý thức chống cộng để đưa dân tộc Việt đến bến bờ vinh quang là chính nghĩa và mãi mãi sáng ngời. Vào một ngày không xa chắc chắn chế độ cộng sản ở Việt Nam hiện nay sẽ bị tiêu diệt; ông Hồ và các đảng viên đảng Cộng Sản Việt Nam cùng thời với ông sẽ bị lịch sử lên án là những người yêu nước mù quáng nên đã tin tưởng mãnh liệt rằng chỉ có chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa duy nhất có thể giải thoát dân tộc ra khỏi sự áp bức và bóc lột của thực dân Pháp và đưa Việt Nam trở nên giàu mạnh để cùng sánh vai với các nước khác bước vào Thế Giới Đại Đồng. Trong thực tế chủ thuyết này đã làm cho người dân Việt phải hứng chịu bao nhiêu thảm cảnh đói nghèo, đau khổ và chết chóc.

Chương 15

Cuộc Sống Mới Của Gia Đình Tôi Tại Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ

Vào ngày 25 tháng 3 năm 1987, tôi đến thành phố Okemos thuộc tiểu bang Michigan, nơi gia đình người anh của nhà tôi đang sinh sống. Vào ngày ấy, tôi tự xem mình như một người vừa thoát khỏi Địa Ngục để bước vào miền đất mới có đầy đủ tự do và nhân quyền được tôn trọng. Khi bước vào phi trường Lansing, tôi được gia đình người anh rể cùng bà con thân thuộc đón tiếp. Mặt khác, khi đặt chân lên đất Mỹ, tôi có cảm giác như đang dạo bước nơi mà tôi mơ ước hơn mười năm rồi. Đồng thời, tôi cũng cảm thấy buồn đau, vì Thức - con trai tôi - đã cùng trốn chạy với tôi nhưng đã bị bắt và đang bị giam cầm tù đầy.



Hình minh họa khi tôi vừa tới phi trường Lansing

Vài tuần sau khi đến Michigan, tôi bắt đầu làm công việc rửa chén toàn thời gian cho một nhà hàng để sinh sống và kiếm tiền gửi về giúp vợ con đang sống đói rách như những người ăn xin tại Việt Nam. Đồng thời, tôi cũng được phép nộp đơn bảo lãnh vợ con sang đoàn tụ với tôi tại Hoa Kỳ. Tôi mong muốn họ đến Mỹ càng sớm càng tốt.

Khoảng một năm làm công việc rửa chén, tôi được tổ chức thiện nguyện Lutheran Social Services of Michigan tuyển dụng làm nhân viên tiếp tân. Vài tháng sau, tôi được cơ quan này cho làm cán sự xã hội của Chương Trình Trẻ Vị Thành Niên Tị Nạn Không Có Thân Đi Cùng (Unaccompanied Refugee Minor Program). Chương trình này có nhiệm vụ, chăm sóc các trẻ vị thành niên đến từ Việt Nam, Trung Quốc và Haiti mà không có cha mẹ đi cùng. Trong thời gian này, tôi cũng theo học tại Lansing Community College, nơi tôi tốt nghiệp bằng Associate Degree in Applied Science.

Năm 1992, vợ tôi là Lê Thị Nguyệt Hồng, con trai tôi là Vũ Huy Thức và con gái tôi là Vũ Kim Chi đã được Sở Di Trú Hoa Kỳ chấp thuận cho đoàn tụ và định cư với tôi tại Hoa Kỳ. Năm 1999, người con trai trưởng của tôi là Vũ Huy Thông cùng vợ và con gái cũng được Cơ Quan Di Trú Hoa Kỳ cho đoàn tụ với chúng tôi tại Lansing Michigan. Toàn bộ gia đình tôi hiện nay đang sống trong tự do tại Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.



Kim-Chi, Nguyệt-Hồng, Thức được đón tiếp tại phi trường Lansing

Sau mười năm làm việc cho LSSM (1988-1999), tôi bị cho nghỉ việc vì ngân sách của chương trình Unaccompanied Refugee Minor Program bị cắt giảm. Vài tháng sau, tôi được Home Depot tuyển dụng làm nhân viên bán hàng. Tôi làm việc cho công ty này đến khi nghỉ hưu vào năm 2001.

Tôi đã dùng thời gian nghỉ hưu để chăm sóc nhà tôi, vì nhà tôi đã được chẩn đoán mang bệnh Parkinson. Tuy căn bệnh này không đe dọa đến tính mạng, nhưng đã gây cho nhà tôi rất nhiều đau đớn và khó chịu. Đồng thời tôi cũng dùng thời gian này để viết sách và hồi ký và chăm sóc vợ tôi. Vào thời gian này, tôi đã hoàn thành và xuất bản bốn cuốn sách:

- **Quê Hương Niềm Đau và Nỗi Nhớ**
- **A Dangerous Journey from Vietnam to America for Freedom**
- **The Serious Crimes of Ho Chi Minh and the Vietnamese Communist Party against the Vietnamese.**
- **Quê Tôi Nỗi Buồn Còn Đó**

Tôi đã hoàn tất cuốn thứ năm, có tựa đề là: **Chìm Nổi Giạt Trôi Trên Dòng Sông Lịch Sử Quê Hương**, nhưng chưa có điều kiện thuận lợi để xuất bản. Tôi năm nay

cũng đã ngoài 90 nên cuốn sách này có thể là cuốn sách cuối cùng của đời tôi

Tôi tuyên thệ trở thành công dân Hoa Kỳ vào năm 1993, và tôi đã xem đất nước này như quê hương thứ hai của mình. Từ ngày tôi đặt chân lên đất Mỹ cho đến nay là gần 40 năm. Tôi cảm thấy vô cùng hạnh phúc khi trở thành một công dân Hoa Kỳ.

Theo quan điểm của tôi, “Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ” là một quốc gia được hình thành bởi sự kết hợp bởi nhiều tiểu bang trên vùng đất châu Mỹ, và xứng đáng là quốc gia lãnh đạo thế giới. Càng sống tại đây, tôi càng yêu mến đất nước này hơn. Có nhiều lý do khiến tôi yêu và ngưỡng mộ Hoa Kỳ:

-Đất nước này được hình thành bởi nhiều dân tộc khác nhau đến từ nhiều quốc gia trên thế giới. Những con người ấy có thể không yêu quê hương nguyên thủy của họ, nhưng rõ ràng họ yêu Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

-Đất nước này có một thể chế chính trị ổn định nhất thế giới. Người dân Mỹ dường như luôn bầu chọn đúng người thích hợp vào những vị trí công quyền để lãnh đạo đất nước.

-Người Mỹ là người giàu lòng vị tha. Vì thế, họ là những người có thể hy sinh tính mạng và tài sản của mình cho sự an toàn của người dân ở các quốc gia khác trên thế giới. Một quốc gia hèn nhát và ích kỷ không thể làm được điều đó.

-Những người lính Mỹ đã hy sinh tất cả không chỉ để bảo vệ nền độc lập, tự do, dân chủ và hạnh phúc của đất nước họ mà còn cho các quốc gia khác trên thế giới. Sự hy sinh của người Mỹ cho các quốc gia khác có thể được tổng kết như sau:

<u>War</u>	<u>Date</u>	<u>Deaths</u>	<u>Wounded</u>	<u>Total Count</u>
World I	1917-1919	116,516	204,002	320,518
World II	1941-1945	416,800	670,840	1,076,245
Korean	1950-1953	36,516	92,134	128,650
Vietnam	1955-1975	58,209	135,303	211,454
Gulf	1990-1991	285	849	1,231
Iraq	2003-2011	4,477	31,965	36,965
Afghan	2002-present	1,803	9,971	12,035

-Người dân Mỹ có tinh thần cao thượng và sức mạnh đạo đức. Một ví dụ sống động là chuyến bay số 93 của hãng United Airlines vào ngày 11 tháng 9 năm 2001. Chiếc máy bay cất cánh từ phi trường Newark thuộc tiểu bang New Jersey đi San Francisco bang California lúc 8 giờ 42 sáng, với ba mươi tám hành khách, năm tiếp viên hàng không và hai phi công. Khoảng 9 giờ 27 sáng, máy bay bị bốn tên khủng bố không tặc chiếm giữ. Mục đích của chúng là cướp chiếc máy bay này rồi lái đi Washington D.C. để đâm vào một tòa nhà của chính phủ liên bang nhằm phá hủy tòa nhà nào đó của chính phủ Hoa Kỳ.

Vào lúc đó, đã có nhiều cuộc gọi bằng điện thoại di động giữa các hành khách trên máy bay với thân nhân và bạn bè của họ. Qua những cuộc gọi ấy, các hành khách và tiếp viên biết rằng đã có hai máy bay bị không tặc; một chiếc đã đâm vào Trung Tâm Thương Mại Thế Giới ở New York và chiếc kia đâm vào Ngũ Giác Đài tại Washington. Vì vậy, những người trên máy bay này hiểu rất rõ rằng chiếc máy bay của họ đã đổi hướng để lao vào một tòa nhà nào đó của chính phủ Hoa Kỳ tại Washington D.C. Do đó, họ nhận ra cái chết đang chờ đợi họ phía trước, nên họ đã cùng nhau đi đến một quyết định cương quyết: Thà chết chung với bọn không tặc còn hơn để chúng giết thêm nhiều người khác và phá hủy thêm tài sản quốc gia. Nói cách khác, các hành khách trên chiếc máy bay ấy biết rằng sớm muộn gì họ cũng

sẽ chết, nên họ đồng ý chết chung với bọn không tặc chứ không để chúng giết thêm nhiều người và gây thêm thiệt hại cho tài sản nước Hoa Kỳ.

Tóm lại, tôi yêu Hoa Kỳ và xem đất nước này là quê hương của tôi và tôi cũng niềm tin mãnh liệt rằng HK là một quốc gia dân chủ vào bậc nhất và rất xứng đáng là một quốc gia lãnh đạo các quốc gia khác trên Thế Giới.

Trong thời gian sống trên đất nước HK, tôi đã nhiều lần tham gia bầu cử Tổng Thống và quốc hội HK, nên tôi cũng đã nhận ra và tin rằng người dân HK luôn luôn bầu chọn đúng người có tài có đức để bầu làm Tổng Thống. Song rất tiếc, trong những năm gần đây, niềm tin của tôi đã dần dần lạt phai.

Vào cuối năm 2019, niềm tin của tôi đã giảm đi khá nhiều, vì tôi không ngờ là người dân Hoa Kỳ đã bầu chọn **Donald John Trump**, một gian thương trốn thuế đã 6 lần khai phá sản và có biệt tài dối trá làm Tổng Thống thứ 45 của HK. Tuy nhiên niềm của tôi vào năm 2019 không được đậm nét cho lắm. Song đến cuộc bầu cử TT/HK vào cuối năm 2023, Trump lại được dân Mỹ bầu làm TT thứ 47 thì niềm tin này đã trở nên vô cùng đậm nét. Nó đậm nét đến nỗi làm tôi nhớ đến những sự kiện đã xảy ra ở Việt Nam nhiều năm về trước:

-Thi sĩ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu:

Trong bài thơ có tựa đề “**Xem tiểu thuyết 'Tờ chúc thư' cảm đề**”, đăng trên *An Nam tạp chí* số 8 năm 1927, thi sĩ Tản Đà viết:

*"Cũng bởi thằng dân ngu quá lộn
Cho nên quân nó dễ làm quan"*

Câu thơ của thi sĩ Tản Đà viết về người Việt Nam vào năm 1927 không ngờ lại đúng với người Mỹ vào năm 2026.

-Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu:

Trong một số bài diễn văn chính trị khi còn tại chức (1967–1975). Tổng Thống Thiệu đã nhiều lần nói với dân chúng miền nam Việt Nam rằng: "*Đừng nghe những gì cộng sản nói, hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm*". Hiện nay dân chúng Mỹ cũng bảo nhau rằng: "***Don't listen to what the President Trump say; look at what the President Trump do.***"

-Nhà văn Nguyễn Văn Khải, một đại tá Quân Đội của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã phát biểu: "*Người Cộng Sản nói dối lem lém, nói dối lì lợm, nói dối không hề biết xấu hổ và không hề run sợ...*" Những người Mỹ gốc Việt không phải là MAGA hiện đang sống tại Hoa Kỳ cũng đã thay thế cụm từ “Người Cộng Sản” bằng cụm từ “President Trump” nên câu nói của nhà văn Nguyễn Văn Khải đã biến thành: "***Communists lie glibly, lie stubbornly, lie shamelessly, without the slightest sense of embarrassment or fear.***"

Tôi thật không ngờ những điều tồi tệ ấy đã xảy ra ở Việt Nam, một quốc gia được coi là còn chậm tiến cũng là quê hương thứ nhất của tôi nhiều năm trước đây, lại xảy ra ở Hoa Kỳ vào thập niên 2020, quê hương thứ hai của tôi, một quốc gia được coi là tiên tiến nhất thế giới hiện nay. Tôi cũng tin rằng rồi đây Quốc Hội Hoa Kỳ chắc chắn sẽ phải có Tu Chánh Án Hiến Pháp thứ 28, 29 hay 30 gì đó để ngăn chặn nước Mỹ có thể có một vị Tổng Thống thứ II tồi tệ như Donald Trump.

Tôi đã sống trên đất nước Hoa Kỳ đã gần 40 năm rồi và tôi đã nhận nơi đây là quê hương thứ hai của tôi. Tuy nhiên, Việt Nam luôn luôn trong trái tim tôi, bởi đó là nơi tôi sinh ra và đã sống hơn năm mươi năm với biết bao kỷ niệm vui buồn trong thời thơ ấu, trường học, quân đội, các trại tù cải tạo, và cũng là nơi phần mộ tổ tiên cùng linh hồn của họ vẫn còn hiện hữu. Vì lẽ đó Việt Nam vẫn luôn luôn đậm nét trong tôi.

Tôi rời quê hương gần 40 năm trước, nhưng vẫn còn có những đêm tôi gặp ác mộng về thời gian gia đình tôi đang bị đấu tố trong cuộc Cải Cách Ruộng Đất cũng như thời gian tôi bị giam giữ trong các trại cải tạo của Cộng Sản Việt Nam. Trong những giấc mơ ấy, tôi tưởng như tôi còn đang sống ở Việt Nam, khiến tôi lo sợ đến mức đổ mồ hôi ướt đầm người.

Đã gần 40 năm sống tại Mỹ kể từ ngày rời Việt Nam, nhưng tôi chưa bao giờ trở về thăm quê hương. Lý do tôi không muốn trở về không phải vì tôi không yêu quê hương, mà vì không muốn rơi vào tâm trạng đau buồn như nhà thơ Trần Dần:

*Tôi bước đi không thấy phố không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ.*

Khi rời quê hương đi tìm tự do tôi đã viết một câu thơ lục bát và coi như lời thề cho cuộc đời lưu vong của mình:

*Ra đi mang nặng lời thề
Khi còn cộng sản chẳng về thăm quê*

Cuối cùng, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đến thân nhân và gia đình của 58.195 quân nhân nam nữ thuộc Quân Lực Hoa Kỳ đã đến Việt Nam và hy sinh tính mạng để giúp nhân dân chúng tôi đấu tranh chống chủ nghĩa cộng sản vì tự do, dân chủ và nhân quyền.

Tên tuổi của họ không chỉ được khắc sâu trên Đài Tưởng Niệm Cựu Chiến Binh Việt Nam tại thủ đô Washington D.C., mà còn được khắc sâu trong trái tim của tất cả những người lính còn sống sót của Việt Nam Cộng Hòa, trong đó có tôi, cũng như toàn thể những người Việt Nam quốc gia. Sự hy sinh của họ cho đất nước chúng tôi là món nợ tình thần to lớn mà dân tộc chúng tôi không bao giờ có thể đền đáp trọn vẹn được. Vì vậy, chúng tôi phải mãi mãi giữ nó **“at the bottom of our heart”**.

Tóm lại, nhờ sự giúp đỡ của chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ mà gia đình tôi và tôi đã thoát khỏi sự cai trị tàn bạo và khắc nghiệt của Đảng Cộng sản Việt Nam và được sống hạnh phúc dưới bóng tượng Nữ Thần Tự Do. Nhân dịp này, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của gia đình tôi đối với chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ vì đã giúp đỡ và cho phép chúng tôi được định cư tại quốc gia hùng mạnh và thịnh vượng này.

Ăn Tết Nguyên Đán Việt Nam Tại Hoa Kỳ

Mặc dù gia đình tôi đã sống ở nước Mỹ gần 40 năm, song cứ vào đầu năm âm Âm Lịch, gia đình tôi nói riêng và người Việt nói chung vẫn đón mừng Tân Niên Âm Lịch theo truyền thống văn hóa của người Việt Nam. Hàng năm, khi thấy người Mỹ chuẩn bị lễ Giáng Sinh và Tết Dương Lịch, thì nỗi nhớ quê hương của người Việt Nam tại HK lại trào dâng và làm chúng tôi nhớ đến Tết Nguyên Đán ở nơi quê nhà.



Cháu gái và cháu trai của tôi trong bộ áo dài truyền thống Việt Nam

Đối với người Việt Nam, Tết Nguyên Đán là cái Tết truyền thống nổi bật nhất đã thấm sâu vào trái tim và tâm trí của họ. Do đó, dù sống ở bất cứ nơi nào trên thế giới, người Việt Nam cũng không thể quên việc ăn Tết Nguyên Đán.

Ở Việt Nam, Tết đầu năm Âm Lịch được gọi là “Tết Nguyên Đán”. Tết có nghĩa là lễ hội; Nguyên có nghĩa là khởi đầu; Đán có nghĩa là buổi sáng sớm đầu tiên của năm. Một điều quan trọng bạn cần biết về năm Âm Lịch là: Mỗi năm âm lịch được đặt tên theo chu kỳ hay con giáp của mười hai con vật: Tý hay Chuột, Sửu hay Trâu, Dần hay Cọp, Mão hay Mèo, Thìn hay Rồng, Tị hay Rắn, Ngọ hay Ngựa, Mùi hay Dê, Thân hay Khỉ, Dậu hay Gà, Tuất hay Chó, và Hợi hay Heo. Ngày đầu tiên của năm âm lịch có thể rơi vào bất cứ ngày nào từ 20 tháng Giêng đến 19 tháng Hai của năm Dương Lịch. Lý do của sự khác biệt này là vì 12 tháng của năm Âm Lịch, tháng đủ có 30 ngày, tháng thiếu có 28 hoặc chỉ 29 ngày, và không có tháng nào có 31 ngày.

Ngày nay trên thế giới chỉ còn ba quốc gia là Việt Nam, Trung Quốc và Hàn Quốc vẫn còn đón Tết Nguyên Đán, nhưng họ không ăn Tết theo cùng một cách. Đối với đa số người Việt Nam, Tết là ngày lễ ăn mừng lớn nhất trong năm. Đây là dịp để các thành viên trong gia đình đoàn tụ, tưởng nhớ tổ tiên, nghỉ ngơi sau những ngày lao động vất vả và lên thêm một tuổi mới. Đối với người Việt Nam, Tết là sự kết hợp của Lễ Tạ Ơn, Giáng Sinh, Tết Dương Lịch và Sinh Nhật.

Thật không dễ để hiểu tại sao ngày đầu năm Âm Lịch người Việt lại coi là ngày sinh nhật của mọi người. Cách tính tuổi của người Việt Nam ngày xưa là tính theo năm sinh mà không tính theo ngày và tháng như cách tính tuổi của Phương Tây. Một đứa bé sinh vào năm Âm Lịch nào thì mang tuổi

của năm Âm Lịch đó. Thí dụ một em bé sinh vào năm Tý, thì em bé đó mang tuổi Tý và được kể là 1 tuổi, không cần biết đến ngày và tháng em bé đó đã sinh ra. Khi bước sang năm kế là năm Sửu em bé đó được coi là đã lên 2 hay 2 tuổi. Vì lẽ đó, nếu một em bé sinh vào ngày cuối cùng của năm Tý Âm Lịch thì bước sang ngày đầu năm của năm kế là năm Sửu thì em bé đó đã 2 tuổi. Dù trong thực tế em bé mới sinh ra có 2 ngày.

Theo truyền thống, việc ăn Tết kéo dài 7 ngày. Ở nhiều vùng nông thôn ngày xưa Tết Nguyên Đán kéo dài cả tháng. Hiện nay ngày tết chính thức chỉ kéo dài ba ngày. Vào dịp nghỉ Tết, tất cả các công sở và cửa tiệm tư nhân đều đóng cửa, mọi hoạt động kinh doanh tư nhân đều tạm ngưng. Người giàu cũng như người nghèo ở thành thị cũng như nông thôn, tất cả đều long trọng đón Tết.

Việc chuẩn bị cho Tết dài ngày không thể làm trong một ngày. Hầu hết các gia đình Việt Nam dành nhiều tuần trước đó để chuẩn bị Tết. Khoảng một tháng trước Tết, giá cả mọi thứ đều tăng lên. Người ta đi chợ mua quần áo mới, nón mới, giày mới v.v... cho bản thân và các thành viên trong gia đình. Họ mua thịt, cá và rau quả để chuẩn bị nấu những món ăn đặc biệt. Hầu hết các gia đình Việt Nam đều mua nếp, đậu xanh và thịt heo để làm bánh chưng. Loại bánh truyền thống này cần phải nấu khoảng 10 tiếng hoặc hơn mới chín kỹ.



Bánh Chưng

Một tuần trước Tết, nhà cửa được dọn dẹp từ trên xuống dưới để loại bỏ mọi điều xui rủi của năm cũ. Cửa ra vào, cửa sổ và tường được sơn sửa. Bàn ghế được lau chùi. Đồ đạc trong nhà được sắp xếp gọn gàng và ngăn nắp.

Bảy ngày trước Tết, người ta làm lễ tiễn Ông Táo về Trời. Theo truyền thuyết, mỗi nhà đều có Ông Táo riêng. Vào ngày 23 tháng Chạp Âm Lịch, Ông Táo phải trở về Trời để báo cáo với Ngọc Hoàng mọi việc xảy ra trong gia đình mà ông ta có trách nhiệm theo dõi. Sau khi hoàn tất bản báo cáo, ông Táo phải trở lại trần gian trước đêm Giao Thừa để tiếp tục nhiệm vụ theo dõi của mình trong năm mới.

Vài tuần trước Tết, nhiều chợ hoa đặc biệt được mở ra và đủ loại hoa được bày bán. Những loài hoa được người Việt yêu thích nhất trong dịp Tết là hoa Mai và hoa Đào. Mai cho hoa màu vàng và Đào cho hoa màu hồng. Những loài hoa này thường nở đúng vào dịp Tết. Hầu hết người Việt tin rằng đó là điềm lành cho gia đình nếu hoa Mai trong nhà nở rộ đúng vào sáng mùng Một Tết.

Dường như Tết và Mai ở quê hương tôi luôn đi đôi với nhau. Vì thế, khi còn là học sinh trung học, vào dịp Tết tôi đã làm một bài thơ rằng:

*“Tết không Mai nào ai biết Tết
Mai không Tết nào ai biết Mai.”*



Mai Flower



Dao Flower

Hầu hết người Việt đi chợ Tết không chỉ để mua hoa mà còn để thuê ông đồ viết câu đối trang trí nhà cửa và bàn thờ.



Cụ Đồ viết câu đối

Câu đối thường gồm hai hàng chữ viết theo chiều dọc trên hai mảnh giấy màu riêng biệt. Nội dung đôi câu đối thường nói về tài lộc, sức khỏe, hạnh phúc và trường thọ mà một gia đình hy vọng và mong đợi. Dưới đây là một ví dụ về câu đối:



Vài ngày trước Tết, hầu hết các gia đình Việt Nam dựng “cây nêu” trước sân nhà. Đó là một cây tre dài, cành và lá đã bị loại bỏ, ngoại trừ một chùm lá ở ngọn. Thân cây nêu được trang trí bằng những dải giấy đỏ và bùa màu vàng. Theo truyền thống Phật giáo, cây nêu là dấu hiệu cảnh báo ma quỷ rằng:

“Đây là đất Nhà Phật, rút ra khỏi nơi đây ngay!”

Vài ngày trước Tết, các thành viên trong gia đình tụ họp lại không chỉ để làm bánh chưng mà còn để nấu những món ăn đặc biệt như thịt kho hột vịt, thịt đông, làm dưa cải, dưa hành, dưa kiệu, dưa giá v.v... Lý do họ làm như vậy là để tiết kiệm thời gian trong việc nấu nướng và dành thời gian cho việc đi nhà thờ, chùa chiền, đền miếu cũng như thăm viếng hay tiếp đón bà con và bạn bè vào ngày tết.

Nhân dịp Tết, bàn thờ gia tiên được lau dọn cẩn thận và trang hoàng long lẫy, vì đó là nơi đón vong linh tổ tiên trở về đoàn tụ với con cháu trong dịp Tết. Nến, nhang, thức ăn, bánh trái, kẹo mứt, rượu, trà, trầu cau, vàng mã, tiền giấy và trái cây được bày biện đầy đủ trên bàn thờ.

Những loại trái cây thường được đặt trên bàn thờ ngày Tết của người miền Nam thường là mãng cầu, dưa, đu đủ và xoài. Khi đặt bốn loại trái cây này theo thứ tự nói trên, trong một chiếc khay rồi đọc theo cách phát âm của người miền Nam, người nghe sẽ nghe như: **“Cầu - Vừa - Đủ - Sài”**



Vào buổi tối ngày cuối cùng của năm âm lịch, mỗi gia đình Việt Nam thường chuẩn bị một bữa ăn thịnh soạn trên bàn thờ để mời tổ tiên về ăn Tết cùng con cháu. Hầu hết người Việt cho rằng Tết là dịp đoàn tụ gia đình không chỉ cho những người đang sống mà còn cho cả những người đã khuất.

Vào lúc nửa đêm của ngày giữa năm cũ và năm mới, một nghi lễ cổ truyền gọi là **Lễ Giao Thừa** được tổ chức trong mọi gia đình. Vào đúng 12 giờ đêm tất cả trống chiêng ở đình, chùa, đền, miếu đều đánh lên. Pháo treo trước cửa nhà được đốt. Đây là nghi thức truyền thống để tiễn năm cũ, đón năm mới và xua đuổi ma quỷ. Sau nghi thức này, một số thành viên trong gia đình đi nhà thờ, chùa chiền hay đền miếu để cầu xin thịnh vượng và sức khỏe cho gia đình.

Vào sáng mùng Một Tết, một nghi lễ đặc biệt diễn ra. Một bữa ăn thịnh soạn được bày trên bàn thờ. Tất cả các thành viên trong gia đình mặc quần áo mới tụ họp trước bàn thờ gia tiên. Sau khi thắp nến và nhang trên bàn thờ, người đàn ông lớn tuổi nhất trong gia đình khấn vái và mời vong linh tổ tiên về hưởng bữa ăn đầu tiên của năm mới. Sau đó, những thành viên còn lại lần lượt vái lạy tổ trước bàn thờ để tưởng nhớ tổ tiên và những người đã khuất.



Bàn Thờ ngày Tết

Sau đó, các thành viên trong gia đình chuyển sang phòng khách để cho tổ tiên dùng bữa cơm thịnh soạn vào ngày đầu năm không bị con cháu quấy rầy. Trong phòng khách, trẻ em đứng trước ông bà và cha mẹ để chúc họ hạnh phúc, sức khỏe dồi dào và sống lâu. Vào dịp này, con cháu hứa với cha mẹ và ông bà rằng chúng sẽ ngoan ngoãn và học hành chăm chỉ. Đổi lại, người lớn thường cho tiền trẻ em đựng trong những bao nhỏ có màu đỏ. Ở miền Bắc gọi là tiền mừng tuổi; còn ở miền Nam gọi là tiền lì xì. Từ lì xì là tiếng của người Hoa thuộc tỉnh Quảng Đông và cũng có nghĩa là mừng tuổi.

Cuối cùng, mọi người trong gia đình cùng vào phòng ăn để dùng bữa đầu tiên của năm mới.



Trẻ em VN trong bộ áo dài truyền thống

Sau những nghi thức này, trẻ em có thể ra ngoài chơi cùng nhau, xem pháo hoa, múa lân hay múa rồng trên đường phố v.v... Người lớn có thể rời nhà để đi thăm và chúc Tết bà con, hàng xóm và bạn bè. Luôn phải có ít nhất một người lớn ở nhà để tiếp khách đến chúc Tết. Khi gặp nhau trong

dịp Tết, người Việt thường trao cho nhau những lời chúc tốt đẹp và thân tình. Khách thường được mời bánh mứt hoặc hạt dưa.

Người khách đầu tiên bước vào nhà trong dịp Tết được xem là một người rất quan trọng vì có ảnh hưởng tốt hay xấu đối với gia đình trong suốt năm mới. Người đó không chỉ là một vị khách bình thường mà còn là người “xông đất”. Theo truyền thuyết, người khách này sẽ mang may mắn hay xui xẻo đến cho gia đình trong năm mới. Nếu người đó nghèo, gia đình sẽ gặp khó khăn tài chính trong năm mới. Nếu người đó giàu có, gia đình sẽ thịnh vượng trong năm mới.

Để đón nhận mọi điều may mắn và tránh xui rủi trong năm mới, một số người sắp xếp trước với người mà họ tin là thích hợp nhất để mang may mắn đến cho gia đình. Vì thế, họ nhờ một người bạn hay bà con giàu có và hạnh phúc đến xông đất đầu tiên cho nhà mình. Sự mê tín này được diễn tả qua câu đối phổ biến sau đây:

***Tối ba mươi co cẳng đạp thằng Bần ra cửa
Sáng mồng một dang tay đón ông Phú vào nhà***

Hầu hết người Việt tin rằng những gì họ làm trong ba ngày đầu năm sẽ ảnh hưởng đến cả năm còn lại. Vì vậy, họ tránh nổi giận, cư xử thô lỗ, nói lời xấu xa, vay mượn tiền bạc v.v... Một số gia đình không quét nhà trong ba ngày Tết vì họ tin rằng nếu làm vậy thì tài lộc của năm mới sẽ bị quét đi cùng với rác rưởi.

Trong dịp Tết, múa Rồng hay múa lân thường được biểu diễn trên đường phố. Những con vật bằng giấy này được trang trí rất lộng lẫy và được các vũ công điều khiển. Một

nhân vật rất vui nhộn gọi là Ông Địa, mặc áo cà sa màu vàng nghệ, luôn đi cùng đoàn múa rồng hay múa lân. Khi mời một đoàn múa lân hay múa rồng đến múa trước nhà mình, chủ nhà không chỉ muốn giải trí cho gia đình và hàng xóm mà còn muốn phô bày quyền lực và sự giàu có của mình.



Hình minh họa múa Rồng và múa Lân

Vào ngày cuối cùng của Tết, một bữa ăn thịnh soạn lại được dâng cúng. Tất cả các thành viên trong gia đình mặc quần áo mới và lại tụ họp trước bàn thờ gia tiên. Gia trưởng thắp nến, đốt nhang và khấn mời tổ tiên dùng bữa cuối cùng với gia đình trước khi trở về phần mộ. Sau khi nhang cháy hết, tất cả vàng mã, tiền giấy và những vật tượng trưng tài sản của những người đã quá vãng được mang ra sân trước nhà để đốt.

Theo truyền thuyết của người Việt, một khi vàng mã được đốt chúng sẽ trở thành vàng bạc thật đối với linh hồn của người đã khuất và họ có thể mang theo xuống âm phủ để tiêu xài. Khi những vật được đốt cháy hoàn toàn thành tro, đó là lúc mọi thành viên trong gia đình nói lời tạm biệt với tổ tiên. Sau đó họ cùng trở vào phòng ăn để dùng bữa cuối cùng của ngày Tết.

Ngày nay, phần lớn người Việt sống ở hải ngoại không còn tổ chức Tết long trọng như khi còn ở Việt Nam mà chỉ tổ chức rất đơn giản. Họ tin rằng truyền thống này giúp họ có cơ hội quy tụ đại gia đình và bạn bè, đồng thời truyền lại văn hóa truyền thống Việt Nam cho con cháu mình.



Cháu trai, tôi, con rể, con gái và 2 cháu gái của tôi
đón Tết Con Rồng (1920) tại Macomb Michigan

Lời bạt

Trong cuốn hồi ký này, tôi chỉ viết về những sự kiện hoặc các biến cố lịch sử đã xảy ra tại quê hương tôi, trong đó tôi hoặc là nạn nhân, hoặc là nhân chứng. Nói cách khác đi là tôi đã viết về một giai đoạn lịch sử đau thương của quê hương tôi thông qua những biến cố trong cuộc đời tôi của bản thân tôi.

Tuy nhiên, khi ngồi viết cuốn sách này, tôi đã ngoài 90, vì vậy trí nhớ và sự sáng suốt của tôi có thể đã phần nào bị “oxy hóa” theo thời gian. Do đó, có thể có một số sai sót, hiểu lầm hoặc nhầm lẫn nào đó. Nếu có xin độc giả lượng thứ.

Mặt khác, trong cuốn hồi ký này, tôi đã trích dẫn một số hình ảnh và tài liệu từ nhiều nhà báo, nhà văn, sử gia... mà không xin phép trước. Tôi chân thành mong nhận được sự tha thứ.

Sau khi đọc cuốn sách, nếu quý độc giả có điều gì muốn chỉ bảo hoặc muốn tìm hiểu thêm về một điều nào đó, xin gửi đến địa chỉ điện thư của tôi:

huyvu1525@hotmail.com

Hoặc địa chỉ điện thư của con tôi:

newhomeland@hotmail.com

Xin chân thành cảm tạ.

Vũ Huy Thám

2026

ĐÔI DÒNG VỀ TÁC GIẢ

VŨ HUY THẨM

Sinh năm 1935

- ★ Nguyên quán: Bản Nguyên, Lâm Thao, Phú Thọ
- ★ Di cư vào miền Nam 1955
- ★ Tú Tài Toán I/1957 - Tú Tài Toán II/1958
- ★ Cử Nhân Luật 1964
- ★ *Associate Degree in Applied Science* 1995
- ★ Động viên Khóa 16 Thủ Đức
- ★ Phục vụ tại Tỉnh/Tiểu Khu Châu Đốc 1965-1975
- ★ Bằng Nhảy Dù Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ 1965
- ★ Cấp bậc cuối cùng: Đại Úy
- ★ Tù cải tạo 05/1975 – 02/1980
- ★ Vượt biển đến Nam Dương 1986, đến Hoa Kỳ 1987
- ★ Cán Sự Hội Thiện Nguyên
Lutheran Social Services of Michigan 1988-1998
- ★ Nhân viên bán hàng *Home Depot* 1998-2001

*Hiện đang vui sống với con và cháu
tại bang Michigan.*

